NGUYỄN VĂN TRUNG

CHỦ NGHĨA THỰC DÂN PHÁP Ở VIỆT NAM

THỰC CHẤT và HUYỀN THOẠI

1 VĂN HÓA và CHÍNH TRỊ

NAM SƠN XUẤT BẢN

NGUYỄN - VĂN - TRUNG

Chủ - nghĩa Thực - dân Pháp ở Việt - nam

Thực-chất và Huyền-thoại

I. VĂN-HÓA VÀ CHÍNH-TRỊ

NAM - SƠN XUẤT - BẢN

36, Nguyễn-an-Ninh — SAIGON

LỜI TỰA

Ôn cố nhi tri tân.

Chế-độ thực dân đã cáo chung ở Việt-Nam và đang chấm dứt ở hầu hết các thuộc địa trên thế-giới. Ngày nay, nhìn lại một giai đoạn đất nước bị ngoại bang thống-trị, chúng ta có thể rút ra được một bài học lịch sử về những chế-độ chính-trị.

Thực dân là một hành-động xâm lăng và duy trì sự xâm lăng bằng bạo lực nhằm khai-thác và chiếm đoạt những tài-nguyên của các nước bị thuộc-địa. Đó là một hình thức người bóc lột người, người đè nén người. Cho nên chế-độ thực dân là một chế-độ vô nhân đạo, phi chính nghĩa.

Vì không thể phơi bày tính chất vô nhân đạo một cách trắng trợn, nên chế-độ thực dân phải núp sau những lý-tưởng, những chủ-nghĩa giả dối để huyễn diệu người ta. Có thể gọi những chủ-nghĩa thực dân tạo ra là huyền-thoại.

Nhưng sự bó buộc phải tạo ra huyền-thoại vì thiếu chính nghĩa cũng bày tỏ nhược điểm căn bản của chế-độ thực dân, dù nó có mạnh về quyền lực, võ khí, mưu trí... Chính-nghĩa là cái nền của một chế-độ, không có nền kiên cố thì dù mái tường nhà có chắc chắn đến đâu cũng không thể đứng vững lâu dài được. Trong lịch sử nhân loại, những chế-độ xây trên bạo tàn gian ác đều phải sụp đổ. Đó là một quy luật lịch sử, đồng thời cũng là một chân-lý cho

phép những người bị áp bức tin-tưởng và hy-vọng trong sự chịu đựng và cuộc chiến đấu của họ : một chế-độ bạo tàn gian-ác không phải là một định-mệnh và không thể tồn-tại vĩnh-viễn được.

*

Về chế-độ thực dân Pháp ở Việt-nam, hiện nay chúng ta chưa có những cố gắng biên khảo đầy đủ chính xác. Những vấn-đề lớn cần được khảo sát và đi sâu như : chính sách cai trị của người Pháp, tình trạng kinh-tế, thương nghiệp, y-tế, giáo dục xã-hội, sự hình thành các tầng lớp xã-hội (tư bản, mại bản, công nhân v.v...) lịch sử các phong trào cách mạng Việt-nam, chính sách văn-hóa của người Pháp.

Riêng về văn-hóa, có thể chú trọng vào ba nhiệm-vụ chính : xét lại và phê phán những thành quả hoạt-động của trường Viễn-đông bác cổ ; tìm hiểu những chủ-đích chính-trị trong những sách vở biên khảo rất ít giá-trị nghiên cứu khoa-học, nhưng rất nhiều dụng-ý chính-trị của một số quan lại thực-dân kiêm học giả và sau cùng, giới-thiệu phân-tách cái mà người Pháp gọi là « văn chương thuộc địa » ở Đông dương.

Tập biên khảo này nhằm góp một phần thực hiện nhiệm vụ thứ hai đề ra ở trên. Vì chỉ muốn tìm hiểu những huyền-thoại, nên trọng tâm những suy tưởng của tác giả chủ yếu hướng về phân-tách huyền-thoại hơn là trình bày tổng quát và đầy đủ lịch-sử những tư-tưởng đường lối

chính-trị của Pháp hay của các phong-trào cách-mệnh Việt-nam.

Tác giả nhận định rằng vai trò của những huyền-thoại mà thực dân tạo ra để biện chính cho chế-độ thuộc địa ở Việt-nam chấm dứt sau thời kỳ mặt trận bình dân. Do đó, tác giả không nhắc tới những tư-tưởng chính-trị chỉ đạo những sinh hoạt văn-hóa của các đảng phái, các nhóm văn-đoàn trong thời kỳ sau cùng từ 1936 đến 1945.

Về phía sách báo Pháp thuộc loại biên khảo có dụng ý chính-trị, thực ra cũng khá nhiều, nên tác giả cũng không biết có bỏ sót những tài liệu nào quan trọng liên-hệ đến vấn-đề huyền-thoại ở đây.

Dù sao, khi giới-thiệu luận văn này với các bạn độc giả, tác giả chỉ mong gây được những thắc mắc, làm khởi điểm cho những cuộc bàn cãi, tìm kiếm sâu rộng và đầy đủ hơn sau này.

Tác giả muốn được coi như một người đi đường trong cuộc hành trình tư tưởng. Với người đi đường, tất cả những gì mình thấy, đều chỉ là những nhận định, những giả thuyết, những đầu đề khơi mào câu chuyện, luôn luôn có thể xét lại hay xóa bỏ đi. Tác giả không mong bảo-vệ tư tưởng nhất là những tư tưởng của mình, nhưng tha thiết muốn bảo vệ sinh hoạt tư-tưởng, cho mình và cho mọi người. Đó mới là cái cốt yếu.

Cho nên, qua tập luận văn này, nếu tác giả nêu lên được một vấn-đề, bó buộc được các bạn đọc phản ứng, và

phải bước vào cuộc hành trình tư-tưởng của mình, thì tác giả nghĩ rằng tác giả đã đạt được chủ-đích và có thể coi đó như một phần thưởng cho những cố-gắng của mình rồi.

Muốn hiểu một cách xác đáng những chính sách văn-hóa cũng như tất cả những đường lối chính-trị kinh-tế, giáo dục v.v... của người Pháp ở Việt-nam thời thuộc địa, thiết tưởng điều cốt yếu là phải tra hỏi dự phóng nền tảng *của chế-độ thực dân. Gọi là dự-phóng nền tảng, cái chủ-đích căn bản xác định việc đi thực dân* là *thực dân mà bất cứ chủ-trương gì hay chính-sách nào do thực dân đề ra đều phải nằm trong dự-phóng nền tảng đó. Dự-phóng nền tảng xuất-hiện như thế nào là tùy ở yếu tính, thực chất của nó.*

Vậy sở dĩ không thể có một chủ-trương, một chính sách gì của thực dân, dù được ngụy trang khéo léo đến đâu đi nữa, cũng không thể trái ngược, chống lại với dự-phóng nền tảng của nó, vì chống lại với dự-phóng nền tảng là tiêu diệt thực chất, là chế-độ thực dân tự phủ nhận, không còn phải là thực-dân.

Dự-phóng nền tảng của chế-độ thực dân là khai thác của cải làm giàu và thực chất của nó là bạo-động; bạo-động xâm lăng và bạo-động duy trì xâm-lăng. Cho nên, không nắm được dự-phóng nền tảng, thực chất của chế-độ thực dân không thể thấu hiểu một cách nghiêm chỉnh những chính sách đường lối thực sự của nó thường

đội lốt, trá hình dưới những hình-thức có vẻ mâu-thuẫn với dự-phóng nền tảng, với thực-chất.

Sở dĩ, những chính-sách của thực-dân phải núp dưới những hình-thức có vẻ mâu-thuẫn với thực-chất của nó là vì thực-dân không thể phơi bày một cách lộ liễu thực chất đó.

Một huyền-thoại căn bản nhằm biện-chính hành-động thực-dân là niềm tin tính cách cao-đẳng của người da trắng, của nền văn-minh tây phương và do đó quyền được bá chủ, thống trị các dân-tộc khác.

Khi các nước phương-tây đi chiếm thuộc-địa đều tin-tưởng như thế. Đấy là một huyền-thoại có tính cách vị kỷ. Nó biểu lộ một thái-độ nhận-thức của người còn ở giai-đoạn chỉ biết mình và chưa biết người. Nói cách khác, người đi thực-dân mới đứng ở quan-niệm quyền lợi của mình để biện-chính hành-động thực-dân, biện-chính cho *mình*, với *mình mà thôi.*

Nhưng về sau, trước những chống đối của dư-luận thế giới và nhất là trước những kháng cự của người thuộc địa bản xứ, người thực dân bó buộc phải nghĩ tới người khác. Đó là giai-đoạn họ có ý-thức về tha-nhân (conscience d'autrui). Đến đây, người đi thực dân phải đứng ở cả quan-điểm quyền lợi người thuộc địa để biện-chính hành-động thực dân.

Những huyền thoại khác được tạo ra, như huyền-thoại khai-hóa, Pháp-Việt đề huề, Pháp-Nam hiệp tác, Đông Tây tổng hợp v.v...

Tập biên khảo này chủ yếu nhằm phân tách những huyền-thoại trên.

Xét về nội dung, những huyền-thoại này chẳng có gì đáng để ý. Nhưng nếu tìm hiểu chúng ta đã hình thành trong một hoàn-cảnh chính-trị nào và nhằm đưa tới những tác dụng gì, vấn-đề trở thành lý-thú và đáng được nghiên-cứu.

Vì những huyền-thoại được tạo ra do những chống đối của người bản xứ, nên phải tìm hiểu xem thực dân đã phê phán và đánh giá thế nào những phong-trào cách-mạng Việt-nam... Tác giả trình bày một lối nhìn cách-mạng Việt-nam theo con mắt của người Pháp và thử đưa ra một vài nhận định giải thích lối nhìn đó. Nếu thực sự đó là lối nhìn của người Pháp, người ta sẽ thấy được nó sâu xa hay nông cạn ở điểm nào đồng thời cũng thấy được đâu là chỗ mạnh, yếu của những phong trào cách-mạng Việt-nam.

Nhưng trong cuộc giao tranh giữa thực dân và cách mạng, chỗ yếu của thực dân lại chính là chỗ mạnh của cách-mạng và đó là chỗ then chốt quyết-định thắng bại. Thực dân cố tìm cách che dấu chỗ yếu của mình, nhưng càng che dấu, càng để lộ cái muốn che dấu ; sau cùng những huyền thoại được bày ra để che dấu lại tạo điều-kiện đánh đổ thực-chất và tiêu diệt huyền-thoại. Huyền-thoại tự xây mồ chôn mình và mồ chôn luôn cả chế-độ thực-dân.

Đó là số phận những huyền-thoại của chủ-nghĩa thực dân đồng thời cũng là số phận của chính chế-độ thực dân.

tháng 5-1963

MỤC-LỤC

Lời tựa.

CHƯƠNG I.— **THỰC-CHẤT CỦA CHẾ-ĐỘ THỰC-DÂN.**

I) THỰC-CHẤT.

— Bạo-động để xâm lăng
— Bạo-động để duy-trì thuộc địa

II) THỰC-DÂN.

— Một hành-động tha-hóa con người
Ngôn-ngữ, văn-chương, bạo-động
Trường-hợp Pierre Loti

CHƯƠNG II.— **NHỮNG HUYỀN-THOẠI CỦA CHỦ-NGHĨA THỰC-DÂN.**

I) KHÁI-NIỆM HUYỀN-THOẠI.

— Định nghĩa huyền-thoại
— Cách cấu tạo huyền-thoại
— Xã-hội và huyền - thoại

II) NHỮNG HUYỀN-THOẠI CỦA CHỦ-NGHĨA THỰC-DÂN :

— Giai đoạn chuyển tiếp
LYAUTEY
LANESSAN
— Giai-đoạn huyền-thoại
— Albert Sarraut, huyền-thoại khai-hóa
— Huyền-thoại Pháp-Việt đề huề

CHƯƠNG III.— **CHỖ YẾU, MẠNH CỦA NHỮNG PHONG-TRÀO CÁCH-MẠNG VIỆT-NAM**

— *Giai-đoạn I. Hệ tư-tưởng quân chủ phong kiến*

— *Giai-đoạn II. Hệ tư-tưởng phản đế bài phong có tính cách hình-thức.*

— *Giai-đoạn III. Hệ tư-tưởng phản đế, bài phong có nội dung thực sự.*

CHƯƠNG IV.— **NHỮNG MÂU-THUẪN GIỮA THỰC-CHẤT VÀ HUYỀN THOẠI**

— *Mâu-thuẫn giữa thực-dân với thực-dân*

— *Huyền-thoại chống lại thực-chất*

— *Sự sụp đổ của những huyền-thoại*

Lời kết.

CHƯƠNG I

THỰC-CHẤT CỦA CHẾ-ĐỘ THỰC-DÂN

I

THỰC-CHẤT

TRONG cuộc chiến-tranh Việt-Pháp vừa qua, tôi đã có nhiều dịp thảo-luận với một số người Pháp về cuộc tranh-đấu dành độc-lập của người Việt-Nam bằng võ-lực. Tôi còn giữ một cảm-tưởng sâu-đậm qua nhiều buổi thảo-luận này là không thể làm cho những người Pháp đó hiểu được vấn-đề, mặc dầu những người Pháp tôi đã gặp là ở nước Pháp, rất nhiều thiện-chí và đôi khi giàu lòng quảng-đại nữa, chứ không phải là hạng người Pháp thực-dân ngoan-cố, vị-lợi.

Họ không thể nhìn thấy **thực-chất** vấn-đề thuộc-địa vì tâm-trí bị đầu-độc bởi những hình-ảnh, lý-luận, hệ tư-tưởng mà tôi gọi chung là «*những huyền-thoại*» (1) của chế-độ thực-dân. Nhưng khi họ giác-ngộ, những người Pháp đầy thiện-chí và giàu quảng-đại đó sẽ không ngần-ngại về phe chúng ta và tranh-đấu ủng-hộ lý-tưởng của chúng ta như trường-hợp François Mauriac chẳng hạn. Tuy nhiên, chính François Mauriac cũng đã thú-nhận, sự giác-ngộ thật rất khó-khăn, khi cả đời đã chỉ được dạy-dỗ ở nhà trường, đã chỉ được đọc, nghe những sách-vở báo-chí trình bày thuộc-địa qua những «*huyền-thoại*».

Do đó, trước một bất-lực không thể «*giác-ngộ*» người Pháp tôi thường thầm nghĩ rằng chỉ có một cách làm cho họ hiểu là «Đánh». Chế-độ thực-dân đã thành-hình và được duy-trì bằng bạo-động ,thì cũng chỉ có thể bị tiêu-diệt bằng bạo-động và khi thực-chất đã bị tiêu-diệt thì những «*huyền-thoại*» cũng tất-nhiên đổ vỡ. Lúc đó họ sẽ hiểu.

Ngày nay, trên thế-giới vấn-đề thuộc-địa đã hầu như trở thành một sự-kiện lịch-sử. Nói đúng hơn, công-cuộc giải-thực (décolonisation) về chính-trị đang đi vào giai-đoạn chót và đã bước

---

(1) Sẽ trình bày khái-niệm này ở chương hai.

vào giai-đoạn hai là giải-thực về kinh-tế, xã-hội... Người Âu-châu bây giờ đã hiểu, không ai còn nói tới hay dám bênh-vực chế-độ thực-dân bằng những *«huyền-thoại»* nữa. Do đó sự suy-nghĩ về thực-dân và những huyền-thoại của nó ở đây không nằm trong một chủ-đích tranh-đấu nhằm chấm-dứt chế-độ thực-dân và tiêu-diệt *«những huyền-thoại»* của nó, vì bây giờ nhiệm-vụ tranh-đấu đã hoàn-thành và chế-độ thực-dân không còn nữa. Sự suy-nghĩ dưới đây chỉ là một nỗ-lực nghiên-cứu về một vấn-đề văn-hóa bao-hàm một ý-tưởng nhân-bản ; do đó tính-chất của công-trình biên-khảo này là một suy tưởng triết-lý, tuy vẫn dựa vào lịch-sử. Tôi có ý nói rằng tôi không phải là một nhà sử-học, nhưng chỉ muốn căn-cứ vào lịch-sử để thử nhìn một vài vấn-đề về con người trong một viễn-tượng triết-lý, nghĩa là trong những chiều-hướng đụng tới những khía-cạnh sâu xa và trường-tồn nhất của con người.

*

Khi trở lại thời Pháp-thuộc ở nước ta, chúng ta thấy người Pháp đã thường đưa ra những lý-tưởng, những sứ-mệnh. những bổn-phận rất cao-cả, linh-thiêng để biện-hộ cho chế-độ thuộc-địa của họ. Người Việt-nam sáng-suốt, ngay trong thời-kỳ nô-lệ đều biết đó chỉ là lừa-bịp và không thể tin được. Nhưng chưa ai đi sâu vào vấn-đề thuộc-địa về phương-diện hệ-tư-tưởng của họ. Nói cách khác, chưà có một công-trình nghiên-cứu để xét xem những hệ-tư-tưởng ấy chỉ là *«huyền-thoại»* mà thực-dân đề ra đã góp phần vào việc bảo-vệ, củng-cố, duy-trì chế-độ thực-dân, đồng thời, một mặt khác, xét xem chính những *«huyền-thoại»* đó ngược lại, đã tạo những điều-kiện lũng-đoạn đưa tới chỗ đánh-đổ chế-độ thực-dân và do đó đưa tới chỗ huyền-thoại tự tiêu-diệt như thế nào. Đặt trong viễn-tượng đó, vấn-đề thật đáng cho ta chú-ý tìm-hiểu.

Tại sao chế-độ thực-dân có những huyền-thoại ? Phải chăng, một cách sâu-xa hơn nữa, chế-độ thực-dân, trong **dự-phóng căn-bản** của nó, bó-buộc phải tạo ra huyền-thoại ? Dự-phóng căn-bản là cái làm cho chế-độ thực-dân có thể tồn-tại và tồn-tại **theo** yếu-tính của nó. Yếu-tính của chế-độ thực-dân là gì, lát nữa tôi sẽ xin bàn tới. Định-nghĩa một cách hình-thức, yếu-tính là cái xác-định

một sự, một vật là nó và không thể là khác mà không tự phủ-nhận. Vậy có phải yếu-tính hay thực-chất của chế-độ thực-dân là gắn liền với huyền-thoại ? Tại sao ? Từ vấn-đề chủ-chốt đó, có thể suy-nghĩ tới những vấn-đề liên-hệ : Những huyền-thoại đã được thành hình thế nào ; chế-độ thực-dân ở Việt-Nam có những huyền-thoại gì và sau cùng những huyền-thoại phải đi tới chỗ xụp-đổ làm sao ? Có một **biện-chứng thực-chất huyền-thoại** và có thể căn-cứ vào lịch-trình của biện-chứng đó để tìm hiểu lịch-sử chế-độ thực-dân Pháp ở Việt-nam qua những giai-đoạn chinh-phục, duy-trì, phát-triển và suy-xụp của nó.

Điều làm cho ta chú-ý khi tìm-hiểu những huyền-thoại của chủ-nghĩa thực-dân là ở giai-đoạn chinh-phục, lúc người Pháp mới sang, chưa thấy nói tới sứ mệnh, bổn phận gì cả. Vấn-đề ý-thức-hệ, chủ-nghĩa về thực-dân chỉ đặt ra sau này. Cũng như chế-độ tư-bản : khi chế-độ này ra đời, có một lý-thuyết, chủ-nghĩa gì đâu. Mãi về sau, khi cần phải biện-hộ để tự-vệ và tồn-tại, mới dần-dần nảy ra một lý-thuyết và do đó biến tư-bản thành một hệ tư-tưởng, một chủ-nghĩa.

Nhận-xét trên đưa chúng ta tới một quyết-đoán quan-trọng trong việc tố-cáo «*tính-cách phi giá-trị* » của những **chủ-nghĩa** tư-bản và thực-dân : Khi những chế-độ tư-bản và thực-dân ra đời, chúng không phải đã xuất-phát từ những lý-thuyết, chủ-nghĩa vì đã rõ, những lý-thuyết, chủ-nghĩa này đã chỉ có về sau này. Do đó chúng ta dễ-dàng nhận ra bộ mặt thực của chế-độ tư-bản hay thực-chất của chế-độ thực-dân là con đẻ của chế-độ tư-bản khi nó chưa được che đậy, quét vôi sơn bóng bằng những hệ-tư-tưởng chỉ là «*huyền-thoại*».

Lịch-sử chế-độ thực-dân Pháp ở Việt-nam, có thể chia làm 2 thời-kỳ :

Thời-kỳ thứ nhất : Từ lúc người Pháp sang xâm-lăng và đặt nền thống-trị ở Việt-nam cho đến 1945.

Lúc đầu, họ để lộ thực-chất của thực-dân. Rồi vì nhu-cầu tự biện-chính để chống lại với những phong-trào chống Pháp dần-dần những «*huyền-thoại*» được tạo ra . . .

Thời-kỳ thứ hai : Lúc người Pháp định trở lại hồi 1945 1946... lại để lộ bộ mặt thực của thực-dân ; và đương-nhiên những huyền-thoại trước 1945 tan biến . . .

Từ 1949-1950 với lá bài Bảo-Đại và sự-kiện quân Trung-cộng tiến tới biên-giới Hoa-Việt, những « *huyền-thoại* » mới ra đời để biện-hộ cho cuộc chiến-tranh mà những người Pháp tiến-bộ hồi đó gọi là một « *chiến-tranh bẩn-thỉu* » (sale guerre) : Nào là bảo-vệ tự-do, dân-chủ, nào là bảo-vệ văn-minh Thiên-chúa-giáo. Nào là sứ-mệnh của một «*Thập-tự-quân*» mới, để chống lại dã-man, mọi-rợ hay lý-tưởng huyền-bí của một thứ «*Thánh-chiến*» v . v. . .

1954 : Mọi sự sụp-đổ. Chế-độ thực-dân cáo-chung. Hết huyền-thoại . . .

Như thế đã rõ là khi người Pháp xâm-lăng đặt nền thống-trị và khi họ trở lại để tái chiếm, duy-trì sự thống-trị, họ không làm vì những mục-đích, lý-tưởng mà chỉ sau này họ mới tạo ra. Nhưng họ đã thực-hiện dự-phóng thuộc-địa theo đúng cái thực-chất của chế-độ thực-dân.

Vậy thực-chất của chế-độ thực-dân là gì ?

BẠO-ĐỘNG ĐỂ XÂM-LĂNG

Thực-dân là hành-động khai-thác bóc-lột kinh-tế bằng bạo-động ; do đó tự bản-chất, nó là một tội-ác, một phi - luân dù các nhà thực - dân hay các học - giả Phương Tây có cố nặn ra những pháp - lý, luân-lý để biện - hộ cho nó cũng không che-đậy nổi cái thực-chất bất-nhân của nó, vì một lẽ rất giản-dị là những người đi thực-dân bất-chấp những luân-lý pháp-lý trên, và trong thực-tế vẫn hành-động theo thực-chất của chế-độ thực-dân.

Cho nên những lý-thuyết, luân-lý, những cuộc thảo-luận về tính-cách hợp-pháp, hợp-lý của chế-độ thực-dân hoàn-toàn là những nguyên-tắc và vô-ích trong lịch-sử chế-độ thực-dân, không bao giờ những nguyên-tắc pháp-lý, luân-lý về thực-dân được tôn-trọng, thực-hiện ; không những vô-ích mà còn tai hại nữa

vì nó trở thành những *«huyền-thoại»* mà bọn thực-dân lợi-dụng để che-đậy tính-cách phi-luân và bất-nhân hành-động thực-dân của họ. Nhưng cũng có những quan cai-trị thực-dân đủ can-đảm nói thẳng ra cái thực-chất của chế-độ thực-dân. Augagneur viết : *« Chúng ta hãy nên thẳng-thắn, cương-trực, chúng ta phải lột cái vỏ giả-dối đi : thực-dân là một việc làm vụ-lợi và không bao giờ là việc làm nghĩa-cử »*.

Maurice Violette cũng nói : *«Chủ-trương rằng hiện-tượng thực-dân là do một ý-tưởng vô-vị-lợi đem reo-rắc văn-minh chỉ-đạo là một giả-hình»*.

Albert Sarraut, một tay thực-dân nổi tiếng là khéo-léo cũng phải thú-nhận : *«Thực-dân, đó là một hành-động bằng võ-lực, vị-lợi, ích-kỷ, do người khoẻ đè-nén người yếu»*.

Khi nói đến chế-độ thực-dân ở Việt-nam, Philippe Devillers đã phơi-bày thực-chất của nó như sau ; « ... *Chính vì một mục-đích kinh-tế mà người Pháp đã đến chiếm-cứ Việt-nam. Điều đó thấy rõ trong mọi bản văn của thời-kỳ thuộc-địa, của Pallu, Grammont, Vial Aubaret, trong những thư-từ và bá-cáo của các quan cai-trị và bộ-trưởng. Gần ta hơn, một đại-diện có thẩm-quyền trong các giới kinh-tế » ông Paul Bernard, mà hai cuốn sách của ông đã là một phân-tách sáng-suốt nhất về những vấn-đề kinh-tế Việt-Nam, cũng viết : Mặc dầu người ta muốn làm ra vẻ sao nhãng, nhưng thực ra không thể chối cãi được rằng mục-đích cốt-yếu của thực-dân trước hết là một mục-đích vật-chất. Mẫu-quốc phải tìm ở thuộc-địa :*

a) một chỗ giải-tỏa số dân đông-đúc và một chỗ tiêu-thụ số hàng-hóa sản-xuất quá dư ;

b) một chỗ để đặt vốn ;

c) một nơi cung-cấp những nguyên-liệu cần cho kỹ-nghệ hay những thực-phẩm mà đất mẫu-quốc không có » (1).

Lời giải-thích của Paul Bernard cho ta thấy hiện-tượng thực-dân gắn liền với chế-độ tư-bản; hay nói một cách khác nó là con đẻ của chế-độ tư-bản. Ở đây thiết-tưởng nên phân-biệt chế-độ thực-

(1) Philippe Devillers. Histoire du Vietnam. Ed. Seuil. trang 31.

dân thoát thai từ chủ-nghĩa tư-bản khác hẳn với công-cuộc thực-dân đã xảy ra trong những thời-kỳ lịch-sử trước khi có chế-độ tư-bản vì những lực-lượng kinh-tế thúc-đẩy những chế-độ thực-dân đó không giống nhau. Cho nên như Baby nói : « *Phải tránh sự so-sánh hời-hợt không làm cho ta hiểu được nội-dung mới của việc bành-trướng thực-dân ở thời-kỳ đế-quốc, nghĩa là ở thời-kỳ tư-bản độc-quyền* » (1).

Trong đà phát-triển của chế-độ tư-bản, người ta nhận thấy một khuynh-hướng tất-yếu tập-trung tư-bản và do đó tập-trung sản-xuất. Càng sản-xuất nhiều, càng đòi-hỏi sự tập-trung thành những xí-nghiệp lớn. Kết-quả là những xí-nghiệp lớn này nắm giữ độc-quyền ít hoặc nhiều ngành sản-xuất. Chế-độ tư-bản chuyển từ tự-do cạnh-tranh sang độc-quyền. Sự phát-sinh ra hiện-tượng độc-quyền là một định-luật nội-tại của chế-độ tư-bản. Bắt đầu chớm nở từ cuối thế-kỷ XIX, giai-đoạn độc-quyền trở thành rõ-rệt từ đầu thế-kỷ XX nhất là sau cuộc khủng-hoảng 1903 khi mà « *các liên-đoàn* » (cartels) trở nên một trong những cơ-sở của toàn-thể sinh-hoạt kinh-tế. Chủ-nghĩa tư-bản biến-thành chủ-nghĩa đế-quốc.

Một nhu-cầu của tư-bản độc-quyền, nhu-cầu giải-thích việc đi chiếm thuộc-địa, là phải giữ lấy càng nhiều càng hay những nguyên-liệu và thị-trường; những nguyên-liệu và thị-trường đã biết là có hay những nguyên-liệu và thị-trường có thể khai-thác và mở-mang về sau được. Vậy các nước tư-bản Âu-châu, khi bước vào giai-đoạn độc-quyền, cũng là lúc chia nhau và tranh nhau đi chiếm thuộc-địa một cách gay-gắt và quyết-liệt hơn thời-kỳ tư-bản tự-do, cạnh-tranh. Trong thời-kỳ này việc đi tìm thị-trường hay thuộc-địa thường chỉ do những «*sáng-kiến tư-nhân*» được sự trợ-cấp và ủng-hộ ít nhiều của chính-quyền, nhà nước. Nhưng sang giai-đoạn tư-bản độc-quyền, vấn-đề nguyên-liệu, thị-trường trở thành một vấn-đề sống còn của sự phát-triển kinh-tế tư-bản, cho nên những thế-lực tư-bản phải gây áp-lực vào chính-quyền, để biến hẳn việc đi chiếm thuộc-địa thành một chính-sách quốc-gia.

---

(1) Jean Baby. Principes fondamentaux d'économie politique. Edit. Sociales trang 309.

Như thế có nghĩa là hiện-tượng thực-dân thực-chất là khai-thác kinh-tế và chủ-yếu là do ý-chí quyết-tâm xâm-chiếm của nước đi thực-dân bằng điều-đình, võ-lực, chứ không phải do những vụng-về, lỗi-lầm của nước bị xâm-chiếm.

Cuộc xâm-lăng Việt-nam của người Pháp cũng không thoát ra ngoài quy-luật chung đó. Ông Lê-thành-Khôi đã viết : « *Cuộc xâm-lược của người Pháp chia thành nhiều giai-đoạn tương-xứng với những thời-kỳ phát triển của tư-bản Pháp và chỉ đứt-quãng bằng những năm rỗng do những biến-cố nội-bộ. Nếu chính-phủ đã giữ một vai trò trội-bật, sự bành-trướng thuộc-địa cũng là do sáng kiến của những cá-nhân hoặc là sĩ-quan hạm hoạt-động, hay là thừa-sai muốn chinh-phục một xứ Phương-Đông cho nước Chúa mở rộng. Chỉ từ 1880 khi tư-bản tiến sang giai-đoạn độc-quyền và lúc bắt đầu có sự chia rẽ thế-giới thành những vùng khai-thác, Chính-phủ Paris, chịu ảnh-hưởng những giới kỹ-nghệ và tài-chính mới đẹm thực-thi một chính-sách thuộc-địa hẳn-hoi*» (1).

Thiết-tưởng không một người Việt-nam nào, khi tìm-hiểu những nguyên-nhân cuộc xâm-lăng của người Pháp, lại nghĩ rằng người Pháp không có ý chiếm đất nước mình và sở-dĩ họ phải chiếm là vì dân-trí ta kém, binh-lực ta thô-sơ, hay là vì những vụng-về, chật-hẹp trong đường-lối ngoại-giao của vua quan ngày xưa ..

Thực ra, chúng ta không chối những sự-kiện trên đã là dịp, cớ cho người pháp xâm-lăng, nhưng chúng ta quả-quyết nguyên-nhân chính thúc-đẩy người Pháp đặt nền đô-hộ ở Việt-nam là ý-chí muốn chinh-phục đất-đai, nguồn-lợi bằng bất cứ cách nào, thương-lượng hay võ-lực, miễn là đạt được mục-tiêu thì thôi.

Những nhà viết sử không phải mất công bao nhiêu để tìm-kiếm những bằng-chứng vì những bằng-chứng đó rất dễ tìm ra. Người Pháp cũng như người Âu-châu nói chung làm gì cũng có giấy tờ, ghi chép lại như thư-tín, bá-cáo, tham-luận ở quốc-hội... và còn có

(1) Lê-thành-Khôi. Le Vietnam. Histoire et Civilisation. Ed. de Minuit. trang 366.

đức-tính là biết giữ-gìn cẩn-thận những sử-liệu đó. Hơn nữa, sau một thời-gian nào đó, họ cũng sẽ can đảm cho công-bố trắng-trợn những thâm-ý, chủ-đích, sự thật về những biến-cố, hành-động mà họ đã chưa thể nói thật khi những sự việc đó còn là thời sự...

Căn-cứ vào những văn-kiện mà một vài nhà viết sử có uy-tín đã dẫn-chứng trong các cuốn sử về Việt-nam của họ mới xuất-bản gần đây (1). Người ta dễ-dàng nhận rõ cái ý-định nhất-quyết chiếm thuộc-địa, mở thị-trường của các cường-quốc Âu-châu, đặc-biệt là sau chiến-tranh nha-phiến. Cái ý-định vẫn có và không thay-đổi; nhưng có lúc các chính-phủ Âu-châu tạm đình-chỉ những mưu-toan xâm-chiếm vì những khó-khăn nội-bộ và có lúc thì quyết-liệt mưu-toan xâm-chiếm. Chính vì thế mà nẩy ra khuynh-hướng giải-thích những cuộc chiến-tranh xâm-lăng là do « *sáng-kiến địa-phương* » (initiatives locales) và đặt chính-phủ trước một sự thể đã rồi, chớ chính-phủ không chịu trách-nhiệm gây ra chiến-tranh. Chẳng hạn việc quân Pháp ra đánh chiếm Bắc-kỳ lần thứ nhất. Luận-điệu trước kia vẫn cho rằng nguyên-nhân cuộc xung-đột này chỉ vì sự vụng-về của chính-quyền Nam-triều ở Hà-nội và thái-độ thiếu khôn-ngoan của Jean Dupuis tên lái buôn và Francis Garnier.

Nhưng sự thực hành-động của Dupuis chỉ là dịp mà Đề-đốc Dupré đại-diện chính-phủ Pháp ở Nam-kỳ bấy giờ đang mong đợi để thực-hiện một xâm-lăng mới.

Theo Chesneaux (2),những giới thương-mãi Pháp bấy giờ không thỏa-mãn về những cơ-sở buôn-bán đặt theo dọc sông Cửu-long vì sông nầy khó đi lại. Trong khi đó, nhiều tài-liệu điều-tra do các Phái-đoàn quan-sát của các giới thương-mãi Pháp ở Lyon, Bordeaux, Marseille, đều cho rằng sông Hồng là một đường giao-thông thuận-lợi hơn cả với Trung-hoa. Nhưng hiện những cửa sông ngòi Bắc-kỳ chưa mở cho lái-buôn Pháp đi lại. Vậy phải làm

(1) Le Vietnam của ông Lê-thành-Khôi ; Contribution à l'histoire de la nation Vietnamienne của J. Chesneaux. Histoire du Vietnam của Philippe Devillers v.v...

(2) Contribution . trang 121.

sao duyệt lại, bằng thương-thuyết hay võ-lực, thỏa-hiệp 1862. Dupré tán-thành ý-kiến đó nên viết thư về Paris : *«Việc chúng ta chiếm đóng một xứ ở cạnh nước Tàu, một xứ là cửa ngõ tự-nhiên của những tỉnh Miền Nam nước Tàu, theo tôi nghĩ là một vấn-đề sống chết cho tương-tai nền thống-trị của ta ở Viễn-đông»*. Sau khi xảy ra vụ lôi-thôi do Dupuis gây nên ở Bắc-kỳ, Dupré sai Francis Garnier ra Bắc, mục-đích chính không phải là để dàn-xếp vụ Dupuis mà là để *«bảo-vệ sự buôn-bán bằng cách buộc phải mở xứ sở và sông ngòi cho mọi nước đi lại, dưới sự bảo-hộ của nước Pháp»*.

Như thế đã rõ là Pháp muốn chiếm Bắc-kỳ như bức điện lần thứ hai Dupré đánh về Paris đã chứng minh : *«Xứ Bắc-kỳ đã mở cửa nhờ công-trình của Jean Dupuis vì tàu-bè của ông ta đã ngược sông Cái đến tận biên-giới Vân-nam. Hậu-quả không thể lường được trong giới thương-mại Anh, Đức, Mỹ. Tuyệt-đối cần thiết phải chiếm Bắc-kỳ trước khi xứ này có thể bị Trung-hoa hay các nước Âu-châu khác xâm-chiếm mất, để đảm-bảo cho nước Pháp con đường độc-nhất này. Không xin viện-trợ gì cả. Tôi sẽ thực-hiện bằng những phương tiện riêng của tôi. Thành-công đảm-bảo» (1)*.

Trong việc này, chính-phủ Pháp đúng thực là chưa muốn *«thôn-tính Bắc-kỳ»* ngay theo công-điện gửi cho Dupré : *«Không được làm cho nước Pháp giây vào việc xứ Bắc-kỳ vì bất-cứ một lý-do hay nguyên cớ gì»*. Sở-dĩ như vậy là vì nước Pháp vừa thua trận (1870) đệ-tam cộng-hòa vừa khai-sinh, còn bận lo chấn-hưng kinh-tế, chỉnh-trang nội-bộ ; tướng-lãnh còn lo tìm cách trả thù Đức hơn là đi viễn-chinh, cho nên chính-phủ dè-dặt và không muốn bành-trướng thêm thuộc-địa. Nhưng không phải vì thế mà chính-phủ Pháp không còn ý muốn bành-trướng thuộc-địa. Chính-sách của chính-phủ Pháp về thuộc-địa ở thời-kỳ xâm-lăng cũng như sau này ở thời-kỳ cai-trị, đều để cho những người đại-diện của họ ở thuộc-địa một tự-do khá rộng-rãi để hoạt-động. Chỉ-thị của Paris thường chỉ tổng-quát như sau : *«Cố giữ thuộc-địa và nếu được, phát-triển thêm. Miễn là làm sao không để mất thuộc-địa»*.

---

(1) Trích lại của Boudet. Lê-thành-Khôi. trang 373.

Thành ra, tuy việc đánh Bắc-kỳ lần thứ nhất là do *«sáng-kiến địa-phương»* nhưng những sáng-kiến địa-phương đó vẫn nằm trong chiến-lược chung về thuộc-địa của chính-phủ Pháp : Dupré tự làm hay chính-phủ Pháp bảo làm thì có thay đổi gì trách-nhiệm về việc làm vì Dupré cũng là chính-phủ. Do đó sự phân-biệt ở đây chỉ là một thủ-đoạn chiến-thuật mà chính-phủ có thể lợi-dụng để lẩn tránh phần nào trách-nhiệm khi « *sáng-kiến địa-phương* » không thành-công . . .

Nhưng việc đánh Bắc-kỳ lần thứ hai, thì quả là do chính-phủ Pháp ra lệnh không còn phải do *«sáng-kiến địa-phương* » nữa.

10 năm sau cuộc phiêu-lưu ra Bắc-kỳ lần thứ nhất, nước Pháp đã trở nên thịnh-vượng (1). Tư-bản cạnh-tranh nhường bước cho tư-bản độc-quyền. Năm 1880 đánh dấu cuộc khai-sinh của chủ-nghĩa đế-quốc. Những nhà lý-thuyết thực-dân xuất-hiện như Leroy Beaulieu, tác-giả cuốn « *De la colonisation chez les peuples modernes* », tác-dụng mãnh-liệt vào tâm-trí những giới kỹ-nghệ thương-mại và chính-quyền. Nhu-cầu tìm thị-trường trở thành gắt-gao. Trong một bài diễn-văn có thể coi như bản tuyên-ngôn của chủ-nghĩa đế-quốc, Jules Ferry đã tìm ra những lý-do biện-minh cho việc đi chiếm thuộc-địa : về kinh-tế, cần thị-trường, nguyên-liệu; về quân-sự, cần hải-cảng để phòng-thủ và tiếp-tế và sau cùng là vì uy-tín quốc-tế . . .

Xứ Bắc-kỳ lúc đó làm cho thực-dân thèm-thuồng không những vì nó ở cạnh nước Tàu, mà vì còn có nhiều mỏ. Một « *Sở Than Đông-Dương* » được thành-lập . . . Tuy-nhiên nước Tàu, không nhận thỏa-hiệp 1874, loan-báo cho chính-phủ Pháp biết họ không chịu một sự thay-đổi nào khác nữa ở Bắc-kỳ. Gambetta bất-chấp. Khi nghe tin nhà vua sắp nhượng những mỏ than Hòn-gay cho một công-ty Hoa-Anh, Gambetta cho lệnh Le Myre de Vilers, thống-đốc Nam-kỳ gởi viện-binh ra Bắc-kỳ. Henri Rivière ra Bắc với sứ-mệnh « *bảo-vệ kỹ-nghệ và tài nguyên* » để « *tìm ra những biện-pháp đảm-bảo quyền-lợi nước Pháp* ».

---

(1) Theo Lê-thành-Khôi. trang 375-376.

Lần này như Chesneaux viết (1) người ta không cần tạo ra một vụ lộn-xộn Dupuis khác, vì khi vừa tới Hà-nội, Rivière đã tuyên-bố « *bị những sửa-soạn gây chiến đe-dọa* » của người Việt-nam và đánh chiếm thành . . .

Cũng không thể đổ lỗi cho Rivière vụng-về đã gây chiến vì trước khi ra Bắc, chính-phủ Pháp quyết định bành-trướng thuộc-địa như hai đạo-luật sau đây được bỏ thăm và chấp-thuận :

Điều 1 : *Cho Bộ Thủy-quân và Thuộc-địa một khoản tiền bổ-túc ngân-sách năm 1883 là 5 triệu ba trăm ngàn quan. Khoản tiền này sẽ được xếp ở phần 2, khoản thuộc-địa, chương 9, khoản Bắc-kỳ.*

Điều 2 : *Việc cai quản tối-cao sẽ được giao cho một Tổng Ủy-viên dân-sự của nền Cộng-hòa, có trọng-trách* **tổ-chức nền bảo-hộ.**

Đương-nhiên, chính-phủ Pháp quyết-định đặt nền bảo-hộ mà không cần hỏi ý-kiến nước bị bảo-hộ như một nghị-sĩ đã phản-đối trong một phiên-họp của nghị-viện : «*Như thế nghĩa là gì ? Phải gọi cách cư-xử như thế là gì ? Cách dúng tay vào việc cai-trị một xứ không thuộc về mình, một xứ chưa chịu nhượng-bộ hay bị chinh-phục ? Có phải các ông muốn thay-thế quyền-binh Việt-nam bằng quyền-binh nước Pháp không ?* (2).

Làm sao nói rằng nước Pháp không muốn chiếm Bắc-kỳ khi chính-phủ Pháp chấp-thuận ngân-sách cho cuộc viễn-chinh ở Bắc-kỳ ?

Rồi đến việc bắn phá cửa Thuận-an. Cũng không phải là do De Courcy chưa hài lòng về hiệp-ước 1884 mà là do nước Pháp muốn chiếm luôn cả Trung-kỳ cho trọn vẹn như điện-tín của Bộ-trưởng Freycinet gửi cho Courcy : « *Tôi cũng đồng ý với ông là không thể không trừng-trị thái-độ của Bộ-trưởng Chiến-tranh An-nam... khi viện-binh đã đến. Nhưng trước khi biểu-dương lực-lượng, ông hãy cho Triều-đình biết chúng ta không thể để cho Thuyết ở mãi ghế Phụ-chánh. Chỉ sau một thời-gian chờ-đợi, nếu ông không tiếp được thư trả lời có thể chấp-nhận được, lúc đó sẽ thi-hành những biện-pháp quân-sự mà ông đã đề-nghị...*».

---

(1) Chesneaux, sách đã dẫn trang 128.

(2) Chesneaux, sách đã dẫn, trang 129.

Được đảm-nhiệm thi-hành một chính-sách xâm-lược cố-tình, người ta thấy De Courcy ngày 3-7-1883 đã đem quân đến Huế với một thái-độ khiêu-khích như thế nào và ai là người trách-nhiệm gây chiến.

MỘT CÁI THƠ ĐÁNG ĐỌC

Trong Nam-phong, số 33, có đăng một bài luận-thuyết dài của Tổng-đốc Thân-trọng-Huề nhan-đề : « *Một cái thơ đáng đọc* ». Trong bài, quan Tổng-đốc trích một bức thư của Le Myre de Vilers. Nguyên-soái Nam-kỳ, gửi cho Dực-Tôn làm tài-liệu để chứng-minh người Pháp không hề có ý xâm-chiếm Việt-nam. Trong thư Le Myre de Vilers phàn-nàn vì Triều-đình bất-lực để trộm cướp hoành-hành, pháp-luật không được tôn-trọng, quan-lại tham-ô, dân-chúng nghèo-khổ. Ngoài Bắc thì người Pháp đi lại không được bảo-vệ an-ninh. Nước Pháp không thể để cho một tình-trạng như vậy kéo dài mãi được và, bó-buộc phải dùng đến những biện-pháp thích-nghi để bảo-vệ sự an-ninh của người Pháp. Tuy nước Pháp không muốn chiến-tranh, nhưng nếu phải dùng đến võ-lực, là chỉ vì bó-buộc mà thôi.

Đấy là một tối-hậu-thư trong đó Le Myre de Vilers đưa ra những cớ « *cổ-điển* » mà mọi thứ tối-hậu-thư của kẻ mạnh muốn đàn-áp kẻ yếu từ xưa đến nay vẫn dùng, để thôn-tính nốt Bắc-kỳ và Trung-kỳ. Nhưng Tổng-đốc Huề, tay sai của Pháp đã giải-thích và bênh-vực quan thày như sau :

Lập-luận của quan-đốc là cho rằng những nguyên - nhân chính làm cho Tây lấy An-nam là do người An-nam.

Trước hết là do tình-trạng suy-đồi của nước An-nam : Pháp-luật không được tôn-trọng, trộm cướp khắp nơi, chỗ nào cũng thấy trật-tự rối-loạn, những người có nhiệm-vụ bênh-vực dân mà bác-tước dân, rồi sau cùng là tài-sản hư-hao, dân-tình cát-cứ... Đó là những cớ suy-đồi thuộc về nội-chánh, chỉ khi nước Đại-Pháp bảo-vệ rồi, mới dẹp yên trộm cướp, văn-hồi trật-tự ; điều đó chứng-tỏ nước Pháp cần can-thiệp như thế nào.

Về ngoại-giao, các quan ta không biết luật ngoại-giao cho nên không biết đối-xử với sứ ngoại-quốc, không biết bỏ cái lễ-nghi của mình là nước bán-khai để theo lễ-nghi của người ta là nước văn-minh mà tiếp đón họ theo lễ-nghi của họ, cho nên « *lấy cách đãi trẻ con mà đãi người trưởng-thành thì người ta lấy làm nhục* » không biết bảo-vệ người Pháp đi lại trong nước, dùng người Tàu, đi lại với họ sau khi đã ký hòa-ước với Pháp, dùng quân Cờ-đen là thất-sách, vì nếu trong nước không yên thì nhờ bảo-hộ, thế mà lại đi cầu-cứu nước Tàu, làm mất lòng người Pháp. Rồi chính Triều-đình chẳng coi hòa-ước ra gì ; chỉ có Tây trọng và giữ, còn vua ta « *xếp hòa-ước lại một nơi, để trong tủ Viện Cơ-mật* », quan lại nhiều người không biết nước mình đã ký-kết với người Pháp. Chính vì những lỗi đó mà chính-phủ Pháp, người ta buộc lòng phải can-thiệp.

Rồi quan-đốc tiếp-tục bênh-vực tại sao người Pháp phải can-thiệp ở Bắc-kỳ qua những vụ Dupuis, Garnier, Rivière. Kể từ việc lần đầu tiên Pháp giúp Nguyễn-Ánh cho đến các lần xung-đột, chiến-tranh về sau, đối với quan-đốc, sự can-thiệp của nước Pháp bao giờ cũng là vì « *ngẫu-nhiên cả* » chứ nước Pháp không hề cố-ý chiếm-cứ Việt-Nam. Nhưng sở-dĩ phải can-thiệp là vì bó-buộc. Chẳng hạn vì vua quan bắt-bớ các cố-đạo, không cho người ta tự-do truyền-giáo. Việc Garnier đánh Bắc-kỳ, niêm-yết hiểu-thị, bất-chấp luật-lệ của ta, quan-đốc cũng phải nhận là làm bậy, trái với « *quốc-tế công-pháp* » nhưng quan-đốc lại bào-chữa cho Garnier : « *còn trẻ tuổi, cho nên hành-động không được cẩn-thận* ». Nhưng sở-dĩ ta thua là quân lính kém quá, Tây có 90 người mà lấy được thành Hà-nội : « *Xưa nay chưa thấy ai đến nước người ta, có ít quân lính mà lấy được thành dễ như vậy. Nghĩ đến lúc đánh giặc ở Bắc-kỳ như trò chơi trẻ con, kẻ học sử không hiểu lúc bấy giờ nước ta tổ-chức thế nào mà yếu đến thế* ». Rồi khi nói đến chỗ De Courcy vào Triều không được mang gươm và chỉ mình Toàn-quyền được đi cửa giữa, còn các quan hầu phải đi cửa bên theo lễ-nghi của ta, De Courcy nói « *Không những tôi muốn các quan theo tôi đi cửa giữa, mà quân lính theo tôi cùng đi cửa giữa* », quan-đốc cũng cố bào-chữa cho De Courcy là không biết cách

giao-thiệp của ta thôi, nhưng lòng ông vẫn chân-tình, như khi De Courcy không thèm nhận lễ-vật vì ông là « *quan binh không biết lễ tặng* » mà thôi . . .

Sáng hôm sau, cờ Tam-tài đã kéo trên kỳ-đài thành Huế. Tôn-thất-Thuyết đưa Hàm-Nghi đi trốn, Quan Tổng-đốc bình: «*Ông Tôn-thất-Thuyết làm việc đêm mùng 4-7 rất giở. Nước Nam đã ký hiệp - ước bảo-hộ với Pháp mà khi Toàn - quyền sang bảo-hộ nước Nam chưa yết-kiến vua mà vua đã bỏ chạy thì bảo-hộ ai. Người Pháp nói ông Thuyết không ưng bảo-hộ cho nên làm như vậy. Nhưng ông không ưng bảo-hộ là tình riêng của ông, ông không được phá tờ ước vua đã duyệt-y. Có người nói ông sợ Toàn-quyền De Courcy bắt ông nên làm liều. Nhưng tại sao ông không sang bên Toàn-quyền mà giải-thích, biết đâu Toàn-quyền vẫn để ông làm Phụ-chánh, và nếu ông không được làm Phụ-chánh đi nữa, thì ông từ-chức là thường tình khi không ưng-thuận một chánh-sách. Vậy tại sao vì việc riêng mà hại việc nước. Có người nói ông có tài dụng-binh, nhưng thực ra chỉ là hư-danh : trước làm Tổng-đốc Bắc-ninh, có bắt được vài đảng cướp, việc ấy ai cũng làm được. Khi về Triều, chức-tước tuy to, mà không làm được việc chi, chỉ lập được mấy đội « phấn-nghĩa » để đi theo vỗng ông. Rút lại, ông là người vô-học, tuy biết chữ mà không học-thức, chẳng may làm đến Phục-chính, cho nên làm bậy đến nỗi vua vì ông mà phải mất ngôi, dân vì ông mà phải cực-khổ mấy năm, còn thân ông kết-cục phải bỏ nơi nước khác . . .*

Quan Tổng-đốc kết-luận : «*Xem các việc phô tự trên, thì nước Đại-Pháp nguyên không có lòng lấy nước Nam, như ông Le Myre de Vilers đã nói. Năm 1859 đến đánh Nam-kỳ là một sự ngẫu-nhiên ; năm 1873 ông Francis Garnier đã lấy 4 thành ở Bắc-kỳ giao lại là vì chính-phủ không ưng, đến khi tờ ước ngày 6-6-1884 đã định cuộc bảo-hộ rồi, mà dư-luận bên Pháp cũng không muốn lấy nước Nam* ».

Như vậy là Pháp bảo-hộ nước ta vì bó-buộc thôi. Mọi sự tại ta hết. Bây giờ nhờ công bảo-hộ giáo-hóa, ta mới thấy sự kém-cỏi của ta, và nếu trông vào Đại-Pháp mà chịu khó học-đòi, bắt-chước, thì may sau này sẽ được tiến-bộ, văn-minh tử-tế hơn . . .

*

BẠO-ĐỘNG ĐỂ DUY-TRÌ THUỘC-ĐỊA

Người Pháp chiếm Việt-nam, đặt nền đô-hộ, không phải để khai-hóa gì cả, nhưng để làm giàu và tìm địa-vị. Chiếm-đóng bằng bạo-động, duy-trì sự chiếm-đóng để bóc-lột cũng bằng bạo-động. Đó là cái thực-chất của chế-độ thực-dân và người đi thực-dân như Avesne đã thú-nhận :

Anatole France viết : «*Trong những xứ dân-chủ, giàu-có là điều thần-thánh nhất. Tại sao tôi nghĩ đến thuộc-địa Đông-dương của chúng ta khi đọc câu trên? Là vì những hư-đốn của nền dân-chủ phơi-bày một cách lộ-liễu trắng-trợn ở xứ đó. Chưa bao giờ tôi được nghe nói tới tiền-bạc một cách hèn-hạ đến thế. Những công-tác được đánh giá tùy theo chỗ thu được nhiều hay ít lợi. Người ta ca-ngợi, tôn-trọng và thèm muốn những kẻ chiếm được chỗ : ngồi mát ăn bát vàng, lương-bổng dồi-dào ; và khinh-chê những người chỉ làm việc vì bổn-phận mà không màng tưởng đến tiếng kêu loảng-xoảng của đồng-bạc. Trong số những người này, có bao nhiêu người quý-mến thuộc-địa ? Nhiều người, từ bậc thấp nhất đến bậc cao nhất, chỉ coi thuộc-địa như một chỗ tạm-trú, một bậc thang đưa tới những địa-vị Mẫu-quốc. Có người giàu nghị-lực và hăng-hái hoạt-động trở thành một nhà cai-trị đáng phục. Trong bốn năm, chỉ lo được nổi bật hơn là sáng tạo thực, người đó đã dựng nên cho thuộc-địa những công-trình vội-vã và rất khó hoàn-tất. Người khác là một người dân-chủ thành-tín ở các nghị-viện bên Mẫu-quốc, nhưng ở đây, thì tay cầm bản tuyên-ngôn nhân-quyền, còn chân lại đá vào đầu tên bản-xứ, bổ thuế tăng gấp ba lần. . .* » (1)

Chúng ta có thể soạn-thảo những cuốn sách về chế-độ thực-dân ở Việt-nam một cách khoa-học để trình-bày đầy-đủ (2) chính-sách bóc-lột và những hình-thức cai-trị, đàn-áp để duy-trì thuộc-địa của người Pháp bằng cách căn cứ vào chính những tài-liệu của người Pháp vì không thiếu gì những người Pháp

---

(1) Avesne. En face du Soleil levant. Paris 1909. trang VII.

(2) Trong giới hạn tập biên-khảo này, tôi chỉ nêu lên một vài minh-chứng mà thôi.

đã bày tỏ hoặc tố-cáo thực-chất của chế-độ thực-dân ngay trong thời người Pháp còn thống-trị ở đây. Những người Pháp cho ta biết sự thực về thực-chất của nền bảo-hộ có thể chia thành ba hạng người. Có những người Pháp, thực-dân chính-cống, nhưng cũng lên tiếng tố-cáo « *thực-dân* ». Chẳng hạn trường-hợp L. de Monpezat, chủ bút tờ Volonté Indochinoise, tên trùm thực-dân nổi tiếng, có mỏ, đồn-điền ở miền Nam, đã tố-cáo và chống lại chính-sách di-dân sang các đảo Thái-bình-dương (đi Tân thế-giới). Đã hẳn, không phải vì nhân-nghĩa mà bọn này tố-cáo tính-cách dã-man của chính-sách di-dân, nhưng vì chính-sách di-dân này đụng đến quyền-lợi của họ. Nếu bắt hết người Bắc đi đầy, thì còn dân đâu để bọn họ mộ phu làm đồn-điền hay hầm mỏ . . . Cho nên như Paul Monet đã vạch mặt họ : «*Chủ-trương một chính-sách thống-trị gay-gắt đối với người bản-xứ, ông ta (chỉ Monpezat) tự nhiên cảm thấy như bị một tiếng gọi tông-đồ lôi cuốn khi việc tuyển-mộ cu-li cho những sở ở Thái-bình-dương đe dọa việc mộ phu cho những cơ-sở Đông-dương. Ông ta luôn-luôn giữ một thái-độ im-lặng trước những bạo-tàn ở Nam-kỳ, nhưng mở chiến-dịch bài-bác, bằng hết mọi lực-lượng, khi những sự việc không kém trầm-trọng nổ ra ở Tân-thế-giới hay quần-đảo Hébrides* » (1).

Tuy-nhiên, sự tố-cáo giữa bọn thực-dân với nhau mà báo-chí Tây hồi đó phản-ảnh khá đầy-đủ và trung-thành, cũng làm cho ta biết được sự thực mà chính họ vì tranh-chấp quyền-lợi đã vạch ra . . .

Có hạng người Pháp, có thể gọi là « *thực-dân lý tưởng* » như Paul Monet. Họ tin rằng chủ-nhgĩa thực-dân là tốt, hợp lý và có lẽ còn cao cả nữa và chỉ tố-cáo những lạm-dụng, vụng-về như thể lạm-dụng, vụng-về bạo-động chỉ là « *chẳng may* » (par accident) chứ không phải là gắn liền với thực-chất của thực-dân. Họ không hiểu rằng chế-độ thực-dân, trong bản-chất của nó, là bạo-động và bất-nhân, và những người đi thực-dân phải bạo-động bất-nhân theo một « *lô-gic* » nội-tại của dự-phóng thực-dân. Do đó không thể sửa-chữa hay

(1) Paul Monet. Les jauniers. trang 47.

thay-đổi vì thay-đổi là phủ-nhận mất cái thực-chất của nó. Thuộc hạng này, cũng có những người Pháp tố-cáo những lạm-dụng, mà vẫn tin ở chủ-nghĩa thực-dân, nhưng không phải vì *«lý-tưởng»* như Monet, mà vì *«thực-tế, lợi-ích»* có thể gọi là thực-dân tế-nhị cao tay (haute politique) chống lại với bọn thực-dân thô-bỉ, hạ-cấp, không biết nhìn xa tính rộng. Họ tố-cáo những lạm-dụng, tội-ác vì biết rằng phạm nhiều quá thì có thể mất thuộc-địa. Họ vì lợi mà tố-cáo, do đó cũng *«vô-liêm-sỉ»* không kém bọn thực-dân hạ-cấp. Trường-hợp một Albert Sarraut chẳng hạn.

Hạng người Pháp thứ ba, tố-cáo chế-độ thực-dân vì lên án nó là vô-nhân-đạo, phi-luân, không phải chỉ tố-cáo những lầm-lẫn, lạm-dụng, nhưng nhằm chính chế-độ, chủ-nghĩa, tự bản chất của nó là xấu do đó phải tiêu-diệt tận gốc, toàn bộ chế-độ. Hạng này thật ít. Có thể kể những người như Francis Jourdan, André Viollis chẳng hạn... Chúng ta hãy nghe một vài minh-chứng của họ.

Cái thời thực-dân đen tối hơn cả trong 80 năm đô-hộ có lẽ là quãng từ 1929 đến 1932. Đó là những năm kinh-tế khủng-khoảng, phong-trào cách-mạng chống Pháp dâng cao đến cực-độ, bộ máy đàn-áp, khủng-bố của người Pháp cũng tàn-ác, khốc-liệt hơn bao giờ hết. Đây là thời thực-dân phơi-bầy tính-chất bạo-động của nó rõ-rệt hơn cả để duy-trì sự bóc-lột và thống-trị. Cho nên những minh-chứng nổi tiếng và làm xúc-động dư-luận đều là những minh-chứng phản-ảnh thời-kỳ này. Trong số những tác-giả Pháp gây được xúc-động nhất, chắc hẳn là Bà Andrée Viollis với cuốn *«Đông-dương, cấp-cứu »* (1). Bà là một nhà báo, đi cùng với phái-đoàn Paul Reynaud, Bộ-trưởng Thuộc-địa bấy giờ, sang điều-tra về tình-hình Đông-dương, đang ở trong một tình-trạng khủng-hoảng trầm-trọng. Cuốn *«Đông-dương, cấp-cứu»* ghi lại những điều mà Bà đã tai nghe mắt thấy :

---

(1) Andrée Viollis : Indochine S.O.S. 1934. Sách này tái-bản nhiều lần, những đoạn trích trong sách này theo lần in 1949.

BẮT-BỚ, KHỦNG-BỐ :

Bà sắp thấy đứa sát-nhân, tên là Huy. Nó bị kết án tử-hình và sắp đem xử. Một tên học-trò của trường Borodine ở Canton. Nó mới 17 tuổi : rất khốn-nạn, một con khỉ đực, một ác-thú.

Huy ngẩng mặt lên, khuôn mặt có đôi môi sưng vù, trông hãy còn ngây dại một cách thê-thảm, liếc nhìn chúng tôi rồi thôi. Người gác tù lúc-lắc chùm chìa khóa của hắn. Viên công-chức cao-cấp đặt những câu hỏi thường-lệ. Im lặng. Tim tôi đập. Tôi cảm thấy xấu-hổ, khó chịu... Bàn tay bị treo lên kia có những ngón tay dần-dần nắm lại, làm thành quả đấm cứ ám-ảnh tôi mãi. Viên Giám-đốc cúi xuống, nhếch miệng cười : À, thằng nhãi ranh ! Vừa nói vừa đập nhẹ trên đầu đứa trẻ bị kết án,

Không bao giờ tôi quên được cái quật mình đột-ngột của một con vật bị kìm-hãm, cái nhìn đầy căm-thù, hãi-hùng, và tiếng kêu khàn-khàn ghê sợ...

Rồi tôi đi tìm-hiểu câu chuyện cả ở phía cảnh-sát, cả ở phía An-nam. Đây là những gì đã xảy ra hôm 8-2-1931, ngày Huy và các tù tội vừa thăm bị bắt. Một cuộc đá banh vừa xong, dân-chúng ra về. Một nhóm người trẻ tuổi tập-họp lại, người thì trương một lá cờ đỏ có búa liềm, người thì lẩn vào đám đông phát truyền đơn ái-quốc. Huy nhảy lên một chiếc ghế đầu và bắt đầu nói. Bỗng nhiên, cảnh-binh đến đánh-đập tàn-nhẫn, tiếng kêu, đánh lộn... Người ta nói viên thanh - tra Legrand đẩy ngã diễn-giả và dày đạp anh. Một tiếng súng lục và viên Thanh-tra ngã gục. Nguy-hiểm của nghề-nghiệp. Theo lời viên giám-đốc : Ai bắn ? Không rõ. Huy vẫn nằm dưới đất, bất-tỉnh, những người biểu-tình chạy trốn ; 15 người bị bắt, có cả Huy. Họ cho anh là người tổ-chức và đáng tội hơn cả. Người ta bắt anh tố-cáo các bạn anh, khai các bí-mật của tổ-chức, và tên

các học-sinh trường Canton. Họ tra-tấn anh. Anh không trả lời, tự cắn đứt lưỡi để khỏi phải xưng. Anh bị kết án tử-hình như là thủ-phạm gây ăn-mạng mà theo nhiều nhân-chứng, anh không thể phạm được. Tôi đang ở Hà-nội vào ngày 21-11-1932 là ngày anh bị chém. Người ta đã đợi cho đến khi Bộ-trưởng về Pháp để khỏi làm giao-động cuộc tiễn đưa. Sài-gòn xúc-động... đến nỗi phải tuyên-bố tình-trạng thiết-quân-luật. Từ nhà giam, vang dội ra thành-phố tiếng kêu gào của những tù chính-trị đã dự buổi xử-tử và đã tiễn đưa đứa trẻ bằng những tiếng thét từ ngực và trái tim họ. Người ta đã phải gọi lính cứu-hỏa và quân-đội ... Cái gì đã xảy ra trong những bức tường đó ? Trước máy chém, Huy đã muốn nói, nhưng hai tên sen-đầm nhẩy đè lên người anh. Người ta chỉ hơi nghe thấy tiếng hô bị bóp nghẹt : Việt-nam. Ôi ! Dân-tộc An-nam. Tiếng kêu mà 13 người tù Yên-bái đã phát ra trước khi chết. Nhưng Huy, bây giờ cũng như Phạm-hồng-Thái, thủ-phạm vụ ám sát ở Canton, và biết bao người khác nữa, từ nay đã có chỗ trong số những chiến-sĩ tranh-đấu cho nền độc-lập An-nam »(trang 40-41)

TRA-TẤN :

Có những lối tra-tấn cổ-điển như : bớt phần ăn còn có 30 gam gạo một ngày, đánh vào mắt cá mu bàn chân bằng roi mây ; kìm kẹp vào hai thái-dương để làm cho mắt lồi ra ; treo người lên cách mặt đất chừng vài phân, châm kim vào bên trong móng tay, bắt nhịn nước, đặc-biệt cực-khổ cho những người bị tra-tấn sốt-rét. Có những lối tra-tấn tế-nhị hơn, do Sở Mật-thám Chợ-lớn phát-minh ra như lấy lưỡi dao cạo rạch nhiều đường da bàn chân, rồi nhét bông vào và đốt cháy. Dùng từng quãng dây thép quấn như cái mở chai đút vào đường tiểu-tiện rồi rút thật mạnh ra. . . .

Một hình phạt khác tương-tự : Tay bị trói quặt đàng sau lưng, tù-nhân bị đặt nằm trên một cái giường, rồi bắt thình-lình kéo thật

mạnh cánh tay theo hướng trên, qua đầu cho về vị-trí buông xuôi thường. Kẹp sườn để gây một phản-ứng của bắp thịt mà tù-nhân không còn cảm thấy (vì 99 lần trên 100, tù-nhân thường bất-tỉnh) phản-ứng này làm cho bật máu ra qua lỗ mũi, miệng, tai, hậu-môn. Cách tra-tấn này tù-nhân gọi là « lộn mề gà ».

Sau cùng là một lô những cách tra-tấn bằng điện :

1) Cắm một đầu dây điện vào cánh tay, cổ chân, một đầu khác vào chỗ kín, rồi cho điện chạy.

2) Nối liền roi bằng dây thép với dòng điện. Mỗi trận đòn bằng thứ roi này làm cho nạn-nhân đau-đớn đến nỗi phải xin tha hoặc thú-nhận...

3) Buộc một bàn tay của nạn-nhân vào một dây điện. Mỗi lần cho chạy điện, điện chạy mạnh làm cho nạn-nhân khó lòng chịu nổi quá hai hoặc ba lần.

Đàn bà cũng chịu những tra-tấn như trên. Đàng khác, họ còn bị những cực-hình làm cho họ xấu-hổ như bị giam chung với đàn ông. Những thiếu-nữ 16 đến 18 tuổi bị bắt ban đêm và dẫn tới trụ-sở, hiếp-dâm, treo ngược bằng dây buộc vào ngón chân, đánh đập vào đùi và bàn chân, đem để tồ kiến vào chỗ kín, trong khi tay chân bị trói cho đến khi thú-nhận... (trang 53-54).

TRẠI GIAM :

Bác-sĩ Z... sắp đi khám sức khỏe cho trại giam cách Vinh 50 cây số có từ 6 đến 800 tù chính-trị. Ông muốn tôi đi theo... Bác-sĩ nói cả tỉnh Vinh hiện nay có tới 2.000 tù chính-trị. Những trại giam xây không kịp và do đó không đủ điều-kiện...

Chúng tôi đến một khu rộng lớn có lính canh gác chung-quanh. Từng dãy nhà lá xếp hàng nối đuôi nhau. Khi chúng tôi vào

một trong những căn nhà này, một tiếng kêu van rên-rỉ, đón tiếp chúng tôi đồng thời với một mùi thối-tha xông lên và không chịu rời mũi chúng tôi nữa. Phải một lúc mới quen mắt vì nhà tối không có cửa sổ. Tôi nhận ra hai hàng dài tù-nhân, chân bị cùm, ngồi hay nằm sát chặt lấy nhau. Mỗi căn có 200 người. Tất cả đều nhìn chúng tôi bằng con mắt tuyệt-vọng và sốt nóng vừa dơ bàn tay ra van nài. . . Mặt của họ da đen-đét khô và má hóp, môi chảy ra và nứt nẻ, cánh tay thì đầy những mụn lở và vết thương. Hầu hết đều bị ghẻ, hoặc bị rận chảy dầy vò . . . Cả ngày người ta chỉ tháo cùm cho họ hai lần, mỗi lần mười phút, để lo việc cần. Họ chỉ có quyền rửa mặt mỗi tuần một lần... Trông người họ tiều-tụy đến nỗi nhiều người không chống lại nổi bệnh kiết-lỵ mà hầu hết đều bị. Mỗi sáng, người ta đến lấy những xác chết đem đi. Trung-bình có hai hoặc ba người chết mỗi ngày trong một căn...

Tại sao họ bị bắt ?

« Họ không thể nộp thuế. Họ đi lên huyện để xin giảm thuế và bị bắt. Bây giờ thì lính tráng đập họ. Họ không biết gì hơn nữa »... (trang 148)...

ĐẦU - ĐỘC

Chợ-lớn, thành-phố Tàu, 11 giờ đêm. Chúng tôi ra khỏi một tiệm cơm Tàu .. Bỏ những đại lộ và đi vào những ngõ hẻm. Chúng tôi vào tiệm hút mà những người cu-li, phu khuân-vác bến tàu thường đi lại.

Một cánh cửa mở trông vào hàng hiên ; bên trái lối ra vào, có một « ghi-xê » bán ma-túy : 5 hào một hộp 5 gam. Từ ngoài cửa đã ngửi thấy cái mùi hôi-thối làm nghẹn tắc cổ họng. Hàng hiên chạy vòng bên này, vòng bên kia đưa đến những phòng nhỏ tối om rồi lại ra hiên... Thật là một mê lộ... Tường ám khói, nhớp mỡ làm thành

những xó nhỏ. Mỗi người nằm một xó. Không ai động-đậy khi tôi đi qua. Cũng không ai thèm nhìn tôi nữa. Người thì đang hút, chỉ khi họ khẽ hắt hơi mới làm tan sự im lặng. Người thì nằm im, bất-động một cách ghê sợ, chân duỗi thẳng ra, tay dơ lên như bị sét đánh bất ngờ. Cũng như tác-dụng của hơi độc hồi chiến-tranh. Những bộ mặt gầy còm để nhô ra những hàm răng trắng hếu, con ngươi mầu đen ngà, mở rộng như nhìn trừng-trừng một cái gì. Mi không chớp, thỉnh-thoảng mới thoáng nhếch mép cười, cái cười bí-mật của người chết trên gò má da xanh xám và khô đét. Thật là một cảm - giác rùng-rợn khi đi qua giữa các tử-thi. Ở Pháp, có một tiệm hút hay một vài viên phiện là có thể bị bắt tù vì phạm tội làm suy-đồi giòng-giống Pháp. Nhưng ở đây, thuốc phiện bán công-khai và mỗi năm làm lợi cho thương-chính giữ độc-quyền 15 triệu bạc.

Một bạn đường người An-nam còn nói với tôi : Nước Pháp cũng kiểm-soát cả rượu ; thứ rượu nấu bậy-bạ, pha nhiều chất-độc để đầu-độc chúng tôi ». (*trang 60-61*).

PHÁP-VIỆT ĐỀ-HUỀ

« Một bà Giám-đốc trường nữ con gái ở Huế, lái xe ô-tô và làm ngã hai người nhà quê gánh rau vào thành-phố. Họ bị thương nhẹ. Buồn-rầu, bà đang định bồi-thường. Nhưng một viên thanh-tra khố-xanh, nổi-xung vì mấy đứa nhà quê hỗn-xược cả dám đòi tiền của một bà đầm, vừa đánh đập vừa la : Nếu tao có súng lục, tao giết tụi bay ! Cút đi. Đừng vác mặt đến đây nữa nếu không tao cho biết tay » ! Những người đàn bà tội-nghiệp mất cả gánh rau vội lắt-lè lẩn trốn, mặt đầy máu, nhưng vẫn vui mừng vì được thoát-khỏi...

Mỗi buổi sáng, từ khi tôi ở Huế, tôi bị thức-giấc vì những tiếng gắt khàn của một giọng nghiện rượu : « Đồ con vật, mày có

đến không ? . . Phải mất bao nhiêu thì giờ mới gọi được mày. Đến mau đây... sà-l... Đôi khi tôi thấy ghế đổ loảng-xoảng, giầy ném tứ-tung. Đó là một trong số những đồng-bào đáng-yêu của chúng ta ăn nói với bồi bếp của họ. Người bồi mang điểm-tâm cho tôi dừng lại nghe, nhìn tôi và cười một cách hóm-hỉnh. Đó là những gương chúng ta làm cho dân-tộc hiền-lành và lịch-sự này » (trang 14).

Một tiệm ăn ở Đa-kao. Một nhà báo An-nam trẻ tuổi, có cử-nhân luật đang ngồi ăn với vợ. Một lính lê-dương to lớn ăn ở bàn bên cạnh, đột nhiên đứng dậy, lôi người vợ ra ôm vào lòng và định hôn.

Người An-nam nói : « Nhưng đây là vợ tôi, vợ chính-thức của tôi ; vừa cố gỡ ra...

Tao bất-chấp. . . Mày, mày là đứa nô-lệ. Tao, dân Tây. Tao, lính nước Pháp. Tao, đã đánh trận : Hãy coi đây, rặng tao bị bọn Đức đánh gãy cả. Tao, có quyền lấy mọi đàn-bà An-nam, tất cả, mày nghe ra chưa.

Nhà báo An-nam xô vào hắn. Nhưng anh mảnh-khảnh quá, thằng khốn lấy một chai rượu ở trên bàn đập vào đầu anh. Anh ngã quỵ, tai dướm máu và sắp đứt, vội-vã đứng dậy và dắt vợ chạy trốn. Một kỹ-sư mới vào muốn can-thiệp. Nhưng những người Pháp khác không hề động-đậy. Họ cười sằng-sặc » (trang 153).

KHAI-HÓA VĂN-MINH :

« Một bữa tiệc có những tay thực-dân và kỹ-nghệ Bắc-kỳ dự . . người bên phải tôi, chủ đồn-điền cao-su, phàn-nàn về những bài diễn-văn của mấy người An-nam ưu-tú trong đó có đưa ra những yêu-sách khiêm-tốn.

Thật là ngu để cho bọn đó ăn nói. Với cái học mà người ta nhét vào đầu chúng, với những ý-tưởng tự-do, bình-đẳng... chúng trở-thành bất-trị. Bây giờ không còn làm sao kiếm được nhân-công rẻ tiền. Chính chúng tôi, những người thực-dân kỹ-nghệ đã làm ra Đông-dương và người ta làm hỏng cơ-nghiệp chúng tôi, người ta cắt cổ chúng tôi. . .

Tôi nhìn hắn ta, ngỡ ngàng... Rồi một giọng khác... Đấy, bà xem mọi sự xấu đều do mấy ông quan cai-trị mà người ta đã đặt trên đầu chúng tôi, với những bài diễn-văn điên-cuồng, những người đó đã tung ra nơi đám đông những ý-tưởng mới, đã làm nẩy-nở những hy-vọng lố-bịch. Việc học đã được phát-triển một cách bậy-bạ, dù những người thực-dân đã phản-đối nhiều lần. Mấy ông tướng đó không để ý tới những nguy-hiểm mà chúng tôi đã cảnh-cáo luôn mãi : hễ khi bọn An-nam-mít có trong tay một mảnh bằng, dù chỉ là cái bằng tiểu-học, là chúng không muốn làm việc tay chân nữa, vì họ cho là suy-đồi ; do đó tặng thêm số người bất-mãn... Tiếng nói giận-dữ tiếp-tục : Lợi-tức của chúng tôi chả còn gì... Toàn-quyền bỏ rơi... Mẫu - quốc bất - xét... Chúng tôi sống ở đây để chết đói à » ! (trang 112.)

Những câu nói « *thành-thực*» của thực-dân phơi-bày cái thực-chất tàn-bạo của chế-độ thuộc-địa : Bóc-lột dân thuộc-địa, đặc-biệt là nông-dân và công-nhân. Càng muốn khai-thác, làm giàu, càng phải bần-cùng-hóa dân quê để có công-nhân rẻ. Muốn thế phải đánh thuế thật nặng vào đất-đai, nông-sản, vào chính con người (thuế-thân) để đặt nông-dân vào tình-cảnh « *không đi phu, cu-li* » thì chết đói.

Viên thanh-tra hầm mỏ, Desrousseau, trong một bản báo-cáo mật gửi Toàn-quyền Đông-dương có viết : « *Có một sự thực không thể chối-cãi và một tâm-trạng không thể thay-đổi được là bọn nhà quê*

chỉ chịu bỏ làng đi làm khi họ sắp chết đói, cho nên phải đi tới một kết-luận ngụy-biện là để chúng ta thoát được nỗi khó-khăn hiện nay về tuyển-mộ phu, nhân-công, thì phải làm sao cho dân quê nghèo mạt » và nếu họ chết đói thì không giúp-đỡ như René Dumont, nhà kỹ-sư canh-nông, hiện nay chuyên-khảo về vấn-đề nông-nghiệp trong các nước chậm tiến đã thú-nhận :

« Sau nạn đói mùa thu 1931, chung-quanh Vinh, và ở tỉnh Nghệ-an mà tôi phụ-trách về nông-nghiệp, nạn đói người ta cố-tình không chịu giúp-đỡ, và có lẽ đã làm cho 6.000 người chết, không thể còn ngồi yên được nữa » (1). Muốn cho dân bị nạn đói, đội khi thực-dân còn tự-ý phá đê cho lụt-lội. Có lụt, thì dân mới chịu bỏ làng đi phu mỏ hay cu-li đồn-điền như L. Bonnafond đã nói trong « Ba mươi năm ở Bắc-kỳ » (Trente ans de Tonkin) :

« Cả tỉnh Vĩnh-yên chìm dưới nước. Sở Công-chính đã đóng một cống cách đồn Phú lỗ 8 cây số, cho nên đã tạo thành một hồ nước mênh-mông trên 10 cây số vuông, dìm cả vùng trong cảnh lầm-than đen tối. Ngày nào cũng có những đoàn đại-diện nông-dân đến Bắc-ninh, lên tận Hà-nội nữa, để cúi xin chính-phủ đừng giết họ, đừng để cả vùng bị ngập, đừng đóng cống. Song chính-phủ vẫn làm ngơ và tàn-nhẫn nhìn cảnh-tượng cả tỉnh đang chết.

Ôi ! Có xứ nào trên trái đất này mà người ta lại như ở đây, nỡ tâm quyết-định một cách dễ-dàng để trong một vài phút cả một xứ phải chìm dưới 2 thước nước trong 6 tháng liền, xứ này chỉ có mỗi một tội là nằm trong kế-hoạch của một người kỹ-sư dốt. Dân-tộc nào, dầu là dã-man nhất, dân-tộc nào lại dám quyết-định như vậy ? » (2).

---

1) René Dumont. Révolution dans les campagnes chinoises Ed. Seuil. 1957. tr. 7.
2) L. Bonnafont. Trente ans de Tonkin. Paris 1924. p. 128.

BỌN BUÔN NÔ-LỆ DA VÀNG : (1)

Bần-cùng-hóa nông-dân để mộ phu. Do đó ở thế-kỷ hai mươi còn xẩy ra cảnh-tượng buôn người.

Paul Monet đã mô-tả đầy-đủ cảnh-tượng đó trong cuốn « *Những bọn buôn nô-lệ da vàng* ». Đây là tái-diễn cảnh buôn da đen (traite des Noirs) ngày xưa.

BUÔN NGƯỜI

« *Ái-quốc gì ! Đó là thứ ái-quốc để cho nhà B... mà hãng D. Frère ở đây là đại-diện, ăn lời 3.000 quan mỗi người khi họ bán lại những người đã nhập-cảng* » ... *Có phải là cần-thiết cho lòng yêu nước Pháp khi D. và bè-lũ được phép xuất-cảng một lúc 800 người bị tan-hoang cửa nhà vì bão-lụt, và được lời mỗi người 3.000 quan, nếu tính cả một chuyến đi, có thể tới hai triệu bốn trăm ngàn quan và có thể nói ba triệu quan cho chẵn...* (trang 50).

« *Đó là một tái-diễn ở giữa thế-kỷ hai mươi, cái chợ buôn người... Sau cái giá thông-thường lúc đầu là 2.500 quan, người ta lên tới giá 5.000 quan mỗi người. Như thế cũng còn là rẻ... Dầu vậy, mỗi người bán được trung-bình cũng có 3.000 quan lời... Do đó cứ 1.000 người đem xuất-cảng, có thể thu được 30 triệu lời... Tôi đã nói tới việc buôn nô-lệ, thực ra còn tệ hơn nữa... Người chủ nô còn để ý săn-sóc bầy vật của mình vì nó đáng giá... Trái lại, một người chủ mua một người Bắc-kỳ trong thời-gian 5 năm, mỗi năm thấy cái giá đồ mình mua hụt đi một phần năm. Do đó, hắn cần phải khai-thác trong 5 năm tất cả những gì người nô-lệ có thể làm ích-lợi... bất-xét sau này nó hoàn-toàn hư-hỏng trở thành đồ bỏ đi... vì người chủ nô có thiệt đồng xu nào đâu...* » (trang 65).

---

(1) Paul Monet. Les jauniers. Paris 1931.

ĐỜI SỐNG Ở ĐỒN-ĐIỀN

Bên Pháp André Gide đã tố-cáo những hành-động dã-man ở Congo; người ta cho mở một cuộc điều-tra chính-thức và kết-quả phù-hợp với những sự việc Gide đã vạch ra... Nếu Gide sang Đông-dương, ông sẽ bó-buộc phải thuật lại những hành-động tàn-ác phạm tới người cu-li Đông-Dương. Chúng tôi chỉ kể ra đây một trường-hợp. Trong một đồn-điền ; một người cu-li đau ốm bị trói trước phòng y-tế của làng, chân bị quấn dẻ có tẩm dầu hỏa, rồi người ta châm lửa, hắn chết. Bây giờ chúng tôi hiểu tại sao có những can-thiệp. « Chúng tôi biết tên đứa sát-nhân và sẽ vạch mặt khi cần đến »(*Argus indochinois, 19-12-1928*).

Họ giết chúng tôi từng bọn 5, 6 người, và bao giờ cũng báo-cáo với tòa-án : « Chết vì sốt-rét ». *Không, những người cu-li không phải chết vì sốt-rét. Họ bị giết như là bởi lũ chó sói, vì họ chỉ là một đoàn-cừu ngoan-ngoãn... Bọn chủ đồn-điền ở đây tàn-ác không thể tưởng-tượng được. Họ làm vua ở đây và không phải theo một luật-pháp nào ngoài sở-thích của họ. Họ coi chúng tôi như loài vật : con nai, con hươu, con chó, con mèo. Và giết chúng tôi như giết thú-vật. Họ đập đánh chúng tôi bằng những gót giầy sắt không còn cho chúng tôi kêu ca, hoặc biểu-lộ sự đau-đớn bằng nước mắt...*

Họ có bè bạn, người che-chở những kẻ đồng-lõa rất thế-lực ở trong ngạch cai-trị, cho nên họ dám phơi-bày tội-ác của họ mà không sợ-hãi gì...

Một hôm, họ đem một con ngựa bất-kham ra và bắt chúng tôi buộc vào một cây gần suối, rồi họ bắn chết và để làm mồi cho hổ...

Sau đó, họ nói với chúng tôi và tất cả bọn thư-ký, cai An-nam một cách tàn-nhẫn rằng những đứa nào trong chúng tôi không tuân theo lệnh của họ một cách mù-quáng cũng sẽ phải chịu một số-phận tương-tự... Họ cấm chúng tôi không được nói gì về thái-độ cư-xử

của họ và nếu có phải trả lời thanh-tra, thì phải nói rằng cai chủ đối-đãi rất tử-tế. Nếu không làm thế, họ dọa sẽ bắn chết ». (trang 208).

THƠ GỞI CHỦ-NHIỆM BÁO « ECHO ANNAMITE » Saigon (17-9-1928)

« Tôi là Nguyễn-văn-Thơ, 46 tuổi, làm ruộng, nguyên-quán ở Quảng-nam... Xa lạ ở giữa những người xa lạ, tôi không biết nói với ai những tàn-ác mà chúng tôi phải chịu ở các đồn-điền... Xin ông bà ông vải phù-hộ cho tôi để tôi tin ở ngài mà không sợ nhầm-lẫn...

Đây là chuyện của tôi...

Có một người đến Trung-kỳ, tên là Xư-bá-Lệ, nói tiếng An-nam để tuyển-mộ cu-li cho một đồn-điền ở Nam-kỳ... Có hai người An-nam khác đi theo... Cả ba đều khoe-khoang những điều-kiện làm ăn : lương công-nhật ; 8 hào, 3 chai gạo trắng, cá khô, thịt luộc, nước mắm, có chỗ ở hẳn hoi, ốm-đau được săn-sóc, chỗ làm : cách ga Phan-thiết ba ga, có thể dễ-dàng về làng lúc nào cũng được, khí-hậu tốt...

Bị những lời hứa-hẹn mê-hoặc, chúng tôi tình-nguyện đi làm cu-li mà không có giao-kèo gì cả. Tất cả có 140 người, 31 người cùng quê với tôi số còn lại là người Huế...

Đoàn người được xếp vào ba xe camiông. Xe đi như chạy trốn... Mỗi người được phát 5$ trước. Nhưng khi đã ngồi trên xe, người ta mới bỏ mặt nạ xuống. Thay vì cư-xử tử-tế, thì lại là những nhát ba-toong... Chúng tôi bị canh chừng cẩn-mật như đàn thú. Đến Nha-trang, chuyển lên 4 toa xe hỏa. Quá ga Phan-thiết, hai người cu-li nhảy tàu hỏa để thoát cái cảnh khốn-nạn đang chờ-

đợi họ mà bây giờ mới chỉ là bắt đầu... Chúng tôi thấy hai người ngã, nằm bất-tỉnh dưới đất. Họ đã chết chưa hay chỉ bị ngất đi ? Làm sao biết được.

Sau ga thứ ba, kể từ Phan-thiết, một người nữa nhảy tàu và ngã bất-tỉnh. Hai người khác xuống đứng ở thang tàu định nhảy, bị bắt lên và đánh đập bất-tỉnh rồi bị ném ra ngoài tàu... Những tàn-ác đó làm cho không còn ai dám trốn nữa... Chiều hôm sau, chúng tôi đến Biên-hòa... ba ca-mi-ông chở chúng tôi đến một miền gọi là Phú-riêng...

Không phải là một miền khí-hậu lành như mơ-tưởng, cũng không phải chỉ cách Phan-thiết có ba ga... Nhưng là một miền mất hút trong núi rừng và cách Phan-thiết bằng 6 giờ xe lửa hay một ngày bằng ô-tô...

Những thất-vọng khác... thay vì tám hào, lương bị hạ xuống còn có 5 hào... đây là chưa kể những cắt xén vì những lý-do không đâu. Thay vì 3 lít gạo trắng, chỉ có một ít gạo đủ sống với một thứ nước hầm, thay vì nước mắm...

Trước 5 giờ, còn tối mịt, chúng tôi đã phải xếp hàng đi làm. Những người đến chậm hay còn ngái ngủ bị đánh đập bằng những cú ba-toong thật mạnh để đừng có đến chậm nữa...

Thay vì chỗ ở đủ tiện-nghi như đã hứa-hẹn, chúng tôi bị dồn vào những lều tranh. Chỗ nào cũng thấy nước chảy. Suốt đêm, chúng tôi phải ngồi xổm, không đèn đóm gì cả, và ướt lạnh thấu xương...

Sau một tuần-lễ sống ở địa-ngục này, tôi tìm cách trốn đi. Nhưng hôm sau, bọn mọi bắt tôi lại, đánh đập lột quần áo, đem nộp cho chủ đồn-điền để lãnh tiền thưởng...

Rồi, có một cuộc biểu-diễn võ, họ lấy tôi ra làm đích để tập đấm trước mặt các cu-li khác. Tôi bị giam tù cơm nguội và cùm chân tám ngày...

Trích thơ gởi Báo Echo Annamite (tr. 225-226)

VỤ ÁN BAZIN :

« Tôi muốn báo thù cho giống-nòi của tôi bị chà đạp, nô-lệ, còn hơn là thời xưa nữa. Những tội-ác phạm tới người bản-xứ bị xuất-cảng để làm giầu cho bọn tài-phiệt không còn đếm-xuể nữa . . .

Những người đại-diện của dân-chúng Pháp đã kê-khai các tội-ác đó : Con gái bị hãm-hiếp đến chết và ném xuống biển cho cá mập ăn . . . Người An-nam bị què-quặt vì bị hành-hạ, đánh-đập, hay bị bắn giết . . . Số người bị chết vì ngã nước, vì phải đày tới những miền chướng-khí là bao nhiêu. Tôi đã thấy những đoàn người sống-sót trở về, vừa lên bờ đã phải chở vào nhà thương mà đa-số sẽ chết ở đó . . .

Và còn biết bao người chết không bao giờ thấy lại quê-hương ? Hàng ngàn các ông biết như vậy, nhưng không nói ra . . .

Có hề gì đâu ! Các ông vẫn lập thống-kê gian-lận để chứng-minh rằng người An-nam có nhiều con. Và như vậy, còn gì phiền nữa, vì những người chết sẽ được thay-thế. Một câu của Napoléon khi đứng trước những người chết chồng-chất trong một trận lớn : « Một đêm của Paris đủ bù lại sự thiệt-hại đó ».

Không, tôi không muốn dân-tộc của tôi bị coi như một đàn vật mang đi làm thịt . . .

Chúng tôi đã nại đến lòng thương-xót của các ông . . . Vô-ích.

Rồi các ông cũng bỏ mặt nạ xuống khi các ông dám ấn-định số người đày đi mỗi năm. Và khi không thể dấu-giếm được những tội-ác

bị tố-cáo . . . các ông cũng không sợ ra thông-cáo chối-cãi rằng những bội-ác đó không có bằng-cớ chắc-chắn. Trước những lầm-than của đồng-bào tôi, tôi động lòng thương-xót.

Máu trả máu . . .

Tôi đã giết người đồng-chủng với các ông, người đã tham-dự vào những cuộc tàn-sát đồng-bào tôi . . .

Chớ gì máu của hắn và máu của tôi, mà các ông có thể bắt được, sẽ là những giọt máu cuối cùng đổ ra vì cái công-cuộc khốn-nạn này (trang 246).

(Trích bản-án của người ám-sát trong Volonté Indochinoise).

LỜI NÓI CỦA QUAN TOÀN - QUYỀN :

« *Nếu có một cuộc khủng-hoảng trong vấn-đề mộ phu, thì nguyên-nhân chính là nhằm nâng-cao mực-sống của dân-chúng . . .*

« *Sự làm việc ở Đông-dương, trên những công-trường cũng như trong những xí-nghiệp tư, đều* hoàn-toàn tự-do ; *và người thợ cũng như người chủ đều có thể quy-định và đánh giá những điều-kiện của sự làm việc trên* ».

(Trích trong bản diễn-văn của Toàn-quyền Pasquier
đọc trước Hội-đồng Kinh-tài Đông-dương ngày 22-10-1929).

TRÊN ĐƯỜNG CÁI QUAN :

Một nhà báo khác đã mô-tả tình-cảnh công-nhân ở các hầm mỏ, đặc-biệt là mỏ than Hòn-gay trong cuốn « Trên đường cái quan » (1).

Người ta biết rằng tư-bản thực-dân là người có tiền vốn và lấy tiền đó mua đất-đai, hầm mỏ, dựng nhà máy. Nhưng

(1) Sur la Route mandarine. Roland Dorgelès. Paris 1925.

muốn có lãi, phải cần nhân-công. Người thợ trong chế-độ tư-bản thực-dân, đa-số thường xuất thân từ nông-dân, nhưng cũng có một phần từ những nghề thủ-công nhỏ : Khi một nhà máy xí-nghiệp lớn được dựng lên, tất-nhiên chèn-ép, cạnh-tranh với những xí-nghiệp nhỏ thường là bằng tay do đó làm cho những nghề thủ-công này bị phá-sản và bó-buộc những người thủ-công trở-thành công-nhân của xí-nghiệp lớn. Chẳng hạn khi những nhà máy xay gạo của người ngoại-quốc mọc lên ở Sài-gòn, Chợ-lớn, thì tất-nhiên những cái cối xay, cối giã tay của người Việt phải bị phá-sản và những người thủ-công này muốn khỏi bị thất-nghiệp, bó-buộc phải xin làm cu-li, thợ khuân-vác, người may vá bao bố v.v... cho các ông chủ nhà máy gạo, hay xuất-cảng... Ở những nước thuộc-địa rất khó kiếm nhân-công, nên thực-dân phải dùng những biện-pháp bạo-động để bắt sưu-dịch, mộ phu bằng cách để cho nông-thôn chết đói.

Đó là chính-sách kiếm nhân-công bằng cách bần-cùng-hóa nông-dân và vô-sản-hóa người thủ-công.

MỎ THAN HÒN - GAY

« *Chúng tôi đang đứng trước mỏ than Hòn-gay. Cát-bà là Á-đông xưa cũ ; Hòn-gay là văn-minh : các bạn lựa chọn đi.*

Hình như là độc-nhất trên thế-giới này, vì ở Hòn-gay, người ta lấy than ngay ngoài trời . . .

Tất cả đất-đai đó của ai vậy ?

— Của hầu-tước De Carabas.

Nhưng tôi không kể chuyện con mèo đi hia đâu. Hầu-tước De Carabas ở đây là Sở than Bắc-kỳ.

Công-ty làm chủ tất cả : rừng, ruộng, nhà cửa, đường xá, cả đến lòng đất. Đường xe lửa kia là của công-ty ; hải-cảng này cũng là của nó ; nhà thờ với tháp chuông nhọn, cái chợ-lớn có mái che kia là của công-ty.

Trên 20.000 ec-ta, cái gì cũng là của công-ty, cả đến một que củi . . .

Một làng nào đó nằm trong kế-hoạch làm đường của công-ty, bất kể, nó cho cào cả làng đi . . . Và khi nó làm lại cái làng đó đàng kia, nó bắt dân phải trả một số tiền, như thế là họ bị gắn-bó với mảnh đất mới đó và không bỏ ra đi được nữa . . .

Vì tìm ra cu-li, hằng nghìn cu-li rồi giữ họ lại ở Hòn-gay không để cho trốn mất không phải là chuyện dễ... Người ta đã thử mọi cách vẫn không được. Hễ có vài đồng trong túi là người Bắc-kỳ bỏ ra về đồng ruộng. Vào dịp tết, hay sắp tới ngày mùa, ai cũng muốn về làng, và lúc đó, từng nghìn người bỏ trốn . . .

Làm thế nào được ? Người tà tìm đủ cách, dùng đủ mưu-mẹo để giữ công-nhân. Chẳng hạn, họ chỉ trả lương tháng trước vào trung-tuần tháng sau, làm cho người thợ bao giờ cũng còn tiền lương chưa lĩnh và vì thế bó-buộc phải ở lại. Tuy vậy, để thợ khỏi chết đói, và nếu thợ làm giỏi, thì cứ mỗi ngày họ trả cho một đồng bạc ; ở đây người ta gọi cách đó là « cho tạm trước » . . .

Một người quản-lý công-ty đã tìm ra một mưu hay hơn : tôn-giáo. Hắn nghĩ rằng nếu có linh-mục ở vùng mỏ thì sẽ giữ được ít ra người công-giáo ở lại. Do đó, hắn tìm được một cha An-nam, thuộc hội thừa-sai Tây-ban-nha. Một ngôi nhà thờ được dựng lên và xứ đạo vừa thành hình đã tụ-tập được 700 cu-li. Chỗ nào con dê bị cột, nó ăn cỏ ở đó ; chỗ nào người theo đạo có nhà thờ thì họ đọc kinh cầu-nguyện ở đó và vô-tình ông cha da vàng làm lễ cho hầu-tước De Carabas . . .

Những khi đê Hồng-hà vỡ, ruộng đồng ngập lụt, toàn cõi đồng-bằng bị đói khát, thì dân quê kéo cả làng đi kiếm công-ăn việc làm ở khu mỏ vì ở làng không có gì để sinh-sống ; lúc đó, có đến 2.000 cu-li giữa Cẩm-phả và Nagôta. Đó là những năm may-mắn cho công-ty.

Khi tôi đi thăm Hòn-gay, tôi thấy công-nhân lúc-nhúc ở các tầng mỏ. Đó là những sinh-vật áo quần tả-tơi . . . Những thợ cuốc với hai cánh tay gầy còm . . . Cả đàn bà nữa, miệng nhai trầu đỏ như đổ máu . . . Đàng sau những xe goòng nhỏ, những đứa trẻ trạc mười tuổi còng lưng đẩy Thân hình bé nhỏ gầy khô, mắt, mũi nhọc mệt qua lớp bụi than

Người hướng-dẫn tôi vừa chỉ vừa nói : 15 xu một ngày . . . Bụi than mà chúng vẫy-vùng ở trong đã đóng cho chân đi đất của chúng một thứ đề bằng than đá và quần áo của chúng cũng đen xịt cả.

Đó là những hoa chè và chàng Nguyễn, chăn trâu, bây giờ đã thành như thế. Không còn nụ sen, miếu nhỏ, rào nở hoa, việc làm ngày nay không thích sự làm dáng, sở-thích. Không còn lũy tre trước căn nhà : nhưng là chông cọc. Không còn hàng cau thẳng tắp, mảnh rẻ : nhưng là ống khói. Cái tiếng rầm-rầm như tiếng thác đổ là tiếng những máy sàng than chạy ; không phải hương-trầm phảng-phất, nhưng là những cục than luyện đỏ hồng : Than đá gầy, hắc và than luyện béo, ôi đâu là lòng yêu thích cái xa-lạ quê người !

Bạn cứ đem một làng nhỏ ở Pháp vào thế-kỷ XIII đặt trên bờ-biển Trung-hoa và đào ở đó một hầm mỏ, bạn sẽ có Hòn-gay . . .

Ai làm chủ ở đây ? Một ông quan ? Không, chẳng có gì quyền-rũ ông ta ở giữa đám cu-li này và Triều - đình Huế cũng chẳng thèm để ý đến họ. Một viên-chức người Pháp ? Bạn muốn cười : chỉ có một tên sen-đầm mặc dầu hắn ta tự gán cho mình cái chức thật kêu : chánh-cẩm. Ông chủ độc-nhất của hầm mỏ.

Tất cả những gì tôi có thể nhận thấy, từ đỉnh đồi, đều thuộc về mỏ than. Mọi sự, kể cả cái vùng biển rộng lớn đã chôn vùi hằng chục triệu để xây dựng một bến tàu mà không bao giờ xây được . . .

Mỏ than cũng tự tạo cho mình mọi sự : xà-lan, dụng-cụ, nồi xúp-de và ngay cả cân gạo của cu-li nữa . . .

Mỏ giàu lắm : 29 triệu lời năm ngoái, nghĩa là hơn cả vốn bỏ ra.

Đúng thế mỏ giàu quá sức tưởng-tượng : 64 ngàn khẩu-phần lúc đầu trị-giá 16 triệu bây giờ lên tới hơn nửa tỷ . . . và bạn có biết xứ mỏ than này mang lại cho Đông - dương, nước Pháp bao nhiêu không ?

Không có gì hết.

Tôi nói không có gì ráo trọi, vì tôi không đi đếm vài quan về tiền thuế phụ ; hay vài xu thuế mỏ. Đối với Sở than cũng như nhiều sở giàu có khác ở bên ấy : Những người vô-danh có thế-lực chia nhau lời lãi, hút đến tận tủy xứ này, còn thuộc-địa không được gì cả, và cả nước Pháp cũng thế, nước đã trả bằng giá máu đất xứ này . . .

Ít ra Hòn-gay cũng cho Đông-dương tất cả số than cần dùng ?

Không hẳn vậy. Hầu hết than đều chở đi Nhật, vì Nhật trả giá cao. Còn Sài-gòn yêu-cầu hoài, các nhà máy ở đó phải gửi « com-măng » *ở tận Cardiff, và đường xe hỏa thì đốt bằng gỗ, do phá rừng mà có.*

Không tiền cũng không than : Hòn-gay không đem lại cho chúng ta lợi-lộc gì cả, trừ mối căm-thù của hằng ngàn cu-li. . . (trang 93).

Và sau cùng, đây là một cảnh bán con dưới mắt L. Bonnafont một người Pháp ở lâu năm bên Việt-Nam :

« Trời xám và lạnh. Gió thổi não-nùng, qua phố tôi ở đã vắng người đi lại. Bây giờ là tháng chạp năm ất tý, chỉ còn vài ngày nữa Tết đến, bắt đầu một năm mới của người An-nam, tết là dịp linh-thiêng với những nghi-lễ tế tự cúng bái ông bà Tổ-Tiên. Tục-lệ cổ-truyền mà mọi người Á-Đông còn rất tôn-trọng là dùng rượu cất bằng gạo do chính ruộng đất của Tổ-Tiên để lại để lễ bái. Từ bốn ngàn năm rồi, nghi lễ bắt-buộc như vậy và từ bốn ngàn năm, những người nhà quê nghèo nhất cũng cố xoay sở được vài cân gạo để nấu rượu bằng những phương-tiện thô-sơ. Vào tháng chạp năm Ất-tý này (1906), những người nhà quê bất-hạnh vì bị nhà nước Pháp thả từng đoàn lính đoan, bọn chỉ điểm, về quê tầm-nã canh phòng, nên họ phải dùng những mưu-kế của người man-rợ để giữ gìn phong-tục. Nhưng bọn lính đoan vẫn theo rõi vì họ được huấn-luyện thành-thạo về cái nghề săn bắt đó. Mặc dầu các chức sắc trong làng làm ngơ và đồng-lõa, nhiều gia-trưởng cũng vẫn bị bắt vì nấu rượu lậu. Họ bị tù cùng với bọn đốt nhà, trộm cướp, giết người: Vì nhà nước Pháp ở Đông-dương đã nhân - danh Công-lý bất dịch và bình - đẳng chí thánh để ấn-định coi một người bị bắt vì nấu rượu như một kẻ gian-ác nguy-hiểm cho An-ninh chung, trước khi bị đưa ra xử và kết-án.

Một trong số những người khốn-nạn trên, là cha một gia-đình 4 con, bị bắt và giam ở tỉnh. Anh ta rét run lập-cập và lên cơn sốt chờ đợi ngày bị đem ra xử, nghĩa là bị kết-án. Anh rất nhẫn-nhục, theo một thứ triết-lý của những kẻ yếu hèn, anh biết rằng nhà nước để cho bọn trộm cướp tự-do hoành-hành, nhưng bỏ tù và kết-án những người nhà quê vô tội chỉ muốn theo tục-lệ tỏ lòng thành-kính biết ơn Ông Bà Tổ-Tiên.

Trong lúc người chồng bị giam, người vợ đi dò la tin-tức và được các chức sắc cho biết nếu có tiền lo-liệu thì chồng sẽ được tự-do. Người vợ về bán hai thùng lúa trong số 7,8 thùng nhà có cộng

với một đồng rưỡi tiền mặt, rồi giắt hai đứa con lên tỉnh để thăm chồng bị giam chung với bọn giết người.

Đến tỉnh, người vợ chỉ còn một đồng hai, và khi vào được thăm chồng, chỉ còn một đồng, hai hào kia đã biếu những người gác. Người chồng hỏi vợ: Phải nộp bao-nhiêu mới được tha? Người vợ đáp: phải 40, 50, 60 đồng và có thể hơn nữa Tùy ở người thu ngân ở đây, và tùy ở các ông lớn ở Hà-nội Hải-phòng». Cả hai nhìn nhau căm lặng trước số tiền khổng-lồ. Một lúc sau, người vợ cúi xuống nhìn hai đứa con, một trai 16 tuổi và một gái 10 tuổi. Người chồng bảo: *« cứ thử xem, tôi ốm, đừng để tôi phải ăn Tết ở đây với bọn trộm cướp. Thằng bé kháu sáng dạ, không nên bán nếu không được ít nhất 25 đồng. Rồi chúng mình sẽ tính phải làm ăn ra sao, sau Tết. Chúng mình không có gì cả. Chẳng ai cho vay mượn. Chỉ còn cách đó ». Người vợ đưa cho người chồng vài xu. Cả hai cảm-động ôm hai đứa con chúng bỡ-ngỡ vì không quen được hôn âu-yếm. Rồi người Mẹ mắt ướt giắt hai đứa con ra ngoài. Mụ đi về phía bờ sông lau rửa mặt mũi chân tay cho hai đứa con, cài cúc áo và sửa sang lại quần áo của chúng nó cho gọn-ghẽ. Người bán hàng không được quên rằng hàng chỉ được giá nếu biết bày hàng đẹp mắt người mua.*

Rồi người Mẹ mang hàng đi bán vào từng nhà một của các phố lớn vắng-vẻ vì gió rét thổi mạnh dưới bầu trời xám đen. Tôi ở cái phố vắng đó. Người đàn bà trông thấy tôi, gọi người ở ra và nói: « Nói với ông Tây tôi có hai đứa con buôn bán, chúng đây. Bảo ông ra xem. Chúng lớn và khỏe-mạnh ». Tôi nghe thấy cả. Tôi đi ra. Đứa con trai khá xinh và có vẻ rất thông-minh, cao giỏng, khỏe-mạnh, nhìn tôi một cách thẳng-thắn, có giáng điệu của một người biết mình sắp phải chịu một hy-sinh. Đứa con gái thì sợ-sệt, đứng sát vào Mẹ. Bà muốn bán bao nhiêu? — 40 đồng để nộp cho nhà đoan! Đắt quá! Xin ông thương, ba mươi đồng

vậy. Nếu ông không mua cả hai, thì mua một đứa nào ông thích 15 đồng. Tôi cũng từ chối, chắc bà ta coi là Harpagon hà tiện ! Ôi ! Từ chối một đứa trẻ 13 tuổi và một đứa bé gái 10 tuổi vì ba chục bạc !

Mụ đi ra, run lập-cập dưới những mảnh áo rách với hai đứa con cũng rét mặt tái mét . . . Mụ đi đến những nhà người Tàu và Annam để bán những con vật tính người. Nhìn người mẹ đó dưới bầu trời xám tháng chạp, đi từ nhà này sang nhà khác để bán con, người ta nghĩ tới những bảng kết-toán cuối năm, những mưu mẹo dùng để làm cân bằng sổ chi-thu. Trông về buồn của ngày tàn, hình-ảnh những người rách-rưới run lập-cập trước các hiệu buôn tàu tạo thành một bức-họa sống thực : bức-họa về những hậu-quả của chính-sách kinh-tế ở Bắc-kỳ. Có bao trẻ con ở Bắc-kỳ bị đem bán để có thể nộp tiền chuộc tháng này ? Chúng ta đã gieo vào lòng bao nhiêu người bản xứ sự thù oán người Pháp để cho bọn nhà thầu rượu có thể ngồi uống rượu vang hảo hạng ở những ngôi nhà tráng lệ ?

Đêm xuống. Người Mẹ trở lại nhà tôi để xin ở trọ vì không biết ngủ ở đâu được Hai đứa con vẫn chưa bán được.

— Thế nào chưa bán được à ?

Người đàn bà khổ sở trả lời : « Tôi tìm được một người mua, nhưng bọn Tàu muốn có một giấy chứng-nhận do chồng tôi ký. Phải như thế họ mới chịu mua. Tôi không biết chữ. Ngày mai, tôi phải trở về quê bán thêm hai thùng lúa để có tiền mua giấy, tem và sẽ mang lên cho bố chúng viết . »

Tôi không biết nhà thương chính có một phòng khách hay không. Nếu có, tôi đề-nghị với ban giám-đốc mua một bức họa sau đây để đặt dưới bức họa nền Cộng-hòa : « Bức họa một người đàn bà Annam bán con để có tiền chuộc ngày trước Tết, » tháng giêng 1906. Bức họa này sẽ để trang hoàng phòng khách. Nó sẽ làm tăng uy-tín của chúng ta lên, và treo nó ở phòng khách quả thật là đúng chỗ ! (Trente ans de Tonkin trg. 214).

II. THỰC - DÂN

SAU khi đã thấy chế - độ thực - dân, về thực-chất là bạo-động ; bạo động để xâm-chiếm thuộc-địa, bạo-động để duy-trì thuộc-địa người ta có thể dựa vào sự-kiện đó mà nhận-định về những tương-quan giữa người thực-dân với người bản-xứ thuộc-địa.

Vấn-đề trụ cốt là : những tương-giao giữa người thực-dân và người thuộc-địa có tính-chất nhân-loại không ? Vấn-đề trụ-cốt vì những chuyện xây-dựng văn-hóa, sáng-tạo giá-trị tinh-thần v.v... thực-sự có thể có thực hay không là tùy ở chỗ có thông-cảm, giao ngộ nhân-loại hay không giữa người thực-dân và người thuộc-địa...

THỰC DÂN MỘT HÀNH-ĐỘNG THA-HÓA CON NGƯỜI

Khi người Pháp sang Đông-dương xâm-lăng hay làm ăn, họ muốn gì ? Cho ai ! Muốn khai-thác, vơ-vét của-cải, làm giàu cho mình. Người thực-dân chỉ nghĩ lợi cho mình. Dĩ-nhiên đôi khi họ cũng nghĩ đến quyền-lợi của người thuộc-địa, nhưng không phải cho người thuộc-địa như mục-đích việc làm của họ, mà cũng là vì lợi-ích cho họ. Chẳng hạn, người Pháp phải mở trường dạy học, hay lập nhà thương trừ các bệnh dịch. Không phải là để giáo-hóa con người, bảo-vệ con người như cứu-cánh, nhưng vì người bản-xứ có được học và có sức-khoẻ mới làm việc phục-vụ cho họ được, do đó năng-xuất, lợi-tức được tăng hơn... Vả lại, nếu không trừ bệnh thời-khí, để lan-tràn thì chính Tây cũng chết luôn. Sau cùng, những hành-động « *tích-cực* » nầy còn có công-dụng « *biện-chính* » chế-độ thực-dân như là một trong những « *huyền-thoại* » mà chúng ta sẽ nói đến sau này. Gọi là huyền-thoại vì nó che-dấu nguyên-nhân căn-bản và do đó biện-chính cho sự-kiện. Chẳng hạn, về y-tế, vấn-đề căn-bản ở nước ta trong thời thực-dân chủ-yếu không phải là vấn-đề chống các bệnh truyền-nhiễm, nhưng là vấn-đề thiếu ăn (sous-alimentation) như Robequain đã nhận-định « *Trong những nguyên-nhân sâu-xa của*

tử-vong, thì sự lầm-than về sinh-lý hậu-quả của sự đói ăn chắc hẳn là nguyên-nhân kinh-tởm nhất trẻ con chết đói lúc còn ít tuổi, không phải chỉ vì thiếu vệ-sinh mà còn là vì chỉ rút được ở vú người mẹ kiệt-lực một ít sữa không đủ no » (1).

Nói cách khác, chính sự bóc-lột kinh-tế là nguyên-nhân căn-bản của sự lầm-than vật-chất và thể-xác. Nhưng về sự bóc-lột đó, dĩ-nhiên không bao giờ người ta nói ra. Do đó, công-trình y-tế được thực-hiện chỉ là « *huyền-thoại* ». Vậy dự-phóng thực-dân là một dự-phóng vị-kỷ. Người thực-dân chỉ **biết mình** và không **biết người**. Nói cách khác, có thể nói người thực-dân chỉ có ý-thức về mình mà không có ý-thức về người khác.

Cũng như đứa trẻ chỉ biết nhìn mọi sự, mọi người như những phương-tiện thỏa-mãn ước muốn của mình, người thực-dân cũng coi xứ-sở thuộc-địa, người thuộc-địa nằm bên trong nhãn-giới khai-thác, xử-dụng của họ.

Như thế, không có tương-giao giữa người và người với tư-cách chủ-nhân nghĩa là người này **nhìn-nhận** người kia cũng là chủ cuộc đời mình có thể dự-định như mình, và tôn-trọng sự nhìn-nhận đó.

Nói cách khác, người thực-dân đã dùng võ-lực bắt người thuộc-địa phải nhìn-nhận mình là chủ, và vẫn sẽ dùng võ-lực để duy-trì sự bắt-buộc đó. Vậy ngoài những liên-lạc có tính-cách bó-buộc với người thực-dân để phục-vụ những yêu-sách của họ (làm công, bàn giấy v.v. .) người thuộc-địa không có tương-giao với người thực-dân. Họ cũng ở trên một mảnh đất, nhưng mảnh đất, này bị phân đôi làm hai thế-giới khác biệt và loại trừ nhau về mọi phương-diện ; một thành-phố thuộc địa thường chia làm hai khu: khu phố Tây, khu phố Ta, riêng biệt. Tây chơi với Tây, Tây lấy Tây, Tây ăn uống với Tây; Ta chơi với Ta, Ta lấy Ta, Ta ăn uống với Ta. Nhưng bởi vì Tây làm chủ, Ta làm nô-lệ nên Tây giàu, Ta nghèo. Bên phố Tây nhà cửa cao-ráo, đường xá rộng-rãi, sạch-sẽ ánh điện chan-hòa, dư thừa ; bên phố Ta nghèo-nàn, nhà cửa

(1) trích lại trong Contribution à l'histoire du Vietnam. trang 199.

chen-chúc lụp-xụp, phố-xá chật-hẹp, bẩn-thỉu ; khu phố Tây là khu biệt-thự xinh-đẹp yên-tĩnh, khu phố Ta là khu buôn-bán, lao-động ầm-ĩ. Mỗi khu có sinh-hoạt riêng. Tuy-nhiên, vì có sự cách-biệt, chênh-lệch hơn kém như thế, nên người thuộc-địa thường trông sang khu phố Tây mà thèm muốn. Thèm được ăn cái bánh Tây, đi con đường Tây, ở nhà Tây, ngủ trên cái giường Tây, nói tóm lại ước muốn cái địa-vị của người Tây, mơ được đi Tây xem cái nước Tây nó to lớn, đẹp-đẽ như thế nào.

Vì bị bóc-lột nghèo-túng, nên người thuộc-địa thấy mọi cái gì tốt đẹp, hay quý, đắt tiền,đều là « *Tây* » cả. Và ngược lại, cái gì tầm-thường, tồi-tàn, dễ hư hỏng, rẻ tiền đều là ta « *đồ nội-hóa, lô-can* ». Chữ « *Tây* » trở thành một hình-dung-từ xác-định giá-trị (ít ra là giá-trị vật-chất). Chẳng hạn những đồ dùng : giầy Tây, giao Tây (có nghĩa là bền, tốt, sắc) nhà Tây, quần Tây, ăn cơm Tây, chơi lối Tây, (có nghĩa là sang-trọng, đắt tiền, lịch-sự) thuốc Tây (có nghĩa là thật, không phải giả).

Đã hẳn cũng có người thuộc-địa được giao-thiệp với Tây, ở khu phố Tây, ăn chơi lối Tây, nói tiếng Tây, hay đôi khi lấy Tây. Trong số người này có một ít thường hãnh-diện vì được vào « *làng Tây* » thực-thụ hay vào làng Tây theo nghĩa được sống gần Tây, sinh-hoạt như Tây. Họ là hạng người vong-bản (1).

Dân-chúng khinh hạng người đó và đôi khi ghét họ hơn là ghét Tây. Nhưng nguyên-nhân sâu-xa của sự cách-biệt, hơn kém giữa người thực-dân và người thuộc-địa không phải chỉ ở chỗ giàu nghèo mà chính ở tại thái-độ khinh-bỉ người thuộc-địa.

Người thực-dân không chấp-nhận lối sống của người thuộc-địa, không sinh-hoạt chung với người thuộc-địa, vì một thứ « *kỳ-thị chủng-tộc* ». Họ coi người thuộc-địa không phải là con người hay một giống hèn kém, xấu-xa, không những về phương-diện thể-xác mà cả về phương-diện tinh-thần. Ngược lại, người thực-dân mới là người thực vì đủ mọi ưu-điểm, đức-tính tốt của con người,

---

(1) Tôi đã phân-tích thái-độ này trong bài Người vong-bản trí-thức. Nhận-định tập III.

Do đó, họ sợ sự tiếp-xúc, giao-thiệp, chung sống không những có thể làm « *bẩn* » người họ (bẩn quần áo, tay chân, vì sự nghèo đói-bẩn-thỉu của người thuộc-địa) mà còn làm « *bẩn* » tinh-thần, luân-lý, các tổ-chức của họ như Meyer đã tuyên-bố ở quốc-hội Pháp không nên làm **nhơ-bẩn** « *prostituer* » nền Cộng-hòa bằng cách cho người Algérie có đại-diện (1).

Với con mắt thực-dân, cái gì ở người thuộc-địa cũng đều là xấu, không có, hay thiếu sót. Người thuộc-địa tiêu-biểu cho mọi nết xấu, và là một giòng-giống suy-nhược, hèn kém. Người thuộc-địa đần-độn, sợ-sệt, hèn-nhát, không biết sáng-kiến, hay ăn trộm cắp, nói dối. như Bonnetain viết về người Việt-nam « *Nhát gan, bẩn-thỉu, trộm cắp, gian hùng, đó là người An-nam* ».

Avesne cũng nhận-định rằng thường-thường người Âu-châu hay khinh người An-nam : « *Đó một hạng người bần-tiện, đểu-giả, hèn-hạ, chỉ có những bản-năng thấp kém : nhất là lười-biếng* ». Có người còn nói về người An-nam : « *Nó khôn như con khỉ nhưng lại không nhận rằng nó có trí khôn sắc-sảo. Chính họ cũng bảo cho ta hay là không nên lý-luận với nó vì nó không hiểu được lý-lẽ : chỉ có roi mây, và làm nhục mới trị được nó thôi* ». (2)

Điều đáng chú ý ở đây là người thực-dân tạo ra một hình-ảnh người thuộc-địa theo con mắt thực-dân của họ, và họ lại lấy cái hình-ảnh mà chính họ đã tạo ra đó để biện-hộ cho chính-sách thực-dân.

Nếu người Việt-nam kém văn-minh, bán-khai, thì sự bảo-hộ của Pháp qủa thật là « *may-mắn* » và chính-đáng

Nếu người Việt-nam không có sáng-kiến, chỉ biết vâng-phục không tự mình làm gì nên, thì thật là có lợi cho chính người Việt là họ bị trị và dành quyền cai-trị lại cho Pháp.

Nếu người Việt-nam hay trộm-cắp, chỉ có những bản-năng thấp kém thì cần phải có cảnh-sát, nhà tù đánh đập, tra-tấn, để đề phòng bảo-vệ an-ninh cho xứ-sở...

---

(1) Les damnés de la Terre. Frantz Fanon. Paris 1961. trang 33.

(2) Avesne. En face du soleil levant. trang 193.

Đó là luận-điệu người Pháp và tạp chí Nam-phong trước đây vẫn thường nêu ra biện-hộ cho chế-độ bảo-hộ. « *Nước ta kém, người Nam hèn nên nước Pháp có bổn-phận phải khai-hóa, dìu-dắt cho ta* ».

Nhưng cái hình-ảnh về người thuộc-địa không phải là người hay là một giống người hạ-đẳng, người của những bản-năng mà thôi cũng còn đặt người thuộc-địa **ra ngoài** lãnh-vực pháp-lý, luân-lý. Nếu người thuộc-địa chỉ như con vật đáng khinh-bỉ, thì đánh đập tàn-nhẫn hay giết chết đi có hệ gì, vì cũng chỉ như đánh giết con vật; do đó lương-tâm người thực-dân không hề thắc-mắc ân-hận hay lo-ngại về pháp-lý, tòa án gì cả. Chính vì thế mà những người Pháp có thể « *cười khoái trá* » khi thấy tên lê-dương cướp vợ của nhà báo người bản-xứ và lấy chai đập bể đầu anh ta, vì người bản-xứ không phải là người, do đó khỏi cần cư-xử nhân-đạo với họ.

Andrée Viollis thuật lại trong « *Đông-Dương cấp-cứu* » câu chuyện một sĩ-quan thủy-binh già đã kể cho bà. Hồi sang xâm-lăng, ông ta cầm đầu một tiểu-đội đổ bộ. Vừa lên bờ, bọn lính thủy liền xông vào một làng không tự-vệ dùng lưỡi lê tàn-sát đàn bà trẻ con. Ông ta tức-giận, ra lệnh tập-họp và nói : *Các anh không biết xấu-hổ sao ? Các anh có muốn thấy người khác xử như vậy với vợ con các anh không ?* » Một số cúi đầu không nói gì. Một số khác lên tiếng phản-đối : *Đó là bọn Tàu, không phải là* **người như chúng ta**, *bọn Mọi, bọn ngoại-giáo* » (1).

Sự đau-đớn của một người bị đánh đập làm cho người thực-dân cười khoái-trí, tiếng khóc của người mẹ trước cái chết của đứa con không gây nổi trong lòng họ một xúc-động nhỏ, vì công-cuộc thực-dân là một sự tha-hóa con người. Nó xóa bỏ tất cả những gì là nhân-loại trong tương-quan với người thuộc-địa và chính hành-động tha-hóa đó cho phép người thực-dân tha-hồ bạo-động vì không có luân-lý, pháp-lý nào phải giữ đối với con người đã bị coi là con vật.

---

(1) Indochine. S. O. S. trang 110.

Cho nên ở khởi điểm, nguồn-gốc tâm-lý người thực-dân, có một niềm tin chỉ giống da trắng là cao-đẳng, văn-minh và chỉ người Âu-châu mới là người thật. Nạn-nhân của thái-độ « *kỳ-thị chủng-tộc* » này là các dân-tộc thuộc-địa. Nhưng như Aimé Césaire, nhà văn người da đen đã chứng-minh, thế rồi một ngày kia đến lượt người Âu-châu chịu những hậu-quả của thái-độ « *kỳ-thị chủng-tộc* » mà chính họ đã gây ra. Trong cuốn « *Diễn-văn về chủ-nghĩa thực-dân* » (1). Césaire đã nói với người Âu-châu rằng trước khi họ là nạn-nhân của chủ-nghĩa quốc-xã (Nazisme) thì họ đã đồng-lõa với chủ-nghĩa đó. Hitler ở ngay trong lòng họ. Ông viết « *Thực ra, điều người Âu-châu không tha-thứ cho Hitler không phải là* **tội ác** *vì là tội ác, nghĩa là tội ác phạm đến con người, không phải là sự xỉ-nhục con người với tư-cách là người, nhưng là tội-ác xúc-phạm đến người da trắng, sự xỉ nhục con người da trắng, và vì Hitler đã lấy những biện-pháp thuộc-địa xưa nay chỉ thấy áp-dụng với người Á-rập Algérie, với cu-li Ấn-độ và mọi Phi-châu đem áp-dụng với người Âu-châu*».

Trước khi những Goebbels, Rosenberg, Hitler biện-hộ chủ-nghĩa quốc-xã, đã có biết bao những học-giả, nhà nhân-bản, đạo-đức Âu-châu biện-hộ cho « *chủ-nghĩa quốc-xã* », đối với các dân-tộc Á-phi, với những người mà họ gọi là « *hommes de couleurs* ».

Một vài câu trích sau đây, có khác gì những câu đã thốt ra từ miệng những lãnh-tụ quốc-xã mà các nhà học-giả, nhân-bản Âu-châu kết án

« *Chúng tôi mong đạt tới không phải sự bình-đẳng, nhưng sự bá-chủ. Xứ giòng-giống ngoại-lai sẽ trở nên một xứ nô-lệ, dân cày hay thợ máy. Vấn-đề không phải là xóa bỏ những bất-bình-đẳng giữa người với người, nhưng là làm tăng thêm và biến chúng thành một lề-luật* »...

« *Sự các dân-tộc kém cỏi suy-đồi và bị các dân-tộc cao-đẳng thống-trị là vâng theo một trật-tự thiên-hựu của nhân-loại* ». *Người dân ở nước chúng ta thường bao giờ cũng chỉ là một người*

---

(1) Aimé Césaire. Discours sur le Colonialisme. Présence Africaine. Paris 1952.

quý-phái bị mất địa-vị thôi ; bàn tay nặng-nề của người đó để cầm gươm hơn là để cầm dụng-cụ của kẻ nô-lệ. Người đó chịu chiến-đấu hơn là chịu làm việc, nghĩa là trở về tình-trạng sơ-thủy của họ. Regere imperio populos, đó là sứ-mệnh của chúng ta. Các bạn hãy mang hoạt-động đó áp-dụng vào những nước cần sự chinh-phục ngoại bang như nước Tàu chẳng hạn...

Tạo-hóa đã dựng nên một dân-tộc làm thợ, đó là dân Trung-hoa, rất khéo chân tay mà không hề có chút tinh-thần danh-dự ; các bạn hãy cai-trị họ một cách hợp lẽ phải, mà vẫn thu lợi cho chính-quyền cai-trị, dân-tộc đó cũng lấy làm thỏa-mãn ; một dân-tộc chỉ biết làm ruộng là người da đen, hãy tỏ ra tốt vâ nhân-đạo với họ, rồi mọi sự sẽ đâu vào đấy ; một dân làm chủ và lính, là dân Âu-châu. Bắt dân cao-thượng này làm việc trong những hầm ngục giam tội-nhân và nô-lệ thời La-mã, như người da đen và Tàu, họ sẽ nổi loạn. Bất cứ một tên phản-loạn nào ở nước ta, đều ít nhiều là một quân-nhân mất việc, một người sinh ra để sống anh-hùng mà các bạn đã bắt làm một việc trái với bản-chất giòng-giống của anh ta, là một người thợ dở, nhưng là một người lính giỏi. Vậy mà, cuộc sống làm cho những người thợ của chúng ta nổi-loạn, chính cuộc sống đó làm cho người Tàu, người Phi-châu, là những người không phải làm nghề lính lấy làm sung-sướng. Ước gì mỗi người làm cái mà mình sinh ra để cho được làm cái đó, mọi sự đâu sẽ vào đấy » (Renan) (1).

« Nhân-loại không thể để sự bất-lực, sự lười-biếng của những dân-tộc man-rợ làm cho những của-cải phí-phạm đi vì không có ai khai-thác sử-dụng, những của-cải mà Thiên-chúa đã giao-phó cho những dân đó để sinh lợi cho mọi người » (L. M. Muller).

« Thật rất đúng khi những người Âu-châu di-cư, vào thời Colomb, không muốn coi những bọn dân suy-đồi ở tân-thế-giới như là người giống mình... Người ta không thể trông người mọi-rợ mà không đọc thấy lời nguyền-rủa họ không phải chỉ khắc vào lòng họ, mà ngay cả ở về bề ngoài thân hình của họ ». (Joseph de Maistre).

---

(1) Những câu trích dẫn trên đều ở trong « Discours sur le Colonialisme ».

« Đứng trên phương-diện tuyển-lựa, tôi coi sự phát-triển quá nhiều những dân da vàng, da đen và sẽ rất khó tiêu-diệt họ, như là tai-hại. Nếu sau này xã-hội sẽ được tổ-chức trên một căn-bản nhị-nguyên, gồm một giai-cấp lãnh-đạo là da trắng và một giai-cấp mầu da thấp-kém chỉ được làm việc tay chân thô-kệch thì việc đó có thể dành cho giống da vàng và da đen. »

Như thế, không có gì bất-tiện cho người da trắng mà lại là một lợi cho họ. Không nên quên rằng chế-độ nô-lệ không có gì khác thường cũng như việc kềm-chế con ngựa, con bò mà thôi. Do đó, có thể một ngày kia, chế-độ nô-lệ sẽ lại xuất-hiện dưới một hình-thức nào đó. Điều đó chắc-chắn khó lòng không thể xảy ra nếu giải-pháp đơn giản này không can-thiệp vào « có một giống cao-thượng độc-nhất do sự tuyển-lựa mà ra ». (Laponge, trang 33)

« Tôi biết rằng tôi phải tin là tôi hơn những bọn Bayas vùng Mambéré. Tôi biết rằng tôi phải có sự kiêu-căng đó trong máu tôi. Vì khi một người không tin mình hơn người, thực-sự hắn sẽ không hơn nữa. Khi một giòng-giống cao không còn tin ở giòng-giống được lựa-chọn, nó không còn là giòng-giống được lựa-chọn nữa » (Psichari)

« Người man-rợ cũng cùng giòng-giống với người La-mã và Hy-lạp Đó là một người họ-hàng. Người da vàng, người da đen không phải là họ-hàng của chúng ta. Ở đây có một sự khác-biệt thực-sự, một cách-biệt thực-sự và thật lớn-lao, đó là sự cách-biệt và khác-biệt chủng-tộc. Thực ra nếu nói tới văn-minh, thì từ xưa đến nay, chỉ có người da trắng là văn-minh... Nếu Âu-châu trở nên vững-chắc đó sẽ là một thoái lui, một thời-kỳ ngu-dốt và hỗn-độn mới nghĩa là một thời trung-cổ thứ hai » (Faguet trang 33).

Một học-giả thực-dân, đã từng làm giáo-sư ở Cao-miên và ở Bắc-kỳ xưa đã xác-định thế nào là thái-độ thực-dân (1). Theo ông này :

« Nguyên-tắc của chủ-nghĩa thực-dân là người bản-xứ không bình-đẳng với ta. Nguyên-tắc đó có thể làm gai mắt những người tiêm-nhiễm tinh-thần bản « Tuyên-ngôn nhân-quyền »; nhưng nếu không có nguyên-tắc đó, làm gì còn thuộc-địa. Người bản-xứ đã quen chịu độc-

(1) Eugène. Pujarniscle. Phéloxène ou de la littérature coloniale. Paris 1963 trang 68.

tài và coi độc-tài là tự-nhiên, cho nên người Âu-châu xử với họ ngang hàng tức-khắc người Âu-châu sẽ bị họ coi là kém ..

Bởi vì thế nào cũng phải chọn một trong hai để chỉ-huy, thì tốt hơn là người Âu-châu cai-trị, như thế có lợi ngay cả cho người bản-xứ, vì người Âu-châu tiêu-biểu cho một văn-minh cao-đẳng; ít ra họ tin như vậy và cả người bản-xứ cũng nghĩ như thế. Giả-sử người Âu-châu có lạm-dụng thì cũng ít tai-hại hơn người khác. Do đó điều thứ nhất, là không nên vì lời nói, cử-chỉ làm mất uy-tín của người da trắng trước mặt người bản-xứ; và điều thứ hai là cũng không nên làm gì có thể giảm uy-tín của những người da trắng khác trước mắt người bản-xứ (có quần áo bẩn thì phải giặt rũ giữa những người cùng giòng-giống thôi).».

Không thể còn nói tới giao-ngộ, thông-cảm khi thái-độ đi tới người khác là thái-độ khinh-bỉ vì khinh-bỉ là từ-chối thông-cảm rồi. Muốn có thông-cảm phải có sự nhìn-nhận nhau trên căn-bản bình-đẳng và do đó phải có sự tin-tưởng tín-nhiệm để cởi mở và đón nhận. Nhưng tương-quan giữa người thực-dân và người thuộc-địa là một tương-quan lực-lượng. « *Những tên phố, những tượng kỷ-niệm đặt tại các ngã tư công-viên toàn là tên những tướng-lãnh, quan cai-trị đã chinh-phục, dẹp loạn, cai-trị xứ này bằng lưỡi lê, súng đạn như có ý nhắc cho người bản-xứ biết : « Chúng tao đến đây và ở lại đây bằng võ-lực và chúng tao là chủ ở đây* ». Những tên đội xếp sen-đầm, thanh-tra sẽ có nhiệm-vụ bảo-vệ cái trật-tự đó. Đã phải dùng đến võ-lực để duy-trì sự có mặt, làm sao còn có thể tín-nhiệm để cởi-mở, giao-ngộ ?

Ngược lại, người bản-xứ đâm ra sợ-sệt, khi bị đặt vào một tình-cảnh lệ-thuộc vì lâu ngày cũng tưởng rằng mình là như người thực-dân đã gán cho. Hoặc không sợ-sệt thì lại hằn-học, căm-thù. Nhưng, dù sợ-sệt hay căm-thù, người thuộc-địa luôn-luôn phải dè-dặt, kín-đáo và nếu cần phải tử-tế, lịch-sự, thì đó chỉ là giả đò, đóng kịch, chứ không bao giờ để lộ tâm-tình thực-sự của mình ra...

Thông-cảm cũng là một giao-ngộ giữa hai người, nghĩa là đòi-hỏi sự nhìn-nhận mỗi người như một đơn-vị, có cá-tính, sắc-thái riêng-tư của nó.

Trong con mắt của người thực-dân, người bản-xứ xuất-hiện như một lũ, một bọn đồng tính, đồng tình. Đó cũng là một hình-thức tha-hóa con người. Khi nói đến người thuộc-địa, họ cho bọn chúng là thế nầy, là thế kia như **tất cả** mọi người thuộc-địa đều thế cả. Khi một người bồi của họ làm hỏng một việc gì thay vì nói : « *không thể tin ở* **hắn** *được* », họ nói : « *không thể tin ở* **bọn chúng** *được* ».

Khi sự giao-thiệp không còn đượm tính-chất nhân-loại, không thể nói tới trao-đổi văn-hóa, Pháp-Việt đề-huề, Đông-Tây gặp nhau, tự-do, dân-chủ, bình-đẳng, cần-lao, gia-đình, tổ-quốc..... Đó chỉ là những danh-từ để lừa-bịp, những «*huyền-thoại*» để che-đậy thực-chất bạo-động Đối với người thuộc-địa, tự-do là có miếng đất để có miếng cơm, tự-do là không phải đóng thuế thân, đi phu, đi xâu, bị bắt lính... Như Franz Fanon đã viết : « *Điều người thuộc-địa thấy trên đất của mình, là người ta bắt mình một cách vô-lý, đánh đập mình làm cho mình chết đói và không bao giờ có một giáo-sư luân-lý hay một ông cha nào đến hứng lấy những cú đấm đá thay cho họ hay chia-sẻ cơm áo với họ* ».(1) Cho nên đối với đa-số dân thuộc-địa bị giam-hãm trong tình-cảnh nghèo-nàn, đốt-nát, họ không bao giờ được nghe thấy những danh-từ đó, còn nói gì đến thông-cảm trao-đổi. Trước mắt họ chỉ thấy ức-hiếp, đè-nén và bạo-động. Tây về làng, để hành-quân, bắt rượu, bắt lính. . người dân sợ hết hồn, lo ẩn trốn không xong, nói tới Pháp-Việt đề-huề, Đông-Tây gặp nhau thật là trò hề và mỉa-mai... Đối với dân-chúng, chỉ có hai thái-độ một là trước mặt Tây giả-vờ khúm-núm, lễ-phép, sợ-sệt : **ông** Tây « *quan lớn* », hai là vắng mặt Tây, châm-biếm, chế-riễu, khinh-bỉ **Thằng** Tây với cái mũi lỗ, râu xồm, mắt xanh lờ, da bạch (các cụ ngày xưa còn gọi là bạch-quỉ). Chỉ có thế thôi.

Tuy nhiên có một thiểu-số người thuộc-địa được Tây cho ăn học, có địa-vị, được vào giới Tây và do đó có thể nói tới những giá-trị tinh-thần, ca-tụng Pháp-Việt đề-huề, Đông-Tây gặp nhau ; nhưng thực ra cũng chẳng làm gì có « *trao-đổi* » tương-giao vì những người thuộc-địa này « *có* » gì đâu mà trao-đổi. Họ đã là vong-bản, nghĩa là thành Tây rồi thì còn cái gì khác nữa đâu để

(1) Les damnés de la Terre. trang 35.

đối thoại, trao-đổi. Nói như trên không có ý chối rằng trong thời-kỳ thuộc-địa, không bao giờ có những giao-ngộ thực-sự giữa người Việt và người Pháp. Chắc hẳn là có và những giao-ngộ này vượt tương-quan thực-dân bản-xứ. Nhưng những trường-hợp riêng-tư này không thay-đổi được gì hết thực-chất của chế-độ thực-dân. Chính chế-độ thực-dân xóa bỏ giao-ngộ đích-thực bằng cách làm hư-hỏng người Pháp khi họ bước chân tới xứ thuộc-địa. Rồi người Pháp biến thành người thực-dân lại làm hư-hỏng người bản-xứ. Rút cục chế-độ thực-dân là một quá-trình tha-hóa con người, làm cho con người mất hết tính-chất người, trở thành người vong-thân, cả người đi thực-dân lẫn người thuộc-địa.

NGÔN-NGỮ, VĂN-CHƯƠNG, BẠO-ĐỘNG

Có một ngôn-ngữ, một văn-chương thuộc-địa phản-ảnh một cách rất rõ-rệt thái-độ thực-dân. Do đó người ta có thể tìm-hiểu chế-độ thực-dân qua ngôn-ngữ mà những người thực-dân thường dùng để chỉ-thị cái thực-tại thuộc-địa. Ngôn-ngữ này theo kiểu nói của Fanon là một thứ ngôn-ngữ « *động-vật* » (langage zoologique) (1). Muốn gọi tên, chỉ-định cái gì liên-quan đến thuộc-địa, người thực-dân dùng những tiếng thường vẫn để chỉ-định sự-vật hay loài-vật. Có những tiếng gọi chung khinh-bỉ hầu như là một lời chửi : nhà quê, sale Annamite ; những người làm cách-mạng chống Pháp đều là « *làm giặc, quân cướp* » (pirate, rebelle, bandits) ; những tiếng để chỉ người thuộc-địa là một đám như đàn ruồi, đàn chim (bande, multitude, hordes) họ rúc trong những ổ, tổ (repaire) và tràn ra (déferler). Họ không hành-động nhưng cử-động mủa-máy (gesticuler).

Từ khi người Pháp sang cho đến khi chế-độ thực-dân cáo-chung ở Việt-nam có rất nhiều người Pháp đã viết hồi-ký, sáng-tác tiểu-thuyết, làm thơ. Nếu rảo qua tất cả những tác-phẩm đó, người ta thấy cái kho-tàng văn-chương này phản-ảnh tâm-lý và thái-độ của người Pháp qua những giai-đoạn « *phơi-bày thực-chất* » và giai-đoạn « *che dấu thực-chất* » bằng những « *huyền-thoại* ».

---

(1) Les damnés de la Terre. trang 34.

Malleret đã giới-thiệu khá đầy-đủ tất-cả cái kho-tàng đó trong cuốn : Exotisme indochinois dans la littérature française depuis 1860 (1). Nếu ta theo Malleret, đọc một vài tác-phẩm mô-tả những tiếp-xúc đầu tiên khi người Pháp mới đến xứ ta, ta thấy họ đã nhìn người Việt với con mắt thế nào. Chẳng hạn đây là những ghi-chép của một người lính :

« *Năm 1883, ngược dòng sông Hồng-hà bằng thuyền, thiếu-tá Peroz đã mô-tả những người bản-xứ rách-rưới, bẩn-thỉu cũng lên thuyền với ông ta. Bằng một giọng khinh-bỉ, ông phàn-nàn vì phải ngửi những mùi hôi-thối của nước mắm và mùi buồn nôn của thuốc phiện : Phải cố mà chịu-đựng sự tiếp-xúc xấu-xa đó* » (2).

Một cố-đạo nghĩ về tính-tình người Việt :

« *Tính-nết họ hay thay-đổi, nhẹ dạ lạ-lùng. Tôi tin rằng họ không thể theo-dõi một cách chăm-chỉ một ý-tưởng gì. Chính vì thế mà họ kém cỏi về mặt buôn-bán, kỹ-nghệ, văn-nghệ khi so-sánh với người Tàu mà họ đã vay mượn tất cả những gì là văn-minh bề ngoài... Thực ra, mặc dầu có cái vỏ bề ngoài lễ-nghi nghiêm-trang, họ vẫn còn là một dân-tộc ấu-trĩ, hay thay-đổi trái chứng như trẻ con. Cho nên phải xử với họ như với trẻ con, một chút nghiêm-khắc với một chút khoan-dung* » (3).

Một người khác phê-bình nền văn-minh của ta :

« *Trong các nước tự-xưng là văn-minh, tôi không thấy có nước nào phong-tục thả-lỏng như thế* ».

« *Xứ An-nam là một xứ có tổ-chức, không phải có văn-minh, Tính-cách văn-minh bề ngoài của nó là một sự phủ-nhận tuyệt-đối mọi văn-minh vì văn-minh của nó chỉ là sự bóc-lột dã-man đa-số, do một thiểu-số thối-nát và thiếu mọi tư-cách* » (4).

---

(1) Louis Malleret. L'Exotisme. Publication de la Société des Etudes Indochinoises. Paris 1934.

(2) Hors des chemins battus. Vie et Aventures d'un soldat de fortune. Paris 1908. Malleret, trang 50.

(3) Louvet. La cochinchine religieuse. Paris 1835. Tome I. Malleret, trang 52.

(4) Dutrei de Rhin. Le Royaume d'Annam et les Annamites. Paris 1879. Malleret, trang 66.

Một quan tòa viết

« *Người An-nam ở bẩn kinh-khủng ; người họ đầy rận chấy và bị các bệnh ngoài da tàn-phá, làm mụn nhọt mủ, khắp mình ; lúc nào cũng gần-gũi với súc-vật ở ngay trong nhà họ... đàn-bà đúng là thứ giống cái (femelle) của những người đó* » (1).

Trong cuốn tiểu-thuyết : « *Thuốc phiện* » của Bonnetain, người đàn-bà Việt-nam được mô-tả như là « *một con vật với dáng đi kỳ-cục* » với đôi hàm răng đen kinh-tởm « *không có gì kinh-tởm hơn cái hàng những hột xương nhỏ màu than đen bóng và tối-tăm giữa đôi môi rất mỏng hay quá đỏ* » (2).

Cái mặt thì là mặt súc-vật :

« *Cái mặt súc-vật (Visage bestial) của người đó luôn luôn bất-động, im-lìm và như thể ngu-đần quá chừng* » (3).

Không phải chỉ người mới xấu-xí, đáng ghét, nhưng cả cảnh-vật, sự-vật cũng không ưa được.

« *Phong cảnh chung ở Bắc-kỳ buồn-bã và đều-đặn. Người ta chỉ gặp toàn những đồng-bằng lầy-lội và ngập đến một nửa* ».

Mọi sự ở xứ này đều có vẻ lố-bịch cả : « *Cái thuyền lố bịch có hình một cái thùng chữ nhật* » (*navire grotesque en forme de caisse rectangulaire*) ; *những mái nhà tranh thì ghê-tởm, nước mắm thì có mùi thối thủm, còn chùa chiền thì lủng củng những đồ trang-hoàng...*

Người ta thấy khi người Pháp mới sang, rõ ràng là họ từ-chối thông-cảm. Và do đó lý-do đưa họ sang đây, đã hẳn không phải để thông-cảm, trao-đổi văn-hóa, tình-tự dân-tộc gì cả, nhưng

---

(1) Raoul Postal. L'Extrême-Orient. Cochinchine, Ann. Tonkin. Paris 1882. Malleret 265.

(2) Bonnetain. Opium. trang 174.

(3) P. Lefèvre. Faces Jaunes. Mœurs et Coutumes de l'Ext. Orient. Paris 1886. Malleret, trang 72.

(4) Et. Sarzean. Récits de guerre. Paris 1895.

là để khai thác bóc-lột mà thôi. Nhưng để che dấu sự thực đó, họ nại tới sứ-mệnh giáo-hóa dựa vào hình-ảnh về người Việt mà chính họ đã tạo ra như Malleret đã tự hỏi :

« Đâu là lý-do của sự nhơ-bẩn không thể tưởng-tượng được kia, nếu không phải là vì tình-trạng suy-đồi của dân-tộc này. Do đó sự chinh-phục mặc một ý-nghĩa giải-thoát như bác sĩ Challan de Belval đã viết : « Đàn ông, đàn bà đều có một nét mặt chịu-đựng nhẫn-nại và nghi-nan gian-lận, đó là những đặc-điểm của sự suy-đồi luân-lý. Đây là một giòng-giống nô-lệ cần phải dẫn-dắt lên chỗ nhân-phẩm. Đó là mục-đích của chúng ta, mục-đích của sự chinh-phục (1).

Nhưng đó là nói dối. Thực-chất của thực-dân không nhằm những mục-đích trên. Chính vì thực-chất của chế-độ thực-dân là chống lại con người, phản nhân-đạo mà ta thấy không thể có một nền văn-chương thuộc-địa được. Malleret cũng như Pujarsnicle đều muốn xác-định những tiêu-chuẩn của thứ văn-chương đó, và tìm cách ca tụng nó trong khi giới-thiệu những thơ-văn do người Pháp viết về thuộc-địa Đông-dương. Bằng-chứng là có người Pháp nào bây giờ biết đến và thưởng-thức những tác-phẩm đó và công-nhận cho vào *« văn-học sử-Pháp »* ? Có thể nhận có một văn-chương ưa lạ (littérature exotique) chứ không thể có một văn-chương thuộc-địa (littérature coloniale) đích-thực là văn-chương. Làm sao văn-chương có tác-dụng truyền-cảm khi mục-đích của nó là ca-tụng cái phi-luân, cái vô nhân-đạo.

Do đó, nếu có một văn-chương về thuộc-địa thì có lẽ chỉ thứ văn-chương chống thuộc-địa như văn-chương bằng tiếng Pháp của những nhà văn da đen chẳng-hạn. Đó là văn-chương đích-thực vì nó được tình-tự nhân-loại và ca-tụng cái nhân-đạo, bằng cách tố-cáo và chống lại những tội ác của chế-độ thực-dân.

Ngay cả khi những người thực-dân bước vào giai-đoạn huyền-thoại (2) và có những tác-phẩm phản-ảnh giai-đoạn này,

---

(1) L'Exotisme... trang 74.

(2) Chúng tôi sẽ trở lại trong chương sau.

giai-đoạn có sự ca-tụng cái đẹp của bản-xứ, cái hay của văn-minh bản-xứ... Cũng vẫn không thể có văn-chương thuộc-địa đích-thực vì tương-quan giữa người thực-dân và người thuộc-địa vẫn là những tương-quan giả-tạo và lệch-lạc, vì về thực-chất, quan-hệ thực-dân thuộc-địa vẫn là bạo-động. Nếu có giao-thiệp, thì người Pháp cũng chỉ tiếp-xúc với những người bồi hay những người Việt-nam vong-bản ; như Malleret đã thú-nhận « *Hầu hết những nhà văn Đông-dương đều chỉ biết người An-nam qua bọn bồi của họ, nghĩa là qua một hạng người đã bị cô-lập-hóa một cách phi-lý khỏi khung cảnh tự-nhiên của họ. Người bồi-bản-xứ thật là một sản phẩm kỳ-cục của sự vong-bản do tiếp-xúc với ta ; họ chỉ cho ta thấy những cái rất ít có ý-nghĩa gì. Phần lớn những suy-diễn mỏng-manh đều do cái người thông-tin đó* » (1).

Sự thất-bại không thể đi được vào chính lòng người Việt-nam để xây một tương-giao, trao-đổi đích-thực, cũng chứng-tỏ sự thất-bại không thể gây-dựng một nền văn-chương phản ảnh cho mối tương-giao, trao-đổi, đó.

Cho nên cái mà người ta gọi là « *văn-chương thuộc-địa* » thì đối với chúng ta cũng như có lẽ đối với cả người Pháp ngày nay, không thể là văn-chương đích-thực được.

*

TRƯỜNG-HỢP PIERRE LOTI

Một nhà văn danh-tiếng Pháp đã để lại những trang bút-ký phơi-bày tâm-lý của người thực-dân lúc sang Việt-nam chiếm-đóng một cách « *hiện thực* » hơn cả có lẽ là Pierre Loti. Pierre Loti là thiếu-úy thủy-quân đã tham-dự vào những trận đánh : Đà-nẵng và cuộc bắn-phá, đổ-bộ ở cửa Thuận-an năm 1883.

« *Những cảm-nghĩ về lưu-đầy* » (2).

---

(1) L'Exotisme... trang 301.

(2) P. Loti. Propos d'exil (journal). Paris. Calman-Lévy.

Đây là một tập nhật-ký, trong đó có những trang Pierre Loti ghi lại những ngày ở Việt-nam (đóng ở Đà-nẵng khi lên thăm thành-phố). Thời-gian này Loti gọi là thời-gian lưu-đày. Tác-giả có một thái-độ từ-chối thông-cảm nên khi lên đất nước này, và tiếp-xúc với người bản-xứ, ông coi nó như một đất thù-địch và người ở đấy như là xa-lạ ; nhưng khi người ta đã có thái-độ từ-chối tìm-hiểu và cởi mở gián-tiếp với lòng thiện-cảm, người ta không còn thấy cái gì là hay, đẹp nữa. Mọi sự đều xuất hiện trước con mắt Loti như những cái gì đáng ghét, xấu-xa và không thể chấp nhận được. Hơn nữa, Loti còn có những thiên-kiến về chủng-tộc. Ông khinh người Việt-nam mà ông coi là kém-cỏi.

Khi tả một đại-diện ngoại-giao của Triều-đình Huế, ông viết : hắn có một bộ mặt khỉ (figure de singe) (trang 9). Ông rất hay dùng tiếng khỉ để tả, cái gì của người Việt cũng đều là như của khỉ cả : « *nó kêu như tiếng khỉ* » (voix de singe) (trang 25) « *những người đánh cá để giữ được thăng-bằng, nghiêng mình ra ngoài thuyền ... ngồi xổm như những con* **khỉ non** » (jeunes singes) (trang 41). « *tụi Tàu* **lúc-nhúc** (*grouillement*) *bẩn-thỉu, mắt cử-động như mắt khỉ, những con mắt lồi ra ngoài trán của những cái đầu cạo trọc...* » (trang 51).

« *Tất cả đều vàng khè vội-vã, tham-lam, khỉ quá (simiesque) và thô-tục* » (trang 115). « *Những đứa ăn mày, ghẻ lở, gãi một cách khéo-léo như khỉ* (dextérité de singe) » « *Đàn bà thì xấu-xí, trẻ con thì chui rúc, bẩn-thỉu* ». Loti dùng những động-từ vẫn để chỉ những cử-động của loài-vật như pulluler, grouiller se gratter. « *Những người đàn bà thì vàng khè, xấu kinh-khủng* » (trang 12) « *trẻ con thì trần-truồng, lúc-nhúc, chui-rúc khắp mọi chỗ trong các thuyền* ». « *Người thì thật xấu và sợ-sệt* » (trang 66).

« *Một chuỗi 12 cái lông, dài, cứng, phất-phơ như dương-liễu tựa giống những lông của con* **hải-cẩu** » (trang 26).

Loti thường hay dùng chữ « *vàng* », chữ « *Tàu* (chinois) với cái ý-nghĩa miệt-thị và do đó cái gì đáng chê, ghét, ghê-tởm đều là vàng hay Tàu cả. « *mặt vàng* » (masque jaune) « *hỏa-ngục vàng ở Á-đông* » (l'enfer jaune d'Asie) (trang 47).

« *Chúng tôi tới miền Á-đông, và chúng tôi bước vào hỏa-ngục vàng* » (trang 50). « *Cái yếu-tố vàng càng ngày xâm-chiếm lòng chúng tôi* » (l'élément jaune nous envahit de plus en plus (trang 72).

« *Hử ! Ngửi thấy mùi Tàu* » (ça sent le chinois)·

Tiếng nói của người Việt-nam, Loti nghe như tiếng mèo kêu : « *Tiếng của xứ này hình như bao giờ cũng là một chuỗi những âm vô-định giọng mũi, bị cắt đứt bằng những độc-vần hơi có vẻ như thở hồn-hển và có một cái gì phát ra chốc-chốc như tiếng meo-meo của mèo* » (trang 316, Figures et choses qui passaient).

Nhìn loài-vật, con nào cũng là « bần-thỉu » (sales bêtes).

Còn cảnh-vật thì không chịu được : buồn tẻ, u-ám, lạnh-nhạt. «Cái xứ u-tối vàng khè này, mà trời buồn tẻ như bao giờ cũng xám-xịt » luôn-luôn cũng vẫn chỉ là những hoàng-hôn mầu-sắc kỳ-dị và lạnh-lùng, ở cái xứ nóng-nực này. Trong bầu trời vàng, xanh-xao, núi-non mặc một mầu-sắc xám-xịt hay mầu mực đen giải ra thật-cao những ngọn như những chiếc răng nhọn hoắc và bị cắt quãng với nhau một cách tàn-nhẫn (trang 58).

« *Những ngôi chùa già cỗi, với những tượng quỉ thần xấu-xí cổ-lỗ và đầy bụi* » (*trang 16*).

« *Trong chùa có những ác-quái nhỏ cũ-kỹ kinh-tởm* » (*vieux petits monstres horribles*) (*trang 54*).

Đi đến đâu, trông thấy gì, gặp ai, con mắt ác-cảm, từ-chối thông-cảm của Loti cũng chỉ thấy cái đối-nghịch, do đó mà ông không thể thể yêu được người, vật xứ này mà ông cảm thấy cô-độc, tù-đày những ngày sống ở đây :

« *Khi đã hết muốn tò-mò lúc ban đầu, tôi thấy tôi không bao giờ yêu được xứ này, cũng không thấy thích được bất cứ một tạo-vật gì của cái giống [illegible] vàng buồn tẻ đó. Thật chính là nơi tù-đày, cái đất này, vì nó chả có gì làm cho tôi lưu-luyến hay say-mê nó* » (*trang 53*).

« *Những hình-ảnh và sự-việc đã qua* » (*1*).

(1) P. Loti. Figures et choses qui passaient. Paris 1898.

Trong tập hồi-ký này, Loti có trích đăng lại một thiên nhan-đề : « *Ba ngày chiến-tranh ở An-nam* ». Loti có mặt ở chiếc tàu Atalante, thuộc pháo-đội của Courbet bắn phá Thuận-an. Loti ở lại trên tàu theo-dõi cuộc bắn phá và đổ-bộ, nghe các bạn kể lại sau giao-tranh, ghi-chú rồi gửi cho tờ Figaro đăng liên-tiếp ba bài phóng-sự :

1) Chiếm Bắc-kỳ, nhìn từ Hạm-đội (28-9-1883)

2) Ở Bắc-kỳ. Chiếm thành Huế. Trong một doanh trại thủy-binh trên chiếc Atalante.

3) Ở Bắc-kỳ. Đêm ngày 20-8 và 17-10-1883 . . .

Những bài này in lại trong « *Hình-ảnh và sự-việc đã qua* » dưới nhan-đề : « *3 ngày chiến-tranh ở An-nam* » nhưng bỏ một số đoạn bị chỉ-trích.

Sau khi tờ Figaro đăng loạt bài phóng-sự, một luồng dư-luận công-phẫn và đả-kích nổi lên cả ở trong, cả ở ngoài nước Pháp. Nhiều báo Anh, Đức tố-cáo người Pháp là « *những con thú dữ* » đi đánh một trận giặc diệt-chủng. Một vài tờ báo Pháp chống chính-phủ như tờ « *l'Intransigeant* » cũng khai-thác vụ này. Sở-dĩ có sự sôi-nổi này là vì trong thiên phóng-sự của Loti, có tả một vài cảnh chém giết, tàn-sát dã-man với một sự vô-ý-thức lạ-lùng và một sự khoái-trá ghê-tởm . . .

Đề-đốc Peyron buộc phải cho Loti giải-ngũ nhưng một số báo bênh Loti, cho rằng nhà văn này chỉ là nạn-nhân, và thủ-phạm chính là bọn lính thủy. Nhưng Pierre Loti cải-chính và tuyên-bố ông không phản-đối và lấy làm chướng mắt, đau lòng về thái-độ của lính thủy, do đó ông viết bài không phải để tố-cáo họ, mà chỉ để nói sự thực.

Điều đó chứng tỏ tâm-lý của Loti bấy giờ y-hệt tâm-lý của bọn lính thủy: Đây là một thái-độ « *thực-dân* » một hành-động « *tha-hóa* » con người. Chính vì khinh-bỉ và coi người An-nam chỉ là con vật như đã thấy bộc-lộ ở trên trong (Propos d'Exil) mà người Pháp có thể tàn-sát dã-man mà không hề thắc-mắc, ân-hận, trái lại còn coi sự tàn-sát đó như một trò chơi (jeu de massacre).

Chúng ta có thể đem phân-tách tâm-tình của ta khi xem các phim « *Tây trắng giết Mọi da đỏ* » để dễ hiểu thái-độ của người Pháp khi đánh chiếm Việt-nam mà Loti đã mô-tả một cách thật linh-động xác-thực. Trong những phim loại này như phim « *Ba chàng trung sĩ* » (Les trois sergents) đã chiếu ở Sài-gòn cách đây ít lâu, người ta thường trình-bày những truyện da trắng đến cướp đất của da-đỏ, rồi đánh nhau... Tâm-lý của người xem là mong cho da trắng được và sốt ruột chờ-đợi những « *sen gây hấn* » đó. Tôi nhận thấy trẻ con trong rạp reo cười vỗ tay khi một chàng da trắng bắn chết hay quật ngã một tên da đỏ trong một cuộc giao-tranh hay phục-kích...

Đối với khán-giả, cái chết của tên da đỏ kia không có gì là bi-đát cả, vì nó chỉ là con vật, và là một con vật dữ-tợn, tàn-ác (dữ như Mọi !) cho nên nó phải bị giết chết là đáng kiếp. Người ta coi sự xâm-lăng của người da trắng không phải như một tội-ác, mà như một sự tự-nhiên và ca-tụng những kẻ xâm-lăng chiến-thắng đó như những vị anh-hùng ; ngược lại người ta coi kẻ bị xâm-lăng như là phạm-nhân, tàn-ác, dã-man, khi họ chống-cự và trả thù (sự trả thù được trình-bày như một xâm-lăng, một tàn-sát dã-man người da trắng).

Vô-tình chúng ta có một thái-độ với người Mọi hệt như thái-độ của người Pháp thực-dân trước đây khi sang xâm-lăng nước ta.

Đọc thiên phóng-sự của Loti, chúng ta thấy Loti coi cuộc tấn-công của lính Pháp như một « *trò chơi* », và ông lấy làm thú-vị khi ngắm những viên đạn rơi vào những đám quân An-nam làm cho họ ngã gục, vì những kẻ kháng-cự lại yếu-ớt quá ; rồi bọn lính cũng lấy làm thích-thú đếm những xác chết

Sở-dĩ những trang của Loti gây sôi-nổi là vì ông đã nhìn cuộc giao-tranh qua những khía-cạnh tâm-lý, trong những quan-hệ giữa người với người. Đó là ngôn-ngữ văn-chương. Nó khác với ngôn-ngữ nhà binh, ngôn-ngữ của bá-cáo chỉ chú-trọng ghi-chép sự-việc mà không nhằm mô-tả khía-cạnh tâm-lý, nhân-loại.

Đây là hai bài tường-thuật trận đánh cửa Thuận-an : một bài bằng ngôn-ngữ bá-cáo của nhà binh, và một bài bằng ngôn-ngữ văn-chương của nhà văn.

CHIẾM THUẬN-AN, THEO ĐẠI-ÚY THOMAZI

Trong thời-gian đó, sư-đoàn thủy-binh lên đường đi Touranne và gặp ở đó chiếc tàu « Annamite » từ Saigon lên, chở 600 thủy-quân lục-chiến, 100 lính tập An-nam, một dàn trọng-pháo và 100 cu-li khuân-vác. Đoàn tàu đến cửa Thuận-an ngày 18 tháng 8 buổi trưa và các tàu đậu vào chỗ đã chỉ-định. Có những chiến-hạm Batard (Harmand và đô-đốc ở trên tàu này) và Atalante, tuần-dương-hạm Château-Renaud, những pháo-hạm Lynx và Vipère mượn ở sư-đoàn Nam-kỳ.

Một ủy-viên chính-phủ An-nam được tức-khắc sai đến để hỏi về lý-do có mặt của đoàn tàu. Đô-đốc trả lời yêu-cầu phải nộp các đồn binh trong thời-hạn hai giờ, nếu không sẽ bị bắn phá. Đến bốn giờ rưỡi, không nhận được trả lời, đô-đốc ra lệnh bắn. Mặc dầu sóng lay-động tàu, nhiều phát bắn trúng ; người An-nam kháng-cự mạnh nhưng tầm súng của họ ngắn quá . . .

Ngày mai sẽ đổ-bộ, nhưng sóng lớn quá nên chỉ bắn-phá suốt cả ngày. Lính An-nam bắn phá hơn, chiếc Bayard và Vipère nhiều lần bị trúng đạn.

Sáng ngày 20-8, biển yên-lặng hơn, các toán quân đổ-bộ bằng xuồng và đến bờ lúc 6 giờ. Các toán người này không kể toán tiếp-viện từ Saigon tới, gồm những tiểu-đoàn đổ-bộ của các chiến-thuyền với những khẩu đại-bác nhỏ cỡ 65 ly : tất cả là 1.050 người dưới quyền chỉ-huy của đại-úy Parragon thuyền trưởng chiếc Bayard. Cuộc đổ-bộ được hai pháo-hạm đậu rất gần bờ yểm-hộ. Những thủy-binh lên bờ trước và thủy-quân lục-chiến lên sau.

Người ta chiếm ngay được một dãy hố công-sự dọc theo bờ-biển, rồi tiểu-đoàn của chiếc Atalante, do thiếu-úy Poidloii chỉ-huy, tấn-công đồn phía bắc, những đại-bác 65 ly bắn-phá đồn chính. Trung-úy Gourdon đánh bật cửa lớn bằng một quả đạn lửa. Olivieri vào trong đồn đầu-tiên, rồi lính và thủy-binh ào vào sau, đến 9 giờ cờ ba sắc đã thay-thế cờ vàng của An-nam. Sau trưa, hai chiếc Lynx và Vipère, do hai thiếu-úy Blonet và Lejard chỉ-huy hùng-dũng vượt

những chắn ngang sông dưới làn đạn của địch đang rút lui khỏi những vị-trí phòng-thủ cuối-cùng.

« Chiến-công rực-rỡ và đã được điều-khiển rất tài-tình (đó là kiểu nói của chính đô-đốc Courbet trong bản tường-trình) chỉ làm tổn-thất vài binh-sĩ bị thương. Hiệu-quả của nó đến lập tức...»

Vào nửa đêm hôm sau, Nguyễn-văn-Phương, Bộ-trưởng Bộ Ngoại-giao của An-nam, cùng đi với một Giám-mục người Pháp là Caspar, làm thông-ngôn, đến ký thỏa-hiệp đình-chiến trong vòng 48 tiếng, nhận lui binh ở mười hai đồn bên trong phòng-thủ sông, phá-hủy các kho đạn dược và các chướng-ngại-vật.

Harmand đến Huế bằng một xuồng máy và ngày 25-8-1883 một hòa-ước được ký-kết với những điều-kiện sau đây : Xứ An-nam nhận cho chúng ta chiếm giữ Nam-kỳ, và nhận nước Pháp bảo-hộ Bắc-kỳ, Trung-kỳ...»

(La Conquête de l'Indochine. Payot. Paris 1934. trang 165-166).

✱

CUỘC ĐỔ-BỘ THUẬN-AN THEO PIERRE LOTI

17-8-1883

Hạm-đội tập-hợp ở Đà-nẵng... Ngày mai sẽ tấn-công các đồn-lũy và kinh-thành Huế...

18-8.

Quả đại-bác đầu tiên do chiếc Bayard bắn đi là dấu-hiệu tấn-công. Nó rơi vào giữa thành-đồn An-nam, làm bốc lên một bầu đỏ xám cát và sỏi. Từ khắp các tàu chiến, cuộc oanh-tạc bắt đầu, đều đặn và có phương-pháp, mỗi chiếc bắn vào đúng điểm đã chỉ-định hôm qua. Vài phút qua, trên đất vẫn không thấy động-đậy gì ; có lẽ người An-nam đã trốn hết.

Rồi đột-nhiên những ánh lửa nhỏ vụt sáng bật ra từ thành-lũy, kèm theo những tia khói trắng. Đó là phản-công. Họ bắn trả lại chúng tôi... Nhưng đó chỉ là những hòn tròn-tròn, không tới được chỗ chúng tôi. Chúng rớt xuống ở giữa đường, để lại một vài gợn sóng trên mặt nước... Những tàu chiến, đậu quá xa, nhìn những

quả pháo bay không một chút lo sợ ; người ta thấy chúng nhảy nhót trên mặt nước làm thành những mảnh thia-lia, như những trái cầu của trẻ con chơi, rồi biến mất giữa đường...

Không mấy chốc, những ngọn lửa đã bốc lên sau thành-lũy cửa Thuận-an ; đó là đám cháy mà những quả pháo của chúng tôi đã nhóm lên đàng ấy... Những làng-mạc cháy... lửa lan ra rất nhanh và bốc rất cao với những đám khói dầy đặc...

« Cuộc đổ-bộ diễn ra ở gần đồn phía bắc, trước mặt một làng. Bỗng nhiên sau các đụn cát, một loạt đạn lửa tý-hon rơi như mưa bụi, cùng với một vài hỏa-pháo và mảnh sắt vụn. Không ai bị thương cả. Những quả pháo tý-hon thật là vô hại, chúng rơi hiền lành trên bãi cát như những mảnh sao băng. Lính thủy vừa lên bờ vừa chạy trên các đụn cát, gặp lính An-nam dưới hố, bắn họ rồi lấy lưỡi-lê đâm chết họ **như chơi dỡn** *». Bỗng nhiên, tất cả lũ da vàng (bande jaune) chạy trốn. Có lẽ đến gần một nghìn người bỏ chạy trước một đám lính thủy . Pháo binh Pháp nổ súng Cả làng Thuận-an bốc cháy lập tức và phút chốc đã trở thành một đống lửa to lớn .*

Người Pháp từ hai phía vào đồn mà những quả trái phá của hạm-đội đã chất đầy những xác chết. Những người An-nam cuối cùng còn ẩn-trốn ở trong, leo tường trốn ra ngoài, hết sức khiếp sợ một vài người nhảy xuống nước, một vài người khác cố qua sông bằng thuyền để lẩn sang thuyền phía nam. Những người ở dưới nước giả đò che mình một cách ngây-thơ bằng chiếu, mảnh tôn, mộc mỏng . . Lính thủy không bắn nữa, vì thương-hại, và để cho họ trốn ; họ đã có khá đủ xác chết ở trong thành phải chôn chiều nay trước giờ ngủ rồi .

Lá cờ vàng An-nam, phất phới từ hai ngày nay bị kéo xuống, và lá cờ Pháp được kéo lên thay thế. Thế là xong. Tất cả bờ phía bắc đều đã chiếm được bị quét sạch, đốt cháy. Tóm lại, một buổi sáng sung-sướng và vinh-hiển, đã được chỉ-huy một cách rất tài-tình.

Về phía An-nam, có độ sáu trăm người chết nằm la-liệt trên các nẻo đường và làng-mạc.

Về phía ta, một chục người bị thương xoàng, không ai chết, ngay cả không một ai là bị thương một cách tuyệt-vọng.

*

Đêm 20 - 8

Ở đây P. Loti thuật lại những cảm-tưởng của quân Pháp lúc tối ngồi trò-chuyện nô-đùa với nhau để nhắc lại hình-ảnh những sự-việc trong ngày vừa qua.

Dưới đây là những đoạn đầy ý-nghĩa :

« Người ta nhảy rất nhanh lên bờ và chạy trong yên lặng. Thế rồi đột-nhiên, trong một đường hố dài hầu như bao-bọc cả mỏm đảo, người ta thấy những người ngồi rình, núp trong những lỗ cát như những con chuột gian-hùng : những người da vàng rất xấu-xa, gầy-còm, rách-rưới, khốn-nạn, võ-trang sơ-sài bằng giáo-mác, súng rỉ, đầu đội nón trắng. Họ không có vẻ là những quân thù đáng sợ, người ta đã đánh đập họ bằng những cú báng súng hay lưỡi-lê . Người ta vẫn đồ-bộ, hơi hỗn-độn một chút. Lính thủy chạy như trẻ con đùa. Rồi bỗng-nhiên họ dừng lại, lùi về đàng sau hai bước . . Một đường hố đầy đầu người nữa . .

Một phút lưỡng-lự và sợ-sệt nơi những đứa trẻ lớn này là các chàng lính thủy . . . Họ ngạc-nhiên thì đúng hơn, ngạc-nhiên trước những cái đầu vàng, những khuôn mặt không bao giờ thấy, mà chỉ gặp mặt đối mặt khi chúng nhô lên từ những hố cát cá nhân

Những lính thủy rất khó tự-chủ được. Họ muốn vào cái làng mà lục-soát các gốc cây, để thanh-toán hết bọn người của Tự-Đức... Dàn đại-bác ở « Hàng-gạo » bị chiếm-đoạt, những làng sau đó bốc cháy với những đám lửa đỏ và khói đen xì. Người ta bỡ-ngỡ khi thấy những đám cháy đó, khi thấy mọi sự xảy ra nhanh-chóng và tốt-đẹp quá, khi thấy tất cả xứ này cháy. . Người ta không còn ý-thức cái gì nữa, mọi tình-cảm đều bị lôi hút vào cái say-sưa lạ-lùng muốn tiêu-diệt

Nói cho cùng, ở Viễn-đông, tiêu-diệt, tàn-phá là luật đầu tiên của chiến-tranh. Thế rồi, khi người ta đến với một đám người như thế này để bắt cả một xứ rộng-rãi mênh-mông vâng-phục lề-

luật của mình, cuộc chinh-phạt quả thật là phiêu-lưu đến nỗi phải reo-rắc nhiều khủng-bố nếu không muốn chính mình bị ngã gục...

. . Lính của Tự-Đức bắt đầu trốn chạy từ những làng đang cháy ; Người ta thấy họ xuất-hiện, **đen khét cả nửa như da cháy,** *tụ-tập lại khi ra khỏi làng, lưỡng-lự, xắn quần thật cao cho dễ chạy, phủ đầu bằng những mảnh ván, chiếu, mộc mỏng để phòng đạn bắn, thật là những biện-pháp trẻ con như thể đề-phòng một trận mưa rào. Thế rồi, người ta thấy họ chạy ba chân bốn cẳng.* **Người ta đã bắn những loạt đạn — hai loạt, và thật là thú-vị khi thấy những tên lửa rất dễ điều-khiển kia rơi vào họ, hai lần mỗi phút theo lệnh, và một cách đều-đặn chắc-chắn. Đó là một thứ tưới nước làm cho tất cả bọn họ ngã gục từng đám trong vấy bùn cát và sỏi** (1). *Người ta thấy chúng hết sức điên dại, muốn chạy trốn đến chóng mặt như những con vật bị thương chúng chạy quanh-quẩn, ngang-ngược ; một cuộc chạy của khủng-khiếp, quần xắn đến hàng một cách buồn cười ; búi tóc của chúng tung ra, những mái tóc dài làm cho chúng có vẻ là đàn bà. Những đứa khác nhảy xuống nước, phủ đầu bằng những mảnh mộc bằng rơm, ngồi tìm thuyền...* **Có những đứa lội rất giỏi, lặn rất lâu dưới nước, nhưng người ta cũng bắt được chúng khi chúng ló đầu lên thở một chút như đàn hải-cẩu. Thế rồi người ta lấy làm thích-thú đếm những xác chết** (*1*).

Còn trong làng đang cháy, người ta thấy những đứa bị cháy, nằm dưới đất từng đống. Một vài đứa chưa hết cựa quậy : Một cánh tay, một cẳng chân cứng dần dơ thẳng lên, trong một cử-động co lại, hoặc người ta nghe thấy những tiếng kêu la khủng-khiếp. Chưa đến chín giờ sáng mà mọi sự hình như đã xong-xuôi...

Tiếng súng của phảo-binh đã im bặt. Những tàu của hạm-đội không bắn nữa, đứng im-lìm trên mặt nước xanh ngắt...

Tất cả những lính thủy còn ở lại trên tàu đều lên sàn tàu, trông lên đất và cùng reo : « Hoan-hô » vừa reo vừa vẫy mũ. Xong hết cả... Người ta nghĩ tới kinh-thành Huế, nấp sau những hàng cây xanh, không còn được bảo-vệ là bao nhiêu nữa và đầy dẫy những

---

(1) Những đoạn **gạch** là những đoạn bỏ đi trong « Images et choses qui passent »

kho-tàng bí-mật... Chắc hẳn, người ta sẽ tới ngày mai và ngày mai sẽ là một ngày hội vui thật.

« *NƯỚC THỔ-NHĨ-KỲ HẤP-HỐI* (1)

Mấy chục năm sau, khi Loli đã trở thành một nhà văn danh tiếng, ông mới giác-ngộ qua những cuộc chiến-tranh thuộc-địa ở Thổ-nhĩ-kỳ. Cuốn « *Thổ-nhĩ-kỳ hấp-hối* » ghi lại những lời tố-cáo chống chiến-tranh thực-dân của ông P. Loti trả lời một người Ý hỏi ông về cuộc viễn-chinh của nước Ý chiếm đánh nước Thổ...

« *Ông muốn biết ý-kiến của tôi về cuộc viễn-chinh » sáng-lạn của nước Ý.*

Những sự vinh-quang cũng như quyền-lợi hợp lẽ phải, tôi chỉ thấy chúng ở phía những người bảo-vệ anh-dũng đất-đai cổ-truyền của họ, ở nơi những người Thổ hay Ả-rập, bị đánh bất ngờ vì khí-giới kém cỏi, mà vẫn bền chiến-đấu để chịu tàn-sát chém giết như những vị anh-hùng...

Sự vinh-quang đích-thực, trong trắng, không bao giờ ở phía những kẻ chinh-phạt và xâm-lăng. Tôi tin chắc rằng nếu ông muốn tiếp-tục dò dư-luận, ông sẽ tìm thấy một đại đa-số trong các nước Âu-châu sẽ trả lời ông như tôi vậy... » (trang 17).

Vì sợ người ta cho ông phản-đối chiến-tranh do các nước Âu-châu khác gây nên ông phải nói thêm :

« *Do đó không phải tôi chỉ lên tiếng phản-đối người Ý, nhưng phản-đối tất cả chúng ta, những dân-tộc mệnh-danh là theo Thiên-chúa-giáo ở Âu-châu. Ở trên mặt đất này, bao giờ chúng ta cũng là những kẻ chém giết nhiều hơn cả ; với những lời nói huynh-đệ ở lỗ mồm, mỗi năm chúng ta phát-minh thêm một thứ thuốc nổ mới kinh-khủng hơn nữa, chính chúng ta gây nên máu lửa vì một mục-đích bóc-lột ở những xứ Phi-châu và Á-châu và đã coi những người da đen hay vàng như loài-vật. Khắp nơi, chúng ta nghiền nát những nền văn-minh khác nền văn-minh của chúng ta bằng những băng*

(1) P. Loti. La Turquie agonisante. Paris. Calman-Lévy.

đạn..., chúng ta có thiên-kiến và do đó không thèm tìm-hiểu những nền văn-minh đó, vì chúng ít thực-tiễn, ít vụ-lợi và ít dùng võ-lực hơn ta. Và khi chúng ta đã giết lát xong, bao giờ chúng ta cũng đem lại sự bóc-lột không có gì kiềm hãm được, những ngục-tù thợ-thuyền, những nhà máy lớn tiêu-diệt các nghề thủ-công tư-nhân, sự náo-động, sự xấu-xa những tham-vọng và thất-vọng...» (trang 22).

Sau khi đã tố-cáo sự giả-dối, trống-rỗng của những danh-từ : *« Tiến-bộ chủ-nghĩa hòa-bình »*, Loti nhắc tới sự đồng-lõa bằng im-lặng của người Âu-châu và trách thái-độ vô-tư một cách tội-lỗi (*insouciance coupable*) của báo-chí khi mô-tả những cảnh chém giết tàn-sát dã-man dân bị xâm-lăng. Đó cũng là những giòng Loti tự tố-cáo thái-độ của ông cách đây ba mươi năm khi ông viết thiên phóng-sự *« ba ngày chiến-tranh ở An-nam »*.

« Họ tả một cách bình - tĩnh những chiến - công của người Ý, nhờ có pháo-binh hùng-mạnh, đã tàn-sát hằng trăm người Thổ mà người Ý chỉ có vài ba người chết. Họ kể lại một cách thản-nhiên vụ xử-tử bằng cách treo cổ hằng loạt tù-binh Ả-rập đã bị kết tội một cách vô-liêm-sỉ là phiến-loạn». Người ta phá, đốt, giết : họ gọi đó là **quét** *sạch (déblayer) (1) như thể là một cuộc săn thú-vật. Một phóng-viên, một tờ báo hàng ngày ở Paris đã ca-tụng* **vẻ đẹp** *(la beauté) (1) của trọng - pháo bắn rất chính-xác đến nỗi những người Ả-rập với những khẩu súng tồi-tàn của họ đã bị tan-tành như cỏ của cánh đồng...) Một phóng-viên khác, tả lại rằng trong những làng-mạc điêu-tàn vì trái phá, người ta chỉ tìm thấy giữa những xác chết, giữa những đàn vật và chó canh hoảng-hốt, một vài kẻ* **cuồng-tín** *(fanatiques) vẫn tiếp-tục chống trả những người xâm-lăng ; nhưng người ta* **bắt** *(capturait) bọn đó lại và đem đi không gặp khó-khăn gì (đem về chỗ tử-hình). Tất cả những điều đó đã được thuật lại với một vô-ý-thức thật kinh-ngạc.. »* (trang 24).

Trong một thư sau, P- Loti nhắc lời một người mẹ Ý có con chết ở Tripoli hỏi ông nếu cuộc viễn-chinh này do người Pháp thì Loti có phản - kháng như trên không ? Ông trả lời : *« Tôi cũng phản-đối như vậy, và nếu tôi có con chết thì càng phản - đối mạnh hơn »*.

(1) Do chính Loti viết chữ nghiêng.

Đọc « *Nước Thổ hấp-hối* », phải nhận những lời phản-đối của Loti chống chiến-tranh thực-dân đượm tình-tự nhân-loại ; ông nhân dành quyền sống của con người, của một dân-tộc, nhân-danh sự công-chính mà phản-kháng. Nhưng phải chăng vì người Thổ cũng là da trắng và nước Thổ cũng là một nước Âu-châu ?

Trong một cuốn sách khác (1) Loti cũng có phản-đối những cuộc viễn-chinh ở Việt-nam nhưng hình như trong lời phản-đối, ông chỉ ngỏ-ý chống lại những chính-sách mà ông cho là điên-rồ vì đã làm cho trăm ngàn thanh-niên Pháp chết một cách vô-ích, chứ không thấy ông phản-đối chiến-tranh thuộc - địa vì đã xúc - phạm đến quyền sống của người Việt-nam, của dân-tộc Việt-nam.

Phải chăng vì Loti vẫn chưa coi người Việt-nam là người *như* người da trắng ?

(1) Prime jeunesse.

CHƯƠNG II

NHỮNG HUYỀN-THOẠI CỦA CHỦ-NGHĨA THỰC-DÂN

Trong chương đầu, tôi đã thử xác-định thực-chất của Chế-độ thực-dân và khi nhấn mạnh vào chữ « *thực-chất* », tôi muốn nói rằng chế-độ thực-dân, bao lâu tồn tại, không thể nào thay đổi được bản-chất thực sự của nó là bạo-động và tha-hóa con người.

Nhưng đến một lúc nào đó, chế-độ thực-dân bị lung-lạc, bị đe dọa suy-sụp vì những yếu-tố phân-tán nẩy ra từ ngay giữa lòng các đế-quốc thực-dân hoặc vì những lực-lượng chống đối nổi lên ở các nước bị-trị (1).

Trước những mối đe dọa đó, thực-dân muốn duy-trì chế-độ thuộc-địa, bó buộc phải tìm cách **che dấu** thực-chất của nó đi. Họ tạo ra những « *Huyền-Thoại* ». Những huyền-thoại này có công-dụng **biện-hộ** cho chủ-nghĩa thực-dân biện-hộ bằng cách xuyên-tạc thực-tại và đánh lạc vấn-đề nhằm làm cho người ta quên đi cái thực-chất hoặc không thể nhìn thấy nguyên-nhân chính của một sự-kiện, một tình-trạng; chẳng hạn thực-dân đưa ra những sứ-mệnh «*khai-hóa*» những bổn phận « *liên-đới nhân-loại* » để che dấu thực-chất bóc-lột, hoặc đánh lạc vấn-đề như trình-bày vấn-đề giáo-dục là vấn-đề căn-bản, là nhiệm-vụ thiết-thực và chính-yếu của chúng ta ngày nay để không cho chúng ta thấy vấn-đề căn-bản, chính-yếu thời thuộc-địa là vấn-đề tranh-đấu chính-trị đánh đuổi thực-dân...

Nhưng trước khi kê-khai và phân-tách những huyền-thoại mà thực-dân Pháp đã tạo ra để duy-trì chế-độ thuộc-địa ở nước ta, thiết-tưởng cần tìm hiểu thế nào là huyền-thoại, một khái-niệm căn-bản của luận-văn mà tôi muốn trình-bày trong tập Biên-khảo này.

I. HUYỀN-THOẠI

Con người là một vật có thể tìm cho hành-động hay nói một cách tổng-quát, cho cuộc đời của mình một ý-nghĩa nào đó. Bất luận nó ở trình-độ nhận-thức nào và cũng không xét ý-nghĩa đó đúng hay sai, cao-siêu hay thấp kém, có một điều chắc-chắn là nó không thể không tìm cho cuộc đời nó một ý-nghĩa.

(1) Xem chương III.

Con người cũng còn là một vật có thể nói lên ý-nghĩa đó để trao đổi, thông-cảm với người khác. Lời nói gắn liền với ý-nghĩa và để biểu-lộ ý-nghĩa. Khi lời nói là **huyền hoặc, hão-huyền** và có tác-dụng **huyễn-diệu** người ta, lúc đó lời nói trở thành huyền-thoại. Tôi dịch chữ « *Mythe* » là huyền-thoại (theo nguyên-ngữ Mythe = Mythos = parole = lời nói) (1).

Một điểm quan-trọng cần chú-ý : dùng những chữ huyền-hoặc hão-huyền, huyễn-diệu để xác-định thế nào là huyền-thoại tức là đã ngụ-ý phán-đoán về giá-trị chân-lý của lời nói. Do đó, khi một người khám phá ra một lời nói chỉ là huyền-thoại, ý-thức được một tin-tưởng chỉ là thần-thoại, thì người đó không còn tin ở thần-thoại ấy nữa. Nói cách khác, chữ thần-thoại, huyền-thoại là một chữ của người giác-ngộ, không còn tin ở thần-thoại, huyền-thoại. Chỉ người ra khỏi thời kỳ thần-thoại mới nói tới thần-thoại và sưu-tầm, suy-nghĩ về thần-thoại, xây-dựng những thần-thoại học (mythologies). Với người đang tin ở thần-thoại, huyền-thoại, không có thần-thoại, huyền-thoại vì chính thần-thoại, huyền-thoại là chân-lý.

Người ta thường nói rằng thời nguyên-thủy là thời-kỳ thần-thoại vì lúc đó con người còn sơ-khai chưa biết suy-luận bằng lý-trí và mới chỉ biết dùng tưởng-tượng để cấu-tạo những lối nhìn về thiên-nhiên, vũ-trụ và về nhân-sinh. Những huyền-thoại ở thời kỳ này có tính-chất thần-linh nên gọi là thần-thoại. Chẳng hạn, những thần-thoại về Sơn-tinh Thủy-tinh, về Thần Sét, Thần Lửa, Thần Mưa, Thần Gió, Thần Bể, Thần sông, Nữ Thần Mặt Trăng của Dân-tộc Việt-Nam.

Với người ở thời-kỳ thần-thoại, ý thức của họ còn hồn-nhiên, chưa phản-tỉnh. Nó hòa đồng với cỏ cây, vạn-vật, thiên-nhiên. Ý-thức thần-thoại là một ý-thức đơn thuần, chưa đặt ra những phân-biệt : phân-biệt giữa con người và sự vật, giữa ý-thức với chính thân-xác mình, giữa cái tĩnh và cái động, giữa cái sống và cái chết, giữa cái tự-nhiên và cái cấu-tạo, giữa thời-gian và vĩnh-cửu . . .

(1) Cũng có người dịch là thần tượng.

Cho nên ý - thức thần - thoại không phải là một nhận - thức thuần-túy, riêng biệt, nhưng là một **thái-độ sống** và hơn nữa, là một **nghi-lễ**. Lòng tin-tưởng của người ở giai-đoạn thần-thoại thiết-yếu là một hoạt-động tôn-giáo, một hành-động thờ cúng

Rồi những thần-thoại biến-đổi, mất dần tính-chất thần-linh đồng-thời cũng mất dần tính-cách nghi-lễ. Thần-thoại trở-thành truyền-thuyết, truyền-kỳ (légende, récit) chuyện ngụ-ngôn, chuyện cổ-tích, chuyện hoang đường

Thần-thoại khác với truyền-thuyết, ngụ-ngôn . . . ở chỗ nó gắn liền với một thái-độ tôn-giáo, với một nghi-lễ. Người tin ở thần-thoại, **sống** thần-thoại, nghĩa là **làm** một nghi-lễ bao hàm trong niềm tin đó. Trái lại với truyền-thuyết, ngụ-ngôn. . . người ta có thể tin một điều gì không phải để làm điều tin đó, nhưng để **kể** lại mà thôi. Rồi những truyền-thuyết, cổ-tích, ngụ-ngôn cũng biến mất, nhường chỗ cho Sử-ký. Viết được sử-ký chứng-tỏ con người đã bước tới giai-đoạn có ý-thức lịch-sử, nghĩa là biết phân-biệt cái thực-sự đã xảy ra với cái hoang đường tưởng-tượng, bịa-đặt. Biết phân-biệt được cái thực hư tức là có ý-hướng về chân-lý và biết phán-đoán, suy-xét Do đó, thời-kỳ con người biết chép Sử-ký cũng là thời-kỳ con người bắt đầu suy-tưởng. Nhưng bởi vì suy-tưởng bao giờ cũng hướng về sự thật, nên sự truy-cứu sự thật luôn luôn phải dựa vào phê-bình kiểm-chứng. Yêu cầu sự thật càng cao, đòi-hỏi phê-bình, kiểm chứng càng gắt gao. Cho nên một Brunschvicg, Triết-gia Duy-lý đã xác-định sự tiến-bộ của Tư-tưởng như là một nỗ-lực gạt bỏ triệt để tất cả những huyền-thoại. Lý-trí phá-hủy huyền-thoại như ánh-sáng làm tan biến đêm tối. Từ nay, con người chỉ tin ở lý-trí chỉ dẫn, nghĩa là chỉ tin là chân-thực cái đã được lý-trí soi-sáng và minh-chứng. Lý-trí trở - thành một Ông Quan tòa không thể sai-nhầm và độc-quyền phân định phải trái xấu tốt ! Đó là niềm tin của con người ở thời - kỳ duy - lý. Duy - lý trong lãnh - vực nhận - thức khoa-học cũng như trong lãnh-vực triết-học. Những nhà Duy-lý cho rằng chúng ta đã bước vào thời-kỳ Duy-lý từ-cuối thế-kỷ XIX với sự phát huy rực-rỡ của khoa-học và dĩ-nhiên điều quả-quyết đó cũng có ý ám-chỉ rằng thời-kỳ thần-thoại, huyền-thoại đã lùi bước trước tiến-bộ của lý trí và khoa-học.

Nhưng phải chăng thời kỳ huyền-thoại đã thực sự chấm-dứt khi chúng ta bước sang thời-kỳ suy-tưởng như nhiều nhà Học-giả, Bác-học đã chủ-trương ? Những giây phút buổi đầu lạc quan đã qua, một số nhà nghiên-cứu hiện-đại về nhân-chủng-học, xã-hội học như Leenhardt, Lévi Strauss, về lịch-sử tôn-giáo như Van der Leuw, Eliade, về triết-học như Gusdorf, Merleau Ponty, Paul Ricœur (1) đã muốn « phục-hồi » vai trò của huyền-thoại trong sinh-hoạt tư-tưởng. Nói cách khác, các tác-giả đó muốn chứng-minh người ta không thể gạt hết huyền-thoại ra khỏi đời sống suy tư chính vì huyền-thoại hình như gắn liền với cơ-cấu hiện sinh của con người. Vậy phải tìm hiểu cái gì là trường-tồn, gắn liền với ý-hướng nhận-thức dưới bất-cứ hình-thức nào, để có thể thấy cái trường-tồn đã ở trong huyền-thoại và bây giờ vẫn là yếu-tố căn-bản của thái-độ nhận-thức bằng suy-tưởng.

Một đặc-điểm trội bật của huyền thoại là niềm-tin ; một thứ tin-tưởng có nghĩa như sự đầu hàng của lý trí. Điều người ta tin được coi như là chân-lý, hiển-nhiên một cách tuyệt-đối, đương nhiên là thế — không cần phải thắc-mắc, suy-luận lôi thôi và thường thường người ta có khuynh-hướng sợ phải đặt lại niềm tin thành vấn-đề, do đó không muốn cho mình và cho cả người khác nghĩ tới bằng suy-luận. Niềm-tin mặc tính-chất thần-linh. Cho nên đòi hỏi một thái-độ tôn-trọng và nếu có ai dám đụng tới, thì bị coi như là **xúc-phạm**.

Huyền-thoại là một thái-độ nhận-thức bằng chấp-nhận gia-nhập. Vũ-trụ huyền-thoại là vũ-trụ những giải-đáp có sẵn. Khi nghĩ đến vấn-đề gì thì đã có sẵn giải-đáp và là một giải-đáp rõ-rệt hiển-nhiên. Chẳng hạn nếu hỏi Việt-nam có văn-hóa hay không, người ta trả lời ngay và một cách nghiêm-nghị trang trọng : nước Việt-Nam có bốn ngàn năm Văn-hiến. Giả sử có người thắc-mắc dám hoài-nghi chân-lý hiển-nhiên trên, người đó sẽ bị coi là xúc

---

(1) Mấy cuốn xuất bản gần đây
Le Totémisme d'aujourd'hui — P.U.F. và la Pensée sauvage — Plon. 1961 của Lévi Strauss. Mythe et Métaphysique — Flammarion của Gusdorf. Finitude et Culpabilité — Aubier 1961 của P.Ricœur.

phạm tới Dân-tộc, đả phá truyền thống... Đó là thái-độ huyền-thoại. Không có vấn-đề Việt-Nam có văn-hóa hay không. Cũng không cần phải tìm kiếm suy nghĩ gì: Việt-Nam có bốn ngàn năm văn-hiến ! Giải đáp đã có sẵn — thanh toán nhanh chóng vấn-đề đặt ra và ta chỉ việc nhận nó như một chân-lý hiển-nhiên.

Nếu đặc-điểm của huyền-thoại là tin-tưởng đặt trên sự đầu hàng của lý-trí, thì trong sinh-hoạt trí-thức cũng như trong sinh-hoạt hằng ngày của con người hiện-đại, mệnh danh là con người sống theo lương-tri, lý-trí vẫn còn đầy rẫy những huyền-thoại.

Khoa học chỉ xác-thực với một số nhà Bác-học. Đối với quần chúng chẳng hiểu nổi phương-trình của Einstein, thì khoa-học là cái sọ của Einstein mà mấy nhà thương bên Mỹ tranh nhau, cái sọ mà người ta cho là một vật đặc-biệt có những khả-năng huyền-diệu đã làm cho Einstein trở thành một thiên-tài.

Quần chúng cũng chẳng hiểu gì về nguyên-tử-lực, và chỉ mường tượng nguyên-tử là ghê gớm lắm, là sức mạnh vô hạn, là sự phong phú không cùng. Khi cái bút chì bi (stylo à bille) được nhập cảng sang Việt-Nam, lập tức nó được gọi là bút chì nguyên-tử. Có lẽ những người lần đầu tiên trông thấy nó, **thực-sự** chỉ tiêu-biểu cho một mức tiến-bộ khoa-học nhất định, đã tưởng rằng nó không còn hết mực như bút máy, bút chì thường và dùng nó từ nay tha hồ viết, không bao giờ lo mực cạn. Bút chì nguyên-tử tượng-trưng cho khả-năng vô-tận của khoa-học ! Huyền-thoại, với những người lần đầu tiên dùng và bây giờ với những người chưa bao giờ thấy và dùng, mà chỉ mới được **nghe** nói tới nó. Ngay cả những nhà bác-học, học-giả, có lẽ cũng không thoát khỏi huyền-thoại khi họ tin ở khoa-học, ở Tiến-bộ, ở lý-trí. Khoa-học Tiến-bộ, Lý-trí viết bằng chữ hoa. Tin ở Khoa-học như thể khoa-học là tuyệt-đối, có thể giải-thích được mọi sự. Tin ở lý-trí như thể Lý-trí bao giờ cũng dẫn tới sự thật, và là sự thật toàn diện, tiêu diệt triệt để mọi huyền-thoại... Thành ra, xã-hội hiện-đại, trí-thức học giả cũng như dân chúng vẫn còn sống bằng rất nhiều huyền-thoại về mọi phương diện : Xã-hội, chính-trị, Văn-hóa. Ông Eliade đã

xác định những « huyền-thoại điển-hình » đã có ở thời thần-thoại và bây giờ vẫn còn, nhưng xuất-hiện dưới những hình thức khác.

Như thế, thật khó mà xác định được vị-trí của nhà huyền-thoại-học (mythologue), là người tự nhận vai trò « *vạch mặt* » những huyền-thoại của Xã-hội. Vì Xã-hội phần đông vẫn sống bằng huyền-thoại, vậy tố cáo huyền-thoại, tức là tách khỏi đoàn thể xã-hội. Để làm gì ? Phải chăng để trở thành người cô độc ?

Hơn nữa, chính việc nghiên-cứu huyền-thoại phải chăng cũng là một huyền-thoại ? Vì muốn tố giác huyền-thoại, phải dựa vào tiêu-chuẩn và nhất là tố-giác để đi tới một sự thực nào đó mà mình tin là chân-lý. Nhưng biết đâu cái mình tin là chân-lý kia lại chẳng phải là huyền-thoại (chẳng hạn niềm Tin ở Khoa-học ở chân-lý toàn-diện). Rút cục tất cả vũ-trụ nhận-thức của ta cuối cùng đều dựa vào huyền-thoại, và sự tiến-bộ về nhận-thức chẳng qua chỉ là ý-thức sâu xa hơn về sự lệ-thuộc thiết-yếu đó ! Chúng ta chỉ tố cáo một số những lời nói, niềm Tin mà chúng ta cho là huyền thoại bằng cách vẫn dựa vào một số niềm tin khác mà **bây giờ** chúng ta chưa biết chúng là huyền-thoại.

Không bao giờ chúng ta thoát khỏi được hết huyền thoại. Nhưng mỗi một giác ngộ vẫn phải kể như một nỗ lực mở rộng phạm-vi chân-lý. Tuy nhiên có điều chúng ta không thể biết chắc được là nỗ-lực mở rộng phạm vi chân-lý có thu hẹp lại lãnh vực huyền-thoại hay trái lại càng mở rộng thêm nó ra ?

CÁCH CẤU-TẠO HUYỀN-THOẠI

Tôi đã định nghĩa ở trên huyền-thoại là một lời nói huyền-hoặc có tác-dụng huyễn điệu người ta. Vậy huyền-thoại là một lời gửi tới người khác, một sứ điệp (message). Trong sứ-điệp, cái quan trọng là nội-dung, ý-nghĩa gửi đi, chứ không phải cái chuyên chở ý-nghĩa, vì thế bất cứ cái gì chuyên chở được ý-nghĩa, nói lên được sứ điệp đều có thể là sứ-điệp-viên. Tiếng nói, chữ viết là sứ-điệp-viên thì được dùng

hơn cả. Nhưng một hình-ảnh, một bức-tranh, một đồ vật, một dụng-cụ, một cử-chỉ. . . cũng có thể nói lên được ý-nghĩa, do đó cũng là những sứ-điệp-viên. Có tiếng nói trực-tiếp của ngôn-ngữ, có tiếng nói gián-tiếp, trong im-lặng của sự-vật. Cho nên ta mới nói : bức-tranh này nói lên sự nghèo khổ của dân lao-động, cử-chỉ kia nói lên tấm lòng quảng-đại của ngài. . nhận-xét trên chứng tỏ người ta có thể xây-dựng huyền-thoại với bất-cứ cái gì. Như thế, một huyền-thoại, có thể xuất-hiện dưới nhiều hình-thức sứ-điệp khác nhau và do đó khả-năng xâm-nhập để huyễn-diệu của nó hầu như vô-hạn ; sự-kiện một huyền-thoại có thể được cấu-tạo bằng rất nhiều hình-thức khác nhau làm cho ta có cảm-tưởng nó bao chùm chi phối tất cả mọi sinh-hoạt của một cộng-đồng vì chỗ nào cũng thấy có mặt nó.

Nhưng huyền-thoại được cấu-tạo như thế nào. Người ta dùng một sự việc, một sự-kiện có ý-nghĩa riêng của nó để làm dấu-hiệu nói lên một ý-nghĩa khác, ý-nghĩa của huyền-thoại. Chúng ta lấy một ví-dụ

Trong thời thuộc-địa, người Pháp có dựng ở các công-viên thành phố những tượng Paul Bert bằng đồng, tay giắt một đứa trẻ annamít mảnh khảnh trong bộ áo ta như thể đang đi trên đường. Bức tượng chỉ-thị một sự việc, một cử-chỉ có ý-nghĩa đen, trực tiếp : một người lớn dắt một đứa bé. Nhưng đã hẳn khi người Pháp dựng tượng đó không phải để trình bày cái cử-chỉ có ý-nghĩa đen riêng biệt của nó, mà là để nói lên sự lệ-thuộc thiết yếu của người an-nam vào người Pháp và sứ-mệnh khai-hóa người An-nam do người Pháp là đàn anh, cha mẹ đảm-nhiệm. Chúng ta nói : sự lệ-thuộc thiết-yếu và sứ-mệnh khai-hóa ở đây là « *huyền-thoại* » và biểu-diễn quá trình hình thành của huyền-thoại như sau :

Dấu-hiệu → Ý-nghĩa (1) *(sự-kiện, cử-chỉ)*	→	**Dấu-hiệu → Ý-nghĩa huyền-thoại** (2)

Trong vế thứ nhất, nếu không có ý-hướng huyền-thoại, một sự-kiện nào đó là dấu-hiệu của một ý-nghĩa nhất-định và đầy-đủ.

Đó là một hệ-thống biểu-hiệu hoàn-toàn. Nhưng nếu có ý-hướng huyền-thoại, tất cả vế thứ nhất (hay hệ-thống biểu-lộ thứ nhất, gồm dấu-hiệu ý-nghĩa) sẽ biến thành dấu-hiệu đưa tới một ý-nghĩa khác. Nói cách khác, trong hệ-thống biểu-lộ II, hệ-thống biểu-lộ I trở thành vô-định nghèo-nàn, chỉ còn là một dấu-hiệu trống rỗng để đón nhận một ý-nghĩa mới. Trong ý-định làm huyền-thoại, người tiếp-nhận dấu-hiệu phải nhận ra ý-nghĩa mới đó tuy nó lại không trực-tiếp được bày-tỏ ra, vì cái trực-tiếp được phơi bày vẫn là ý-nghĩa của hệ-thống biểu-lộ I.

Do đó, ý-định huyền-thoại không xóa bỏ hẳn nghĩa đen, thực tại ở hệ-thống biểu-lộ I, nhưng chỉ xuyên tạc nó thôi, nghĩa là gán cho nó một ý-nghĩa khác mà người nhận không thể không nghĩ tới và chỉ nghĩ tới ý-nghĩa khác đó :

Sở-dĩ huyền-thoại xuyên-tạc thực-tại và làm cho người ta tin ý-nghĩa xuyên-tạc như một chân-lý hiển-nhiên, là vì nó vẫn dựa vào thực-tại để xuyên-tạc và không chối bỏ hẳn thực-tại.

Quả thực ta có kém người Pháp về một vài phương-diện nào đó, quả thực người Pháp hơn ta, đáng làm đàn anh, bậc cha mẹ ta về một vài phương-diện nào đó, và cũng quả thực người Pháp có khai-hóa ; chẳng hạn nếu không có Ông Paul Bert, tượng-trưng cho người Pháp sang đây để khai-hóa, thì làm gì có các công-viên, vườn hoa, đường phố, dinh-thự trên. Quả thực-chính người Pháp đã làm những việc đó. **Huyền-thoại phải dựa vào thực-tại,** đó là một tiêu-chuẩn căn-bản làm cho Huyền-thoại có thể thành-công.

Nhưng sự thực được trình-bày trên chỉ là huyền-thoại chính vì nó đã xuyên-tạc thực-tại. Trong cái sự thực toàn-diện của Chế-độ Thực-dân, xét về lý-do người Pháp sang Đông-Dương, thì sự kém cỏi, yếu hèn của ta chỉ là một nguyên cớ phụ, xét về công cuộc thực-hiện chế-độ Thực-dân, thì việc khai-hóa (mở trường...) chỉ là một việc phụ, một hậu-quả thứ yếu.

Vậy Tượng Paul Bert là một Huyền-thoại của Thực-dân vì nó đã muốn trình-bày nguyên-nhân chính của việc Thực-dân là sự kém cỏi của ta và việc khai-hóa như là mục-đích chính, lý-tưởng độc nhất của chế-độ Thực-Dân.

Sở dĩ Huyền-thoại trên có thể làm cho người ta tin vì nó dựa vào một phần nào sự thực. Nhưng nó đã xuyên-tạc sự thực vì lấy cái tùy-thuộc làm cốt-yếu, lấy hậu quả làm nguyên-nhân để che dấu cái cốt-yếu, cái nguyên-nhân. Khi trông lên tượng Paul Bert và nghĩ đến thực-dân, người ta chỉ còn nghĩ tới sự lệ-thuộc và công-trình khai-hóa mà quên mất thực-chất của chế-độ Thực-Dân là bóc-lột và nguyên-nhân chính của việc đi Thực-Dân là khai-thác lợi-lộc vật-chất.

Rất nhiều những hình-thức khác có thể cũng trình-bày huyền-thoại trên. Chẳng hạn bức ảnh chụp một cảnh các Bác-Sĩ, Y-tá đang săn-sóc, phát thuốc cho dân chúng Bản-xứ hay một cảnh chào cờ ở một trường học Thanh-niên Pháp-Việt đứng lẫn lộn cùng hô khẩu-hiệu Vạn - Tuế nước Pháp, và cùng hát bài « *Marseillaise* » một cách cung kính chân-thành, hoặc những đài Kỷ-niệm Chiến-Sĩ trận vong (đại-chiến thứ I, thứ 2) có tượng người lính Pháp sát cánh với người lính Việt.

Chúng ta thử đối-chiếu Huyền-thoại và sự thực trong chế-độ Thực-Dân :

1) **MỞ TRƯỜNG-HỌC**

Thực-Chất	**Phương-tiện**	**Mục-đích**
	Mở trường →	khai-thác
Huyền-thoại		**Mục-đích** Mở trường khai-hóa

2) **PHÁT-TRIỂN Y-TẾ**

Thực-chất	**Phương-tiện**	**Mục-đích**
	khám bệnh phát thuốc y-tế →	Duy-trì nhân-lực Bảo-vệ năng-xuất
Huyền-thoại		Sứ-mệnh nhân-đạo

3) ĐÀI KỶ-NIỆM CHIẾN-SĨ TRẬN VONG

Thực-chất	Hậu-quả	Nguyên-nhân chính
	Lính An-nam tử trận →	Nô-lệ, bị bắt ép đi lính.
Huyền-thoại		Cùng chung một số-phận bảo-vệ tự-do văn-minh, Tổ-quốc.

Ta thấy Huyền-thoại bắt nguồn từ một sự thực, nhưng xuyên-tạc nguyên-nhân chính, mục-đích chính của nó bằng một nguyên-nhân, mục-đích khác để che đậy nguyên-nhân, mục-đích chính.

Xuyên-tạc nhưng không xóa hẳn sự thực đó. Cũng như trong phân tâm học, Freud phân biệt nội-dung ẩn dấu và nội-dung trá-hình của mơ-mộng. Theo Freud, mơ là cách thực-hiện một dục-vọng bị ức-chế ; nhưng vì dục-vọng đó không thể xuất-hiện một cách công khai và để lộ bộ mặt thực của nó, nên nó phải xuất-hiện bằng cách trá-hình, nghĩa là thực-chất núp sau một mặt nạ. Do đó, có thể nói nội-dung trá-hình đã xuất phát từ thực-tại là nội-dung ẩn-dấu nhưng xuyên-tạc nó đi làm cho người ta không còn thấy được ngay nội-dung ẩn dấu.

Phân tách phân tâm học giải-thích giấc mơ tức là lột mặt nạ, vạch mặt nội-dung trá-hình để nhìn thấy nội-dung ẩn dấu.

Công việc giải-thích tương-đối dễ-dàng vì những dấu-hiệu chỉ-thị nội-dung ẩn dấu và nội-dung trá-hình thường tương-tự nhau. Chẳng hạn chỗ kín-trong cơ-quan sinh-dục của người đàn bà (nội-dung ẩn dấu) và cái lỗ, trong giấc-mơ (nội-dung trá hình).

Nhận-xét trên cho chúng ta thấy sở-dĩ những dấu hiệu dễ chuyên-chở những ý-nghĩa khác nhau nghĩa là dễ bị xuyên-tạc, là vì chúng giàu khả-năng bộc-lộ (expressivité) khả-năng gợi ý.

Cái lỗ là một sự vật nhất-định, có tiếng và chữ « *cái lỗ* » như một ý-niệm để chỉ-thị và gọi tên nó. Nhưng chữ « *cái lỗ* » đâu có dừng lại ở giới-hạn bày tỏ một ý-nghĩa riêng biệt, nhất-định và hoàn-tất. Trái lại, nó có thể trở-thành một dấu-hiệu trống rỗng

vô-định để sẵn sàng mặc những ý-nghĩa khác mà người nói muốn gán cho. Chữ lỗ như bị mất cái hồn, chỉ còn cái xác trống không; cái chữ vô định để có thể tiếp nhận những ý-nghĩa khác.

Chữ-nghĩa Dấu-hiệu → Ý-nghĩa *(hoàn-tất)*	→ Dấu-hiệu → Ý-nghĩa nó có thể chỉ-thị *(huyền-thoại)*

Thành ra một chữ không ở tình trạng cố-định, hoàn tất, nhưng ở tình-trạng vô-định ; nói theo một kiểu của M. Ponty, ở tình-trạng « *Triển-hạn* » chờ-đợi để mặc những ý-nghĩa khác. Tình-trạng vô-định, « *triển-hạn* » của một chữ càng rõ-rệt hơn nữa trong câu. Hình như mỗi chữ chỉ mặc ý-nghĩa khi được đặt trong câu và do chính cách cấu-tạo câu quyết-định nghĩa cho chữ. Ví-dụ chữ lao (lao đi, bị lao (bệnh), cây lao) tùy vị trí của nó trong câu mà nó mặc một nghĩa này hay nghĩa kia.

Rồi đến cả câu cũng vậy. Cái ý người ta muốn nói có thể không nằm trong nghĩa từng chữ hay trong toàn thể những chữ có nghĩa nhất định trong câu, mà là ở chỗ vượt khỏi ý-nghĩa của toàn câu hay ở chỗ phủ-nhận ngay cả ý-nghĩa của câu đó nữa.

Nói cách khác, toàn-thể những chữ-nghĩa của câu có một ý-nghĩa trực-tiếp nhất-định trở thành một dấu-hiệu vô-định để mặc những ý-nghĩa khác. Ví-dụ nói : Anh hát hay quá. Câu này có nghĩa đen và ta gọi là một câu hoàn-toàn. Nhưng khi người nói có ý chê, thì toàn-thể câu này biến-thành một dấu-hiệu chỉ-thị một nghĩa khác hẳn và người nghe lãnh-hội bằng cách phủ-nhận cái nghĩa đen, hoàn tất của câu nói.

Hoặc những câu đố của Việt-Nam là những ví-dụ chứng tỏ ý lời nói ở chỗ vượt khỏi một câu hay nhiều câu có nghĩa đen, trực-tiếp hoàn-tất của nó.

Đó là một khả-năng đặc-biệt của ngôn-ngữ. Sở-dĩ có lối nói mát nói châm-biếm xa-xôi, ngụ-ngôn, câu đố và sau cùng có văn-chương là nhờ ở khả-năng đặc-biệt trên của ngôn-ngữ. Tôi gọi

thứ ngôn-ngữ này là ngôn-ngữ gián-tiếp hay « *tiếng nói bằng câm lặng* » (1).

Nhưng cũng chính vì văn-chương là thứ ngôn-ngữ gián-tiếp mà văn chương dễ rơi vào huyền-thoại. Những chữ, những câu đã được dùng nhiều lần và mặc rất nhiều ý-nghĩa, những nghĩa đôi khi do ý hướng làm huyền-thoại tạo ra. Khi nói hay viết văn, người cầm bút phải dùng những chữ đầy tính-chất huyền-thoại, nghĩa là những chữ đã mất cái nghĩa trực-tiếp của nó và trở thành dấu hiệu trống rỗng để chỉ-thị bất-cứ cái gì. Những chữ vô-định chỉ còn là những ký-hiệu, mà Claude Lévi-Strauss gọi là « *Mana* », như những cái khung trống rỗng để có thể ghép bất-cứ cái gì và cái gì ghép vào cũng có vẻ hợp cả. Ví dụ những chữ số-phận, sứ-mệnh, Tổ-quốc, Hòa-bình, Độc-lập, Tự-trị v.v... Thực-dân thường trình-bày sự lệ-thuộc của dân thuộc-địa như là một số-phận (destin, destinée) để biện-chính cho tất cả những khó-khăn, đàn áp, bóc-lột của họ. Chẳng hạn, không phải vì Pháp muốn khai-thác thuộc-địa mà đi chiếm Đông-Dương, đặt người Việt dưới ách thống-trị của họ, nhưng vì một liên-đới số-mệnh của hai dân-tộc. Phạm-Quỳnh thường nhắc đến điểm này như một tiền đề căn-bản của tư-tưởng Chính-trị thực-dân và của ông: « *một sự-kiện là những tình-cờ hay những định-mệnh của lịch-sử đã ràng buộc xứ này với nước Pháp còn lâu năm nữa* ». Nơi khác « và như thế số-phận của nó đã định-đoạt. Nước An-nam từ nay gắn bó keo-sơn với nước Pháp không gì gỡ ra được ». « *Le fait est que les hasards ou les fatalités de l'histoire ont lié pour longtemps encore ce pays à la France* ».

« *Et ainsi le sort en est jeté. L'Annam fut désormais indissolublement lié à la France* ». (Essais Franco-annamites).

Độc-lập, tự-trị dưới sự bảo-hộ của Đại Pháp. « *Ông là một nhà ái-quốc trung-thành với nước Pháp* ». Decoux nói về Phạm-Quỳnh: *le grand* **patriote** *annamite, qui 2 ans plus tard, paiera de sa tête* **sa fidèlité** *à la France* » (2).

---

(1) Tôi đã trình bày vấn đề then chốt này trong cuốn Lược Khảo Văn-học — Chương viết là gì ?

(2) À la barre de l'Indochine, p. 280.

Thật chữ ái quốc, Trung-tin đã mặc những nghĩa trái hẳn với nghĩa nguyên-thủy. Và nghe mãi cũng có những người tin là thật. Nhưng điều làm cho chúng ta ngạc nhiên hơn nữa là khả-năng chuyên chở, thích nghi của ngôn-ngữ vì chính khả-năng đặc-biệt đó làm cho có thể có huyền-thoại.

XÃ - HỘI VÀ HUYỀN - THOẠI

Ở thời-kỳ nguyên-thủy, con người còn giữ được ý-thức hồn-nhiên, chưa có tranh-chấp giữa người và người, nên thần-thoại thường chỉ là sự giải-thích những hiện-tượng thiên-nhiên nhằm hòa-hợp con người với Trời Đất, vạn vật.

Đến khi Xã-hội loài người phân-hóa thành giai-cấp, thì thần-thoại hay Huyền-thoại chủ-yếu là nhằm biện-chính và bảo-vệ quan điểm của lớp người cai-trị trong cuộc cạnh-tranh với lớp người bị trị.

Đã hẳn sở dĩ cần phải biện hộ và bảo-vệ là vì để chống lại với... Do đó, có thể nói, tầng lớp thống trị (chủ, đế-quốc Thực dân...) thiết-yếu phải tạo ra huyền-thoại như một nhu-cầu gắn liền với bản-chất của họ là lớp người thống-trị.

Họ cũng dễ-dàng tạo ra huyền-thoại vì họ nắm giữ độc-quyền việc ăn nói, văn-chương nghệ-thuật. Chỉ họ, vì là tầng lớp thống-trị mới được thảnh-thơi ăn nói và làm văn - học nghệ - thuật, tư-tưởng.

Còn lớp người bị trị, rất khó tạo ra huyền-thoại vì họ bị giản lược vào việc làm và thường là việc làm lam lũ, cực nhọc. Đối với quần-chúng bị - trị này, lời nói thường đi đôi với việc làm. Chẳng hạn nếu tôi là một nông-dân, thì cái cày, con trâu không phải là những ý-niệm, nhưng là những dụng-cụ để làm việc. Khi nói tới con trâu, cái cày, tức là nói tới một dụng-cụ để làm việc. Trái lại nếu tôi không phải là nông dân, khi nói về con trâu, cái cày, thì con trâu, cái cầy chỉ là những hình-ảnh hay là những ý-niệm mà tôi dùng như những chất-liệu để vẽ một bức họa hay làm một bài

thơ mô-tả ca-tụng. Quan-hệ giữa tôi và cái cầy, con trâu là một quan-hệ trừu-tượng. Người nông-dân tác-động trên cái cầy, con trâu; còn tôi chỉ xử-dụng con trâu, cái cầy như những hình-ảnh, những chữ.

Chính ngôn-ngữ gián-tiếp này có thể đẻ ra huyền-thoại như R. Barthes đã nhận-định : « *Có một ngôn-ngữ không thể có tính-chất huyền-thoại, đó là ngôn-ngữ của người sản-xuất, chỗ nào con người nói để biến-đổi thực tại chứ không phải để giữ lại thực-tại như một hình-ảnh, chỗ nào con người gắn liền ngôn-ngữ của mình vào việc sáng-chế đồ dùng, không thể có huyền-thoại. Cho nên ngôn-ngữ thực-sự của cách-mạng không thể là ngôn-ngữ huyền-thoại được. Vì nó làm ra cuộc đời và tất cả lời nói của nó đều bị lôi cuốn vào công tác đó...* » (1)

Cho nên người làm ăn, và đặc-biệt người bị-trị, vì người bị trị là người nô-lệ chỉ biết làm ngôn-ngữ của họ đơn-giản, nghèo nàn và gắn liền với việc làm. Cái ngôn ngữ **nói để mà nói** chứ không phải nói để mà làm đối với họ là một thứ xa-xỉ. Thứ ngôn-ngữ này chưa phải là huyền-thoại, nhưng nó có thể đẻ ra huyền-thoại.

Vậy người bị-trị không có thứ ngôn-ngữ trên và thường chỉ người ở tầng-lớp thống-trị độc-quyền giữ thứ ngôn-ngữ đó, ngôn-ngữ của thẩm-mỹ, văn-chương nghệ-thuật và cũng là của huyền-thoại.

Tuy người bị-trị không tạo ra « *huyền-thoại* » nhưng vẫn có thể bị tiêm-nhiễm những huyền-thoại của tầng-lớp thống-trị. Nói cách khác những huyền-thoại do lớp người thống-trị tạo ra để biện chính và bảo-vệ tầng-lớp của mình cũng xâm-nhập cả vào lớp người bị-trị để lũng-đoạn họ, huyễn-diệu họ. Sở-dĩ những người bị-trị này vô-tình chấp-nhận và tin những huyền-thoại của lớp người thống-trị là vì những huyền-thoại này được trình-bày như là phổ-biến, siêu giai-cấp, phi chính-trị (dépolitisé) và vô hại (inoffensif). Chẳng hạn huyền-thoại về số-mệnh, về danh-dự, về trung-tín... Người bị-trị dễ nhầm lẫn và tin ở những huyền-thoại chính vì chúng có vẻ giới-thiệu với con người nói chung mà thôi.

(1) Mythologies. Ed. du Seuil 1955 trang 255.

Đối với một thiểu-số giác-ngộ, dĩ-nhiên họ không tin những huyền-thoại nhằm bảo-vệ biện-chính quan-điểm và quyền-lợi của tầng-lớp thống-trị. Họ chống-đối lại bằng cách tố-cáo huyền-thoại và phơi-bày thực-chất của những huyền-thoại đó.

Một cách tích-cực, họ cũng có thể đưa ra những lý-tưởng như Tự-do, Hạnh-phúc, Độc-lập làm mục-tiêu hướng dẫn hay động-viên lòng tranh-đấu.

Thiết-tưởng đối với thiểu-số này, ngôn-ngữ tranh-đấu của họ dù tiêu-cực hay tích-cực cũng đều không thể tạo ra huyền-thoại. Nhưng những lý-tưởng tranh-đấu trên một ngày kia có thể cũng trở thành huyền-thoại khi những chữ biểu-lộ những lý-tưởng đó không còn thuộc về thứ ngôn-ngữ **nói để làm để** thực-hiện, mà là thuộc về thứ ngôn-ngữ **nói để mà nói**, thứ ngôn-ngữ có thể tạo ra huyền-thoại như đã trình-bày ở trên. Chẳng hạn nói Độc-lập, Tự-do, Hạnh-phúc để mà nói như làm một bài diễn-văn, và từ chỗ nói để mà nói đến chỗ nói để mà che dấu một mục-đích khác, biến lý-tưởng thành huyền-thoại để huyễn-diệu nào có xa xôi và khó-khăn gì ! !.

II. NHỮNG HUYỀN-THOẠI CỦA CHỦ-NGHĨA THỰC-DÂN Ở VIỆT-NAM

KHI người Pháp sang xâm chiếm nước ta và đặt nền thống-trị, họ nhằm một mục-đích khai-thác của cải vật-chất bằng bóc-lột bạo-động. Đó là cái mà tôi gọi là **thực-chất** của chế-độ thực-dân. Trong chương đầu tội có đưa ra nhận xét thực-dân đế-quốc cũng như Tư-bản không hề có một lý-thuyết, chủ-nghĩa khi nó phát-sinh và bắt đầu bành-trướng. Chỉ về sau, khi cần phải tự-vệ, biện-hộ, nó mới đẻ ra Chủ-nghĩa, lý-thuyết.

Nhưng đến đây, có lẽ phải xác-định cho rõ-ràng thêm nhận xét trên. Dĩ-nhiên, khi thực-dân Pháp xâm-chiếm nước ta, chưa có những huyền-thoại mà tôi sẽ trình-bày dưới đây để biện-chính cho hành-động xâm-lăng và duy-trì thuộc-địa của họ. Nhưng không phải vì thế mà hành-động xâm-lăng của họ không dựa trên một niềm-tin nào.

Tôi nghĩ rằng có một niềm-tin và người Pháp đi thực-dân dựa vào niềm-tin đó để biện-chính cho hành-động xâm-lăng thuộc-địa. Đó là niềm-tin họ có **quyền** xâm-lăng và cái quyền nầy là **tự-nhiên** ; sở-dĩ họ tin có quyền tự-nhiên đi xâm-lăng là vì một quan-niệm kỳ-thị chủng-tộc mà bầu không-khí văn-hóa Âu-Châu đã nuôi dưỡng, kết đúc từ khi Âu-Châu bắt đầu liên-lạc với các Châu khác.

Người Âu-Châu nghĩ rằng chỉ có người da trắng mới là người thực, hay là một thứ người cao-đẳng, vượt hẳn những người có mầu da khác về văn-minh. Do đó, nảy ra thái-độ khinh-bỉ những người không phải là da trắng và biểu-lộ sự khinh-bỉ đó bằng cách đánh giá thấp màu sắc. Cái hay cao cả đáng quý là cái không mầu và cái kém đáng khinh là có mầu. Cho nên họ gọi những người có mầu da không phải mầu trắng là bọn người có mầu (hommes de couleur) và trong nghĩa có mầu là kém, đáng khinh, thì mầu trắng không phải là mầu. Chỉ đen, vàng, nhọ, đỏ mới là mầu

Có sẵn một quan-niệm kỳ thị chủng-tộc như thế trong óc, nên khi bước vào địa-hạt những quan hệ với các dân tộc khác, người Âu-Châu đương nhiên đi tới chỗ tự coi mình là hạng người lãnh đạo và có quyền thống-trị các dân-tộc có mầu da.

Giòng giống cao-đẳng văn-minh hơn hẳn có quyền được lãnh đạo, xâm chiếm, cai trị các dân-tộc khác... đó là những chân lý-rõ ràng hiển-nhiên như là theo lẽ tự-nhiên phải thế ! Chính vì vậy mà những nhà học giả, nhân bản, tôn-giáo đã có thể viết những lời « *phản nhân-bản* » *chống lại tinh-thần tôn-giáo một cách hồn-nhiên như chúng ta đã thấy !* (1)

Do đó, có một lý-thuyết biện-chính cho hành-động Thực dân và vì lý-thuyết đó được coi như chân-lý hiển-nhiên, nên nó cũng là huyền-thoại. Tôi gọi niềm Tin kỳ thị chủng-tộc là **huyền-thoại lớn** gắn liền với dự-phóng thực-dân.

Lúc đầu, dự-phóng thực-dân hoàn-toàn có tính-cách vị-kỷ, nghĩa là người thực-dân chỉ nghĩ đến mình khi chiếm thuộc-địa và khai-thác thuộc-địa. Cho nên họ cũng để lộ thực-chất bạo-động của chế-độ thực-dân một cách công-khai, không dấu diếm.

Nhưng dần dần Thực-dân càng ngày càng gặp những chống đối bất lợi cho việc duy-trì chế-độ thực-dân, nhất là sau thế chiến 1914-1918. Đứng trước những đe dọa nguy hiểm đó, bó buộc thực dân phải nghĩ tới người thuộc địa, phải nhìn nhận một phần nào quyền-lợi của người bị trị bản-xứ.

Nhưng làm sao thỏa-mãn quyền-lợi của người bản-xứ mà sự thỏa-mãn đó không làm suy-giảm hay xóa bỏ quyền-lợi thực-dân ? Từ nay Thực-dân phải đương đầu với tình-trạng khó xử đó. Chúng ta sẽ thấy tất cả những chính-sách của người Pháp đưa ra phản-ảnh những nỗ-lực giải-quyết tình trạng khó xử này mà vẫn bế-tắc, thất bại (2).

Thỏa-mãn thực-sự yêu-sách bản-xứ, tức là tiêu diệt chế-độ thực-dân. Nhưng không thỏa-mãn thì khó đảm-bảo duy-trì được nó !

---

(1) Xem lại chương I.

(2) Sẽ nói đến trong chương 4.

Chính tình-thế mới đó thúc-đẩy Thực-dân cần phải tạo ra « *huyền-thoại* ». Huyền-thoại « *kỳ-thị chủng-tộc* » mà tôi gọi là huyền-thoại lớn, nhằm biện-chính dự-phóng thực-dân ở **bình-diện ý-thức về mình** (conscience de soi). Nghĩa là ở quan-điểm chỉ nghĩ đến mình, bất chấp người khác.

Những lý-tưởng là huyền-thoại mà thực-dân tạo ra sau này do tình thế mới trên kia nhằm biện-chính chế-độ thực-dân là ở **bình-diện ý-thức về người khác**, nghĩa là ở quan-điểm của người bị-trị bản-xứ. Huyền-thoại « *kỳ-thị chủng-tộc* » là huyền-thoại chung cho tất cả các nước Âu-châu đi thực-dân. Còn những huyền-thoại, đối-tượng của chương này mà tôi sẽ giới-thiệu sau đây là con đẻ riêng của chế-độ thực-dân Pháp ở Việt-nam. Chính vì liên-hệ với những sự-kiện văn-hóa, dân-tộc lịch-sử Việt-nam mà những huyền-thoại này đáng cho chúng ta để ý và tìm hiểu nhiều hơn.

GIAI-ĐOẠN CHUYỂN TIẾP

Chúng ta đã thấy khi người Pháp sang chiếm Việt-nam, họ cố theo đuổi một mục-đích hoàn - toàn ích - kỷ và không ngần-ngại phơi bày thực chất bạo-động của chế-độ thực-dân. Nhưng cũng ngay từ thời-kỳ đầu này, đã có một vài người Pháp « *Sáng-suốt* » nhận thấy những bất lợi và những khó-khăn do một thái-độ thống-trị bạo-động quá lộ-liễu, tàn - bạo gây nên vì thiếu một chính - sách cai-trị rõ-rệt nhất-định.

Vậy cần phải đề ra một chính-sách thuộc-địa xác-định những tiêu-chuẩn chỉ-đạo việc bình-trị và cai-trị, những nguyên-tắc hướng-dẫn công cuộc khai-thác kinh-tế hay đường lối đối-phó với người bản-xứ theo một kế-hoạch qui-mô lâu dài, hữu-hiệu.

Chủ - đích của chính - sách là làm sao lãnh-đạo thuộc-địa khôn khéo để thuộc-địa có lợi mà không hại cho thực-dân. Và sự khôn khéo ở đây là tránh bạo-động hay càng ít bạo-động bao nhiêu càng hay bấy nhiêu bằng cách dùng mưu-mô, mánh khóe...

Tôi coi thời-kỳ những Lanessan, Lyautey là thời-kỳ chuyển-tiếp, sửa soạn tạo ra huyền-thoại vì họ không còn chủ-trương bạo-

động một cách trắng trợn và muốn che-dấu bạo-động bằng chiến-lược chiến-thuật. Nhưng chính-sách của họ không có huyền-thoại vì sự che dấu này chưa dựa vào những lý-tưởng nhân-đạo, những sứ-mệnh luân-lý ! ! Chính-sách vẫn là vị-kỷ, nhưng thay vì bạo-động bừa - bãi, hay chật hẹp vụng - về, thực - dân khôn khéo, mánh khóe hơn để bảo - vệ quyền lợi của họ chứ chưa **bó buộc** phải nghĩ đến quyền-lợi của người bị trị và do đó phải tạo ra lý-tưởng, huyền-thoại. Đọc Lyautey, Lanessan, chúng ta thấy họ chỉ làm sao để bảo-vệ quyền-lợi thực-dân khi bàn đến việc bình-trị, tổ-chức hành-chính, quân-sự, chứ không thấy nói đến quyền-lợi người bản-xứ. Họ chưa tạo ra huyền-thoại vì chưa buộc phải nhìn những vấn-đề trên theo quan-điểm người bị trị nữa.

Thực ra, đôi khi Lanessan cũng có nói tới công cuộc thực-dân là công cuộc văn-minh tiến-bộ và cũng đã dùng chữ « hiệp-tác» (associé) nghĩa là đã bắt đầu đi vào huyền-thoại. Nhưng người đọc có cảm-tưởng Lanessan chỉ nói phớt qua và chủ-yếu là nhấn mạnh vào đường lối thực-tiễn để cai-trị hiệu-nghiệm chứ không nhằm đề ra lý-thuyết để biện-chính. Sách ông viết là cho người Pháp nói chung và người Pháp thực-dân nói riêng để giúp họ hiểu vấn-đề thuộc-địa hay để giúp họ lãnh-đạo tốt, chứ không phải để biện-hộ với người ngoài và người bản - xứ tính cách lý-tưởng nhân-đạo của chế-độ thực dân như Albert Sarraut sau này. Luận điệu thời Sarraut là đi đến chỗ chứng - minh rằng chế-độ thực-dân chỉ có lợi cho người Việt-Nam thôi ; nghĩa là đã đi vào thời kỳ hoàn toàn huyền-thoại.

LYAUTEY

Lyautey và Galliéni là hai người thực-dân nổi tiếng về bình-trị (pacification) tức là giai-đoạn tiếp sau giai-đoạn xâm-lăng. Tây gọi là công cuộc dẹp giặc, trộm cướp. Chữ giặc, trộm cướp (pirate) đây để gọi cả những phong-trào ái - quốc chống lại thực dân - như Đề-Thám, Nguyễn-thiện-Thuật v.v. . . Lyautey đã ghi lại những nhận-xét của Ông ta về việc bình-trị và cai-trị thuộc-địa trong tập : « *Thư Từ xứ Bắc kỳ và Madagascar* » (1).

---

(1) Lettre, du Tonkin et du Madagascar.

Đọc tập thư Lyautey gửi cho bạn bè ở Pháp, người ta thấy rõ thực-chất bỉ-ổi của chủ-nghĩa thực-dân. Chỉ toàn là chuyện âm-mưu thôn-tính, hay tính toán lợi hại, chả thấy nói gì đến khai-hóa Văn-minh, thực-hiện sứ-mệnh nhân-đạo. Người Pháp thường giới thiệu Lyautey như một « *khuôn mặt cao cả* » của thời thuộc-địa, một người thực-dân Công-giáo gương mẫu. Đối với chúng ta, Lyautey chỉ là một người thực-dân khôn-ngoan, quỉ quyệt và vô liêm-sỉ (cynique).

ÂM-MƯU THÔN-TÍNH

« *Như tôi đã viết nhiều lần, Vân-Nam đã là lý-do đầu-tiên để cho chúng ta đến xứ Bắc-kỳ. Chính việc xâm-nhập nước Tàu bằng phía Nam, bằng sông Hồng, nghĩa là, bằng xứ Vân-nam đã đưa những Garnier, Harmond và Dupuis đến đây* » (trang. 469)

Lyautey tỏ ý tiếc Tây đã không chiếm Vân-nam chỉ vì ngại ; trong khi nước Tàu nát bét, việc gì phải tôn-trọng những bó buộc bề ngoài, những hình-thức ngoại-giao. Nghệ-thuật xâm chiếm là phải biết bất-chấp những « *hình-thức* » ngoại-giao.

« *Chính chúng ta đã củng-cố vai-trò của nước Tàu, đã củng-cố cái uy-quyền lung-lay, mơ-hồ của họ bằng cách coi uy-quyền đó là quan-trọng, bằng cách ấn-định những thể-thức, những luật-lệ cảnh bị làm hài-lòng những nhà ngoại-giao nhưng lại là một phủ-nhận chính-sách thuộc-địa, một chính-sách chủ-trương những lấn-áp trộm vặng... Hãy xem nước Nga, ở miền Trung Á-Châu. Tôi xin anh thấm nhuần nguyên-tắc này « Ở thuộc-địa, không bao giờ nên giới-hạn* » *(470)*

Và đây là âm-mưu thôn-tính nước Xiêm

Theo Lyautey, nước Xiêm là điểm then-chốt của Đông-Dương và do đó cần phải chiếm lấy và đặt bảo-hộ. «*Có người sẽ nói chúng ta bị bó tay vì thỏa-hiệp 15 tháng giêng 1896. Nhưng thiếu nếu gì cách thay đổi, trong va-li các nhà ngoại giao chắc hẳn là phải đầy những mưu-kế, đó là nghề của họ. Ví-dụ có thể trao-đổi bằng một cái gì... Nhưng điều tôi chắc-chắn là sự lập-nghiệp của chúng ta ở Đông-dương sẽ mất một phần lớn giá-trị nếu chúng ta không làm chủ nước Xiêm* ».

Rồi Lyautey nói cứ giở địa-đồ ra mà xem, « *hiện nay chúng ta mới chỉ chiếm được phần nghèo... tuy cái phần nghèo đó cũng cần vì nó là cánh-cung ngăn chận nước Tàu, đó vừa là cửa mở ta phải canh giữ chìa khóa để thâm nhập thương mại đồng thời cũng là con đường trần ta phải canh gác để bảo-đảm phần đất tốt. Nhưng đã hẳn là chỉ nên có một chủ vừa canh hàng rào vừa được hưởng lợi-tức, nhưng thật là cái nghề khốn-kiếp nếu xây tường rào, canh gác tốn-phí nhân-lực, tiền của mà lại để người khác khai-thác phần đất tốt. Vậy mà chúng ta đang làm như vậy ở Bắc-kỳ, Lào và không làm ở Xiêm. Chúng ta đảm-bảo cho họ (chỉ nước Anh) an-ninh ở biên-giới Bắc và Đông để họ hay người khác hưởng thụ bình-an. Thật làm cỗ sẵn cho người.*

Anh hãy nhớ điều này cho kỹ : Lào và vùng Thượng-Du Bắc-kỳ chỉ có giá-trị như bậc thang của Đông-dương phía Nam, là Đông-dương giàu có gồm Xiêm, Cao-Mên, Nam-kỳ, chống lại nước Tàu. Những bậc thang đó chúng ta đang giữ, nhưng miếng ngon nhất của Đông-dương giàu có đang chuyển sang tay người khác dưới con mắt chúng ta. Nước Xiêm thật là giàu. Nó có một ngân-sách thu 25 triệu quan, trong khi Bắc-kỳ khó mà tới được 15 triệu. 25 triệu đó có thể dễ dàng gấp đôi nếu có kiểm-soát cẩn-thận. Và 50 triệu quan đó sẽ dùng vào mọi công việc khai-thác .. đó là cách làm cho Đông-Dương thịnh-vượng...

Kết quả trên chỉ có thể đạt được với một điều-kiện tuyệt-đối này : đặt chế-độ bảo-hộ thực-sự, chứ không phải là chính-sách chiếm đóng trá hình với tất cả những gánh nặng của một thứ thực-trị...

Nếu chúng ta không lấy Xiêm, người Anh sẽ lấy. Anh sẽ bảo, làm sao được, họ bị thỏa-hiệp 15 tháng giêng ràng buộc ? Thật à ! Đó chỉ là Bịp ! khi chúng ta tự ngăn cấm chúng ta không được công-khai và chính-thức can-thiệp, thực ra chúng ta chỉ tự bó tay chúng ta vì chúng ta sẽ chỉ còn một cách can-thiệp là chính-thức... Trái lại người Anh sẽ và bây giờ vẫn thực-hiện chính-sách xâm-chiếm trong Hòa-bình bằng cách lập hãng buôn, nhà băng gửi Kỹ-sư đến... Rồi một ngày kia, chẳng phải vì một lý-do rõ-rệt, chúng ta nhận thấy họ ở khắp nơi...

Rồi Lyautey bàn tiếp cách xâm-chiếm, không phải làm viễn-chinh bạo-động, nhưng như Galliéni nói, chỉ cần thị-uy sức-mạnh là sẽ không cần phải dùng đến...

« Hiện ở Saigon, chúng ta có sẵn sức mạnh đó. Chỉ một chiếc tàu làm dữ, cũng đủ bắt nước Xiêm hàng phục...

Nếu anh lo ngại, thì cần phải lựa chọn... hoặc là ở nhà, đừng đi chiếm thuộc-địa, hoặc là đi chiếm, phải đi đến cùng và chiếm được phần tốt nhất...

Không phải là để thêm một quận cho những quận nghèo ốm ở Pháp, nhưng là để đến trước hết ở những chỗ tốt nhất, những chỗ mà mình sẽ phải đến ngày mai, để ngày mai khỏi phải cắn tay vì tiếc đã không đến, để có chân ở những thị-trường tốt...

Chúng ta phải giới-hạn những cố-gắng của ta vào một vài điểm trên hoàn-cầu, nhưng ở những điểm đó, phải khai-thác cho đến hết những hậu-quả sự có mặt của ta và phải hiểu rằng những nơi đó trước hết là những trung - tâm bành - trướng buôn-bán kiếm lợi và chúng chỉ có giá-trị vì là thế. Vậy mà trong những điểm đó, không có chỗ nào tốt hơn là Đông - Dương. Chúng ta chiếm một vùng ở mạn-nam nước Tàu và về phía Đông Ấn-Độ là chỗ tốt nhất.

Ở Bắc-kỳ không phải chỉ nên làm thành-phố xinh-xinh ở Hanoi, nhưng là vấn-đề người Pháp ở Viễn-Đông, ở vị-trí giao tranh trong chỗ gặp gỡ lớn lao chung bên sườn ấn-độ và Trung-Hoa, là người đi săn trước miếng mồi ngon, đạn cầm ở tay ; là người chơi quần vợt trên sân tốt, vợt sẵn sàng, mắt dính vào quả ban. . . Anh không được quên những điều đó. . . (trg. 475-476. .)

Rồi Lyautey nói tới sự ngộ nhận giữa lãnh-đạo ở Mẫu-quốc và những người thực-dân ở thuộc-địa.

« *Chúng tôi, hành-động và hiểu biết vì ở tại chỗ, còn họ luôn luôn can-thiệp bằng cách quấy-rầy, và ở bên lề vấn-đề . Hầu như không có một biện-pháp nào từ Paris gửi sang mà không là một phá ngang ; hầu như không có một văn-kiện cấp bộ nào mà*

không chặt chân tay chúng tôi. Cái Mẫu-quốc kia, đáng lẽ phải là mức sức nâng-đỡ và là nguồn sinh-lực, phương-tiện, chỉ còn là một thù-địch » (trang 478).

Chính-Sách Bình-Trị

Cuộc bình-trị phải là một hoạt-động phối-hợp quân-sự với chính-trị. Hơn nữa quân-sự phải phục-vụ chính-trị, hành-chính. Không dùng bạo-động vô lực. Cùng bất đắc-dĩ mới dùng võ-lực và phải dùng đúng với mức yêu cầu. Trong khi dùng võ-lực, còn phải nghĩ ngay tới việc xây-dựng lại những gì mình vừa phá-hủy.

Lyautey nói : « Khi chiếm một ổ giặc, phải nghĩ tới ngay cái chợ người ta sẽ thiết-lập hôm sau ; nghĩ như thế thì người ta sẽ đánh chiếm nó một cách khác... Một con đường không phải chỉ là một đường hành-quân, xâm-lăng, nhưng còn là con đường để đi lại buôn bán mai sau » (trang 637).

« Một đồng-bằng phì-nhiêu không phải chỉ là một địa-điểm tiếp-tế quân-sự, nhưng còn là một trung-tâm nguyên-liệu, trồng-trọt phải sửa - sang, quản-lý ngay lập - tức như một người gia - trưởng giỏi (trang 163).

Do đó, người lính thi-hành nhiệm-vụ xong, phải nhường chỗ ngay cho hành-chính.

Chính-Sách Cai-Trị

Trước hết phải chia mà trị, ly-gián người các miền, và khác chủng - tộc. Lợi dụng tôn-giáo để khai-thác thuộc địa. Về điểm này chứng tỏ Tây chẳng tha thiết gì truyền-giáo, chỉ lợi-dụng đạo mà thôi.

Trong nhiều thư, Lyautey nói tới một dự-định đã bàn với Giám-Mục Gendreau cai quản địa-phận Hanoi bấy giờ, và cũng đã đệ trình toàn quyền Rousseau, đó là dự-định mời các Cha dòng khổ tu (Trappiste) sang Việt-Nam.

« Đem các Cha dòng này sang Việt-Nam ; đứng ở quan-điểm thuộc-địa, thật là một việc hệ-trọng » (trang 225).

Vì theo Lyautey, những dòng khác sang truyền-đạo không lo đến việc khai khẩn đất đai là bao. Trái lại dòng khổ tu này chuyên đến lập nghiệp ở các miền còn hoang-vu để khai-khẩn, trồng-trọt. Lyautey đã định sẵn những miền nào có thể mời các Cha dòng này sang.

« *Tôn chỉ của các hội thừa sai là chỉ trồng-trọt cái cần dùng chứ không phải làm việc khai-thác thuộc-địa theo đúng nghĩa của nó. Cho nên tôi hết sức mong muốn mời gọi các Tu-sĩ dòng Khổ-Tu sang đây* » (trang 378).

Về việc cai trị, Lyautey chủ-trương không nên truất hết quyền hành của Vua quan, trái lại nên biết lợi dụng họ làm tay sai bằng cách tâng bốc họ, làm cho họ có cảm-tưởng chính họ cai-trị. Đối với Lyautey, vấn-đề quan-trọng không phải là ai cai-trị, nhưng là cai-trị hiệu-nghiệm và có lợi cho thực-dân.

Lyautey viết :

« *Bảo-hộ chứ không phải trực - trị. Thay vì giải - tán những người lãnh-đạo cũ, nên dùng họ cai-trị với quan lại chứ không phải chống lại họ. Xuất phát từ điểm này : bao giờ chúng ta cũng chỉ là một thiểu-số ở đây, cho nên không thể thay-thế họ được, kể cả việc chỉ-huy và kiểm-soát nữa. Vậy, không được đụng tới một truyền-thống nào hay thay-đổi một tập tục gì, phải nhận rằng xã-hội nào cũng có một tầng lớp điều-khiển, sinh ra để điều-khiển mà không có họ thì không làm gì được và một tầng-lớp chịu điều-khiển và do đó đặt tầng-lớp điều-kiển phục-vụ quyền-lợi chúng ta.*

Trở nên bạn của ta, tin ở ta, cần ta, quan lại chỉ nói một tiếng là mọi sự bình-định, không hao-tổn là bao và chắc được việc hơn tất cả những đạo-binh.

Họ trước hết là người cai-trị không phải là người ái-quốc, quốc-gia gì, đó chỉ là những danh-từ rỗng. Hãy để họ cộng-tác với ta và ảnh-hưởng của họ sẽ vào tay ta. Hương - Triếp trước đây là một tử-thù của ta, bây giờ là một người phụ-tá rất đắc-lực từ khi chúng ta trả lại vai-trò trội bật của ông ta trong chính-phủ Nam-triều » . . .

Sau đây là một đoạn nhật-ký ghi lại những ngày Lyautey đi với toàn quyền Rousseau dự các lễ nghinh tiếp ở Huế. Lyautey nói chuyện với một Kỹ-sư cầu cống. Tên này khó chịu khi thấy mình phải cúi chào vua Thành-Thái để đáp lễ và Toàn-quyền phải nhường bước cho Ông Vua mà hắn gọi là cái thằng « *nhãi ranh xấu nết* » (ce môme vicieux), Lyautey trả lời hắn : « *Đây này, đối với tôi, những tính xấu-xa của ông ta có đáng kể gì, vì như bệnh ghẻ của em ông ta, chuyện bạo-ngược trong cung đình của ông ta, chính ông ta là cháu của Gia-Long, Minh-Mạng, là tên Vua cuối cùng của nhà Nguyễn, chính ông ta là lực-lượng xã-hội của cái vương-quốc 20 triệu người, khi ông ta đi qua, nhân-dân phải qùi-rạp xuống trong cát bụi, chỉ một dấu hiệu của ngón tay ông ta cũng đủ làm thành một mệnh-lệnh tuyệt-đối. Vậy trời hỡi, còn ngại-ngùng gì mà không dùng ông ta, chẳng có gì đáng hoảng lên cả vì cái lực-lượng ấy, vì sự-thực chúng ta cầm đầu giây và chúng ta tin chắc rằng không phải sự « trực-trị, không phải khả-năng kỹ-thuật của ông A, hay ông N sẽ có thể thay cho ông ta. Vậy nếu không vì chính-kiến thì hãy vì chính-trị mà tôn-sùng ông ta. Tất cả cái triết-lý bảo-hộ nằm trong đó* ».

Rồi một đoạn sau, Lyautey kể tiếp tại sao « *Chúng ta đã làm hỏng Thành-Thái* » và đã không làm cho ông ta trở thành một « *sản-phẩm của Pháp* (*une créature française*) *như Đồng-Khánh. Đi tìm một Hoàng-Tử còn trẻ, dạy-dỗ đào-tạo theo khuôn-mẫu Pháp tức là : « Lập được một ông vua lý-tưởng cho chế-độ bảo-hộ, người làm trung-gian tốt nhất để đảm bảo việc thi hành chính-sách thuộc-địa* » (trg. 420).

Mưu mô, sảo quyệt để lợi dụng, nhưng trong lòng thì khinh bỉ vô cùng. Lyautey có tả trong một thư khác cuộc Huế du, gặp Vua và bộc lộ sự khinh bỉ của ông ta đối với Vua quan một cách chân thành đến độ vô-liêm-sỉ, nhân dịp một cuộc đón rước Vua :

« *Chuyện bọn các quan mà kể thì thật là không hết. Trước hết là hai Hoàng-tử già, có lẽ họ không nghĩ gì hết, hoặc có nghĩ, chắc phải nghĩ nhiều lắm, từ thời oai-hùng của cha ông họ là Minh-Mạng, người chinh-phục xứ Cao-Mên, từ khi người Pháp đầu tiên, M. de Montigny, được sai đến đây khoảng 40 năm nay... từ cuộc giao-*

tranh năm 1886, cuộc kháng cự, việc tấn-công cung điện này, việc cướp bóc cho đến sự suy-sụp hoàn-toàn, và bây giờ cái ảo-giác về một ông Vua tý-hon mong manh do bàn tay chúng ta nặn ra mà những kẻ già lão còn sống sót lại đang bày-tỏ một thứ cung-kính ngoài mặt, cái thực-tế làm nô-lệ dưới một khung-cảnh bất di-dịch, sự tan-vỡ mọi sự được che - dấu bằng cách duy-trì nguyên-vẹn phiếm-diện những lễ-nghi xưa cũ, những cờ quạt cổ-hủ, và một triều-đình lỗi thời...» (trg 40).

Lúc Hoàng-Đế trao tặng phẩm cho Toàn-quyền, Lyautey mỉa mai gọi là *« Lễ đội mũ triều-thiên cho Hồng-Y »*. *Những tặng-phẩm như áo lụa thêu rồng... « Thật là thừa nếu phải nói thêm rằng người ta chỉ vui lòng gấp những áo đó lại mà chẳng ai bị huyền - diệu. Nhưng thật tuyệt đi dự khiêu-vũ ở Paris mà có bộ áo đó »* (trang 405).

Tất cả đều giả dối, đóng kịch! Làm sao có thể tưởng tượng một tương-giao nhân-loại xây trên khinh-bỉ và đồn hèn ?

LANESSAN

Lanessan là ông quan thuộc địa đầu tiên gây dựng cho chế-độ thực dân ở Đông-Dương một chủ-nghĩa, một chính-sách hẳn hoi. Chủ-nghĩa ở đây chưa hẳn là một hệ-tư-tưởng hoàn toàn, nhưng chủ-yếu chỉ là một đường lối, kế-hoạch nhằm xác-định những tiêu-chuẩn hướng-dẫn hành-động cụ thể là việc cai-trị thuộc-địa.

Ông là một người trí-thức, giáo-sư thạc-sĩ sinh-vật học ở trường Y-khoa Paris, tác-giả nhiều sách nghiên-cứu khoa-học và sau khi được Chính-Phủ cử đi tham-quan các thuộc-địa Pháp và được đặt làm toàn-quyền Đông-Dương, ông viết nhiều sách biên-khảo về thuộc-địa.

Có lẽ Lanessan là người tiêu-biểu hơn cả về đường lối chính-trị cao trong những buổi đầu của chế-độ thực-dân.

Đọc những sách ông viết, người ta không thấy cái giọng sảo-quyệt và thái-độ khinh bỉ người Việt như Lyautey. Ngược lại hình như ông vẫn giữ được thái-độ nghiên-cứu trong khi khảo sát thực tại thuộc-địa như thái-độ của một chuyên-viên, một nhà kỹ-thuật.

Đã hẳn ông tin ở thuộc-địa và nhằm phục-vụ quyền-lợi thuộc-địa của nước Pháp. Nhưng vì ông cho rằng chỉ phục-vụ tốt, lâu dài quyền-lợi đó khi những người lãnh-đạo thuộc-địa không vụng-về và bạc-đãi quá người bản-xứ. Đó là đường lối chính-trị cao. Có lẽ khi ông làm toàn-quyền, ông cũng khôn-khéo, dè-dặt, biết điều đối với người bản-xứ qua một vài vụ khó xử mà ông đã trích-dẫn làm ví-dụ trong các sách của ông.

Trong cuốn « *Sự bành-trướng thuộc-địa của nước Pháp* » (1), hơn một nghìn trang, ông nghiên-cứu về địa lý, khí-hậu, dân-tộc, văn-hóa các thuộc-địa của Pháp để đặt một cơ-sở lý-thuyết có tính-chất thực-tiễn, cho việc khai-thác thuộc-địa. Trong sách, có một phần bàn về Đông-dương. Có lẽ đây cũng là một trong những công-trình biên-khảo đầu tiên của người Pháp về đất đai sông ngòi, khí-hậu, sinh-vật ở Việt-Nam.

Một nguyên-tắc căn bản mà Lanessan rút ra được từ công trình biên-khảo ít nhiều có tính-cách khoa-học về địa-lý, nhân-văn của các thuộc-địa là :

Mỗi nơi có một hoàn-cảnh địa-lý, văn-hóa, dân-tộc khác nhau, mỗi xứ có những khả-năng để khai-thác khác nhau, nên chính-sách thuộc-địa cũng phải thay đổi để thích-nghi. Chẳng hạn không thể coi xứ Annam như một xứ thuộc-địa Phi-châu.

Lanessan viết :

« *Từ những nguyên-tắc đó, phải coi xứ Annam như một thuộc-địa có một nền văn-minh tương - đối cao, có một khí - hậu không thuận-lợi cho việc phát-triển vô-hạn giống - giống chúng ta, cũng không thuận-tiện cho việc cư-ngụ mãi-mãi người người Âu-châu ; cho nên chúng ta sẽ coi việc cố-gắng tôn-trọng những chế-tài chính-trị, xã-hội của người Annam làm tiêu-chuẩn tổ-chức thuộc-địa này. Chúng ta phải coi dân chúng ở thuộc-địa này như người hiệp-tác (associé) trong công-cuộc văn-minh tiến-bộ mà bất-cứ một công-cuộc thực-dân nào cũng phải coi như là mục-tiêu* », (trang 542).

---

(1) L'expansion coloniale de la France, étude économique, politique et géographique sur les établissements français d'outre-mer. Paris 1886.

« Một xứ rất giàu về nông-sản, không kể những nguyên-liệu hầm mỏ, có một tương-lai thương-mại rất lớn, từ nay ở dưới quyền cai-trị của ta. Dân-cư của nó, ước-độ 20 triệu là một trong số những dân dịu-dàng và dễ cai-trị nhất hoàn-cầu ; đó cũng là một dân thông-minh nhất trong số những dân bị người Âu-châu cai-trị. Sau cùng sức bành-trướng của dân-tộc này khá mạnh cho nên chúng ta có thể mong rằng sau này nó sẽ tràn khắp các miền còn hoang-vu ở những xứ giáp với sông Cửu-Long, Sông Đồng-Nai, sông Hồng, nghĩa là phần đất đẹp và giàu nhất Đông-dương.

Muốn đạt tới những kết - quả đó, phải làm gì ? cần những người cai-trị sáng-suốt và cần-mẫn biết tôn-trọng luật-lệ, phong-tục người bản-xứ và biết làm cho họ cộng-tác với mình trong công-cuộc xây-đắp văn-minh . . . Cần những người thực-dân khéo-léo hơn là có nhiều, những nhà tư-bản đáng tín-nhiệm và quả-cảm. Nếu những điều-kiện đó không tìm thấy ở Pháp, thì phải thất-vọng về tương-lai buôn bán, kỹ-nghệ và chính-trị của nước chúng ta » (trang 692).

Cuốn thứ hai viết riêng về Đông-Dương (1) sau khi đi thăm quan về, vừa có tính cách biên-khảo, vừa như là một bản bá cáo, tường trình tình hình cho chính-phủ Pháp. Sách dầy gần 800 trang bàn nhiều về đường lối nên theo ở Đông-Dương. Lanessan chủ-trương bảo-hộ thực sự. Chỉ dùng một số người Pháp cai-trị có khả-năng, khôn khéo để lãnh-đạo; còn sự thừa-hành nhường lại cho người bản-xứ và tôn trọng quyền-hạn của họ, nhất là ở Bắc-kỳ và Trung-kỳ. Lanessan tố-cáo «*chính-sách mập mờ*» của Pháp mà Lanessan cho là tai hại

«Hai chính-sách khác nhau có thể áp-dụng ở Trung-kỳ và Bắc-kỳ, chính sách sát-nhập và Bảo-hộ. Nhưng cả hai không bao giờ được thực-hiện một cảnh ngay thẳng rõ-rệt » (trg. 683)

Theo Lanessan, chính những quan cai-trị Nam kỳ chủ trương chính sách sát-nhập Trung và Bắc kỳ. Tinh-thần hòa-ước 1883 và 1884 là muốn tách Bắc-kỳ khỏi Trung kỳ để tạo ra chế-độ chính-trị khác nhau và để về sau sát nhập Bắc-kỳ trước, rồi Trung-kỳ sau.

(1) L'indochine française (étude politique, économique et administrative sur la cochinchine, le Cambodge, l'Annam et le Tonkin. F. Alcan. Paris. 1889.

« *Ở Bắc-kỳ, chính sách của chúng ta ngay từ ngày đầu là chính sách chiếm đoạt hay sát-nhập trá hình* » (trg. 700)

Cũng theo Lanessan, về sau, bọn quan cai-trị Nam-kỳ không thể thực hiện ngay chính-sách biến Trung và Bắc-kỳ thành thuộc-địa, nên họ tạo ra cái « *Liên-hiệp Đông-Dương* » và lập toàn quyền :

« *Buộc phải từ bỏ chính-sách vết dầu loang, những tay chủ-trương sát-nhập ở Sài-gòn bám vào ý-tưởng một liên-hiệp Đông-dương, nghĩa là sự thành-lập một toàn-quyền chung mà Sài-gòn sẽ là Thủ-Đô* » (trang 747).

Lập Liên-hiệp tức là nhằm xóa bỏ tính cách tự trị của mọi xứ trong liên bang

Trong sách, Lanessan cũng chú-trọng tới vấn-đề đối xử với các tôn giáo mà ông sẽ còn nói nhiều hơn trong cuốn « *Nguyên-tắc Thực-dân* ».

Lanessan chống lại chính-sách của những người Pháp muốn ưu-đãi người Công-giáo để cho họ trung-thành với nước Pháp. Nhưng Lanessan cho rằng thành-phần theo đạo Thiên-Chúa thường dốt, nghèo, không phải thành-phần giàu có, học-thức, nên không lợi gì mà trái lại còn hại vì « *khi chính-quyền sốt - sắng nâng-đỡ người Công-giáo, chính-quyền làm mất lòng một phần lớn dân chúng và làm hỏng công-cuộc khai-khẩn thuộc-địa* ». và Lanesan kết-luận :

« *Quyền-bính của nước Pháp sẽ được tôn-trọng hơn nếu đứng tự coi trước mặt người Phật-giáo như đứa con trưởng của Giáo-hội La-mã* » (trang 61).

Nói cách khác, Lanessan chống lại đường lối các « *hội thừa sai hay là chính-sách thực-dân bằng tôn-giáo* » (colonisation par la religion) như đã thi hành ở Phi-Luật-Tân ; chẳng những không lợi về kinh-tế vì chả mở mang được gì mà còn hại về tâm-lý, và chủ-trương một chính-sách thực-dân theo lối đời (colonisation laïque) như người Anh và Hòa-Lan đã làm.

Ông viết : « *Trong khi những thuộc-địa Hòa-Lan, Anh có những con đường đẹp, đường xe lửa và cầu-cống, thì Phi-luật-Tân chỉ có*

đường nhựa ở vùng lân-cận những trung-tâm lớn và tất cả ngân-sách đều dùng vào việc xây nhà thờ, nhà dòng và dinh-thự công-cộng ». (trang 43).

Lanessan tố-cáo chính-sách ưu-đãi người Công-giáo vì mục-đích chính-trị ; bằng cách chứng-minh rằng chính-sách đó không lợi gì về chính-trị :

« Chúng ta có thấy đó là sai-nhầm không khi chúng ta coi đạo của chúng ta như chính-sách chính-trị của chúng ta, đến nỗi có thể làm cho người bản-xứ nghĩ rằng người Pháp và Công-giáo là như nhau ? Chúng ta có tôn-trọng những đền chùa, thần-linh của người Bản-xứ như chúng ta muốn người ta tôn-trọng nhà thờ và Chúa của chúng ta ?

Ở khắp xứ Bắc-kỳ và Trung-kỳ, tôi thấy những chùa - chiền bị quân-đội chiếm-đóng, đôi khi một cách vô-ích, làm gương xấu cho dân chúng ; binh lính của ta còn ăn trộm cắp những đồ thờ-phượng rất được tôn-trọng và thường cấp chỉ-huy bịt tai không nghe những lời khiếu-nại chính-đáng của quan lại bản-xứ , Tôi không muốn nói tới những bắt-nạt đủ thứ mà nhân-viên của chúng ta đã đối-xử với người Phật-giáo trong khi họ chiều-chuộng, thi-ân cho những người bản-xứ trở lại đạo Công-giáo » (trang 60).

Nhưng nhất là ông tố-cáo sự để cho các Hội Thừa sai dính vào Chính-trị hay lợi-dụng chính-trị để truyền-đạo.

Lanessan cho rằng chính-sách trực-trị mà một số người Pháp muốn thi-hành ở Bắc-kỳ là do ảnh-hưởng và áp-lực thừa sai, như Giám-mục Puginier. Thừa sai chủ-trương trực-trị, vì như thế sẽ tiêu-diệt được bọn nho-sĩ là lớp người có thể ngăn-cản việc truyền đạo bằng vốn học và niềm-tin, đạo-đức cố chấp của họ. Lanessan thuật lại buổi nói chuyện với Giám-mục Puginier

« Vì ngài cứ nhấn-mạnh mãi với tôi cần phải tiêu-diệt bọn nho-sĩ, tôi không không thể không nhắc cho ngài hiểu rằng, chính-sách đó bằng cách tiêu-diệt những người giàu có nhất và có học nhất, sẽ đưa chúng ta đến chỗ sát - nhập và chiếm - đoạt. Tôi nói *« Tôi thừa hiểu Ngài muốn phá tan bọn nho-sĩ mà ngài coi như một sức kháng-cự mãnh-liệt việc truyền-đạo của Ngài ; nhưng khi ngài*

khuyên những người đại-diện của chúng tôi giữ một thái-độ mà hậu-quả sẽ làm cho cả một phần lực-lượng dân chúng nổi dậy chống lại chúng tôi, thì chính Ngài đã thúc-đẩy họ phạm một lầm-lỗi nghiêm-trọng và nguy-hiểm. Nếu Ngài tưởng làm như vậy là phục-vụ quyền-lợi nước Pháp thì quả thật là nhầm lớn : Ngài làm cho việc bình-trị và nền bảo-hộ mà Hòa-ước 1884 đã thiết-lập ở Trung-kỳ, Bắc-kỳ không thể thi-hành được và do đó Ngài đưa chúng ta vào chỗ phải hao-tổn rất nhiều tiền của và người ».

« *Tuy nhiên quả thật chính sách của thừa sai là chính sách vẫn được áp-dụng từ trước đến nay. Chính đường lối đó chỉ đạo một cách trực tiếp hay gián tiếp việc Ông Harmand hay Patenôtre ký các hòa-ước và những dự-định của Paul Bert mà tôi đã nói ở trên* » (trg. 715 — 716).

Cuốn sau cùng « *Những tôn-chỉ thực dân* » (1) là kết đúc những kinh-nghiệm cai trị ở Đông-dương, nhằm đề ra những nguyên-tắc tổ-chức và cai-trị thuộc-địa. Tôi lược tóm những chương quan trọng :

NHẬN-ĐỊNH TỔNG-QUÁT VỀ LỊCH-SỬ NHỮNG CUỘC DI-DÂN VÀ THỰC-DÂN

Theo Lanessan, lịch-sử thực-dân đồng-hóa với lịch-sử những cuộc di-dân. Những cuộc di-dân này bao giờ cũng chỉ là một tìm kiếm thỏa-mãn những nhu-cầu sinh-kế mà người ta mong đạt được bằng những phương-tiện ít cố-gắng và khó-nhọc bao-nhiêu hay bấy nhiêu. Sự di-dân thường do từ xứ lạnh đến xứ nóng, từ đồi núi xuống đồng-bằng, từ Bắc về Nam... Một đặc-điểm thứ hai là chỉ những dân-tộc mạnh mới di-chuyển, còn những dân-tộc hèn yếu thường cố-định ở một nơi. Do đó, «*Di-cư khắp thế-giới, thực-dân đất đai là dấu hiệu không thể chối cãi được chứng-tỏ tính-cách siêu đẳng của một chủng-tộc* » (trg. 6). Sau khi đã trình-bày những giòng giống nào trong lịch-sử là hay di-cư hoặc cố-định, Lanessan đi tới chỗ kết-luận rằng những giòng giống âu-châu là siêu-đẳng hơn cả về phương-diện chủng-tộc vì ngày nay họ ở khắp mọi nơi trên thế-giới.

(1) Principes de colonisation.

VIỆC THỰC-DÂN VÀ NHỮNG ĐẤU-TRANH GIỮA CÁC CHỦNG-TỘC

Cũng như các sinh-vật, con người tranh-chấp với nhau theo qui-luật mạnh được yếu thua. Do đó, việc di-cư và thực-dân của những dân-tộc siêu-đẳng luôn luôn là một việc bạo động, chiến-tranh chiếm đoạt, ăn cắp nhằm khai-thác hay hơn nữa nhằm tiêu-diệt những dân-tộc hèn kém, chậm-tiến và bị thua trong cuộc xâm-lăng. Người đi thực-dân không ngần-ngại dùng đến những thủ-đoạn thật dã-man đôi khi vượt cả sức tưởng-tượng để tàn sát, chiếm-đoạt và đặc-biệt là bao giờ họ cũng có lý, vì nguyên-nhân những tàn sát này luôn luôn là ở phía những dân bản-xứ : tại họ cướp của người Âu-Châu họ phá-phách đồn-điền, họ lén lút sát-hại người Âu-châu trong những cuộc tập-kích v.v...

Nếu thực-dân không dùng khủng-bố để tiêu-diệt chủng-tộc bị trị, thì họ dùng chính-sách đồng-hóa để tiêu-diệt một cách gián-tiếp.

NHỮNG HIỆN-TƯỢNG CHUNG VỀ CÔNG-CUỘC THỰC-DÂN HIỆN-ĐẠI

Những nước Âu-châu hiện nay trong khi đi thực-dân, thường tìm đến những miền khí-hậu nóng hơn âu-châu ; hoặc những miền vị-trí địa-dư thuận-lợi cho việc đi lại, hay có nhiều tài-nguyên phong-phú như quặng mỏ, hạt-tiêu, bông, gạo... Hầu hết những công-trình thuộc-địa đều đặt trên căn-bản truyền-đạo Thiên-Chúa giáo và nại lý-do bênh-vực đạo đó tránh khỏi những bắt bớ, hãm hại để chiếm giữ thuộc-địa.

THÁI-ĐỘ ĐỐI XỬ VỚI NGƯỜI BẢN-XỨ, VỀ PHƯƠNG-DIỆN TÔN-TRỌNG NGƯỜI, CỦA CẢI, TÔN-GIÁO, PHONG-TỤC TẬP-QUAN, XÃ-HỘI.

Trước hết, Lanessan thẳng thắn nhận rằng không thể kể hết những tội ác do những kẻ đi chiếm thuộc-địa phạm. Nguyên-nhân chính là vì họ coi những dân thuộc-địa không phải là người hay là một thứ người hạ cấp, do đó họ không cần phải kính-nể gì và tha-hồ xâm-phạm tới của cải, tôn giáo, phong-tục, ngay cả sự

sống của người bản xứ. Như thế « *việc thực dân ngày nay tàn bạo chẳng kém gì thuở xưa* » (trg. 49).

« *Tất cả những ai biết lịch-sử chinh-phục thuộc-địa của các nước âu-châu, đều thấy rõ những đạo-binh âu-châu đã tàn-bạo thế nào trong khi xâm-chiếm thuộc-địa, không có một chiến-thắng nào của họ không kèm theo những cuộc tàn-sát kinh-khủng, và những báo-chí ở các thủ-đô của chúng ta đã ghi số người bản-xứ bị ngã-gục dưới làn-đạn của chúng ta hay bị tiêu-diệt vì trái phá, lưỡi-lê của chúng ta một cách thật là vui-vẻ*». . . (trang 50).

Rồi Lanessan nhắc tới một vài tàn sát như vụ tên thực dân Peters ở Phi-Châu giết những người cu-li không chịu gánh đồ cho hắn hoặc đốt cả một làng làm sáng đêm Sinh-Nhật để mừng Lễ Giáng-Sinh ! Ở Việt-Nam, Lanessan kể việc một tên thanh tra đã chặt đầu trong hai tuần hồi năm 1891, 75 quan viên thuộc về một huyện mà thôi của thành-phố Hà-Nội, vì họ không khai báo những hoạt-động của những người làm loạn. Lanessan công nhận rằng những cuộc khủng-bố như vậy thường rất hay xảy ra ở đồng-bằng Bắc - kỳ hồi đó. Hơn nữa những cuộc tàn-sát này còn kèm theo những vụ đốt cả làng, mùa-màng khi họ bị tình-nghi là theo « *giặc* » như một người Pháp đã tóm-lược tất cả những gì mà Lanessan muốn nói : « *một biện-pháp khác là tuyên-bố cả làng liên-đới chịu trách-nhiệm khi họ chứa-chấp một đám phiến-loạn hay không khai-báo. Rồi đem xã-trưởng và một vài người tai mắt trong làng ra chặt đầu, sau cùng đốt làng bình-địa. Như thế, người ta có thể chắc-chắn là sau đó những làng bên-cạnh sẽ khai-báo những toán phiến-loạn qua lại. Người ta chỉ có thể cai-trị dân này bằng khủng-bố* » (trang 56)..

Lanessan, đứng ở cương vị thực-dân tế-nhị cao-cấp chống lại với những thái-độ tàn-sát dã man đó vì cho rằng làm như vậy là « *bất-lợi* » có hại về đường chính-trị. Đã không tôn-trọng sự sống của con người, thì còn nói gì tới tôn-trọng của cải, phong-tục, tôn-giáo của dân bị-trị. Thực-dân phá-hủy đền thờ, chùa chiền, hoặc dùng làm trụ-sở, nơi đóng quân. Lanessan kể lại khi đi tới đâu, những đơn khiếu-nại hầu hết đều xin trả lại chùa, đình hay tôn-trọng đền thờ, văn miếu.

Lanessan đưa ra tiêu-chuẩn căn-bản : phải tuyệt-đối tôn-trọng phong-tục, lễ-nghi, tôn-giáo cổ-truyền của người bản-xứ. Nhưng còn một vấn-đề phức-tạp khác là người thực-dân cần phải có một thái-độ thế nào với các thừa-sai và tín-hữu theo Ki-tô giáo.

Lanessan nhận-định rằng : « *Bất cứ một người annam theo đạo Thiên-Chúa đều bị người đồng hương coi như một kẻ phản bội tổ-quốc* » (trg. 68) do đó, những nguyên-nhân cấm-đạo, tàn sát giáo dân không có tính cách tôn-giáo như người ta vẫn lầm tưởng vì dân Việt-Nam rất khoan dung về tín-ngưỡng, mà chỉ có tính cách ái-quốc thôi. Như Linh-Mục Louvel trong cuốn « *Đức cha Puginier* » cũng đã viết : « *Sự bách hại người Công-giáo mặc tính chất một cuộc trả thù của lòng yêu nước chống lại việc thiết-lập chế-độ bảo-hộ* ».

Vậy đứng về phía thực-dân, chính quyền bảo-hộ phải tránh những hành-động có thể làm cho người bản-xứ không theo Công-giáo dị nghị và mất lòng như tránh ưu-đãi người Công-giáo, hay không nên để cho người công-giáo, thừa sai can-thiệp vào việc cai-trị. Tuy nhiên vì lợi-ích thực - dân, chính - quyền bảo-hộ phải biết lợi-dụng sự truyền-giáo một cách khéo-léo. Ở đây Lanessan đã có những nhận-xét tế-nhị về cách truyền-giáo của Tin-lành, công - giáo và quan-niệm cách truyền-giáo nào là lợi cho việc thực-dân.

Theo Lanessan, các vị thừa-sai Công-giáo thường nhằm quần-chúng, dân quê, bần-cùng nghèo-khổ, hoặc kẻ trộm cướp để giảng-đạo. Nói cách khác, người công-giáo thường thuộc thành-phần những giai-cấp thấp hèn nhất trong xã - hội. Những người này thường được tập-hợp lại thành làng xóm riêng, tách khỏi đoàn-thể dân-tộc. Lý-do cô-lập các làng theo đạo ở tại các thừa sai sợ người theo đạo giao-thiệp với người Lương có thể quay lại những phong-tục lễ-nghi ngoại-đạo. Cũng vì lý-do sợ đó mà họ đã tạo ra chữ quốc-ngữ, chủ-đích là để cho giáo-dân khi biết đọc chữ quốc-ngữ, thì chỉ biết đọc sách báo đạo mà thôi, trái lại nếu để cho họ học chữ nho, sợ họ có thể thông-cảm lại với tư-tưởng ngoại-giáo. Thành ra việc sáng lập chữ Quốc-ngữ phải chăng nhằm một mục-đích « *ngu-dân* » ly-khai với văn-hóa dân-tộc ?

Về hoạt-động, các vị thừa sai cũng chỉ lo dạy-đạo, và có một đời sống hòa-đồng với lối sống đơn-giản khó nghèo của dân-chúng ăn, mặc, ở như họ.

Trái lại, đạo Tin-lành thường nhằm những tầng-lớp thượng-lưu, quý-phái, các mục-sư dạy đạo cho người bản-xứ bằng tiếng nói của nước bảo-hộ, đồng-thời tập cho họ những thói quen mới theo phong-tục, lối sống tây-phương, do đó cũng tạo cho họ những nhu-cầu mới.

Hơn nữa, con nhà quý-phái theo đạo Tin-lành còn có thể được gửi ngay sang mẫu-quốc ăn học, trong khi con-cái người Công-giáo ở thành-phần nghèo, Linh-mục cũng nghèo, không nghĩ đến chuyện được gởi đi du-học. Cách truyền-giáo như vậy có lợi vì làm cho người theo đạo đi vào cộng-đồng văn-hóa với người bảo-hộ, tạo điều-kiện hiểu nhau dễ-dàng hơn, đồng-thời cũng làm phát-triển kỹ-nghệ thương-mại : ví-dụ trong khi Linh-Mục công-giáo mặc áo giống áo của người bản-xứ và cùng một thứ vải nội-hóa thì mục-sư tin-lành làm cho những người theo đạo ăn-mặc giống như Âu-châu. Do đó, « *Ở khắp nơi, Tin-lành có tính-cách chính-trị nhiều hơn Công-giáo* » (trang 74).

« *Đời sống của vị thừa sai công-giáo có thể là đầy hy-sinh rất lợi-ích cho sự truyền-bá đạo nhưng không giúp-ích gì cho quyền-lợi những nhà máy ở quê-hương họ* » (trang 82).

Và « *người ta có thể quả quyết rằng những xứ đạo tin-lành giúp ích nhiều hơn cho công cuộc thực-dân của những Quốc-gia là quê hương của các vị thừa sai đó, hơn là những xứ đạo Công-giáo* (trg. 84).

VỀ CHÍNH-SÁCH Ở THUỘC-ĐỊA VÀ MỐI BANG-GIAO GIỮA CHÍNH-QUYỀN THỰC-DÂN VỚI CHÍNH-QUYỀN BẢN-XỨ

Trong chương này, Lanessan phác-họa những lầm lẫn của chính-sách thực-dân nhằm cướp lại quyền-bính bản-xứ để trực-tiếp cai-trị qua các thuộc-địa của Pháp như Madagascar, Cao-Mên, Trung-kỳ và Bắc-kỳ, Phi-Châu. Sau đó tác-giả đề ra những nguyên-tắc đối xử với người bản-xứ

Nếu thuộc-địa còn ở tình-trạng mọi rợ, như một số dân-tộc Phi-Châu, chính-quyền bảo-hộ phải trực-tiếp cai-trị, tuy nhiên vẫn lợi dụng uy tín và quyền thế của các tộc-trưởng, đồng thời hết sức tôn-trọng những phong-tục, lễ-nghi của họ.

Nếu thuộc-địa đã có một trình-độ văn-minh và một tổ-chức xã-hội khá chặt-chẽ, như Annam, thì « *không những phải tôn-trọng nó mà còn phải lợi-dụng nó một cách ngay thẳng* ». *Ở đây, bảo-hộ là chính-sách thích-hợp nhất* (trg. 151). Nó phải được thi-hành một cách chân-thành không thể dùng bạo-lực để ép uổng, bắt-buộc. Cho nên với những xứ này, điều quan-trọng không phải là các thỏa-hiệp được ký-kết, nhưng là tinh-thần thái-độ cư-xử hằng ngày của người Bảo-hộ. Tùy theo tinh-thần đó, mà chế-độ được duy trì đảm-bảo hay không. Kết-quả của một chính-sách như thế là người ta sẽ cảm hóa được tầng lớp lãnh-đạo bản-xứ, và dùng được họ. Do đó, bớt tổn-phí vì phải dùng nhiều nhân-viên người Âu, bớt tổn-phí về ngân sách an-ninh và những tiết-kiệm đó có thể đem dùng vào việc khai-thác và phát-triển kinh-tế.

Trong năm chương cuối, Lanessan bàn về những tiêu-chuẩn chính-quyền bảo-hộ đối xử với người đi thực-dân (chương VI) để làm sao dung-hòa quyền-lợi của Mẫu-quốc và của người thực-dân trong việc nhượng đất-đai, khai-phá rừng núi, hầm mỏ, đầu tư, thương-mại... Chương VI bàn tới việc phòng-thủ thuộc-địa, cách tuyển-mộ binh lính bản-xứ, tiêu-chuẩn tổ-chức quân-đội thuộc-địa. Chương VIII về sự phòng thủ bờ bể. Chương IX về cảnh sát ở thuộc-địa; vai trò và công-dụng bình-trị, duy-trì an-ninh của cảnh-sát nguyên-tắc tổ-chức.

Chương X, quyền-hạn của chính-quyền bảo-hộ. Tương-quan giữa dân-sự và quân-sự. Về Tòa - án ; sự tuyển-mộ công-chức, phân-phối ngạch-trật, kiểm-soát ngân-sách, v.v...

Chủ-đích biên-soạn của Lanessan là biện-chính chế-độ thực-dân ở quan-điểm người Pháp thực-dân, ở bình-diện ý - thức về mình. Ông dựa vào cái mà tôi gọi ở trên là huyền-thoại lớn : dân-

tộc Âu-châu là cao-đẳng, mạnh, sự thực-dân là điều tự-nhiên như một định-luật sinh vật-lý.

Ông cũng có nói tới khai - hóa, văn - minh, hiệp-tác nhưng không phải với chủ-đích để biện-chính chế-độ thực-dân ở quan-điểm người bị-trị như Sarraut sau này, vì tình-thế thời Ông cai-trị chưa buộc Ông phải bước cái bước của một Sarraut.

Điều đáng chú-ý là khi trình-bày nguồn-gốc hiện-tượng thực-dân, ông cũng không nhận ra sự khác-biệt giữa việc thực-dân ở các thời trước và việc thực-dân do Tư-bản Đế-quốc mà ra.

Còn về tôn-giáo, ông đã cho chúng ta thấy rõ ý-định của người Pháp trong chính sách ưu-đãi Đạo Thiên-Chúa-giáo không phải vì mục-đích tôn-giáo nhưng vì mục-đích chính-trị. Nhưng không phải vì chống chính-sách ưu-đãi Thiên chúa giáo mà ông gạt bỏ mọi ý-định lợi-dụng tôn-giáo vì mục-đích chính-trị. Vấn-đề là lợi-dụng làm sao mà không hại đến chính-trị, và cũng không xét có hại cho đạo hay không (1).

---

(1) Sự « kỳ-thị tôn-giáo » trong thời thuộc-địa và sự « lợi-dụng tôn-giáo » thời xâm-lược đã gây ra nhiều bất-mãn, ngộ-nhận đưa tới những thảm-kịch cho dân-tộc. Đó là một bài học lịch-sử rất quý vẫn còn bổ-ích ngày nay và về sau mà mọi người Việt-nam lương cũng như giáo cần tìm hiểu, đào sâu. Thiết-tưởng có mấy vấn-đề lớn như sau

a) Tìm hiểu chính-sách lợi-dụng tôn-giáo của người Pháp, chứng-cớ là tại sao người Pháp và nước Pháp thời đi thực-dân là một nước chống Thiên-Chúa giáo, bài bác giáo-sĩ (antireligieux, anticlérical) trục-xuất hàng ngàn tu-sĩ, nhưng khi sang Việt-nam thì lại rất là ưu-đãi Công-giáo, và cử cả một hạm-đội đến để bênh-vực một thừa sai bị bạc-đãi.

b) Tìm hiểu quan-niệm về truyền-giáo của Thừa sai và quan - niệm về tương-quan đạo đời của người theo đạo thời đó. Nhận-định về thái-độ của một số người Công-giáo lợi-dụng sự ưu-đãi đó để trục-lợi riêng hay vì mục-đích tôn-giáo đã liên-hệ toàn thể đạo Công-giáo ở Việt-nam làm cho đạo đó thiệt hại những gì trên phương - diện tôn-giáo...

GIAI-ĐOẠN HUYỀN-THOẠI ALBERT SARRAUT

Albert Sarraut hay huyền-thoại « *khai-hóa* ».

Theo chỗ tôi nhận định, có hai huyền-thoại chính mà thực-dân Pháp đã tạo ra để biện chính chế-độ thực-dân về quan-điểm người bị trị bản-xứ : Một huyền-thoại do Sarraut đề xướng nhằm đặt chế-độ thực-dân trên một nền tảng **pháp-lý** và **luân-lý**. Một huyền-thoại thứ hai không phải hẳn hoàn-toàn do Pasquier đề xướng, nhưng được phổ-biến mạnh thời Pasquier làm Toàn quyền, nhằm tạo cho chế-độ thực-dân một nền tảng **văn-hóa**. Những huyền-thoại này, như đã có dịp nhắc đến ở trên, được tạo ra sau này để biện-chính chế-độ thực-dân về quan-điểm người bị trị, vì những lời nói (qua các bài diễn-thuyết, sách vở) nhằm thuyết phục dư-luận thế-giới hay dư-luận bản-xứ ; nói cho họ nghe và đứng ở quan-điểm của họ để biện-hộ chế-độ thực-dân, trong khi những sách vở thời trước như của Lanessan chẳng hạn nhằm dư-luận Pháp viết cho những người đi thực-dân để biện-hộ hành-động thực-dân của họ và giúp họ thực-hiện tốt việc thực-dân.

Trong số những toàn-quyền Đông-Dương, có lẽ A. Sarraut là người trội bật « *nổi tiếng* » hơn cả. Trội bật về ăn nói, hoạt bát, về khôn-khéo, quỉ-quyệt, về những chính-sách táo-bạo, dám tìm địch để đánh địch ngay trên những lãnh-vực của địch, vì tài bịp-bợm bằng những huyền-thoại, dựa vào sự thực để xuyên tạc sự thật một cách tinh-vi, nham-hiểm.

Khi Sarraut được cử sang cai-trị Đông-Dương, nhất là trong lần thứ hai, sau thế-giới Đại-chiến I, chế-độ thực-dân Pháp ở Đông-Dương bước vào một giai-đoạn mới : giai-đoạn khai-thác. Muốn khai-thác, lẽ dĩ-nhiên phải động-viên được người bản-xứ. Vấn-đề quan-hệ với người bản-xứ trở thành một nhu-cầu và phải làm sao cho họ chấp-nhận chế-độ thuộc-địa. Nhưng những cuộc chiến-tranh đế-quốc xâu xé nhau (chiến-tranh Nga-Nhật, thế-giới Đại-chiến lần thứ I) đã làm cho người bản-xứ có thể tin rằng chế-độ thuộc-địa không còn phải là một thành-trì không bao giờ lay đổ được, hay không còn là một định-mệnh phải chấp-thuận. Rồi những phong-trào chống Pháp vẫn tiếp-tục thay nhau tranh-đấu càng ngày càng chống quyết-liệt chủ-nghĩa thực-dân.

A. Sarraut được cử sang Đông-dương để đối-phó với một tình-thế khó-khăn gay-go trên. Ông chủ trương một chính-trị cao, có vẻ « *cởi-mở* » rộng-rãi đến nỗi dám hứa cho Việt-nam độc-lập và để sửa-soạn đưa Việt-nam đến chỗ vinh-quang đó, ông đã đề ra những cải-cách hay xúc-tiến việc thực-hiện những « *công-nghiệp thuộc-địa lớn-lao* » (grandes œuvres coloniales) như mở trường, cứu-tế xã-hội, tổ-chức văn-hóa v. v

Những lý-tưởng cao-cả, những hứa-hẹn tốt-đẹp mà những công-trình xây-dựng đang thể-hiện đã làm cho Phạm-Quỳnh cảm-kích quá đến nỗi Phạm-Quỳnh đã ca-tụng triều-đại Sarraut là thời « *Minh-trị* » của Việt-Nam (Nam-phong số 9).

Để trình-bày những huyền-thoại của thời « *Minh-Trị* » này, tôi giới-thiệu ba tài-liệu căn-bản của Sarraut: bài diễn-thuyết ở trường Đại-học « *Les Annales* » năm 1925 ; cuốn « *Vinh-nhục thực-dân* » và bài diễn-thuyết ở Ha-noi (1919) nhân-dịp lễ thành-lập « *Hội Khai-Trí Tiến-Đức* » (một sự-nghiệp của Sarraut) ở Văn-Miếu.

Sau cùng để chứng-minh « *sự thực* » của những lý-tưởng, lời hứa của thời Minh-trị chỉ là Huyền-thoại, tôi sẽ căn-cứ vào những lời tự-thú của chính Sarraut trong cuốn « *Khai-Thác Thuộc-Địa* ».

Nhìn vào thế-giới.

Đó là đầu đề bài diễn-thuyết của Sarraut. Bài này cho ta thấy những nguyên-nhân nào thúc-đẩy Sarraut tạo ra huyền-thoại. Ta có thể tin được những lý-do Sarraut nêu lên vì lúc nói bài này, Sarraut vừa tạm rút khỏi chính-quyền, nên được tự-do ăn nói như một người công-dân.

Theo Sarraut, nhân-loại đang hướng về một mối duy-nhất bình-đẳng, bình-quyền. Nhưng hiện nay Âu-Châu vẫn còn bá-chủ thế-giới, và tự coi như Trung-tâm thế-giới. Tuy-nhiên cơn giông-tố sắp đến. Các nước Á-Châu, Phi-Châu từ xưa vẫn chịu sự lệ-thuộc, ngày nay sắp thức-tỉnh, vùng lên chống lại sự bá-chủ của người da trắng. Chính các đế-quốc đánh thức các dân-tộc bị-trị khi họ vì theo đuổi một ý-chí sức - mạnh kinh-tế, tranh nhau đi tìm thị-trường, chiếm thuộc-địa. Sự chinh-phục thuộc-địa cũng có ý-nghĩa như một thắng-thế của cái oai-quyền da trắng.

Điều đó gây nên một cái nhục cho kẻ bị-trị. Nhưng sống đụng-chạm với người thống-trị, họ tìm học bí-quyết sức-mạnh của Tây-phương và thế là giông-tố sắp nổi dậy. **Trung-tâm giông-tố này là Thái-bình-Dương.** Nước nào trong đà phát-triển, cũng đổ xô về hướng Thái-bình-dương nhất là từ khi có kênh Suez. Bên này thì Anh, Nga, Pháp, Đức, Hòa-Lan. Bên kia thì Mỹ cũng hướng về Thái-bình-Dương, chiếm Phi-luật-Tân, Hạ-uy-Di. Tất cả đều nhòm ngó nước Tàu, một thị-trường lớn lao nhằm chia cắt, cướp mồi. Chính vì các đế-quốc tranh-nhau cướp mồi mà người Anh giúp Nhật đánh Nga thắng. 1905 : lần đầu tiên da vàng thắng da trắng. Các nước Á-Châu khác hiểu ngay bài học Nhật-Bản : lợi-dụng sức-mạnh của địch để đánh lại địch.

Các nước đi thực-dân nói là đi rẹo rắc văn-minh mà lại tranh nhau, đánh nhau như vậy (1914-1918) thực ra chỉ vì vấn-đề quyền-lợi, thị-trường. Rồi dân bản-xứ lại được tham-dự và cuộc chiến-tranh đó. Họ không còn bị coi như nô-lệ, nhưng như đồng minh trên chiến-trường hay ở hậu tuyến và để cho họ tin tưởng mà đánh, chúng ta đã hứa hẹn rất nhiều cho họ sau chiến-tranh. Sau cùng là tác-dụng của bản tuyên-ngôn : dân-tộc tự quyết của Wilson. Chưa hết. Cuộc cách-mạng Nga nổ ra và xuất-hiện như một cuộc cách-mạng phản-đế, nhằm giải-phóng các dân-tộc bị-trị.

Rồi nước Nhật cũnglăm le muốn giữ vai-trò lãnh-đạo ở Thái-bình-dương. Hiện nay họ còn bị cô-lập, nhưng tham vọng của họ có thực và họ đang tạo lực-lượng mạnh để thực-hiện tham-vọng bá chủ đó. Anh lo sợ, phòng thủ kiên cố hơn Singapor. Còn Pháp ở Đông-dương yếu quá. Cả Đông-Dương chỉ có hai chiếc pháo thuyền nhỏ và hai tuần dương hạm cũ.

Đó là những mối đe-dọa chế-độ thực-dân của Pháp ở Đông-dương.

Tuy nhiên, theo Sarraut, hiện nay, cuộc cách-mạng Nga chưa truyền sang đến Đông-dương « *tốt đẹp của ta* » vì chính-sách khoan hồng của Đại Pháp nên người bản-xứ còn khá trung-thành. Nhưng tình thế bắt-buộc phải đi tới một « *chánh-sách liên kết* » và

bỏ chủ nghĩa duy ngã độc tôn mới có thể giữ vững được Đông-Dương, không phải chỉ là một thuộc-địa của Pháp, mà còn là một hàng hiên ngó ra Thái-bình-Dương của Âu-Châu (balcon du Pacifique) do Pháp, đảm nhiệm an-ninh. Đối với người bản-xứ, phải mau chóng thi-hành chính-sách « *hiệp-tác* » coi họ là « *anh em* ». Tiếng « *anh em* » ở miệng người Pháp, là hợp lý lắm vì người Mỹ, người Anh còn « *kỳ thị chủng-tộc* ». Trái lại « *nước ta vừa là nước của Thánh Vincent de Paul vừa là nước đã xướng ra bản tuyên-ngôn Nhân-quyền* » (Nam phong số 93).

Vinh-nhục thực-dân . (1)

Cuốn này kết-đúc tất cả lý-thuyết của Sarraut về thực-dân. Do đó, tôi lược tóm những ý-tưởng chính của từng chương

Trước hết, Sarraut xác-định vấn-đề thuộc-địa đã đặt ra như thế nào và bây giờ phải đặt lại làm sao ? Ông cho rằng vấn - đề thuộc-địa đã nổ ra với sự phát-triển và bành - trướng mãnh - liệt những thế-lực kinh-tế, chính-trị của Âu-Châu từ thế - kỷ XV đến thế-kỷ XX này. Kết quả là Âu-Châu bá-chủ hầu hết thế - giới và sự bá-chủ đó ngày nay lại làm thức-tỉnh những dân-tộc bị đặt dưới ách thống-trị của Âu-Châu. Sarraut ca-tụng những thành - quả tốt-đẹp của công-trình thực-dân, nhưng thử hỏi tại sao sự - nghiệp « *rực-rỡ* » đó lại đưa tới chỗ chối dạy của những nước thuộc-địa nhằm đánh đuổi thực-dân ra khỏi đất nước ! Lý-do là đáng lẽ công-trình thực-dân phải bao-hàm một lý-tưởng truyền - bá những giá-trị tinh-thần thì thực-tế nó chỉ là một công-cuộc khai-thác kinh-tế, tài-nguyên vật-chất. Do đó, việc thực - dân mất hết ý - nghĩa nhân-đạo và biến thành một bộ máy thuần-túy bóc-lột bản-xứ.

Bị thống-trị và bóc-lột, những người bản-xứ dần - dần tỉnh-ngộ, mơ-ước giải-phóng mà một ngày kia họ sẽ thực - hiện được bằng chính những bí-quyết sức mạnh của thực-dân đã dùng để thống-trị họ. Thế-chiến lần thứ nhất đã càng làm tăng thêm sự khủng-khoảng thuộc-địa trên. Qua chiến-tranh, những người bản-

(1) Grandeur et Servitude coloniale. Ed. du Sagittaire - Paris 1931.

xứ có dịp nhận ra bộ mặt thực của Âu-châu khi được chứng - kiến cảnh những nước tự coi là những cường-quốc hùng - mạnh cả về tinh-thần lẫn vật-chất cấu-xé và tiêu-diệt nhau một cách dã-man, tàn-bạo. Từ nay uy-tín về một sức mạnh không thể lay-chuyển nổi của Âu-châu không còn nữa và người thuộc-địa có thể dám mơ-ước giải-phóng, mơ-ước mà những mặc-cảm về sự yếu-hèn của mình lúc bị chinh-phục đã có thể làm cho họ thối-chí.

Chính vì tình-trạng trên, mà Sarraut nhận thấy cần - thiết phải làm một « *tự kiểm-thảo chân-thành* » (trang 20) để tìm những phương thuốc cứu-vãn công-trình thực-dân của nước Pháp, đồng-thời của cả Âu-châu vì theo ông, không thể tách công-trình thực-dân của Pháp ra khỏi trào-lưu thực-dân của Âu-châu. Đó là một liên-đới số-phận trong vinh-quang cũng như trong khốn-cực.

Sự phát-huy của chủ-nghĩa thực-dân Âu-Châu. (1)

Sarraut đặt câu hỏi «*Âu-Châu có cần đi thực-dân hay không*» và căn-cứ vào những thực-tại cụ-thể, ông công-nhận rằng việc đi chiếm thuộc-địa của người Âu-Châu là một « *định-mệnh lịch-sử tất yếu* » gắn liền với sự phát-triển của Âu-Châu không thể làm khác được vì nhu-cầu sinh-tồn và bảo-vệ an-ninh của mình.

Rồi Sarraut phác-họa những nét lớn những giai-đoạn của sự phát-triển đó. Sarraut nhận định rằng khi âu-châu mới bước vào con đường phát-triển kinh-tế, chinh-phục thuộc-địa, và ngay cả bây giờ (thời 1930) sự chinh-phục đó không được tổ-chức theo một kế-hoạch gì rõ-rệt với những mục-tiêu và đường lối cai-trị nhất-định. Đó là một sự phát-triển hỗn-độn và một sự chinh-phục bừa-bãi. Chính vì thế mà có những mâu-thuẫn giữa những tay buôn và chính-quyền trong một nước hay giữa các nước Âu-Châu với nhau. Đó là lý do cắt nghĩa những cạnh-tranh tiêu-diệt lẫn nhau chẳng hạn như thực-dân Pháp và thực-dân Anh chiếm lại những thuộc-địa của Tây-Ban-Nha và Bồ-đào-Nha hoặc các nước

(1) Đầu đề những chương trong sách.

Anh, Pháp, Đức, Nga, Nhật tranh nhau chia sẻ nước Tàu. Vì không có một kế-hoạch chung, nghĩa là vì nước nào cũng chỉ nghĩ đến quyền-lợi riêng nên Anh và Mỹ đã không ngần-ngại giúp Nhật chống lại Nga vì cho rằng Nga quá tham-lam muốn « *ăn một phần* » lớn nước Tàu. Họ đã không ngờ « *chính-sách thực-dân thiển cận* » đó đã đưa đến những hậu-quả chính-trị quan-trọng, rất tai hại cho toàn bộ phong-trào đế-quốc khi Nhật đánh bại Nga : « *Người da vàng đã thắng người da trắng* » (trg. 67) và đột nhiên, trong toàn khối Viễn-Đông, vang dội lên chiến-thắng đó, chiến-thắng đầu tiên của Á-đông đánh bại Âu-Châu bất diệt.

Nước Pháp bó buộc phải có thuộc-địa.

Nước Pháp là một nước thứ nhì trên thế-giới có nhiều thuộc-địa nhất. Nhưng tại sao nước Pháp cần phải có thuộc-địa ; ngoài những lý-do chung của nước Âu-Châu, còn có những lý-do riêng biệt gì không ? Theo Sarraut, lý-do chung của phong-trào thực-dân Âu-Châu là địa-dư của các nước này đều quay ra bể. Bể là yếu-tố phát-triển kinh-tế, là con đường chinh-phục và do đó là yếu-tố sống còn của một dân-tộc trên bình-diện chính-trị, kinh-tế, văn-hóa. Mất nước cũng vì biển, được đất đai cũng vì biển như Léon Hennebicq trong «*Genèse de l'Impérialisme anglais* đã viết: «*Bể là con đường, đường là trao đổi, trao đổi là giàu có, giàu có thì ảnh-hưởng lan-tràn khắp nơi với thế-lực và quang tỏa của Quốc-Gia* » cho nên « *Tất cả những nước Âu-châu có bờ biển hay cửa biển đều bó buộc phải bành-trướng, phải di-cư, phiêu-lưu và chiếm thuộc địa* » (trg. 76). Đó là trường-hợp của Tây-Ban-Nha, Bồ đào-Nha, Ý-đại-lợi, Hòa-Lan, Bỉ, Anh. Nước Pháp ba mặt trông ra biển cũng không thể thoát-khỏi qui-luật bành-trướng đó nếu muốn « *duy-trì nền độc-lập và địa-vị của mình trên thế-giới* (trg 76). *Nhưng trong lịch-sử bành-trướng, nước Pháp ban đầu không sốt-sắng đi chiếm thuộc-địa vì bản chất người Pháp « là nông-dân » và có thiên-kiến mình là người lục-địa* » (trg. 78) nghĩa là thích ở nhà không ưa phiêu-lưu kiếm ăn ở những vùng xa-xôi, nguy-hiểm, mọi rợ...

Nhưng những lý-do chung ở trên chưa giải-thích đầy đủ « *sứ-mệnh thực-dân* » (vocation coloniale) của nước Pháp. Nước Pháp đi thực-dân đặc-biệt là vì bị thúc-đẩy bởi một tình-tự nhân-loại và đó là đặc-điểm của thực-dân Pháp. « *Người Pháp là người vị-tha, thiên-tài của nước Pháp là yêu chuộng cái phổ-biến ; chủ-nghĩa nhân-bản và ý-thức thiện-mỹ, tinh-thần công-chính của nó tạo thành những quan-niệm vị-tha tràn khỏi khuôn-khổ quốc-gia để reo-rắc cho toàn-thể nhân-loại một giấc mơ công-bằng, liên-đới, huynh-đệ* » (trg 79). Dù có đạo Thiên-Chúa hay không, lính của Cộng-hòa hay của Vua Chúa, khuynh-hướng của người Pháp đều là truyền-giáo, nhằm chinh-phục các tâm-hồn để thấm-nhuần họ bằng một lý-tưởng cao-cả ! « *Đó là tâm-hồn của Chàng Don Quichotte* » luôn luôn muốn sửa những lầm lẫn của người khác, bênh-vực kẻ yếu hèn và bị áp-bức. Hầu hết những công-cuộc chinh-phạt của Pháp không có mục-đích nào khác ngoài mục-đích trên. « *Rồi Sarraut kể nào là tổ-chức viễn-chinh để trừng-phạt việc sát-hại những giáo-sĩ cứu giúp những vua chúa bị cướp phá... Họ đã đến Đông-Dương để trả lại cho Gia-Long ngai vàng mà những kẻ tiếm-vị đã cướp mất, và ở lại đấy để giữ gìn cho người An-nam khỏi những nạn trộm cướp giặc giã* ». (trg. 80).

Đó là cử chỉ của Trời qua nước Pháp (gesta Dei per Francos !) Cái cử chỉ nghĩa-hiệp sẽ làm nền-tảng luân-lý cho chủ-nghĩa thực-dân của nước Pháp theo quan-niệm của Albert Sarraut.

Thành-lập đế-quốc.

Trước khi phác-họa một lý-thuyết về thực-dân, Sarraut lược kể lịch-sử thành-lập đế-quốc Pháp hay lịch-sử những chinh-phạt chiếm thuộc-địa ở Phi-Châu, Mỹ-Châu, Á-Châu.

Thực-sự thì chỉ sau chiến-tranh 1870, với Đệ tam Cộng-Hòa nỗ-lực thực-dân mới được cổ-võ và phát-triển mạnh. Tuy-nhiên lúc đó nhiều chính-trị-gia Pháp vẫn chưa chịu nhận những lợi-ích của chế-độ thực-dân, do đó mà theo Sarraut, mới nảy ra vụ tranh-chấp kịch-liệt giữa Clémenceau, người chủ-trương bảo-vệ đất nước và không nên phiêu-lưu thuộc-địa vì nguy-hiểm vẫn ở ngay trước mắt « *theo giới tuyến xanh của núi Vosges* » và J. Ferry, người chủ-

trương phải tạo một sức-mạnh cho nước Pháp bằng chinh-phục thuộc-địa. Lịch-sử đã chứng - minh ai phải vì theo Sarraut, trong thế-chiến thứ nhất, nước Pháp đã rất cần những tiểu-đoàn bản-xứ để có thể thắng trận, điều mà Ferry đã dự-đoán

Đề-cập đến việc chiếm Đông dương, Sarraut nhắc tới những lý-do chinh-phục: giúp Gia-Long khôi-phục lại giang-sơn, thống-nhất lại những xứ tách-biệt và phân tán, bảo-vệ những thừa sai bị hành-quyết và bắt-bớ, cứu-giúp dân bản-xứ ở Bắc-kỳ chống lại họa xâm-lăng của quân Cờ đen (trang 97) và bây giờ thì đến lúc nước Pháp có nhiệm-vụ phải thực-hiện « *sứ-mệnh thực-dân* » của mình thế nào ?

Lý-thuyết thực-dân.

Nếu người Pháp đã hãnh-diện vì có một truyền-thống dân-chủ thì không thể phản - bội lại truyền - thống đó, nghĩa là có hai bộ mặt : một bộ mặt dân-chủ ở Mẫu-quốc và một bộ mặt bạo-tàn ở thuộc-địa. Một Đại-cường-quốc như nước Pháp đi tới đâu cũng phải nêu cao lá cờ của Tự-do, để xứng-đáng là nước của tuyên-ngôn nhân-quyền, của những cuộc cách-mạng dân-chủ.

Trong tinh-thần ấy, Sarraut dựa vào kinh-nghiệm bản-thân đã từng làm toàn-quyền, bộ-trưởng Bộ thuộc-địa, trong khi còn bé lại học những bài về Tự-do, nhân-quyền, không thể không thắc-mắc về câu hỏi cốt-yếu : « *Tại sao tôi đến đây ; tôi có quyền gì ở lại đây và làm chủ ở đây ? Sự chinh-phạt có phải là một hành-động bóc-lột không ? Nếu thực-sự là thế, làm sao tôi có thể còn tự coi là Công-dân của nước Pháp Cộng-hòa, người con của đất nước vẫn mệnh-danh tranh-đấu cho công-bằng và bảo-vệ quyền-sống con người* » ?

Trước khi trả lời câu hỏi đó, Sarraut muốn thẳng-thắn thú-nhận rằng lúc ban đầu sự chinh-phạt chỉ là một hành-động thuần-túy bạo-động, bóc-lột chứ không phải vì một lý-do văn-minh nào cả. «*Chúng ta đừng gian-lận. Chẳng có lợi gì bôi nhọ sự thật. Thực-dân,*

lúc ban đầu không phải là một hành-động khai-hóa văn-minh. Nó chỉ là một hành-động bạo lực, và bạo-lực vị-lợi » (trg. 107). Đó chỉ là luật cạnh-tranh sinh-tồn, mạnh được yếu thua mà thôi « *Thực-dân, ở khởi điểm, chỉ là một công cuộc tư-lợi, ích-kỷ của kẻ mạnh dành kẻ yếu. Đó là thực-tế của lịch-sử* » (trg. 108)

Nhưng bây giờ, không thể duy-trì thực-tế đó nữa. Do đó phải tìm ra một quan-niệm có thể biện-chính cho công-cuộc lúc đầu là bạo động này. Công-thức của quan-niệm trên là « **Thực-dân. công-trình của tình liên-đới nhân-loại** ».

Thiên-nhiên đã chia không đều trên trái đất này, về khả-năng sáng tạo của con người cũng như về tài-nguyên. Nơi thì văn-minh cao như Âu-châu lại thiếu tài-nguyên, nơi giầu tài-nguyên như Á-Phi thì đông-đảo quần-chúng lại thấp kém sơ-khai, đói khổ vì không biết khai-thác làm giàu.

Do đó, luật tự-nhiên cho phép có quyền chiếm lấy những miền đất-đai không khai-thác. Nhưng nếu chỉ để cho mình giàu có mà không san-sẻ cho người bản-xứ là vô-nhân-đạo vì « *của cải đó là của chung nhân-loại*». (trg. 111) *Đó là ý-tưởng chung chỉ-đạo cho công-cuộc thực-dân. Nhân danh quyền sống và công-ích của cả nhân-loại, thực-dân, nhân-tố của văn-minh, đảm nhiệm sự khai-thác sinh-lợi cho mình và cho người khác. Do đó có quyền thực-dân để làm lợi cho mọi người* » (trg. 112).

Đã nói đến quyền, là nói đến bổn-phận, nghĩa là nếu người đi thực-dân có quyền khai-thác thuộc-địa sinh-lợi cho mình thì cũng có bổn-phận san-sẻ cho người bản-xứ. Làm như vậy, « *thực-dân sẽ không còn tính-cách bóc-lột và trở thành một sáng-tạo của quyền-lợi con người* » (trg. 113).

Đó là nét đặc-biệt của công-trình thực-dân Pháp : Sau khi khám phá ra của cải ở những miền xa-xăm, còn khám phá ra một điều cao cả hơn nữa : *Con người* (trg. 114). Con người, người họ hàng, người anh em khác màu da !

Như thế, trong công-trình thực-dân, không còn như lúc đầu « *Quyền của kẻ mạnh* », nhưng là « *nghĩa-vụ của kẻ mạnh hơn phải giúp đỡ kẻ yếu hơn*» (trg. 115). Đó là một lý-tưởng rất cao cả và hào-hiệp ; từ nay những thuộc-địa sẽ không còn là những « *thị-trường* »

mà sẽ là những « *sáng-tạo nhân-loại* », những phần đất liên-đới với Quốc-Gia Pháp trong một phát-triển chung và cùng chia sẻ một số phận chung. Căn cứ vào những tiêu-chuẩn luân-lý trên, chủ-yếu là là tiêu-chuẩn : liên-đới nhân-loại, có thể rút ra những phương hướng chính qui-định cả một chương-trình hành-động.

Trước hết là người bản-xứ cũng là người như-ta, phải coi họ như ta, nghĩa là đảm-bảo cho họ những quyền-lợi như ta đã cho chính ta. Đó là tiêu-chuẩn của chính-sách « *hợp-tác* » (politique d'association).

Sau là phải bảo-vệ các chủng-tộc ở thuộc-địa chống lại những bệnh tật truyền-nhiễm thời khí. Đó là nghĩa vụ cứu-tế Xã-hội.

Rồi phải đảm-bảo sự an-ninh cá-nhân bằng một chế-độ tòa án vô-tư áp dụng đứng-đắn cho cả người Âu lẫn người bản-xứ ; hoặc đảm-bảo quyền lao-động và đồng lương hợp-lý cho người lao-động bản-xứ và mở-mang trí-tuệ họ. Đó là nghĩa-vụ giáo-dục, học chính. Sau cùng sửa-soạn đưa người bản-xứ dần-dần tham-dự vào công-cuộc cai-trị để thực-hiện thực-sự tôn chỉ « *hợp-tác* » chứ không phải coi họ như tay sai, nô-lệ...

Ơn-huệ thực-dân.

1— An-ninh, trật-tự

Người Pháp đã làm được những gì để thực-hiện chương-trình trên ? Đó là điều căn-bản. Những người chống thực-dân la ó là người đi thực-dân đã phá-hủy « *hoàng-kim thời-đại* » của bản-xứ để đặt ách thống-trị. Nhưng Sarraut hỏi họ có dân-tộc nào, đen hay vàng được an-ninh thái-bình trước khi người Pháp đến ; « *Lịch-sử của họ chỉ là một chuỗi dài bi-thảm những chiến-tranh, chém giết, cướp bóc, hà-hiếp . . . Những tiếng hò vang không ngớt của xâm-lăng, trận mạc do một tình-trạng hỗn-loạn, bạo-động truyền kiếp-tử bao thế-kỷ vang-dội lên thành một tiếng kêu cầu cứu chúng ta một cách bi thương mà ta không thể không đáp lại* (trg, 125). Chẳng hạn, ở Đông-Dương «*khi chúng ta đến, dân Cao-miên gần ngã quỵ trước áp-lực của người Xiêm và người Annam ; xứ Lào hiền-lành bị tàn-phá vì những xâm-lăng của láng giềng hay những tranh-chấp phong-kiến nội-bộ, còn xứ*

Bắc-kỳ thì bị bọn cướp Cờ đen đe-dọa hay bị trộm cướp hằng ngày đánh phá » (trg. 126). Người Pháp đến đã đem thái-bình và an-ninh trật-tự cho những dân-tộc mà luật thường ngày cạnh-tranh, giết chóc và luật trừ mới là trật-tự an-ninh.

2— Cứu-tế xã-hội

Trước khi người Pháp đến, dân bản-xứ luôn-luôn bị những bệnh-dịch tác-quái mà sở-dĩ họ còn tồn-tại được chỉ vì sinh-sản nhiều. « *Chính ở lãnh-vực này mà công-trình thực-dân quả thật là đẹp, và cao cả* » (trang 128), nhất là đôi khi phải cố-gắng lắm mới khắc-phục được những thiên kiến, phong-tục cổ-hủ chống lại với những cử-chỉ bác-ái đó vì mê-tín, ngu-dốt. Nhưng « *sự lầm-than cơ-cực đó đã biến hết trước mắt chúng ta* » (trang 131).

3— Khai-thác đất-đai, hầm mỏ, rừng-rú

Những đồn-điền, những đường xá mọc lên « *khắp nơi, những con đường nhựa đẹp và chắc-chắn đã thay thế những con đường thảm-hại do những bàn chân người bản-xứ vạch ra . . Những con đường đó đã xóa bỏ thứ cỏ-vê xấu-xa là gồng-gánh bó-buộc người bản-xứ, nhọc-mệt vì phải đi đường xa mà hai vai nặng-chĩu* » (trang 133)

4— Nâng-đỡ người Lao-Động

Chúng ta đến và đã xóa bỏ chế-độ nô-lệ mà ở đôi chỗ thật còn là tàn-bạo « *Chúng ta đã phải tranh-đấu từng thước đất, từng giờ, để tiêu-diệt việc làm nô-lệ theo truyền-tục lâu đời của dân bản-xứ* » (trang 135). Chẳng hạn, người địa-chủ Annam đã bóc-lột tá-điền bằng những bó-buộc tiêu-biểu cho một chế-độ nô-lệ đích-thực.

5— Bảo-vệ bằng Pháp-Luật

Sarraut không chối đôi khi có những bất-công trong sự xét-xử người bản-xứ. Nhưng đó chỉ là những trường-hợp đặc-biệt. Người Pháp đến, đã đặt Pháp-luật và thiết-lập Tòa-án công-minh cho người bản-xứ, sau khi xóa bỏ những phong-tục, luật-lệ dã-man, hoàn-toàn khinh-bỉ con người của những chế-độ bản-xứ như

tra-tấn tù đầy, hoặc dùng những hình phạt tàn-ác : bắt uống thuốc độc, đốt chân đốt tay, ném vào vạc dầu sôi v,v...

6— Mở-mang Học-Chính

Đây là vấn-đề quan-trọng và phức-tạp nhất, theo A. Sarraut về mục-đích, bổn-phận cũng như về phương-diện tổ-chức.

Phải giáo-dục, mở trường học cho người bản-xứ từ cấp tiểu-học đến đại-học. Nhưng một cách « *thận-trọng, khôn-ngoan* » phù-hợp với nhu-cầu để khỏi biến những kẻ được học thành thất-nghiệp, bất-mãn. Có người thực-dân thiển-cận cho rằng mở-mang học-chính sẽ làm cho người bản-xứ sau này chống lại thực-dân, do đó cần phải duy-trì họ ở tình-trạng ngu-dốt vô-học ! Sarraut nhìn xa hơn, không thể không mở trường vì nếu không thì họ đi học ở chỗ khác và sẽ bất lợi cho thực-dân :

« *Trước chiến-tranh, những người cách-mạng Annam tạm-trú ở Hồng-kông ở Tàu, Nhật và học ở các trường Đại-học Nhật-Bản hay Anh . . . Khi người ta hỏi họ tại sao không theo học ở Đông-dương, họ trả lời Thực-dân không làm gì để dạy-dỗ họ, vì chúng chỉ mở một thứ học-chính thấp lẹt-bẹt. « cho nên tôi đã mở những lycée, trường cao-đẳng cho người Annam để không còn đứa nào được quyền nhắc lại câu trên và trốn khỏi Đông-dương để đi học những bài dạy làm loạn ở chỗ khác* » (trang 160).

7— Cho người bản-xứ tham-dự vào việc cai-trị

Sarraut nghĩ rằng không thể để người bản-xứ mãi-mãi ở trình-độ bị-trị. Phải cất nhắc một số người lên những địa-vị cai-trị cùng với người Tây. Do đó phải lập các hội-đồng dân-biểu, ngạch quan lại bản-xứ v. v . . . Nhưng dĩ-nhiên là phải làm dần dần, vì cho quá cái người ta xứng-đáng thì hại hơn là lợi, vì « *bình-đẳng tai-hại nhất là xử một cách bình-đẳng những điều không bằng nhau* » (trang 166). Có người cho là những công-trình trên quá táo-bạo, nhưng đối với A. Sarraut đó chỉ là những biện-pháp cần-thiết và lợi-ích vì chỉ làm thế mới đảm-bảo lâu dài chế-độ thực-dân.

Những làn sống phản-kháng.

Nếu lý-tưởng thực-dân cao-đẹp và ơn-huệ thực-dân nhiều như thế, tại sao có những làn-sóng công-phẫn đang nổi lên từ những đám người bản-xứ trong khắp các thuộc-địa ? Có phải vì những lầm-lỗi cá-nhân hay do những nguyên - nhân nào sâu-xa hơn ?

Theo Sarraut, sự khủng-khoảng này có những nguyên-nhân sâu-sa do sự tiếp-xúc va-chạm giữa những nền văn-minh, những chế-độ xã-hội và hơn nữa do những hậu-quả oái-oăm của ơn-huệ, của vinh-quang. Đó chính là nỗi khổ tâm, cực-nhục của Thực-dân là « *mặt trái của mề-đay. Thật là một điều nghịch-lý nhưng cũng là một sự-thực tàn-nhẫn ; mỗi một ơn-huệ của thực-dân trở nên một mối lo-ngại cho chính người thực-dân. Trong công-cuộc thực-dân, cái tốt hình như sinh ra cái xấu và mỗi một tiến-bộ có bộ mặt trái của nó đe-dọa bàn tay hay làm ơn* » (trang 192).

Làm cứu-tế xã-hội, để bảo-vệ dân-chúng, kết-quả là có đông người quá phải nuôi. Nuôi không xuể tất-nhiên người đói bất-mãn.

Tiến-bộ kinh-tế ? Người Âu lo cho người bản-xứ mọi tiện-nghi do tài của Âu-châu sáng-chế ra, nhưng đồng-thời cũng tạo ra những nhu-cầu và do đó những ghen-tỵ phân bì. Khai-thác hầm mỏ, rừng-rú, mở-mang nhà máy, nhưng đồng-thời cũng tạo ra một tầng-lớp vô-sản gồm những cu-li, thợ-thuyền dễ bất-mãn và gây-rối trật-tự an-ninh. Giáo-dục, mở-mang học-chính ? Đây là nghĩa-vụ cao-cả nhất của thực-dân nhưng dạy người bản-xứ cho họ tham-chính, cũng tạo điều-kiện cho họ thức-tỉnh, giác-ngộ về quyền tự-quyết, về khả-năng của họ. Giáo-dục tây-phương làm cho họ có vẻ suy-luận, phê-bình, do đó làm cho họ dễ trở nên bướng-bỉnh, kiêu-ngạo, không dễ-dàng tòng-phục như khi còn ngu-dốt. Cho nên « *Trong mọi lãnh-vực, nỗ-lực của người thực-dân mong làm ích cho người bản-xứ thì lại chỉ tạo ra sự đe-dọa nguy-hiểm chống lại họ* ». (trang 196).

Đó là những nguyên-nhân âm-ỷ nhưng chưa bùng phát. Phải đợi đến thế chiến I mới có dịp bộc-lộ khi họ thấy âu-châu không

còn là một thế-lực bất-khả xâm-phạm. Rồi bản tuyên-ngôn « *Dân-tộc tự-quyết của Wilson* » và cuộc cách-mạng bôn-sơ-vít là những động-lực lay-chuyển thúc-đẩy tình-tự bất-mãn kia chỗi dậy, bùng-nổ . . .

Theo Sarraut cuộc cách-mạng bonsevit thật là đáng lo-ngại vì nó là cả một kế-hoạch qui-mô tuyên-truyền, phá-hoại thế-lực Âu-châu trong mặt trận phản-đế ở các thuộc-địa. Nhưng sở-dĩ mối nguy-hiểm bôn-sơ-vít đáng lo-ngại là vì đã có đất sẵn cho họ reo mầm-mống cách-mạng.. Đất sẵn đó, theo Sarraut là những nhầm-lẫn của thực-dân và một lầm lẫn trầm-trọng hơn cả là : « *Óc thực-dân* » (trang 207), nghĩa là sự khinh-miệt người bản-xứ, mà những người đi chinh-phạt đầu tiên đã có và bây giờ vẫn còn. Óc thực-dân đó tiêm-nhiễm vào những giao-thiệp hằng ngày cũng như vào các chế-lập ở thuộc-địa hoặc ở mẫu-quốc.

Bổn-phận của người Da Trắng.

Đó là tình-cảnh chung của phong-trào thuộc-địa «*Cơn khủng-hoảng đó ở khắp nơi. Vấn-đề đã đặt ra, không lợi gì mà che-dấu cả* » (trang 219). Phải giải-quyết thế nào ?

Âu-châu không thể sống được nếu không có thuộc-địa « *Sản-phẩm của thuộc-địa đã trở-thành đồ ăn cần thiết bậc-nhất cho phòng ăn, kỹ-nghệ và thương-mại của Âu-châu*» (trang 220). Do đó cần phải bảo-vệ thuộc-địa nhưng làm sao chống lại được cái mà Stoddard gọi là « *làn-sóng trào lên của những dân-tộc màu da* » (Rising tide of colour), hay cái « *họa da vàng* » kia ?

Trước hết, chính những nước có thuộc-địa phải nhận-thức được hiểm-họa chung và đoàn-kết lại để lập thành một mặt trận bảo-vệ chung. Thật đáng tiếc từ trước chúng ta chia rẽ, cạnh-tranh nhau như người Anh đã bao lần muốn lật-đổ thế-lực của người Pháp ở Syrie, Phi-Châu. Á-châu, hay ở Tàu, « *sự tuyên-truyền của bôn-sơ-vít chống âu-châu đã được những thừa sai người Mỹ ủng-hộ* » (trg. 238).

Cho nên thay vì đố kỵ, cạnh-tranh, họ phải cộng-tác với nhau thành một liên-đoàn Âu-Châu để bảo-vệ chế-độ thực-dân, chủ-yếu là nhằm chống lại phong-trào bôn-sơ-vít.

Muốn thế, Sarraut đề ra hai giải-pháp : liên-kết hay chống đối. Liên-kết là hòa-giải, điều-đình với nước Nga để tạo ra một tình-trạng « *hoãn-binh* » chung sống giữa các nước Âu-Châu với thuộc-địa và nước Nga, để nước này thôi không gây những cuộc nổi-loạn và cách-mạng ở thuộc-địa. Phải đưa nước Nga về với âu-châu sau khi âu-châu đã cô-lập bỏ rơi họ, vì họ trước đây cũng thuộc về đại gia-đình âu-châu và chấm dứt tình-trạng cạnh-tranh nhau để cho nước Nga lợi-dụng sự chia rẽ đó mà làm yếu dần các nước âu-châu bằng cách liên-kết với nước âu-châu này để tiêu-diệt nước âu-châu kia mà mình ghét. (257). Nếu không thể đi đến một hòa-giải với nước Nga, thì ít ra các nước âu-châu cũng thiếp-lập một mặt trận phòng-thủ chung để có thể làm tê-liệt những âm-mưu chia rẽ hay phá rối ở thuộc-địa của nước Nga.

Đến đây, Sarraut chống lại giải-pháp đề-nghị bán lại hay trao-đổi thuộc-địa khi không thể giữ được vì làm như thế không giải-quyết được gì và hơn nữa Quốc-gia nào ở thế-kỷ 20, dám làm nhơ-bẩn danh-dự đến như thế (trang 261). « *Bán một thuộc-địa ; nghĩa là bán một đám người như bán một đàn bò, một thửa-ruộng ! Nhớ lại thời buôn nô-lệ xưa nhất là khi chiến-tranh biết bao người bản-xứ đã tình-nguyện sang mẫu-quốc và hy-sinh mình để bảo-vệ cho đất Mẹ hoặc là trả lại độc-lập cho người bản-xứ ! Càng không được vì làm như thế là đưa họ trở lại tình-trạng chia rẽ, bạo-động mất an-ninh, bán khai trước khi được làm thuộc-địa. Xem nước Ấn-Độ và Đông-dương này« ý-tưởng về độc-lập chẳng những không làm cho họ say mê, mà càng làm cho họ sợ »* (trg. 264) và do đó, « *Đông-dương là một xứ mà chữ độc-lập là một vô-nghĩa, một phi-lý đối với lớp người thượng lưu tri-thức bản-xứ đã cảm kích về cuộc bảo-hộ* ». (265) Họ biết rằng chính nước Pháp đã làm nên xứ Đông-dương là một xứ ô hợp trước đây và nếu bay giờ nước Pháp ra đi, mọi sự sẽ đổ vỡ. « *Tôi nói ở trên là Đông-dương có ba xứ bảo-hộ và hai thuộc-địa. Vậy xứ nào trong năm xứ và ai, ông Vua nào có thể phối-hợp 5 xứ một quyền bính duy-nhất khi Đông-dương được độc-lập ? Chỉ cần nêu lên câu hỏi trên, cũng thấy nó là vô-lý rồi* » (trang 266). Hơn nữa, nếu người Pháp ra đi, ai sẽ bảo-vệ cho họ trước những đe-dọa của những cường-quốc khác.

Cho nên nước Pháp không có quyền rời bỏ Đông-dương được. Bảo-vệ nó, đó là một bổn-phận luân-lý và nhân đạo.

Vậy chỉ có một cách là các nước Âu-châu phải làm thức-tỉnh lại ý-thức văn-hóa của mình ở thuộc-địa, ý-thức về quyền-lợi và ý-thức về bổn-phận do quyền-lợi được hưởng. Âu-châu phải bảo-vệ quyền-lợi đồng-thời chu-toàn bổn-phận, không được bỏ chạy, cũng không được sao-nhãng. Vì thuộc-địa vừa là cái vinh cũng vừa là cái cực của Âu-châu.

Bài diễn-thuyết ở văn-miếu. (1)

Có lẽ trong các bài diễn-thuyết của Sarraut trong thời-gian làm toàn-quyền, bài này quan-trọng hơn cả vì nó phản-ảnh đầy-đủ những phương-hướng chính đường-lối của Sarraut. Chính Sarraut đã muốn bài diễn-thuyết này có một tầm quan-trọng đặc-biệt nên đã ra lệnh cho Hội « *Khai-trí Tiến-đức* », con đẻ của ông ta, triệu-tập đại-diện đủ các giới tây ta : quan-tỉnh, quan-huyện, ông thông, thầy phán, nghị-viên-hội Tư-vấn Bắc-kỳ, Hội-viên thành-phố Hà-nội, Hải-phòng, thân-hào, chức-sắc, doanh - thương, kỹ-nghệ-gia, sinh-viên trường Đại-học, học trò mấy trường Trung-học... cả thảy ngót ba ngàn người được mời đến dự-tiệc và để nghe quan toàn-quyền diễn-thuyết « *những lời quan-trọng cho cái tiền-đồ nước* Nam *ta nhiều lắm* » (2). Việc chọn « *Văn-miếu* » một nơi cổ-tích tượng-trưng cho nền văn-hóa nước nhà để hội-họp và đọc diễn-văn về tương-lai nước Nam cũng không phải là không có ngụ-ý chính-trị...

Mở đầu, Sarraut nhắc đến hội Khai-Trí Tiến-Đức, tượng-trưng tinh-thần cộng-tác Pháp-Nam mà Sarraut vẫn có «*bụng tin ở Hội đem lòng thành mà giúp chính-phủ bảo-hộ* ». Nhân-dịp sắp về Pháp để tìm phương-kế mở-mang thêm xứ này, Sarraut muốn trình-bày cho cả Pháp-Nam đường lối chính-trị của mình. Trước khi trình-bày, ông tỏ lòng « *luyến-tiếc* » vì phải tạm thời bỏ dân An-nam cái dân đã quá mến tôi mà gọi tôi là người cha hiền « *người cha có lẽ nào lại bỏ con* » còn « *tôi đã đem hết lòng hết dạ yêu mến xứ này,* –

(1) Đăng trong Nam-phong số 22 tháng 4 năm 1919.

(2) Một ngày đáng kỷ-niệm. P. Quỳnh N. P. số 22.

hết công hết sức gây dựng cho xứ này, thể nào mà bỏ cho được, mà quên cho đành ? Cái giây luyến ái nó buộc tôi với đất nước này đã bền chặt quá, không sao dứt cho được ».

Sở-dĩ bây giờ cần có một chính-sách thuộc-địa mới là vì nước Nam đã lớn khôn cho nên những khuôn phép trước đây có vẻ quá chật hẹp. Vậy phải cố xin Mẫu quốc cho được một hiến-pháp mới mở rộng quyền tự-trị của toàn-quyền và quyền tham-dự của người bản-xứ vào việc cai-trị trong một tinh-thần hiệp tác. Vì ngày nay cái quyền chính-trị của nước Pháp muốn cho được chính đáng thì phải lấy « *chính-nghĩa công-lý làm gốc* ».

Từ xưa, vẫn có hai lối đi thực-dân, một lối xâm-lăng và bóc-lột người bản-xứ, coi họ như nô-lệ, và một lối đi khai-hóa văn-minh vì lòng nhân-đạo. Nước Pháp theo lối sau. Nước Pháp đến xứ này là vì « *người dân bản-xứ hoặc vì Vua chúa trong bản-xứ gọi đến để giữ hộ cho khỏi người ngoài đến chiếm đoạt hay là người trong làm áp-chế* ». Cho nên nó tự coi như : « *người anh lớn đến giúp đỡ che chở cho người em nhỏ* » không coi dân bản-xứ như nô-lệ mà coi như một người **chung phần giúp việc** với mình. Nếu thế thì việc bảo-hộ của nước Pháp không phải là một sự áp-chế, trái lại là một bổn-phận luân-lý : phải bảo-vệ, dìu-dắt, khai-hóa. Và vì có bổn-phận, nên có quyền cai-trị xứ này. Nhưng cái chủ quyền đó không phải là **cường-quyền**, mà là chủ-quyền đưa đến Tiến-bộ, cái quyền cao-cả vì là quyền của người mạnh phải bênh-vực cho người yếu.

Người Pháp đã tốn-công tốn-của, hao tổn xương máu để thực-hiện bổn-phận bảo-hộ nào là dẹp loạn, nào là mở mang khai-khẩn. Cho nên ân-huệ và công-phu là hai nền-tảng vững vàng của chủ quyền nước Pháp ở đây. Bởi thế, nước Pháp có phép bắt các dân bảo-hộ tôn-trọng chủ-quyền ấy. Đó là **chủ-quyền bất-khả xâm-phạm**, không ai được phép nghi ngờ và người giữ trách-nhiệm cai-trị ở đây không bao giờ được để cho ai nghị-luận đến chủ-quyền đó, vì nó đã là một sự **hiển-nhiên** rồi.

Nhưng một khi đã nhận chủ quyền trên là hiển-nhiên, nghĩa là chỉ do điều muốn làm lợi cho người bản-xứ mà có chủ-quyền

trên thì chính-sách cai-trị phải là chính-sách khai-hóa, mở-mang cộng-tác. Nước Pháp đã và còn đang thi-hành chính-sách đó. Và « *Bởi có cái chính-sách đó mà dân Annam mới có lòng trung-thành biết ơn, như các ông đã tỏ lòng trung-thành đó trong kỳ chiến-tranh vừa qua*» (gửi 10 vạn lính, mua quốc trái, trong nước thì yên-ổn). Nước Pháp cũng không thể có một chính-sách khác, vì nó là « *Mẹ các dân-tộc, đã dựng nên ra nền công-pháp ngày nay, đã giải-thoát nhiều dân-tộc ra khỏi chốn lao-lung* ».

Có người nghe tôi nói có thể kêu lên rằng tôi cho người Annam nhiều quyền tự-do quá, hoặc mở mang nhiều quá, lo sợ một ngày kia họ sẽ dùng khí-giới người Pháp cấp cho mà chống lại chủ quyền của nước Pháp ở đây. Nhưng tôi không lo sợ chút nào vì hai lẽ sau đây : thứ nhất, vì danh-dự của các ông khi đã hưởng những ân-huệ to-tát như thế, thì lẽ nào các ông có bụng phản-bội vì phản nước Pháp là người Mẹ nuôi mình, thì chẳng khác gì phạm tội sát-thân (parricide) thật xấu hổ nhơ-nhuốc cho giòng-giống các ông đến vô cùng. Giả-sử các ông muốn phản thì đã làm trong khi chiến-tranh lúc chúng tôi đang bối-rối. Bây giờ thì càng không muốn làm và có muốn làm cũng không được vì cuộc chiến-tranh đã xong, chúng tôi đã chiến thắng, thế-lực uy-danh khắp thế-giới.

Lẽ thứ hai là vì cái lợi cho chính nước các ông. Các ông không thể phản nước Pháp vì trái với cái lợi của các ông. Các ông yếu kém chưa tự sức mà tự chủ được, nay nếu nước Pháp ra đi, thì các ông sẽ lâm vào cảnh trong nước thì rối loạn, không trên không dưới, bên ngoài thì sẽ có kẻ khác đến xâm-lăng, bấy giờ mới thảm thay, nhớ đến ân-huệ của chúng tôi ngày nay mà khóc ra máu được ».

Rồi Sarraut nhắc tới mấy bọn Annam làm cách-mạng ở ngoại quốc làm bá cáo đòi cho nước Annam độc-lập. Sarraut nói: «*Tôi cố đọc kỹ, thật là vô vị quá, tôi lấy làm lạ những người có cái chí muốn cải-cách cho nước mình mà sao dốt nát như vậy, sao cái óc nghèo nàn đến thế. Đến nỗi tôi ngờ rằng không biết có phải người Annam không, dầu người Annam cách mệnh nữa, mà cầm bút viết những lời vô-nghĩa lý như vậy* ».

Nhưng cho là có thực đi nữa, thì bọn Annam làm cách-mạng tự xưng là ái-quốc đòi cho nước Nam độc-lập mà lại đi nhờ kẻ

thủ của nước Nam mà xưa kia cha ông họ đã nhờ chúng tôi giúp mới đuổi được họ khỏi bờ-cõi, thì thử nghĩ có kỳ không ? Muốn đuổi người Pháp mà lại lấy bọn cách-mệnh Quảng-Đông làm thày là bọn làm cách-mệnh đã 10 năm, mà tới nay nước vẫn nát như tương đến nỗi lương lính không có mà trả, quân lính phải đi cướp mà ăn, thì thử hỏi có kỳ không ? Cho nên nếu nước Nam mà vào tay bọn đó thì thật là khốn-nạn. Bởi thế người An-nam nào biết suy-nghĩ, lo cho tương-lai nước mình không để tin những mơ-tưởng hão-huyền về sự độc-lập chỉ là cái bẫy mà bọn gian-tham ngoại-quốc cài để lừa bọn cách-mệnh trao nước An-nam cho họ ».

Nhưng nước Pháp ở đây để bảo-vệ nước Nam cho khỏi nguy cơ đó, và còn làm trọn công-nghiệp khai-hóa, mỗi ngày một thêm ơn huệ cho các con. Để chứng-minh, Sarraut kể các thành-tích của thực-dân về kinh-tế, học-chính, y-tế, giao-thông, tòa-án, nhất là về giáo-dục. Chính-sách giáo-dục của nước Pháp là khai-hóa thật, không những chỉ mở các trường thực-nghiệp dạy nghề, mà còn mở các trường Trung-học Cao-đẳng để cho người An-nam được học mọi kiến-thức khoa-học, văn-chương đến chỗ cùng bậc, chứ không hạn-chế, cản trở sự tiến-thủ. Lý do mở trường chính yếu là lý-do lấy tình ân-ái mà mở mang cho một giống người u-ám sầu khổ được trông thấy ánh-sáng văn-minh và thứ yếu là đào tạo người tài giỏi giúp việc bảo-hộ, sau cùng là lợi cho đường an ổn : *« một chánh-phủ mà đối với một lũ dân ngu dốt dễ lắng tai nghe những bọn xuẩn-động hay quấy rối, thời lại nguy-hiểm hơn là đối với một dân có học-thức đã biết phân-biệt điều phải lẽ trái biết rằng người nào là người thật lòng ái-quốc, kẻ nào là kẻ xuẩn-động vô-tri »...*

Mục-đích của giáo-dục còn là nhằm đào tạo một hạng thượng lưu trí-thức vì một xã-hội phải có bọn thượng-lưu thì nước mới tiến-bộ, mới giữ được trật-tự an-ninh.

Sau đó, Sarraut bàn tới **dân-quyền** mà ông định ban phát cho xứ này. Phải làm sao cho người bản-xứ được rộng quyền chính trị như những người mà Sarraut gọi là « *Công-dân bản-xứ* » nghĩa là được quyền bầu nghị-viên, làm đại-biểu cho mình, mà không phải là nhà nước cử ra và có quyền tham-dự vào việc cai-trị ở làng nước, quận tỉnh, thành phố...

Cuối cùng để kết-luận, Sarraut nhắc lại tấm lòng chân-thành và sốt sắng lo việc bảo-hộ của mình như thế nào lúc nào cũng sẵn-sàng bênh-vực và che-chở cho các ông, cho người bản-xứ mà tôi là người bạn thiết, người thầy yêu của ông. Cho nên chính-sách cai-trị của tôi là « *Tôi cai-trị các ông bằng ái-tình của tôi* ».

Người được mời dự tiệc « *ngày đáng kỷ-niệm đó* » nếu không có lập-trường vững, giác-ngộ, có lẽ không khỏi bị cảm kích, mê hoặc vì những lời nói quyến-rũ, có vẻ chân thành nhất là khi những lời nói hay đẹp chân-thành đó hình như « *có lý* » dựa vào sự thực... như quả thật là nước ta kém, chưa văn-minh, quả thật là Tây có mở-mang như vừa thành-lập trường Đại-học Hà-nội, quả thật là có mối lo-ngại nước Tàu xâm-lăng, hay những người làm cách-mạng Tân-hợi đã đưa nước Tàu vào cảnh rối-loạn...

Nhưng sự khôn-khéo và quỉ-quyệt của Sarraut là đã dựa vào những sự thực để xuyên-tạc sự-thực và do đó đã tạo ra được huyền-thoại : Huyền-thoại về một lý-tưởng luân-lý, một sứ-mệnh nhân-đạo. Trước dư-luận thế-giới và dư-luận bản-xứ, trình-bày chế-độ thực-dân Pháp ở Đông-Dương như một công-trình của nước Pháp nhằm thực-hiện cái « *sứ-mệnh* » (vocation) truyền-thống của nước có thánh Vincent de Paul và đề xướng ra bản tuyên-ngôn nhân-quyền, do đó, đặt chế-độ thực-dân trên một nền tảng luân-lý và pháp-lý tự-nhiên. Hễ chấp-nhận sự kiện là chân-lý hiển-nhiên căn-bản đó, mọi sự khác mà Sarraut đã kê khai đều hợp tình hợp-lý cả (dĩ-nhiên là hợp-tình hợp-lý với cái chân-lý là tiền đề trên). Vậy điểm then-chốt, vấn-đề căn-bản ở đây là nền tảng chế-độ thực-dân.

Theo Sarraut, nền tảng đó là :

Về phía người Pháp, sở dĩ sang Việt-Nam, là vì để khai-thác (điều này có) nhưng chủ-yếu là vì muốn nâng-đỡ, cứu giúp người Việt-Nam.

Về phía người Việt-Nam, tình cảnh nghèo-cực, hèn kém, rối-loạn, đau-khổ của người Việt-Nam là một tiếng gọi lòng thương

xót, một tiếng kêu cầu-cứu. Chế-độ thực-dân phát sinh từ đó có một tiếng gọi cầu-cứu và có sự đáp lại. Người Pháp đi thực-dân là « *thánh Vincent de Paul* » đi giúp đỡ kẻ nghèo, là chàng hiệp-sĩ Don Quichotte sẵn-sàng bảo-vệ bênh-vực kẻ hèn yếu khỏi bị bắt nạt. Người Việt bị thực-dân là người nghèo khó hèn yếu đang bị đe dọa... Do đó, người mạnh có bổn-phận nâng-đỡ, bảo-vệ người yếu vì đó là lẽ tự-nhiên **con người liên-đới với nhau.**

Vậy nền-tảng của chế-độ thực-dân là Tình liên-đới nhân-loại và bổn-phận kẻ mạnh nâng-đỡ kẻ yếu ! Và đó là một nền-tảng **theo lẽ tự-nhiên.** Nếu đó là lẽ tự-nhiên thì cũng bất-khả xâm-phạm, không thể nghi-ngờ, thắc-mắc, đặt lại vấn-đề gì nữa, vì lẽ phải bao giờ cũng là điều tốt rồi. Nếu chế-độ thực-dân là lẽ phải tự-nhiên, thì cũng **đương-nhiên** chỉ có lợi cho Việt-Nam.

Kết-luận không nên đả-động đến những hòa-ước đặt nền Bảo-hộ. Đó là chân-lý hiển-nhiên, là linh-thiêng (1). Bất-cứ một hành-động gì, một chương-trình gì về thuộc-địa phải **từ** căn-bản đó mà thảo-luận, chứ không được thảo-luận **về** căn-bản đó. Nếu còn ai nghĩ tới những lộn-xộn đánh nhau lúc người Pháp sang thì đó chỉ là vì ngộ-nhận của cả đôi bên, bây giờ nên quên đi, không nên mở lại vết thương cũ như Phạm-Quỳnh đã viết « *Dĩ-vãng, là dĩ vãng không nên mở lại vết thương trong lòng người đã phải bao nhiêu thời-gian mới hàn-gắn được* » (Essais Franco-annamites).

Vậy nhiệm-vụ của người bản-xứ bây giờ là lo làm sao canh-tân tự-học, để theo kịp sự hướng-dẫn, dìu-dắt khai-hóa của Đại-Pháp là người Anh, người Mẹ Do đó, vấn-đề căn-bản là vấn-đề giáo-dục. Chỉ bàn về giáo-dục chỉ lo về giáo-dục, vì đó là nhiệm-vụ thiết-thực nhất, đã nhận người ta bảo-hộ dìu-dắt, thì chỉ còn phải lo làm sao theo cho kịp những điều người ta dạy bảo. Dìu-dắt đi đến chỗ nên thân, nên người, nước giàu, dận mạnh. Đó là lý-tưởng

---

(1) Phạm-Quỳnh thường nhấn-mạnh vào điểm này gọi thỏa-hiệp 1884 là « Quyền linh-thiêng » căn-bản pháp-lý không thể chối cãi được. Tư-tưởng chính-trị của Phạm-Quỳnh phản-ảnh một cách trung-thành đường lối của thực-dân, đặc-biệt của Sarraut.

của thực-dân. Chính vì thế mà không có mâu-thuẫn giữa ái-quốc và trung-thành với Đại-Pháp, giữa chủ-nghĩa quốc-gia và chính-sách bảo-hộ như Phạm-Quỳnh chủ-trương (1). Tha-hồ làm văn-hóa, phát-triển công-nghiệp, ca-tụng lòng yêu nước, miễn là vẫn chấp-nhận Bảo-hộ. Ngay cả khi khai-hóa cho đến chỗ tự-trị, cũng vẫn trong bảo-hộ; vì Bảo-hộ đâu có phải là áp-bức, đè-nén, trái lại là dẫn-dắt, khai-hóa, thì làm sao mâu-thuẫn được với lòng yêu nước, chí tiến-thủ là động-lực thúc-đẩy công-cuộc khai-hóa.

Do đó, không thể nói đến tranh-đấu chính-trị, làm cách-mạng, vừa là chuyện mơ-hồ, vừa là đần-độn ngu-dốt vì chống lại lợi-ích của mình mong muốn.

Nếu nước Pháp bảo-hộ là « *cứu-tinh* » vì mình yếu-hèn mà được bảo-vệ nay lại bỏ đi, thì thật là điên-cuồng dại-dột, trong nước sẽ rối-loạn, chia rẽ, ngoài nước sẽ bị nước khác tàn-bạo hơn đe-dọa, xâm chiếm. Cho nên với người hiểu biết, nhất là với bọn Thượng-lưu trí-thức khôn-ngoan, thì dù nước Pháp bây giờ có trả lại chủ-quyền, cũng không muốn nhận và sẽ cầu van nước Pháp ở lại.

---

(1) Phạm-Quỳnh viết : « một đàng chủ-nghĩa quốc-gia An-nam, vì không chủ-trương độc-lập, không che dấu một ý-tưởng, ý-khai nào, chẳng những chấp-nhận một cách thẳng-thắn nền thống-trị Pháp mà còn công-nhận nó là cần-thiết như một áo giáp chống lại những nguy-hiểm từ bên ngoài, đàng khác, sự bảo-hộ kia được thực-hiện theo một tinh-thần rộng-rãi và ý-tưởng là truyền-thống của nước Pháp sẽ phải nhằm giải-thoát dần-dần dân-tộc mình bảo-vệ, chứ không phải sát-nhập tiêu-diệt nó. Trong bài «vers une dochine nationale (Nouveaux essais franco-annamites) hay nơi khác P.Q viết « ngày nay không có phân-biệt người nào là vị nước Pháp, người nào là phản-đối nước Pháp, chỉ nên phân-biệt người nào là ái-quốc, người nào là không ái-quốc mà thôi. Ai đã ái-quốc, tức vị nước Pháp, ai phản-đối nước Pháp tất là người không ái-quốc vì làm ngăn-trở cái công nước Pháp kinh-doanh cho giống-nòi Annam được cường mạnh, công ấy đến sau cuộc chiến-tranh rất nặng-nề khó-nhọc hơn nay nhiều. (N.P. số 6 : luận-thuyết về thế-lực Nhật-bản ở Tàu).

Đó là huyền-thoại. Sarraut đã tạo ra huyền-thoại bằng cách dựa trên một phần sự-thực và xuyên-tạc sự-thực đó, rồi biến sự-thực xuyên-tạc này thành một chân-lý hiển-nhiên, theo lẽ tự-nhiên, đòi-hỏi một niềm tin không nghi-ngờ thắc-mắc.

Trong những nguyên-nhân của chế-độ thuộc-địa, có phần vì tình-cảnh hèn-kém, rối-loạn vụng-về của nước ta hồi đó. Nhưng đó chỉ là một cái dịp hay một nguyên-cớ phụ. Nguyên-nhân chính là chủ-đích và ý-chí xâm-lược với bất-cứ giá nào (thương-lượng, võ-lực) của thực-dân. Đó là sự-thực. Sarraut đã xuyên-tạc sự-thực bằng cách lấy nguyên-nhân phụ làm nguyên-nhân chính và coi nguyên-nhân này là một **tiếng gọi** cấp-cứu để che-dấu tính-cách dùng võ-lực bắt-buộc công-nhận sự bảo-hộ của nước Pháp. Biến-sự hèn-kém của ta thành một tiếng gọi cấp-cứu, Sarraut đã biến hành-động thực-dân thành một hành-động cấp-cứu, một hành-động nhân-đạo, theo lẽ tự-nhiên. Thế là chế-độ thực-dân trở nên một sự-kiện tự-nhiên, và do đó hợp-tình hợp-lý, không còn được nghi-ngờ thắc-mắc gì nữa. Điều càng làm cho người ta khó nghi-ngờ là chân-lý hiển-nhiên theo lẽ tự-nhiên trên còn được biện-chính một phần nào khi thấy nó có dựa trên sự-thực. Quả thực Sarraut vừa mở trường Đại-học, xây cất nhà thương. Thực ra, mở trường, cất nhà thương, trong đầu óc thực-dân, là nhằm một mục-đích khác không phải mục-đích khai-hóa. Nhưng ở đây mục-đích đó được che dấu, và được che dấu bằng một mục-đích trái ngược mà vẫn **có thể** làm cho người ta tin được. Huyền-thoại có được là vì ở chỗ **có thể** đó.

Muốn tạo ra huyền-thoại để che dấu thực-chất, phải thực-hiện một chút theo huyền-thoại — một chút vừa đủ để biện-chính cho huyền-thoại. Vì nếu thực - hiện thật là trọn-vẹn theo huyền-thoại thì tiêu-diệt thực-chất. Nhưng nếu không thực-hiện một tý gì, thì vẫn để lộ thực-chất, không thể có huyền-thoại. Vậy người ta có thể nhầm và tin ở huyền-thoại *chính vì một chút được thực-hiện đó* : nhầm vì đã coi cái một chút là tất cả. Nếu người Pháp mở trường và nói để khai-hóa mà chủ-tâm khai-hóa thực, thì không có huyền-thoại vì đã xóa bỏ bản-chất của thực-dân là đè-nén, cầm-

hãm. Nhưng nếu nói khai-hóa mà không thực-hiện một chút cho có vẻ khai-hóa (mở một vài trường) thì lấy gì mà che dấu thực-chất đè-nén, cầm-hãm.

Vậy huyền-thoại là *một lời nói lý-tưởng được thực-hiện vừa đủ để có thể che dấu một mục-đích khác mà thực-sự người tạo ra huyền-thoại muốn chủ-trương.*

Chúng ta khai-triển thêm ý-nghĩa huyền-thoại khai-hóa của Sarraut. Nếu người Pháp sang đây là để chu-toàn một bổn-phận luân-lý vị-tha, quảng-đại, chứng-cớ là những công-trình đã làm kia (mở trường, cứu-tế xã-hội, đem lại an-ninh...) theo một lẽ tự-nhiên, thì cũng theo lẽ tự-nhiên, người Việt nhận những thành-quả tốt-đẹp đó phải biết ơn người Pháp. Cho nên chống lại người Pháp là phản-bội, là phạm tội sát thân, một tội luân-lý, vì chống lại một trật-tự tự-nhiên. Bởi lẽ chủ-quyền của nước Pháp ở đây là do thi-ân mà ra, chứ không phải do áp-bức, đè-nén. Cũng như quyền của cha mẹ đối với con-cái không phải là vì đè-nén, áp-bức mà có, nhưng là vì công sinh-thành dưỡng-dục. Cần chú-ý đến một tiêu-chuẩn xây-dựng huyền-thoại đã nhắc tới ở trên là biến cái tùy-thuộc tình-cờ, cái nhân-tạo thành cái tự-nhiên. Cái tình-cờ, nhân-tạo có thể không rõ-rệt, hay thay-đổi, không nhất-định, có thể là sai có thể là đúng, do đó là cái có thể nghi-ngờ, cái có thể làm cho thắc-mắc và nên đem ra thảo-luận. Trái lại cái tự-nhiên, cái theo lẽ đương-nhiên bao giờ cũng rõ-ràng, hiển-nhiên và trường-tồn tuyệt-đối, không thể thay-đổi được. Huyền-thoại là biến **lịch-sử thành tự-nhiên.**

Sarraut thường dựa vào cái lẽ tự-nhiên đó để thuyết-phục người bản-xứ. Chẳng hạn trong bài diễn-văn nhân-dịp vua ra Bắc để khánh thành trường Đại-học Hà-nội vừa thành-lập, sau khi đã nhắc tới sứ-mệnh giáo-hóa của nước Pháp và kể lể những thành-tích, Sarraut nhìn vào đám thanh-niên sinh-viên mà hỏi : « *Thế thì các anh em đứng nghe ta đây, các anh em ngày nay là học trò mà ngày mai là người lớn có lẽ nào nước Pháp dạy dỗ cho các anh, như ban cho các anh khí giới trong tay, mà các anh có ngày giở giáo để phản-bội nước Pháp hay sao ? Có lẽ nào ban ơn cho các*

anh rộng-rãi như thế này mà các anh lại lấy lòng gian hiểm giảo quyệt mà đối phó lại như thế thì cái Công-lý trong trời đất sẽ đánh chầm vào mặt các anh, mà cái tiếng xấu đời đời đến con cái các anh, cháu các anh cũng không bao giờ mất được » (N. Phong số 11).

Sau khi đã nghe nói về sứ-mệnh nước Pháp là dìu dắt lũ con Nam Việt cho ruộng lúa nó tốt và trường học được đông, rồi còn được nghe người ta ca-tụng văn-hóa Việt-Nam, đề cao chữ Trung, Hiếu là rường cột của nền văn-hóa dân-tộc đó, không biết người sinh-viên lúc đó có bị giao-động tin lời quan toàn quyền là chí-lý và ngờ vực những hoạt-động cách-mạnh mới chỉ văng vẳng đằng xa ?

Nếu người sinh-viên bị huyễn-diệu thật, và sự huyễn-diệu, ru-ngủ của thực-dân càng ngày càng thôi-thúc quyến-rũ vì đã có sẵn những cái loa rất tài tình như hội Khai-trí Tiến-Đức, báo Nam-Phong mà thực-dân đã đặt ở Trung-tâm đất nước để tiếp-tục phát lại và phóng thanh đi những luận-điệu của toàn-quyền, những luận-điệu mà P. Quỳnh gọi là những lời nói đầy « *đại-lượng, sáng suốt* » « *Cả quốc-dân An-nam trong ba cõi hãy lắng-lặng mà nghe, nên ghi tạc sâu trong tâm-khảm chớ bao giờ quên* » (N. Phong số 2), thì người Sinh-viên 1919 phải đi tới chỗ dứt khoát lập-trường : chỉ có việc học, tiến thủ bản-thân, chỉ có vấn-đề giáo-dục là quan-trọng và thiết-thực, còn việc tranh-đấu cách-mạng là mơ hồ, điên cuồng.

Và như thế là thực-dân và tay sai đã đánh lạc được vấn-đề : cứ biết lo chuyện giáo-dục, chuyện văn-hóa đi, nhưng để cho quên chuyện chính-trị. Lời khuyên là xuyên-tạc, nhưng không phải là hoàn-toàn vô-lý. Vì thực-sự, vấn-đề giáo-dục, văn-hóa rất quan-trọng rất cần-thiết. Nhưng chính vì thế mà lời khuyên có thể xuyên-tạc, xuyên-tạc ở chỗ biến chủ-đích của nhiệm-vụ giáo-dục theo quan-điểm thực-dân.

Ta với Tây cùng một nhận-định chung : nước ta kém, cần phát-triển giáo-dục. Nhưng trong chiến-thuật của thực-dân, làm giáo-dục văn-hóa là cho quên Chính-trị, chỉ nghĩ đến lập thân, đừng bao giờ đặt lại vấn-đề Bảo-hộ. Thực-dân che dấu được chủ-

đích đó bằng cách vin vào sự-kiện chung trên : nước ta kém, cần phát-triển giáo-dục (1).

Trong chiến-thuật của người tranh-đấu cách-mạng, làm văn-hóa giáo-dục là để cho nhớ đến chính-trị, để tạo điều-kiện đánh-đổ chế-độ Bảo-hộ. Đông-kinh nghĩa-thục, Khai-trí Tiến-Đức cùng làm văn-hóa giáo-dục. Nhưng Tây chỉ tin Khai-trí Tiến-Đức mà cấm Đông-kinh nghĩa-thục. Điều đó đủ làm cho chúng ta hiểu thực-dân đánh lạc vấn-đề như thế nào.

✱

Bây giờ chúng ta thử xem thực-chất của huyền-thoại khai-hóa. Trong cuốn « *Mise en valeur des colonies françaises* » (2) viết cho người Pháp, Sarraut đã công - khai thẳng-thắn phơi-bày thực-chất của chế-độ thực-dân.

« *Thuộc-địa chỉ là vấn-đề khai-hoang (mise en valeur) nhưng muốn đạt tới phải phát-triển những phương-tiện hữu-hiệu : cứu-tế xã-hội và học-chính và người ta cần phải thấy rõ tất cả tính-cách* **thiết-yếu vị-lợi**, *của hai phương-tiện đó* » (trang 93).

Về cứu-tế xã-hội, phải biết duy-trì giòng-giống : « *Đó là lợi-ích trực-tiếp nhất và thực-tế nhất của chúng ta. Bởi vì tất cả công-trình thực-dân tất cả công-việc sinh-sản của-cải ở thuộc-địa đều lệ-thuộc vào vấn-đề nhân-công* ». Đó là vòng cánh-cung của lầu-đài kinh-tế mà ta phải xây-dựng.

Về học-chính, « *giáo-dục, học-chính là một khoản khác thiết-yếu của sự tiến-bộ trong chính-sách khai-khẩn thuộc-địa* ».

---

(1) Xem P. Quỳnh quảng diễn quan điểm của Sarraut trong bài « Thơ cho người bạn » N. Phong số 28 : P. Quỳnh khuyên người bạn thanh-niên đừng lo chuyện gì khác như chuyện tự-trị, đều là mộng-tưởng, hoang-đường. Vấn-đề hợp thời bây giờ chỉ là giúp chính-phủ Bảo-hộ dìu-dắt ta. Vấn-đề bây giờ là vấn-đề giáo-dục. « Vấn-đề chính-trị bây giờ chỉ có thể thôi, còn những sự mưu-toan to lớn quá chưa hợp với trình-độ quốc-dân ta ».

(2) Payot. 1923.

Giáo-dục người bản-xứ phù-hợp với những quyền - lợi kinh-tế, hành-chính, quân-sự và chính - trị của chúng ta một cách hết sức rõ-ràng. Phải đào tại những chuyên-viên cấp dưới, vì nước Pháp không đủ người, là để «*cải-tiến giá-trị sản-lượng thuộc-địa* ».

Rồi Sarraut tiếp : « *Những lý-do rất thực-tế như vậy mà vẫn không làm cho một số đầu óc sợ-sệt chịu thuyết-phục vì họ sợ những hậu-quả tai hại của một nền giáo-dục phổ-biến rộng ở các giới thuộc-địa* ».

Về việc học, thì theo Sarraut, nguyên-tắc căn-bản là « *học chính bản-xứ, dạy bằng pháp-văn trước hết phải có tính cách thực-tiễn và thực-tế, cần phải nghĩ trước hết đến ích-lợi* **kinh-tế** *của ngành học bình-dân* » còn một lý-do nữa đòi hỏi phải mở mang học-vấn là :

« *Thật là nguy-hiểm nếu để cho bọn trí-thức bản-xứ được ăn học ở ngoài quyền-hạn của ta, ở xứ khác dưới những ảnh-hưởng và những tinh-thần học hỏi, chính-trị khác, rồi khi về nước họ có thể dùng những tài tuyên-truyền và hoạt-động học được ở ngoài để chống lại « người bảo-hộ » địa-phương đã từ chối không cho họ ăn học.*

Sự thực sâu-xa đã được kinh-nghiệm của dĩ-vãng chứng-nghiệm là một Chính-phủ dễ mắc phải những hỗn-loạn giữa một đám dân ngu-dốt mà một dúm người phiến-động có thể gây nên một ảnh-hưởng tai-hại, hơn là khi chính-phủ đó phải đối-phó với một dân-chúng, nhờ có học, có thể phân-biệt những lời khích-động của bọn quá-khích và những lời khuyên khôn-ngoan của những người đại-diện sáng-suốt » (trg. 99).

« *Những người đại-diện sáng-suốt của đám dân bản-xứ đó, chính nền giáo-dục của chúng ta phải đào-tạo họ và tăng thêm mãi lên* ». Để bác lại ý-kiến những người lo sợ cứ nói khai-hóa, Tự-do, Tự-trị, đều là mở đường cho dân bản-xứ tách khỏi mẫu quốc, Sarraut nói :

« *Hiệp-ước thuộc-địa là chủ-nghĩa về các quyền của kẻ mạnh. Việc chinh-phục thuộc-địa không phải là một bổn-phận, nhưng là một việc làm (un fait) của kẻ mạnh* » Do đó :

« Sự tự-trị thuộc-địa, như đã phác-họa trên không hề có nghĩa là con đường đưa đến độc-lập. Nó cũng không hề có nghĩa là sửa soạn bất cứ một đoạn tuyệt nào, ngay cả bất cứ một nới rộng sự liên-đới ràng-buộc thuộc-địa với mẫu-quốc » (trg. 116)

Còn những người được giáo-hóa thì ;

« Thay vì muốn độc-lập, những người sáng-suốt nhất của họ biết phân biệt và hiểu được những hậu-quả của sự ly tán, làm cho nước họ mất cái khung bằng sức mạnh, bằng sự tiến bộ do nước bảo-hộ dựng nên, và sẽ đưa nó đến những tan rã suy-sụp (trg. 119).

Cho nên *« ý-tưởng Độc-lập, thay vì quyến-rũ họ, chỉ làm cho họ sợ, và xứ Đông-dương là xứ tiến-bộ nhất sẽ là nước mà nói đến độc-lập thì bọn trí-thức bản-xứ coi là điều phi-lý hoàn-toàn, hay hơn nữa, một vô-nghĩa »* (trg. 120) Đã đành, Sarraut là người tạo ra huyền-thoại, nên không tin, nhưng có những người bản-xứ, những người thực-dân tin. Chúng cớ là sau bài diễn-thuyết *« lịch-sử »* của Sarraut ở văn-miếu, giới Tây ở Hà-nội rất xôn-xao : lo sợ Pháp khai-hóa thật, cho tự trị thật thì hỏng hết. Cho nên Sarraut phải *« trấn an dư-luận »*. Paul Mus lúc đó là học trò trường A. Sarraut nhắc lại sự kiện trên : *« Tôi còn nhớ những thông-cáo rất ý-nghĩa, trong đó người ta xác-định một cách* **chính-thức** *rằng giả-thuyết toàn quyền đã đưa ra trong lần ra mắt công-chúng kia còn rất là xa xôi, có lẽ, trong một thế-kỷ nữa nước Annam sẽ có thể trở thành quốc-gia hiện đại, nhưng đến lúc đó thì những sợi giây ràng-buộc nó với nước Pháp chặt-chẽ, thân-thiết đến nỗi không thể để cho nước Pháp ra đi được »* (1).

HUYỀN-THOẠI PHÁP VIỆT ĐỀ-HUỀ

Đi sâu vào huyền-thoại *« Pháp-việt đề huề »* người ta có cảm-tưởng về một sự trái ngược sau đây : Một đàng hình như huyền-thoại *« Pháp-Việt đề huề »* được tạo ra để củng-cố thêm chế-độ thực-dân và do đó bổ-túc cho huyền-thoại *« khai-hóa »* đã nói trên; đàng khác huyền-thoại *« Pháp-Việt đề huề »* lại có vẻ mâu-thuẫn với huyền-

(1) Sociologie d'une guerre. Ed. du Seuil. trg. 191

thoại « *khai-hóa* » nếu xét về những yếu-tố cấu-tạo hai huyền-thoại. Nói cách khác hai huyền-thoại bổ-túc cho nhau về chủ-đích : biện chính chế-độ thực-dân bằng cách đặt nó trên những nền tảng luân-lý và văn-hóa, nhưng mâu-thuẫn nhau về cách hình thành huyền-thoại.

Trước khi nhận-định về khía cạnh mâu-thuẫn này của hai huyền-thoại, chúng ta thử tìm hiểu huyền-thoại *«Pháp-Việt đề huề»*.

Đây là một luận-điệu chủ-trương và tuyên-truyền cho sự thân-thiện Pháp Nam làm căn-bản cho chính-sách « *hiệp-tác* » (politique d'association) mà người Pháp nói nhiều ở giai-đoạn này.

Qua « *huyền-thoại khai-hóa* », người Pháp và người Việt đã gặp nhau và giúp đỡ nhau tiến lên văn-minh, người Pháp là người Anh, văn-minh hơn, dìu-dắt người Nam, là đàn em, còn kém cỏi. Một tình thân-thiện đã nẩy nở từ sự liên-lạc nâng đỡ trên. Nhưng đó mới chỉ là tình liên-đới nhân-loại. Người Pháp người Nam có bổn-phận giúp đỡ nhau chỉ vì đều là người cả mà thôi.

Bây giờ nếu hai người, không những giống nhau vì là người, mà còn giống nhau vì cùng chung một văn-hóa, tôn-giáo, truyền-thống, thì dĩ-nhiên tình thân-thiện, sự gần gũi nhau lại càng chặt chẽ và bền vững hơn.

Khi người Pháp sang Việt-Nam, tiếp xúc và tìm hiểu văn-hóa Việt-Nam, bỗng nhiên nhận ra truyền-thống văn-hóa hiện nay của người Việt-Nam chính là truyền-thống xưa kia của mình. Những thần linh, những tin tưởng, những tập-tục của xã-hội La-Mã ngày xưa là nguồn gốc, Tổ-tiên của văn-hóa Pháp ngày nay chính là những thần-linh, tin-tưởng, tập-tục của xã-hội Việt-Nam bây giờ. Những thần-linh La-Mã đã chết rồi ở Âu-Châu, nhưng khi sang Việt-Nam, mới thấy rằng họ vẫn còn sống ở đây.

Đông Tây gặp nhau. Xã-hội xưa (cité antique) là xã-hội vàng ngày nay (cité jaune). Fustel de Coulanges, một nhà sử học đã nghiên-cứu về thần-linh, việc thờ cúng ông bà ông vải, chế-độ tộc trưởng vua quan của xã-hội La-mã thời thượng-cổ trong một cuốn sách danh tiếng nhan-đề là « *Xã-hội xưa* ». Các ông quan thực-

dân kiêm học giả liên-hệ xã-hội Việt-Nam với Xã-hội xưa của Coulanges và gọi nó là « *Xã-hội vàng* » (cité jaune).

Đã cùng một truyền-thống văn-hóa, lẽ dĩ-nhiên người ta phải thân-thiện với nhau hơn vì dễ hiểu nhau hơn. Do đó, người Pháp phải tôn-trọng vốn văn-hóa của người Việt-Nam, đi tìm hiểu và cố-gắng duy-trì bảo-vệ nó.

Một điểm cần chú-ý là không phải đến thời Pierre Pasquier làm toàn quyền, thực-dân mới liên-hệ xã-hội cổ xưa của La-Mã với xã-hội Việt-Nam bây giờ. Ý-tưởng liện-hệ này thực ra đã có ngay từ lúc người Pháp mới sang Việt-Nam. Nhưng sự liên-hệ chỉ thành một lợi-khí chính-trị, một chính-sách huyễn-diệu ở thời Pasquier. Danh-từ « *Cité jaune* » cũng chỉ tung ra và phổ-biến nhiều ở thời-kỳ này.

Cuốn sử của Fustel de Coulanges « *La cité antique* » xuất-bản năm 1864 nghĩa là vào thời-kỳ mà người Pháp bắt đầu xâm-chiếm Nam-kỳ. Những quan cai-trị đầu-tiên trong khi tìm hiểu xã-hội, luật-pháp và phong-tục Annam, rất ngạc-nhiên thấy chúng y-hệt những luật-pháp, phong-tục mà Fustel de Coulanges đã phân-tách trong cuốn « *La cité antique...* ». Lịch-sử quả thật là một sự phục-sinh và đồng-thời cũng là một cứu-tinh. Những ông quan cai-trị mới sang chưa hiểu phải cai-trị ra sao thì may thay lại tìm thấy Fustel de Coulanges ở Việt-nam chẳng khác gì vớ được miếng ván khi bị chìm tàu như một tác-giả đã ghi lại :

« *Xã-hội Viễn-Đông sao lại đúng hệt cái xã-hội viễn-đông cũ... một viên công-chức già thuộc-địa mà tôi quen biết trước đây đã kể lại cho tôi nghe rằng, khi ông còn trẻ và được đặt làm quan cai-trị ở Nam-kỳ là đất chúng ta vừa chiếm được, ông không biết gì hết về phong-tục của người Annam, ông bèn có ý-nghĩ giải-quyết tất cả những phong-tục mà ông phải xử theo cuốn « La cité antique » của Fustel de Coulanges vừa xuất-bản và ông rất lấy làm bằng lòng vì ông đã giải-quyết đúng* » (1)

---

(1) St Alban. Histoire de la famille à travers les âges — Mercure de France. 1929. trang 195.

Những quan cai-trị, có chút kiến-thức về luật như Silvestre với cuốn « *Considérations sur l'étude du droit annamite* ». Pasquier với cuốn « *L'Annam d'autrefois* » và Camille Briffaut với bộ ba cuốn « *La cité annamite* » đều nhìn nhận sự tương-tự giữa xã-hội cũ La-Mã và xã-hội Việt-Nam. Pasquier đã viết: «*Một quan cai-trị, ông Silvestre, đã kể lại ông rất sung-sướng khi đọc cuốn sách danh tiếng « La cité antique » của Coulanges, ông tìm thấy một số những đặc-điểm của đời sống xã-hội Annam* ».

Quả thật là người ta gặp những nguyên-tắc hướng-dẫn giống nhau ở nền-tảng mọi xã-hội. Những chương đầu của cuốn « La cité antique » cũng áp-dụng cho dân Annam và nếu nhà sử-học thông-thái đó đã biết dân-tộc da vàng này như chúng ta biết ngày nay, thì ông có thể trong thấy những phong-tục mà thiên-tài tổng-hợp của ông đã gây dựng lại vẫn còn sống động ». *(1)*

Nhưng không phải mọi người Pháp mới sang để ý đến phong tục, luật-pháp của nước ta đều đồng ý với mấy ông quan trên. Những người như Maître, Deloustal, Luro, Cadière... có vẻ nghiêm-túc hơn trong khi tìm hiểu nên đi tới một lập-trường trái ngược với những Pasquier, Silvestre, Briffaut. Chẳng những họ không chủ-trương có một sự tương-tự nào giữa xã-hội La-Mã xưa và xã-hội Việt-Nam mà còn cho rằng so-sánh hai xã-hội đó chỉ làm sai lạc việc tìm hiểu xã-hội Việt-Nam. Họ chỉ trích mấy ông quan cai-trị trên là nhìn một cách hời-hợt phiến-diện rồi vội-vã đưa ra những kết-luận chỉ là những quả-quyết vô bằng vì sự nhận-xét thiếu óc phê-phán, tinh-thần khoa-học. Người ta viết sử như viết phóng-sự, căn cứ vào những cảm tưởng những trực-giác chủ-quan chốc lát như chính Silvestre đã tự thú :

« *Lúc đó, bỗng nhiên tôi nhận ra những giải đáp mà tôi không cảm thấy trước được vì sự thiếu xót của tôi mà tôi lần mò như đi trong đêm tối ; lúc ban đầu, tôi nhận ra những giải-đáp trong những chân-trời như mở rộng ra và sáng chói ; chỉ trong chốc lát, tôi đã có thể thấy rõ-rệt, qua những thế-kỷ đã qua và bị quên lãng, nguồn gốc những truyền-thống, những nguyên-nhân của luật gia-đình và do đó lẽ sống còn của một tổ-chức xã-hội* ».

---

(1) L'Annam d'autrefois. 1907.

Những người Pháp đầu tiên khảo về luật nước ta như Deloustal, Luro.., đều theo phương-pháp : quan sát trực-tiếp và đích thân làm lấy bằng cách học tiếng, tiếp xúc với dân bản xứ :

« Muốn đi sâu vào tâm-thức một dân-tộc, muốn hiểu đáy lòng nó với những ý-tưởng thầm-kín nhất của nó, muốn biết những lý-do thúc-đẩy nó làm việc này hay việc kia, muốn hiểu nó nghĩ thế nào về lẽ phải, điều trái, cái chính tà, cái đáng thưởng phạt, phải học tiếng của nó, sống với nó, tham dự vào đời của nó, xem xét mọi hành-động lắng nghe mọi lời nói, rung-cảm mọi vui sướng, chia-sẻ mọi đau khổ, tra cứu mọi tin-tưởng của nó, tóm lại, phải sống cuộc đời của nó và tìm hiểu lòng nó » (1)

Căn-cứ vào tiêu-chuẩn đó, Cl. E. Maître chỉ-trích Briffaut khi nghiên-cứu về vấn-đề hương-hỏa đã dựa vào những tiêu-chuẩn của *« Xã-hội La-Mã xưa »* để giải-thích sai-lầm phong-tục, bộ-luật Triều-Lê (2):

Deloustal cũng tố-cáo tính-cách vô bằng của luận-điệu đồng-hóa xã-hội xưa La-Mã với xã-hội Việt-Nam.

« Đem so sánh hai thứ luật cũ của Tàu và Annam, người ta mới thấy sự nhầm lẫn của những kẻ chuyên xây « hệ-thống » vì chỉ muốn nhìn xã-hội Việt-Nam qua cuốn « Cité antique » của Fustel de Coulanges và không đưa bằng chứng nào khác, ngoài những quả quyết bâng quơ, họ cho rằng chúng ta đã làm tan rã xã-hội Annam xưa cũ... Thực ra, chúng ta đã chẳng làm tan rã gì cả và tất cả những tài-liệu đều chứng tỏ xã-hội An-nam ngày nay, một cách tổng-quát vẫn là xã-hội xưa cũ, ít ra là của những thời mà sử sách còn ghi chép được. Dầu sao, nếu có một tổ-chức giống như xã-hội xưa La-Mã đi nữa, điều chưa có gì chứng minh cả — thì chính-phủ cũng bất-chấp tổ-chức đó. Trong những giao-tiếp tiếp-xúc với dân chúng, các chính-phủ An-nam không có những trung-gian nào khác ngoài công-chức » (3)

---

(1) Savina. Histoire des Meos. 1930. trg. 250.

(2) Maître. Etude sur les biens cultuels familiaux en pays d'Annam. Hương-hỏa. Bulletin de l'Ecole française d'extrême-Orient. 1909. trg. 236.

(3) La justice dans l'ancien Annam. Bulletin de l'E.F.E.O. 1910. p. 349.

Nhưng đó mới chỉ là tranh-luận trên sách vở và giữa một vài người trong một phạm-vi hạn-hẹp, chuyên-môn. Những người chủ-trương có sự tương-tự vì nhìn hời-hợt, chỉ nhằm một mục-đích thực-tiễn, để giải-quyết những vấn-đề cai-trị, xử-án một cách nhanh-chóng.

Những người chống lại thì vì có thái-độ nghiên-cứu muốn cho có vẻ nghiêm-túc, chính-xác, khoa-học mà thôi.

Phải đợi đến thời Varenne và nhất là thời Pasquier làm toàn-quyền, vấn-đề trên mới được nói đến nhiều và lấn cả sang phạm-vi xã-hội, văn-chương, chính-trị.

Cuốn l'Annam D'autrefois của Pasquier xuất bản ở Pháp năm 1907 nhưng mãi đến khi Pasquier vừa được cử làm khâm-xứ Trung-kỳ, P. Quỳnh mới đem giới-thiệu và ca-tụng trong Nam-phong.

Thời Pasquier, những ông quan cai-trị như Varet, Crayssac là những người cổ võ mạnh nhất cho thuyết chủ-trương đồng nhất xã-hội xưa cũ La-Mã vào Xã-hội vàng Annam.

Varet viết cuốn : Au pays d'Annam, Les Dieux qui meurent, Crayssac dịch Kiều, diễn-thuyết về Kiều và Xã-hội vàng (cité jaune Hội địa dư Hà nội tổ-chức kỷ-niệm 100 năm sinh-nhật Fustel de Coulanges (1).

Ông Charléty, viện-trưởng trường Đại-học Paris, trong buổi lễ khánh-thành nhà Đông-dương ở khu Đạ -học xá Paris nói: «Thật không làm cho Người Annam có cảm tưởng buồn vì xa quê-hương nếu khuyên họ đọc *La cité antique của Fustel de Coulanges* ». Rồi sau cùng P. Quỳnh viết trong Nam-Phong, trong France Indochine những loạt bài về xã-hội cổ Việt-Nam theo chiều hướng trên. Đến lúc bấy giờ sự đồng nhất mới có dụng-ý chính-trị ; nó biến thành nền-tảng văn-hóa cho chính-sách « *Pháp-Việt đề-huề* ».

---

(1) Centenaire de Fustel de Coulanges. La cité antique et l'Annam d'autrefois conférence de Marcel Ner. 9-Juin-1930. Cahier de la société de géographie de Hanoi.

Trong khi về chính-trị, thực-dân hô-hào cổ-võ cho chính-sách đó, thì trong phạm-vi tư-tưởng, biên-khảo và văn-học, thực-dân cũng tung ra những khẩu-hiệu Đông Tây gặp nhau, Tổng-hợp âu á, « *Xã-hội xưa cũ, xã-hội vàng* (cité jaune) » nhằm tạo một cái nền văn-hóa cho chủ-trương chính-trị giai-đoạn của họ.

Nếu « *người An-nam là người Pháp ở Viễn-Đông* » thì quả thật hiện-tượng thực-dân bảo-hộ nước Nam là một tình cờ may mắn làm cho hai dân-tộc được gần gũi nhau vì khám phá ra rằng họ đều cùng chung một truyền thống ; một Tổ-Tiên : Cho nên như Pasquier khuyên nhủ : « *Học biết nhau là phương thức tốt nhất để yêu nhau* » vì có hiểu biết nhau và yêu mến nhau mới có thể hiệp lực cộng-tác.

Để thực-hiện mục-đích đó, thực-dân lập hội «*Khai-trí Tiến-Đức*» do sáng-kiến của Sarraut và Marty, chánh sở mật thám Phủ Toàn quyền làm chủ-tịch, Hoàng-trọng-Phu phó chủ-tịch và Phạm-Quỳnh, Tổng-thơ-ký.

Lúc mới thành-lập hội nhằm mục-đích khai hóa : « *Thừa cái chủ-nghĩa khai-hóa của nhà nước mà dùng cái cách chánh đáng để giúp cho sự mở-mang trí-thức, giữ-gìn đạo-đức trong quốc-dân Annam, truyền-bá các khoa-học của Thái Tây, nhất là học-thuật tư-tưởng nước Đại-Pháp...* Vì Nam - phong cũng cùng một chủ-trương, nên lấy Nam-phong làm cơ-quan của Hội, (N. phong số 20) về sau thì Hội lại nhằm « *gây một mối liên-lạc giữa các bậc thượng-lưu Tây-Nam, dung-hòa hai cái văn-hóa Đông Tây, và cổ-động cho chủ-nghĩa Pháp Việt đề-huề* » (N. P. số 206)

Đọc tập kỷ-yếu của hội hàng tháng đăng trong Nam-Phong, người ta thấy hội vừa thành-lập đã kéo rất đông hội-viên, và con số tăng rất nhanh : 500 rồi đến 1000, hai nghìn..., như Nguyễn - Bá - Trác đã khoe : « *Nhân-viên hàng nghìn, hội to lớn nhất, chính-đáng nhất, thế-lực nhất, thi-hành chính-sách Pháp-Việt đề-huề, đứng ở dưới quyền Chính-phủ giám-đốc, dùng cái phương-pháp chính-đáng mà truyền-bá học-thuật Thái Tây, và cái tư-tưởng của nước Đại-Pháp cho quốc-dân Annam* » (N. P. số 59).

Nhưng người ta cũng nhận thấy trong tập kỷ-yếu chẳng có một sinh-hoạt văn-hóa gì mà chỉ thấy đăng : danh-sách những hội-viên mới, danh-sách những ân-nhân cúng tiền như Toàn-quyền cho 1.000$00. Fontaine chủ hãng rượu cho 1.000$00, tin tức về những tiếp-tân, tiệc trà mừng quan nọ, tiễn đưa quan kia, hay tin-tức về những buổi lên yết-kiến toàn-quyền, thống-sứ... Chính Phạm-Quỳnh đã phải phàn-nàn là hội chỉ để cho « *mấy hội ái-hữu khác mượn bầu bán việc làng ồn-ào lộn-xộn mà chẳng nên câu chuyện gì* » (N.P. số 91 trong Pháp-du H. T. nhật-ký).

Thực ra, khi lập hội này, thực-dân muốn nắm tất cả những người Annam có ăn học, có thể ăn nói được, bằng cách lập một cơ-quan văn-hóa do họ giật dây để những người Annam nào muốn ăn nói, thì chỉ có thể ăn nói trong khuôn-khổ Hội Khai-trí Tiến Đức là hội **công-khai, hợp-pháp** độc nhất. Đã hẳn những người Việt yêu nước không vào hội đó, nhưng cũng vì vậy mà họ phải im-lặng, vì không có một cơ-quan văn-hóa nào khác và lời nói của họ là «*bất hợp-pháp* »; chính Sarraut đã có ý nói điều đó ngày thành-lập hội: « *Nước Nam xưa nay có lập hội chỉ có hội bí-mật thôi, chưa từng có những hội đường-đường, chánh-chánh theo đuổi một mục-đích công-khai ai cũng biết, ai cũng nhận, Hội của các ông là Hội đường-đường chánh-chánh vậy* » (N.P. số 21).

Nhưng không phải mọi nhân-viên của hội vào hội là để ăn nói. Phần đông hội-viên gồm các quan lại, hào-mục, chánh-tổng, nhà buôn, kỹ-nghệ, đủ mọi giới, vào hội là vì sợ mất địa vị hay gặp khó khăn trong việc làm ăn, hoặc để lợi-dụng thế-lực của hội củng-cố địa vị, làm ăn .. Chỉ một số ít ăn nói là những tay sai của Pháp, ăn nói theo luận điệu của thực-dân như chính toàn quyền đã coi « *hội chỉ như một cái ống truyền thanh, một cái trạm thông tin của chánh-phủ đối với quốc dân* (N.P. số 59).

Hội là chỗ cho các toàn-quyền, thống sứ đến đọc diễn văn về chính-sách « *Pháp-Việt đề huề* », Pháp Nam thân thiện. Pháp Nam hiệp tác, rồi các tay sai phát-thanh lại những khẩu hiệu đó trong những bài diễn-thuyết về văn-hóa Đông Tây, về bút lông, bút sắt, về truyện Kiều và Xã-hội vàng (cité jaune). Thực ra, về phía

người Pháp chỉ có Crayssac là hay nói và về phía người Việt, hình như Phạm-Quỳnh cáng đáng tất cả những sinh-hoạt văn-hóa của Hội (soạn diễn-văn, đọc diễn-văn, tổ-chức kỷ-niệm cụ Tiên-Điền. .) tuyên-truyền cho chính-sách văn-hóa của thực-dân

✱

Nền tảng văn-hóa mà thực-dân muốn gán cho chính-sách Pháp-Việt thân-thiện, Pháp Nam hiệp tác, thực ra chẳng có gì là hay ho, đáng nói. Từ những quả quyết vô bằng: «*Có một cộng-đồng xa-xăm giữa việc thờ cúng ông bà ông vải của người An-nam với việc thờ Tổ-Tiên La-Mã cổ xưa* », « *Xã-hội An-nam là Xã-hội tộc-trưởng* (société patriarcale) *như Xã-hội La-Mã* » hay Cuốn « *La cité antique là một cuốn sử hay nhất đã viết về xứ An-nam* », người ta lập một bảng đối chiếu song-song kê-khai những điểm giống nhau về gia đình, thờ Tổ-Tiên, tổ-chức Xã-hội, để đi tới kết-luận cổ võ cho việc tìm hiểu nhau, thân yêu nhau. Chẳng hạn khi Phạm Quỳnh giới-thiệu cuốn « *Annam d'autrefois của Pasquier*, đã ca-tung Pasquier « *soạn một cuốn sách qui hóa cho dân-tộc chúng ta như thế*» và ước mong những người Pháp sang cai-trị lấy cuốn đó làm sách « *thường khóa* » thì « *sự giao-tế của người Pháp và người Nam chắc sẽ được thân mật thêm lên và cái chủ-nghĩa Pháp-Việt đề-huề có lẽ có ngày thực-hành được hoàn-toàn vậy* » (N. Phong số 45).

Cho nên đối với chúng ta, chính nội dung của huyền-thoại văn-hóa này chẳng có gì đáng cho ta để ý, nhưng điều lý thú và đáng cho ta tìm hiểu là khi người Pháp đưa ra những luận-điệu trên, họ có những dụng-ý gì hay nhằm che-dấu, biện-chính cái gì...

Trong viễn-tượng đó, tôi sẽ chỉ lược-tóm vắn-tắt những điểm chính của chủ-trương văn-hóa Đông Tây gặp nhau, Xã-hội La-Mã là xã-hội « *vàng* » để đưa độc-giả vào ngay những thâm-ý của thực-dân.

Xứ Annam thuở xưa (1)

Đây là một cuốn biên-khảo tìm hiểu và trình-bày xã-hội Việt-Nam thời xưa của một viên công-chức thực-dân kỳ-cựu ở Việt-Nam. Trong lời nói đầu, Pasquier đã thanh-minh không phải là « *người yêu người Annam* » (annamitophile) khi biên-soạn cuốn sách này dù với một giọng ca-tụng những cơ-cấu phong-kiến của xã-hội Việt-Nam cũ, vì chủ-đích chỉ là tìm hiểu để dễ cai-trị và cai-trị hiệu-nghiệm.

« *Lợi-ích của việc tìm hiểu xứ Annam, nếu không thấy ngay tức-khắc, không phải là không thiết-thực, không nên nhầm tưởng về điều đó, chính nhờ am hiểu những phong-tục, truyền-thống, luật-lệ riêng biệt của người Tàu mà lái buôn người Đức đã chiếm-đoạt được thị-trường Trung-Hoa* » (trang 16).

Một dụng-ý căn-bản của Pasquier là làm sao cho độc-giả người Pháp nhận thấy rằng xã-hội xưa của người Annam rất giống xã-hội cổ của nước Pháp. Xét về công-trình biên-khảo có giá-trị nghiên-cứu khoa-học hay không, thì phải nói rằng không vì Pasquier chỉ kể những điều mắt thấy tai nghe, tuy đôi khi có dựa vào tài-liệu ghi chép. Nhưng cũng phải nhận rằng những điều Pasquier trình-bày, một cách tổng-quát, khá đúng với hiện tình tổ-chức xã-hội thời xưa và vẫn còn cả ở thời thuộc-địa.

Qua những chương nói về gia-đình, thôn-xã, triều-đình, Vua Annam quan lại, quân lính, học-chính, pháp-luật, thuế-má, văn-chương v.v.., điểm nào có thể liên-hệ với tâm tình và tổ-chức của Pháp hay của Âu-châu là Pasquier nhấn mạnh vào những chỗ đó để thuyết - phục độc-giả người Pháp mà không cần lý-luận gì cả. Đó là dụng-ý chính-trị của viên quan Tây cáo già. Ngay trong lời nói đầu Pasquier đã nói « *Cách đây hơn một thế-kỷ, một du-khách người Anh đã nói về người Annam là những người Pháp ở Viễn-Đông* ». Câu phán-đoán đó mới chỉ

(1) L'Annam d'autrefois. Essai sur la constitution de l'Annam avant l'intervention française. P. Pasquier Paris. 1907.

dựa vào những vẻ bề ngoài của dân-tộc đáng yêu, vui tính, can-đảm, nhanh trí, tháo vát này. Nhưng nó cũng rất đúng khi khảo-sát dĩ vãng lịch-sử của nó. Cũng như người « *Francs* » chống lại những dân từ miền Bắc âu tới, người An-nam đã chống lại nước Tàu là nơi mà từ đó họ đi xuống phía Nam, cũng như người Francs chống lại những dân-tộc từ Phi-Châu đến, người An-nam cũng phải chịu đựng nhiều cuộc chinh-chiến với những dân từ miền Nam đi lên. Họ có tổ-chức phong kiến, những cạnh-tranh mưu mô của các quan cung-trưởng (maire du palais) những nội chiến giữa các dòng họ lớn ganh tỵ nhau gây nên, những dòng họ mạnh hơn cả triều-đại. Họ đã trải qua thời giải thoát các thôn-xã. Cuộc chiến tranh chống Trung-quốc đã 1.000 năm. Họ cũng có những Jean d'Arc và với Vua Gia-Long có thế-kỷ của Louis XIV (trg. 18).

Thật dễ dàng nhận ra sự so-sánh là liều-lĩnh vì không dựa trên một nền-tảng nào.

Đặc biệt là khi nói về gia-đình, P. Pasquier đã liên-hệ xã-hội cũ của Việt-Nam với « *Xã-hội cũ* » của Fustel de Coulanges.

« Một quan cai-trị, Silvestre, đã thuật lại ông lấy làm sung sướng biết bao khi đọc cuốn sách danh tiếng « *Thành Xưa* » (cité antique) của Fustel de Conlanges ông tìm thấy một số những đặc-điểm của đời sống xã-hội An-nam. Cho nên thật đúng là ở nền tảng mọi xã-hội, người ta đều thấy những nguyên-tắc chỉ-đạo giống nhau. Những chương đầu cuốn « *Thành Xưa* » áp dụng đúng vào dân An-nam và nếu nhà sử-học thông-thái đó có thể thông hiểu dân da vàng này như ta bây giờ, chắc ông sẽ tìm thấy những phong-tục mà thiên-tài tổng-hợp của ông đã xây-dựng lại vẫn còn sống động. Những tin-tưởng lâu đời về hồn, về cái chết, về thờ cúng người chết đã lãnh-đạo những người xưa cả ở La-Mã, Sparte cũng như ở Ấn-độ và Viễn-đông. Những tin-tưởng đó đã cai-quản xã-hội và nhiều chế-tài xã-hội của người xưa cũng như của người An-nam đều do nguồn-gốc đó mà ra. Những que hương cháy trước bàn thờ ông vải làm cho ta nhớ đến « *ngọn lửa thiêng và những tượng gia-thần* » (pénates — thời cổ La-Mã) và cái đạo gia-tộc của người An-nam nhắc tới đạo gia-tộc của người Hy-lạp và La-Mã. Cũng như

những gia-đình La-Mã, mỗi gia-tộc An-nam đều có những gia-thần do những người trong gia-tộc thờ và người lo tế-tự của tông-giáo là người trưởng-tộc.

Ở An-nam cũng như ở Ấn-Độ, Hy-Lạp, một luật trong những luật căn-bản của việc tế-tự trong gia-tộc là chỉ những người dòng họ mới được cúng-tế. Việc cúng-bái tổ-tiên phải do những người con cháu làm mà thôi. Một đứa con mà sao-nhãng cúng-bái Tổ-Tiên là phạm một tội nặng nhất vì bỏ không tế tự sẽ làm suy-tàn cả một dẫy người đã chết và làm mất hạnh-phúc của họ. Đó là một tội giết cha chính-cống.

Fustel de Coulanges viết : « *Có những trao-đổi liên-tục giữa người sống và người chết trong một gia-đình. Người còn sống không thể bỏ qua người đã chết và ngược lại* ». *Thật không còn tóm-lược được hơn ý-nghĩa tổng-quát việc thờ cúng ông bà ông vải của người Annam* » (trang 22)

Khi nói về các chùa ở xã-thôn, Pasquier cũng liên-hệ : « *Có một sự tin-tưởng mê-tín và một tự-phụ trong thiên tài của người Annam làm cho nhớ tới sự sùng-kính nhiệt-thành của người nhà quê nước Pháp xưa đối với thần thánh bảo-vệ làng xóm của họ* » (trang 43), hoặc liên-hệ giữa người lính Annam với lính La-mã trong công-tác khai-khẩn : « *Xứ Annam đã có lính làm ruộng trước La-mã thuở xưa* » (trang 132). Đặc-biệt là Pasquier ca-tụng chế-độ quân-chủ, vai-trò của vua trong nước và văn-chương thi-phú của người Annam mà Pasquier nói có thể so-sánh một số tác-giả Annam với những Marc Aurèle, Zénon (trg. 319) Homère (trg. 333), Pasquier trích dịch nhiều đoạn Kim-Vân-Kiều của Nguyễn-Du mà Pasquier cho là áng-văn nổi tiếng nhất.

Giới-thiệu, trình-bày phong-tục, chế-lập của xứ Annam cổ xưa, Pasquier không hề đưa ra một lời nào chỉ-trích và đây đó bày tỏ thái-độ của người thực-dân phải tôn-trọng những « *tập-tục, chế-tài, những nguyên-tắc tuyệt-vời của người Annam mới có thể dẫn dắt họ có hiệu-quả.* « *Học biết nhau là phương-thức tốt nhất để yên nhau* » (trg. 337) « *da vàng Viễn-đông và da trắng Viễn-Tây*

học-tập hiểu nhau hơn mãi để quý mến nhau theo tầm thước những đức-tính tốt của hai dân-tộc » (trg. 66).

Trong tinh-thần tôn-trọng văn-minh cổ xưa Annam đó, dĩ-nhiên là cũng phải tôn-trọng nền giáo-dục, lối học chữ nho xưa cũ.

« *Thật là sai-lầm nghiêm-trọng, nếu ta muốn xóa bỏ cái học theo lối cổ đạo-lý Khổng-Tử căn-cứ vào chữ nho. Sự cần-thiết duy-trì lối học chữ nho đều được những người cai-trị lỗi-lạc công-nhận. Xóa bỏ đi tức là tiêu-hủy căn-bản luân-lý đời sống người bản-xứ. Vì những phép tắc đã làm và còn làm cho gia-đình họ mạnh, cha mẹ được kính-nể và quyền thế được vâng phục đều ở trong các sách học theo lối cổ. Dạy học chữ nho là dạy cho trẻ viết những nguyên-lý căn-bản của đạo-đức* » (trg. 196).

Đồng thời « *chúng ta cũng phải duy-trì ở xứ An-nam những bài thơ êm dịu, những ao đầm sen tàn tạ, những hình ảnh tế-nhị, những câu hát đối của trai gái buổi chiều hè, những thày đồ vuốt bộ râu dài và những quan lại trong bộ quần áo cổ kính và rực rỡ của họ...* » (trg. 338).

Đó là những lời nhắn nhủ, của một người thực-dân tự coi là « *bạn lâu năm của dân xứ này, quen biết những phong tục cũ-kỹ hay những truyền-thống đáng kính của nó* » (trg. 337).

« *Ở xứ An-nam những thần-linh sắp chết* » (1)

Cuốn sách này có lẽ biểu-lộ những dụng ý chính-trị rõ rệt nhất. Ngay đầu đề cuốn sách cũng đã có một ý-nghĩa huyền-thoại rồi. Sách chia làm hai phần : phần thứ nhất **Dưới mắt các thần-linh** (Sous le signe des Dieux), trong phần nầy Varet trình-bày xã-hội xưa của xứ An-nam trước khi người Pháp sang, giống hệt với xã-hội La-Mã cổ về tổ-chức, tin-tưởng tôn-giáo... Phần thứ hai : **Buổi hoàng-hôn của các thần-linh** (au crépuscule des Dieux)

(1) Au pays d'An-nam, les Dieux qui meurent. Pierre Varet. Paris 1932.

Trong phần này, tác-giả ghi nhận xã-hội An-nam đang bị lung-lạc, các thần-linh của nó sắp chết, những niềm tin sắp mất và sở-dĩ như vậy là vì tiếp xúc với văn-hóa tây-phương hiện đại. Kết-luận, phải duy-trì xã-hội cũ, để các thần-linh được sống và do đó trật-tự xã-hội sẽ được bảo-đảm an-ninh.

Khi sách này vừa xuất-bản, thì ông Tavernier, tiến-sĩ luật luật-sư ở Tòa thượng-thẩm Sài-gòn liền viết bài phê-bình (1). Ông cho lập luận của Varet là không nghiêm chỉnh vì không dựa vào tài-liệu xác thực và ông bác bỏ quan-điểm của Varet từng chi-tiết một. Ông chủ-trương hai xã-hội rất khác biệt và do đó quả-quyết rằng « *tôn-giáo của xã-hội La-Mã cổ xưa giống tôn-giáo của xã-hội vàng* » là sai nhầm, liều-lĩnh. Tôi không phải nhà luật-học, nhưng tôi có cảm-tưởng những phê-bình của Tavernier là chính-đáng và đúng thực nhất là vì thấy ông chỉ chú-ý tìm sự thật với một tinh-thần nghiên-cứu khoa-học trong khi phê-bình. Nhưng cũng vì thế mà ông không nhận ra được dụng ý chính-trị của Varet.

Một vài ý-tưởng chính về sự tương-tự giữa xã-hội La-Mã cổ và xã-hội vàng.

— Về thờ cúng tổ-tiên (chương II).

Tính-cách tôn-giáo của những bộ luật An-nam — thờ cúng tổ-tiên là đạo chính của người An-nam. Những lễ nghi, tin-tưởng, tập-quán về việc tế tự này giống những lễ-nghi, tin-tưởng, tập-tục của Xã-hội La-Mã cổ. Những người chết vẫn còn sống (cần được ăn mặc : cúng tế, có chỗ ở). Vấn-đề ngày giỗ, cúng tế, đặt mộ, để tang, những hình luật qui-định việc bỏ tế tự, sao nhãng săn-sóc phần-mộ...

Những thần-linh ở xứ An-nam là những người chết, các thần gia tộc (ông Táo, Thổ-Công...).

Trong những chương này, Varet đều đối chiếu hai xã-hội La-Mã với Việt-Nam và công nhận giống nhau về những điểm nêu lên chẳng hạn : « *Luật Gia-Long cũng mặc cho chiêm tinh bói toán một tính-cách thày cả* » (sacerdotal) như những người xưa (Les an-

(1) Compte-rendu critique de «Les Dieux qui meurent» de P. Varet. Saigon. 1933.

ciens, chỉ-thị xã-hội La-Mã). Chính vị thủ-lãnh Quốc-gia, Linh-mục của tôn-giáo quốc-gia, nắm giữ những bí-nhiệm của thuật chiêm-tinh. Người An-nam cũng như người La-Mã hay người Hy-Lạp xưa có những thày bói, những người giải-thích mơ-mộng. Họ tin vào điềm, lời nói huyền-ảo bùa chú. Họ dâng của lễ để cầu cho mùa-màng, cho trời mưa xuống, ngày tháng tốt, để chữa bệnh, xua dịch-hạch, thổ-tả, và khỏi chết đói (trg. 59).

Dĩ nhiên những điềm liên-hệ này hầu hết là sai nhầm và Tavernier đã vạch trần trong bài phê-bình của ông ta.

— Về gia-đình.

Theo Varet đặc-điểm của xã-hội An-nam cũng như của La-Mã thời xưa là chế-độ tộc-trưởng (le patriarcat) lấy gia-đình làm trụ cốt. Trong gia-đình thì người cha là gia-trưởng nắm giữ mọi quyền-hành về vợ con. Nhiều gia-đình cùng một giòng họ họp thành một gia-đình lớn như « *họ* » (Gens) của La-Mã, có một người trưởng-tộc đứng đầu.

Rồi Varet bàn về những quyền của người Cha, người gia-trưởng, hay tộc-trưởng. Về người đàn bà trong gia-đình, về hôn-nhân, về việc nhận con nuôi, về gia-nhân, đầy tớ, nô-lệ, về kế tự, hương-hỏa...

Varet thường căn-cứ vào luật Gia-Long để đối-chiếu và so-sánh những phong-tục, chế-độ gia-đình của xã-hội Việt-Nam với xã-hội La-Mã xưa đã được Coulanges mô-tả trong « *La cité antique* ».

Về điềm này, Tavernier nhận-định rằng, « *Tâm-tình một dân-tộc phản-chiếu rõ-rệt nhất trong các chế-tài pháp-lý của nó* » và do đó, có thể tìm hiểu tâm-tình của một dân-tộc bằng cách nghiên-cứu pháp-luật của nó. Nhưng đã hẳn vợi điều-kiện những chế-tài pháp-lý đó phải phản-chiếu trung-thành thực-sự tâm-tình, truyền-thống dân-tộc. « *Vậy mà chúng ta biết rằng, luật Gia-Long chỉ là một biên tập cóp nhặt vội vã luật Tàu mà một vài điều chỉ là nhắc lại những ấn-định rất xưa cũ* ».

— Về xã-hội.

« *Gia-đình An-nam tương-tự với họ, tộc La-Mã (gens antique). Cũng như họ tộc này, gia-đình An-nam có thần-linh, thủ trưởng, tôn-giáo, tòa-án và luật-lệ riêng... Với ngành trưởng và các ngành phụ, gia-đình An-nam có thể họp thành một đoàn-thể lớn* ». Đó là nguồn-gốc Xã-hội.

Varet trình-bày những hình-thức bành-trướng và di-dân của người Annam : do sáng-kiến tư hay do nhà vua chỉ-định (di-dân bằng lập những đồn-điền, khu định-cư để khai-khẩn cho quân lính hay tù bị án).

Thái-độ đối với dân ngoại, kẻ ngụ-cư « *Ngày xưa, thành La-Mã xua đuổi những kẻ ngoại vì thần-linh của họ chỉ chấp-nhận những lời cầu xin và của lễ của công-dân La-Mã mà thôi. Làng An-nam cũng tỏ ra thái-độ thù-địch với người ngoài. Tình tự đó chỉ dựa trên một ý-tưởng tôn-giáo như ở bên trời bờ biển Méditerranée vậy* ».

— Các thần-hoàng của làng xóm : mỗi làng đều thờ một thần-hoàng ở Đình làng cũng như ở La-Mã xưa.

— Các làng hợp thành nước. Nhưng nước (xã-hội lớn) không tiêu-diệt cái xã-hội nhỏ là làng, đơn-vị của nước. « *Luật Vua thua lệ làng* ». Cầm đầu có vua ; vua là cái hồn dân-tộc, là thủ-trưởng tôn-giáo và người đứng đầu về chính-trị. Cho nên quyền vua vừa có tính-cách tôn-giáo vừa có tính-cách chính-trị. Vua vừa cai-trị và là chủ-tế.

Dưới Vua có quan lại cũng là cha mẹ dân, vừa cai-trị vừa giáo-hóa dân vấn-đề tòa-án, học-chính, thi-cử...

Như trên đã nói, những ý-kiến của Varet rất võ-đoán, chỉ là những quả-quyết thô-thiển, mà Tavernier đã vạch ra. Chẳng hạn Varet coi những cái miếu nhỏ, những am, những tượng bát hương thờ đặt ở trên cây, góc đường, bờ ruộng cũng chẳng khác gì những hòn đá thiêng (Termes) đặt ở những chỗ phân giới-hạn các họ, tộc La-Mã xưa. Thật không giống gì, vì thời La-Mã xưa, những hòn đá

NGUYỄN - VĂN - TRUNG

Chủ - nghĩa Thực - dân Pháp ở Việt - nam

Thực-chất và Huyền-thoại

I. VĂN-HÓA VÀ CHÍNH-TRỊ

NAM - SƠN XUẤT - BẢN

36, Nguyễn-an-Ninh — SAIGON

đó là thần-thánh, đụng tới hay di-chuyển thì bị trừng-trị rất nghiêm, có thể bị thiêu làm vật hy-sinh. Trái lại ở Việt-Nam, nếu chẳng may làm hư hại thì chỉ phải bồi-thường và nếu có cố-ý phá-hủy thì theo luật cũng chỉ bị phạt 80 trượng (1). Ở La-Mã, mỗi một họ tộc có thần-linh, luật-lệ thủ-trưởng riêng, tự-trị. Trái lại ở Việt-Nam, tất cả nước đều theo một luật-pháp. Có những lệ riêng của làng, nhưng không có một luật-pháp riêng, tự-trị. Nếu đôi khi « *lệ làng bất chấp luật nước* » thì không phải là dân làng không hề chấp nhận luật nước. Người Annam cũng không hề tuyệt-đối lúc nào cũng thù ghét người ngoài, vì họ vẫn cho ở ngụ-cư. Người ngoài chỉ bị trục-xuất khi làm bậy (Tavernier trg. 38).

Văn-chương và xã-hội tộc-trưởng.

Những người như Briffaut, Varet, trình-bày xã-hội Annam là xã-hội tộc-trưởng, giống xã-hội La-Mã xưa qua việc thờ cúng tổ-tiên, tổ-chức làng-mạc, vua quan, còn những ông quan văn-sĩ như Crayssac lại nhằm chứng - minh xã-hội Annam là tộc-trưởng đó phản-ảnh trong văn-chương cổ-điển, đặc-biệt là trong truyện Kiều của Nguyễn-Du. Crayssac làm phó công sứ tỉnh Nam-định, nhưng lại chuyên làm văn-thơ nỡ đầu cho việc sùng bái Kiều trong giới người Pháp. Năm 1923, diễn-thuyết ở Khai-trí Tiến-Đức về « *Bút lông và bút sắt* » (N. Phong số 78) chủ-đích nhằm so-sánh văn-chương Đông Tây

Theo ông Mặt Giăng này (biệt-hiệu của Crayssac), thì văn-chương cổ-điển của người Việt-Nam rất khác xa về tinh-thần với văn-chương hiện đại Tây-phương là thứ văn lấy cá-nhân chủ-nghĩa làm căn-bản, lấy cái tôi làm trọng. Thơ ca toàn là để ca tụng những quyền của cá-nhân, nhất là quyền yêu-đương... Trái lại thơ văn cổ-điển Việt-Nam rất gần văn-chương cổ-điển La-Mã xưa.

Sở dĩ như vậy là vì xã-hội Việt-Nam cũng như xã-hội La-Mã cổ đều chung một gốc là : chế-độ tộc-trưởng, mà chế-độ này thì thiên về nhiệm-vụ, bổn-phận, chứ không thiên về quyền-lợi. Mọi người trong chế-độ tộc-trưởng, từ dân đến vua đều chỉ có nghĩa-vụ mà thôi.

---

(1) Tavernier, sách dẫn. trg. 32.

Văn-chương cổ-điển An-nam phản-ảnh cho nhân-sinh của chế-độ tộc-trưởng đó. Trong văn-chương cổ-điển An-nam, truyện Kiều đạt tới một mức độ tuyệt cao về phản-ảnh nền luân-lý tộc-trưởng. Cho nên đọc Kiều cũng như đọc văn-chương An-nam, chỉ nên chú-ý tới việc biểu-lộ đạo-lý mà thôi.

Crayssac trích dẫn một câu của Wilkings :

Wilkings trong sách nghiên-cứu về xã-hội La-Mã có câu rằng : « *Xét tôn-giáo của La-Mã thì thật không có gì đủ làm cho dân thuần-tục. Nhưng mà được một điều này tốt là làm cho dân La-Mã biết trọng nghĩa-vụ, quen thói phục-tòng, một lòng trung-thành với Quốc-gia, nhân đó mà có ảnh-hưởng to về sự phú-cường của nhà nước.*

Những lời ấy có thể nói về xã-hội An-nam cũng được, vì xã-hội An-nam ngày nay với xã-hội La-mã ngày xưa có nhiều chỗ giống nhau lắm, ai đã từng so-sánh hai bên thời cũng lấy làm một sự lạ. Vậy thời điều hệ-trọng ở nước Nam này không phải là những tình cảm phiền phức éo le của mỗi người dân, chính là những điều cương-thường đạo-lý làm cơ sở cho quốc-gia, xã-hội như Hiếu, Trung, Lễ, Kính v.v... » (trg. 443 N. P. số 78).

Sau cùng Crayssac kết-luận phải duy-trì nền văn-chương đó và so-sánh hai nền văn-chương cổ-điển Việt-Pháp như « *hai con sông dài, dòng nước không đổ lên nhau nhưng cùng chảy ra bể khơi là chỗ bồng-lai tiên-cảnh* ».

Mấy năm sau, Crayssac xuất-bản một bản dịch truyện Kiều bằng Pháp-văn (1) được Toàn-quyền, các thống-sứ năm xứ và giám-đốc học-chính trợ cấp tiền, đủ tỏ chính-phủ Pháp lúc đó chú-trọng tới « *văn-học* » và « *Truyện-Kiều* » như thế nào !

Bản dịch có một bài tựa dài ngót trăm trang bàn về Truyện Kiều với Xã-hội vàng (cité Jaune) mà Crayssac đã trích những đoạn quan-trọng đem ra diễn-thuyết ở hội Trí Tri ngày 25-12-1926.

---

(1) Kim-văn-Kiều, le célèbre poème annamite de Nguyễn-Du, traduit en vers français par René Crayssac. Ed. Lê-văn-Tân Hanoi. 1926.

Trong bài luận này, Crayssac đã nhắc lại những luận-điệu mà chúng ta đã biết ở trên : Xã-hội Việt-Nam là xã-hội tộc-trưởng giống xã-hội La-Mã cổ xưa. Văn-học phản-ảnh xã-hội tộc-trưởng đó; truyện-Kiều là một tác-phẩm văn-chương phản-ảnh đầy-đủ mọi khía cạnh, phương-diện của xã-hội trên.

Phần đầu của bài tựa trình-bày xã-hội tộc-trưởng, dựa vào những ý-kiến của Silvestre, Briffaut v.v...

« *Căn-bản của mọi tổ-chức Hoa-Việt là chế-độ tộc-trưởng* ». Ở Tàu cũng như ở Việt-Nam, cũng như ở La-Mã xưa đã được Fustel de Coulanges mô-tả, đặc-điểm trội bật nhất của hệ-thống này là quyền dành cho người đàn ông lớn tuổi nhất trong gia-đình. Người này là gia-trưởng, vừa là linh-mục (prêtre) vừa là quan tòa (juge). Nhiều gia-đình họp thành làng, nhiều làng họp thành nước.

Mối tương-quan giữa dân với vua quan cũng như tương-quan giữa cha con trong gia-đình.

« *Chế-độ tộc-trưởng là căn-bản của mỗi gia-đình và của mỗi đoàn-thể gia-đình cũng qui-định việc cai-trị. Như Silvestre đã nói nhà nước được coi và được-tổ-chức như một gia-đình lớn « Vua là Cha và quyền vua đối với dân là ở đó không phải ở chỗ là chủ... Cho nên sự con cái hiếu thảo được coi như nguyên-lý của mọi đức tính và nền-tảng của mọi giáo-huấn... « Vua quan, và những người đại-diện họ, đều là « Cha Mẹ dân », cho nên họ phải cư xử với dân như Cha Mẹ dân* ».

Do đó « *hình-thức tộc-trưởng mà chúng ta thấy ở mọi thứ bậc của xã-hội An-nam cho chúng ta hiểu tại sao tất cả những hành-động của đời sống dân sự đều có tính-cách* **tôn-giáo**. *Người đàn ông lấy vợ, lập gia-đình chỉ nhằm mục-đích có đứa con để tiếp-tục thờ cúng tổ-tiên...*

Những người chết ở « *Xã-hội-vàng* » là những người vẫn sống :

Chết chỉ là rời bỏ cái phách để cho cái hồn trở nên trong sáng tinh-anh. Cho nên, người chết có quyền đối với người sống

(đòi được nuôi-dưỡng, ăn-mặc, tế-tự). Tế như tại. « *Đó là tục-lệ ở Tàu và ở Annam. Đó cũng là tục-lệ của Xã-hội xưa mà Coulanges đã mô-tả : vật sống dưới đất chưa thoát khỏi hết tính-chất nhân-loại và do đó vẫn còn được nuôi-dưỡng* » :

Sở-dĩ người chết có quyền trên người sống là vì mọi sự người sống đều nhờ người chết mà có (sự tử như sự sinh):

«*Fustel de Coulanges viết : «người chết được coi như vật linh-thiêng. Người xưa đã gọi họ bằng những trạng-từ rất kính - cẩn như : tốt, thánh, phước lành... Họ kính người chết như thần-linh* ». Định-nghĩa đó phù-hợp về mọi điểm với quan-niệm của « *Xã-hội vàng* » về người chết » (1).

Rồi Crayssac bàn đến tam-cương ngũ-thường của Khổng-Tử mà ông cho là rường-cột của xã-hội tộc-trưởng vì Khổng-Tử đã coi gia-đình là hạt-nhân của xã-hội và xã-hội gồm những gia-đình, chứ không phải những cá-nhân.

Sau đó Cayssac mô-tả nghi-lễ thờ-cúng tổ-tiên, và thờ các thần-hoàng, sang đến nghiệp báo của đạo Phật và những phù-phép, hiển-linh của Lão-giáo. Rồi đến người đàn bà, hôn-nhân, đến luật thừa trừ tài-mệnh tương-đố...

Phần thứ hai, Crayssac nói tới vai-trò của văn-chương và kịch-chèo trong xã-hội Annam. Trong xã-hội vàng, những chế-tài, luật-lệ, phong-tục, mọi ý-tưởng đều là một « *bản tuyên-ngôn nhiệm-vụ* » Đoàn-thể là cứu-cánh — cá-nhân là phương-tiện. Điều quan-trọng không phải là những phiền-toái rắc-rối của cá-nhân, nhưng là những nguyên-lý linh-thiêng giữ-gìn rường-cột xã-hội. Tôn-trọng lễ-nhạc, trung-thành với triều-đình, hiếu-thảo, trung-tín... Cho nên văn-chương, kịch-chèo chỉ có một vai-trò là trình-bày những nguyên-lý đó để nêu-gương, dạy-dỗ « *kịch Tàu Annam phải được coi như một trường dạy luân-lý* ». Rồi tác-giả chứng-minh truyện Kiều đã phản-chiếu những gương đạo-đức đã biểu - lộ những nguyên - tắc luân-lý của cái xã-hội tộc-trưởng như thế nào (hiếu-thảo của Kiều,

(1) Rất nhầm, người Việt không coi Tổ-Tiên là thần linh.

trung-thành của Kim-Trọng, cái ghen chính-đáng của Hoạn Thư v.v...) Tóm lại, Crayssac nêu những vấn-đề mà độc-giả nào cũng đã biết về Truyện-Kiều (bói Kiều, Kiều là truyện luân-lý, Thánh Kinh của người Annam) chứ không phải là một truyện dâm-ô như *« cái ông Villard nào đó »* đã kết-án.

*

Để củng-cố thêm chế-độ thực-dân, người Pháp đã tạo ra thuyết truyền-thống dân-tộc Pháp-Việt giống nhau, người An-nam là người Pháp ở Viễn-Đông làm nền-tảng văn-hóa cho chính-sách Pháp-Việt thân-thiện Pháp Nam hiệp-tác của họ.

Tôi gọi chính-sách Pháp-Việt đề-huề, Pháp Nam hiệp-tác là huyền-thoại. Như trên đã nói, huyền-thoại là một lời nói hão-huyền, nhằm huyễn-diệu người ta bằng cách xuyên-tạc sự-thực, tuy vẫn dựa vào một phần sự-thực để xuyên-tạc, nhằm che dấu một chủ-đích nào đó.

Vậy chính-sách Pháp Việt đề-huề xuyên-tạc sự thực như thế nào và nhằm che dấu cái gì ?

Huyền-thoại này có thể chia thành hai vế :

a) Việt-Nam có một truyền-thống dân-tộc lâu đời, cần được tôn-trọng, duy-trì. Người Pháp sang Việt-Nam không phải để tiêu-diệt, phá-hủy truyền-thống đó nhưng để tìm hiểu và bảo-vệ nó.

b) Truyền-thống dân-tộc Việt-Nam lại giống truyền-thống xưa cũ của người Pháp. Vậy hai dân-tộc cùng chung một truyền-thống sẽ dễ-dàng hiểu biết và thân-thiện nhau. Sự thân-thiện này đưa tới chỗ hiệp-tác trong tinh-thần tôn-trọng nhau để xây-dựng một sự-nghiệp chung.

Muốn có tác-dụng huyễn-diệu, chữ truyền-thống dân-tộc tất nhiên phải được hiểu theo nghĩa tốt đẹp, tích-cực của nó. Truyền-thống chỉ-thị tất cả những gì là tinh-túy, là cao cả, trường-tồn gắn liền với số phận nước Việt-Nam vì đã là những yếu-tố bảo-vệ, duy-trì sự sống còn của đất nước qua bao lần thử-thách của lịch-sử. Chẳng hạn cái đã làm cho người An-nam đứng dậy chống lại xâm-lăng, cái đã làm cho người Việt-Nam không bị đồng- hóa trong những thời-kỳ nô-lệ ngoại-bang...

Nhưng đó không thể là ý người Pháp muốn trình-bày để huyễn-diệu. Đối với họ, họ không thể hiểu truyền-thống Việt-Nam theo nghĩa tích-cực được, vì như thế là trái ngược hẳn với dự-định thực-dân mà thực-chất là xâm-lăng, bóc-lột bạo-động ngu-dân. Nếu hiểu truyền-thống dân-tộc qua cái vốn thuần-túy dân-tộc và cái tinh-túy của tôn-giáo như tinh-thần quật-khởi, bất-khuất, ý-chí cương-trực v.v... thì chính những yếu-tố đó đã là cái hồn của những hành-động, phong-trào chống xâm-lăng, đánh đổ lệ-thuộc. Những Phan-đình-Phùng, Phan-bội-Châu, tiêu biểu cho tinh-thần nho học chân-chính, đồng-thời cũng là tượng-trưng cho truyền-thống dân-tộc đích thực. Phải chăng người Pháp muốn tôn-trọng và duy-trì cái truyền-thống đó ?

Cho nên xét theo chủ-đích thực sự của họ, khi nói truyền-thống dân-tộc, người Pháp chỉ có thể hiểu nó theo nghĩa tiêu cực mà thôi. Truyền-thống ở đây chỉ-thị cái yếu-hèn, bạc-nhược, cái mê tín, dị đoan, cái « *chậm-tiến* », nói tóm lại, tất cả những gì là lỗi thời, phản động làm cho người Việt-Nam sợ-sệt, hèn-nhát, đầu hàng ở mãi tình-trạng kém cỏi, ngu dốt, lạc hậu... Chỉ những yếu-tố đó mới lợi cho thực-dân, mới làm cho thực-dân dễ-dàng duy-trì và kéo dài chế-độ bóc-lột nô-lệ. Chỉ cái nho học, truyền-thống mà những Hoàng-Cao-Khải, Thân trọng-Huề đại-diện mới là cái nho học, truyền-thống người Pháp muốn ca-tụng và nhằm duy-trì bảo-vệ.

Vậy luận điệu « *Pháp-Việt đề huề, hiệp-tác* » của thực-dân là huyền-thoại ở chỗ :

1.— Dựa vào cái nghĩa tích-cực, hay đẹp của chữ truyền-thống để che dấu một chủ-đích trái ngược hẳn với cái nghĩa tích-cực trên. Sở dĩ có thể xuyên-tạc là vì huyền-thoại có dựa vào một phần sự-thực, tức là cái nghĩa tích-cực bao hàm trong ý-niệm truyền-thống. Tất cả vấn-đề là phải xét chủ ý. Ở trên, khi phân tách trình-bày sự hình thành của huyền-thoại (1), tôi đã đưa ra tiêu-chuẩn : mỗi chữ có nghĩa nhất-định của nó. Nhưng khi được dùng tới, nó có thể mặc nhiều nghĩa khác mà người nói muốn gán cho. Những « *chữ-*

1) Chương II, phần đầu.

nghĩa » trở thành những « *hình-thức* » vô-định, những « *khung* » trống rỗng (mana, theo danh-từ của Lévi Strauss), những dấu hiệu, để có thể đón nhận những nghĩa khác, ngay cả những nghĩa trái ngược với nghĩa đen đầu tiên của nó. Yếu-tố cấu-tạo huyền-thoại không phải ở những chữ, những sự vật chỉ là sứ-điệp-viên, cái chuyên-chở ý-nghĩa, nhưng ở ý-hướng làm huyền-thoại (intention mythique) ở cái nghĩa nhằm huyễn-diệu mà người nói muốn gửi đi qua trung-gian sứ-điệp-viên là những chữ, những hình-ảnh, hay bất-cứ một sự-vật nào.

Chữ truyền-thống ở đây đã bị xuyên-tạc, về ý-nghĩa tốt đẹp, nguyên-thủy của nó và đã được dùng để chỉ-thị một nghĩa xấu-xa, phản-động, lỗi thời nhưng nghĩa xấu-xa đó lại được che dấu bằng nghĩa tốt đẹp của chữ truyền-thống. Huyền-thoại không tiêu-diệt sự-thực, chỉ xuyên-tạc nó mà thôi. Nói cách khác, sự-thực vẫn còn đó trong huyền-thoại, nhưng bị xuyên-tạc bị tha-hóa (dénaturé, aliéné).

Chữ truyền-thống trong huyền-thoại không mất hẳn cái nghĩa tốt đẹp, vì mất hẳn thì lấy gì che dấu nghĩa xấu xa của ý-hướng huyền-thoại, vậy nghĩa tốt đẹp vẫn còn nhưng bị xuyên-tạc, tha-hóa...

2.— Thực-dân đã muốn trình-bày truyền - thống dân-tộc Việt-Nam được thể-hiện trong xã-hội tộc-trưởng như một trật-tự tự-nhiên, không phải ước-định. Do đó, những phong-tục, luật-lệ, tôn-giáo, những tổ-chức, tin-tưởng (tin-tưởng ở thần-linh, chế-độ quân-chủ...) đều là những cái gì « *bất-khả xâm-phạm* », vì chúng phản-ảnh lẽ tự-nhiên của vũ-trụ.

Do đó, không thể đánh đổ được và phải tôn-trọng duy-trì Huyền-thoại ! Huyền-thoại ở chỗ biến lịch-sử thành tự-nhiên, biến cái quy-ước, nhân-tạo thành cái cố-định đương-nhiên. Cho nên đứng trước cái tự-nhiên, là cái rõ-ràng, hiển-nhiên, người ta chỉ có thể chấp-nhận, tôn-trọng, tin-tưởng — đã hẳn là thế rồi — không thắc-mắc suy-luận — hoài-nghi — đặt lại vấn-đề một niềm-tin có tính-cách linh-thiêng...

Nếu nền-tảng văn-hóa đã là huyền-thoại, thì khẩu-hiệu « *Pháp-Việt đề huề, Pháp-Việt hiệp-tác* » xây trên nền-tảng đó cũng là huyền-thoại mà thôi.

Huyền-thoại « *Pháp-Việt đề-huề* » dựa vào một nhu-cầu chính-đáng, thiết-thực là con người phải tương-giao với nhau, nhất là khi cùng chung một tâm-tình, một văn-hóa càng dễ thân-thiện và hợp-tác hơn, nhưng xuyên-tạc nhu-cầu chính-đáng thiết-thực ở chỗ dựa vào tính-cách chính-đáng thiết-thực của nhu-cầu để che dấu những tương-quan thống-trị, bị-trị là những tương-quan bạo-động thực-sự của chế-độ thực-dân.

Đó là huyền-thoại, nhưng đối với thực-dân lúc đó, lẽ dĩ-nhiên họ coi là thực. Nếu theo lẽ tự-nhiên, người Pháp và người Nam phải thân-thiện hợp-tác với nhau vì cùng chung một văn-hóa dân-tộc, vì người Pháp sang để khai-hóa giúp-đỡ người « *em* » của mình, thì thực-sự, phải thấy cái quang-cảnh thân-thiện, hợp-tác trong tương-quan giữa người Nam và người Pháp ở đây. Vậy tại sao có những rối-loạn, bất-an, chống đối, hay ít ra tình-trạng căng-thẳng, khó thở giữa người Pháp và người Nam, nhất là hồi 1924 — 1925 và 1929 — 1932 là những lúc người ta nói nhiều tới chính-sách Pháp-Việt đề huề, Pháp-Nam hiệp-tác ? Thực-dân giải-thích : sở-dĩ có như vậy là vì những ngộ-nhận, nhầm lẫn **về văn-hóa.** Người Pháp sang khai-hóa tưởng rằng đem những cái hay mới để giáo-hóa người anh em « *Annam* » của mình, nhưng thực ra những cái hay mới đó không hợp với truyền-thống dân-tộc, với xã-hội tộc-trưởng, quân-chủ, nên làm cho nó bị lung-lay và các thần-linh của nó giận-dữ. Nói cách khác, những giá-trị Tây-Phương thoát thai từ Thiên-Chúa giáo từ bản tuyên-ngôn nhân-quyền và văn-minh khoa-học, kỹ-thuật không hợp với những giá-trị truyền-thống của xã-hội Việt-Nam. Đó là nguyên-nhân những khủng-khoảng chính-trị.

Ngay chương đầu cuốn « *Les Dieux qui meurent* », Varet nhắc tới vụ ám sát Bazin, Việt-Nam quốc dân đảng, cuộc khởi nghĩa Yên-Bái và cho rằng nguyên - nhân chính của những sự-kiện trên là :

« Chính sự khác biệt giữa xã-hội ngày xưa và xã-hội ngày nay đã gây nên sự ngộ nhận mà những nạn nhân của nó đang rải rác trên những con đường nghệ tĩnh. » (trg. 19)

hay

« Yên-Bái, đó phải chăng là các thần-linh trả thù một chút vì chúng ta đã quấy động chốn an-nghỉ đời đời của họ. » (trg. 28)

Bạo-động chống Pháp vì các Thần-Linh xứ này nổi giận khi những đền miếu thờ họ bị phá đổ, rời đi để mở-mang đường xá hay khi những tập tục, nghi-lễ, chế-tài nhằm biểu-lộ và duy-trì những tin-tưởng ở thần-linh bị lung lạc, suy sụp nhường chỗ cho những tin-tưởng mới !

Mục-đích cuốn sách của Varet nhằm chứng-minh những ngộ nhận về văn-hóa là nguyên-nhân chính của tình-thế rối loạn, giao động hồi 1930. Do đó, muốn đem lại hòa hợp, bình an, phải tôn-trọng và duy-trì truyền-thống cũ, xã-hội tộc-trưởng,

Trong phần thứ hai nhan đề « **Buổi chiều của các Thần-Linh** », Varet trình-bày những ngộ nhận trên. Theo Varet, cái văn-hóa mà người Pháp mang sang Việt-Nam để truyền bá là văn-hóa **hiện-đại**, thoát thai từ Thiên-Chúa giáo và bản tuyên-ngôn nhân-quyền ; hai đặc-điểm chính của nền văn-hóa này là cá-nhân chủ-nghĩa, một quan-niệm lấy cá-nhân làm trọng, nhấn mạnh vào những quyền-lợi của nó, và sự tách biệt đạo đời, tôn-giáo và chính-trị, thế-quyền và thần-quyền.

Như thế nền văn-hóa đó hoàn-toàn trái ngược không những với truyền-thống dân-tộc Việt-Nam mà còn trái ngược với cả truyền-thống xưa cũ của nước Pháp là xã-hội La-Mã. Cả hai truyền-thống văn-hóa này đều lấy Đoàn-thể (gia-đình, xã-hội) làm trọng, đều nhấn mạnh vào nhiệm-vụ, bổn-phận của cá-nhân đối với đoàn thể và coi đạo đời là một, không phân biệt Thế quyền với Thần-quyền vì vua quan vừa là người cai-trị, vừa là linh-mục chủ-tế, vừa là thủ-lĩnh chính-trị vừa là vị đứng đầu tôn-giáo của dân chúng.

Kitô giáo ra đời đã tiêu-diệt thần-linh đề cao cá-nhân « *Gia-đình và xã-hội bị xóa nhòa trước cá-nhân* » (trg. 150) và phân biệt tôn-giáo với chính-trị : « *Thiên-Chúa và nhà nước bị cách biệt trong lý-thuyết của người xứ Galilée* » (chỉ Đức Giêsu). Trái lại cả hai hòa hợp trong xã-hội cũ (cité antique) và cũng lẫn lộn trong xã-hội vàng (cité jaune) (trg. 180).

Người Pháp mang cái văn-minh tiêm nhiễm chủ-nghĩa cá-nhân sang reo rắc ở đây tất nhiên va chạm với xã-hội tộc-trưởng phân-biệt quyền cai-trị của nhà nước với quyền tôn-giáo, quyền cai-trị thì người Pháp nắm lấy, còn quyền tôn-giáo thì trao lại cho vua quan, tất nhiên gây ra bất phục tòng, rối loạn dân không phục quyền cai-trị của người Pháp vì nguồn-gốc quyền-binh là tôn-giáo.

Cho nên nguyên-nhân chính của rối loạn, bất an là vì sự va chạm giữa xã-hội tộc-trưởng và văn-minh hiện-đại tây-phương.

Người Pháp, qua những lời tuyên-bố hào-hiệp của các toàn-quyền, đã nói quá nhiều đến cá-nhân, nhân-quyền và đã đem thực hiện.

Nhưng « *làm cho cá-nhân ý-thức được giá-trị xã-hội của nó, tức là giết chết chế-độ tộc-trưởng và các thần-linh mà chế-độ đó phải dựa vào, là biến một người quỳ lạy trước bàn thờ ông bà ông Vải thành một cá-nhân xô đẩy quyền của trưởng-tộc và chỉ nhận quyền của nhà nước và các luật-lệ nhà nước mà thôi. Việc thờ cúng Tổ-Tiên và chế-độ tộc-trưởng không thể tách rời nhau được, chúng là những yếu-tố của một toàn-thể. Tách cá-nhân ra khỏi gia-đình, là lật đổ bàn thờ Tổ-Tiên, tiêu diệt việc thờ người chết, phân-tán đoàn-thể tôn-giáo có tên là gia-đình. Làm như vậy tức là đập tan một nền văn-minh, đó là nền văn-minh của Tổ-Tiên chúng ta ở thời-kỳ La-Mã và Hy-Lạp và cũng là nền văn-minh của thời Trung-Việt từ 4.000 năm nay* » (trang. 163).

Theo Varet những cải cách mà chính-phủ bảo-hộ nhằm thực-hiện đụng chạm tới Thần-Linh và làm suy sụp xã-hội tộc-trưởng. Cho nên người công-chức và vị thừa sai đi từ hai địa-điểm khác nhau nhưng đều gặp nhau ở cùng một đích.

« Vị đại-diện cho Giáo-Hoàng và ủy-viên của nền Cộng-hòa đệ tam đều giết các Thần-linh của xứ Annam, người trước để làm sáng danh Thiên-Chúa, người sau để cho cá-nhân toàn-thắng. Và cả hai làm tan-biến chế-độ tộc-trưởng vì **lịch-sử** *chứng-minh rằng những dân-tộc không tồn-tại lâu dài được khi thần-linh của họ đã biến mất. Những nền văn-minh đã được khai-sinh nhờ ảnh-hưởng của Thần-Linh thì cũng phải chết theo với Thần-Linh. Không có gì phá-hoại bằng tro bụi của những thần-linh đã chết»* (Gustave le Bon) (trg. 164).

Theo Varet, sự rối loạn, suy-sụp là ở chỗ con người mất tin tưởng, (tin tưởng hiểu theo nghĩa mê tín!) khi người nông-dân Việt-Nam không còn tin ở thần-linh hay ông bà ông vải có thể làm cho mình khỏi chết đói, khổ sở, làm sao họ có thể chịu đựng nổi cảnh khổ sở. Cho nên nguồn gốc những giao-động chính-trị hiện nay (1930) là *« vì tư-tưởng cá-nhân mà Cộng-sản chỉ là gợn sóng của nó »*.

« Những người làm lụng suốt đời ở trong gia-đình của họ, lấy làm hài-lòng vì biết rằng khi chết, họ sẽ trở-thành thần-linh, bây giờ bắt đầu biết lo-âu về cõi đời sau. Sự hiển-thánh mà họ sẽ dành được làm cho họ quên đi những năm tháng lầm-than mà mùa bị mất dưới làn nước cuốn của con sông tràn đê hay dưới những ngọn gió phá-hoại của bão-táp. Bây giờ thì họ phải làm việc vất-vả, cực-nhọc mà không hy-vọng gì cả về đời sau sẽ tốt đẹp hơn. Làm sao họ không đi theo Cộng-sản được ? Người ta theo Cộng-sản vì không còn tin-tưởng nữa » (trg. 159). Dĩ nhiên những tin-tưởng ở đây là mê tín, dị đoan...

Qua những đoạn trên, độc giả dễ-dàng nhận ra dụng ý thâm độc và quỷ-quyệt của thực-dân Pháp khi nói đến xã-hội tộc-trưởng thần-linh, thờ cúng Tổ-Tiên,.. và chủ-trương duy-trì, bảo-vệ truyền-thống dân-tộc.

Tất cả những cái đó là huyền-thoại vì đã đặt vấn-đề thuộc-địa vào bình diện văn-hóa và giải-thích những rối loạn, lộn xộn nổ ra bằng những **nguyên-nhân văn-hóa** nhằm che đậy thực-chất của chế-độ thuộc-địa là xâm-lăng, áp bức bạo-động và đánh lạc những nguyên-nhân **chính**, thực sự của những nổi loạn, chống đối thực-dân là **chính-trị**.

Chúng ta khai triển thêm ý-nghĩa huyền-thoại « *Pháp-Việt đề huề* ».

Ở đầu phần giới-thiệu huyền-thoại này, tôi đã đưa ra nhận xét : huyền-thoại « *Pháp-Việt đề huề* » có vẻ mâu-thuẫn với huyền-thoại khai hóa về **những yếu-tố** cấu-tạo huyền-thoại. Sự mâu-thuẫn đó không quan-trọng gì, nó chỉ là hình-thức, nên thực-dân bất xét. Lời nói huyền-thoại nhằm huyễn-diệu, vì yếu tính của nó là **nói để mà nói**, nên không đáng lo ngại gì. Nếu nói chỉ để mà nói thì nói thế nào cũng được, miễn là nói lúc đó có thể gây được tác-dụng huyễn-diệu...

Huyền-thoại khai-hóa dựa vào thực tại : **Ta kém.** Văn-hóa kém, văn-minh thấp, truyền-thống dân-tộc nhiều cái cổ-hủ, lỗi thời lạc-hậu và nhân danh những giá-trị hay, đẹp của văn-minh tây phương. Qua luận-điệu khai-hóa, người Pháp căn-cứ vào trình-độ thấp kém, yếu hèn của ta và vào sứ-mệnh reo-rắc những văn-hóa mới (khoa-học, nhân-quyền, tự-do...) **biện-chính** cho chế-độ thuộc-địa. Lúc này thực-dân và tay sai **chê** văn-hóa của ta, phong-tục của ta (cái gì người mình cũng còn kém cả) và hết sức **khen** văn-hóa Pháp.

Sang đến huyền-thoại « *Pháp-Việt đề huề* », luận điệu xoay ngược lại. Truyền-thống dân-tộc được coi là hay đẹp và sở dĩ có những lộn-xộn, rối loạn là vì đem những cái mới lạ của Tây-phương vào. Vậy phải duy-trì truyền thống đó, phải tồn cổ gạt bỏ những cái mới lạ Tây-Phương không hợp với truyền-thống dân tộc của An-nam cũng như của Tổ-Tiên nước Pháp xưa.

Huyền-thoại khai-hóa
- Xã-hội cũ La-Mã → Văn-minh Tây-phương cận-đại (lý-tưởng thực-dân) ↓↑
- Xã-hội cũ Việt Nam → Xã-hội Việt-Nam hiện-đại

Huyền-thoại « Pháp-Việt đề-huề »
- Xã-hội cũ La-Mã → Văn-minh Tây-phương cận-đại ↓
- ↑↓
- Xã-hội cũ Việt-Nam → Xã-hội Việt-Nam hiện-đại ←

Tại sao thực-dân phải luẩn-quẩn như thế, và do đó đâu là thực-chất của huyền-thoại ? Tại sao Pietri Bộ-Trưởng bộ thuộc-địa lúc đó (1930) phải nói « *chúng ta phải bảo-vệ người bản-xứ, tôn trọng những phong-tục, tôn-giáo, ngay cả những thiên kiến của họ nữa (Même ses préjugés) nếu không muốn để cho những thứ men chết người dậy lên* » (1).

Tại vì những phong-trào chống Pháp hồi đó lên rất cao, sôi nổi trong quần chúng và nhất là những phong-trào này mặc những hình-thức đấu tranh mới (2). Hướng đi của những phong-trào này không những nhằm thực-hiện một cuộc cách-mạng chính-trị chấm dứt chế-độ thực-dân mà còn nhằm đi tới một cuộc cách-mạng xã-hội. Nói cách khác, phong-trào chống Pháp vừa có tính-cách phản đế, vừa có tính cách phản phong. Do đó, phong-trào đe dọa cả thực-dân lẫn phong kiến và buộc thực-dân phải cấu kết với phong kiến để chống lại cách-mạng.

Nhưng để chống lại cách-mạng, thực-dân không thể căn cứ vào những giá-trị thoát thai từ bản tuyên-ngôn nhân quyền mà họ rêu rao mang sang khai hóa ở thuộc-địa, vì chính cách-mạng đã dựa vào những giá-trị đó mà tranh đấu, cho nên họ phải bám vào những giá-trị cổ-truyền, gỉa-vờ phục hồi và ca-tụng truyền-thống dân-tộc, cái truyền-thống mà cách-mạng cũng nhằm tiêu-diệt. Đã hẳn truyền-thống mà cách-mạng nhằm tiêu-diệt là truyền-thống theo nghĩa tiêu-cực, chỉ-thị tất cả những gì lẩ lạc hậu lỗi thời, phản động (mê tín, dị đoan, chế-độ quân chủ, quan lại phong kiến) đã làm cho người Việt-Nam hèn, nước Việt-Nam yếu.

Vậy khi đề cao truyền-thống dân-tộc, tuyên-bố duy-trì bảo-vệ văn-hóa cổ-truyền Việt-Nam, thực-dân vừa liên kết với phong kiến thêm được một bạn đồng-minh, vừa tạo được một lý-tưởng giả-dối để che đậy thâm-ý duy-trì những cái hèn yếu, bạc nhược đã làm cho người Việt-Nam mất nước và còn cho phép thực-dân kéo dài chế-độ nô-lệ của họ.

---

(1) Trích trong Essais franco-annamite. P. Quỳnh. Bài Apologie du régime « protectorat » trg. 431.

(2) Xem chương III.

Theo giáo sư Paul Mus trong một chương cuối cùng phân-tách ý-nghĩa chúc thư của Khải-Định (1) việc chủ-trương đồng nhất văn-hóa cổ La-Mã với văn-hóa Việt-Nam còn nhằm một mục-đích nữa. Năm 1925, ngày Khải-Định chết, Pháp và Tôn-thất-Hân, phụ-chính ký một thỏa-hiệp mà thực-chất là trao quyền-bính lại cho người Pháp vì vua còn nhỏ.

Vua Khải-Định có để lại một chúc thư và ngày đưa ma vua, Pasquier có đọc một điếu văn. Paul Mus phân tách so sánh hai tài-liệu đó và coi là một « *cuộc nói chuyện giữa hai người điếc.* » Theo ý Pasquier, thì chúc thư của Khải-Định chỉ bày tỏ ước mong của Vua về việc bảo-vệ những giá-trị *nghi-lễ* mà thôi. « *Điều cốt yếu là gìn giữ tôn-trọng những Tôn-Miếu của chúng tôi* », còn quyền bính cai-trị thì phó thác cho nước Pháp.

Paul Mus viết : « *là những độc giả say mê cuốn «Cité antique» của Fustel de Coulanges, tiêm nhiễm quá nhiều nền pháp-luật La-Mã cũng như những giá-trị thời thượng cổ của chúng ta, những người ở thế-hệ này đã tưởng họ tìm thấy tất cả những cái đó ở Việt-Nam* » (trg. 319).

« *Những tôn-miếu là những đền đài làm thành lăng mộ các Vua xưa : đây là Khải-Định mà Pierre Pasquier chờ đợi ở đó. Cái quang cảnh về một sự chấm dứt nền văn-minh này là như một trả lời cho lịch sử những chế-tài La-Mã.*

« *Ở La-Mã, một nền văn-minh tộc-trưởng với những luật-lệ, nghi-lễ, những liên-đới kinh-tế, tình-cảm, đã nhượng-bộ trước những luật-lệ và hoạt-động khách-quan của xã-hội. Vậy đây không phải là một cuộc cách-mạng tương-tự mà người Pháp đã gây nên ở Việt-Nam sao ? Trước nền văn-minh của chúng ta, nghĩa là trước tổ-chức hành-chính của ta, nước Việt-Nam tộc-trưởng đã bị tan rã* » (trg. 320).

Như thế, đối với Pasquier, chủ-trương xã-hội cũ Việt-Nam giống xã-hội cổ La-Mã là nhằm biện-chính cho việc chuyển giao

---

(1) Le Destin de l'Union Française. Chương Le Testament impérial. Seuil 1957.

quyền bính của nhà Vua, đại diện cho xã-hội cũ, sang chính-phủ bảo-hộ, đại-diện cho xã-hội Việt-Nam mới như một cuộc tiến-hóa tự-nhiên chẳng khác gì nước Pháp cận đại thoát thai từ xã-hội cổ La-Hy.

Chính quyền bảo-hộ cũng như nước Pháp ngày nay chỉ có nhiệm-vụ bảo-vệ những tôn-miếu, cũng như bảo-vệ những đền đài La-mã xưa, tất cả chỉ còn là tượng trưng cho một thời đã qua.

Theo giáo-sư P. Mus, Pasquier đã nhầm khi tưởng rằng Khải-Định bày tỏ sự tín-nhiệm về tương-lai ở nước Pháp trong chúc thư. Sự thực lại ngược hẳn ; Khải-Định có nhắc tới những cuộc vận-động cách-mạng của người Việt-Nam mà Vua kế tiếp thì còn nhỏ dại, cho nên nhà Vua tỏ vẻ lo sợ cho tương-lai của nền quân chủ. Nhưng Vua cũng nói : nếu chẳng may có sự thay đổi chế-độ chính-trị, thì đó cũng là vì thiên mệnh, miễn là làm sao bảo-vệ được Tôn-Miếu thôi.

Theo ý giáo-sư P. Mus, đó là một lời tiên tri, vì 20 năm sau (1945) Bảo-Đại thoái vị nhường quyền cho chế-độ dân-chủ Cộng-Hòa, tức là trao lại cái mệnh-trời cho cách-mạng và cũng chỉ xin bảo-vệ tôn-miếu.

Trong viễn-tượng đó, bản Tuyên-ngôn của Bảo-Đại không còn phải là một thoái vị « *mà lại một tấn-phong* » (trg. 327) đồng thời cũng là thực-hiện đường lối của Khải-Định đã vạch ra.

Nhưng chẳng may cho lối giải-thích của giáo-sư P. Mus, Bảo-Đại lại bỏ Việt-Nam đi Hồng-Kông mưu toan chống lại chế-độ mà mình vừa trao lại cái mệnh-Trời. Tôi rất mến phục và cảm ơn giáo-sư P. Mus, một trong số những người Pháp đã góp phần vào việc làm cho dân chúng Pháp hiểu những nguyện-vọng của dân-tộc Việt-Nam trong cuộc chiến-tranh Pháp-Việt vừa qua, nhưng những phương-pháp phân-tách xã-hội học của giáo-sư trong những cuốn bàn về Việt-Nam (1) có lẽ không xác-thực lắm. Đó là một thứ xã-hội học hình-thức (sociologie formelle).

---

(1) Le Việt-Nam chez lui. Sociologie d'une guerre. Destin de l'union française.

Giáo-sư đã muốn phân-tách những tranh-chấp Việt-Pháp trên bình-diện văn-hóa, nhưng hình như Giáo-Sư lại chỉ coi văn-hóa như một hiện-tượng biệt-lập trong khi phải gắn liền nó với những dự-định chính-trị để có thể nhận ra những chủ-đích, thực-chất của văn-hóa hay của những lời nói, chủ-trương. Chẳng hạn Giáo-Sư đã cho Pasquier và những quan cai-trị học-giả như Varet chủ-trương đồng nhất « *Cité antique* » với « *Cité jaune* » là một nhầm lẫn như thể họ có ý tìm hiểu văn-hóa thực-sự, nhưng chẳng may nhìn sai nghĩa là họ thành thật trong sự sai-lầm của họ. Sự thực, nếu xét, chủ-đích chính-trị của họ, người ta phải nhận rằng chủ-trương của họ chỉ là «*mưu toan chính-trị*» và những lời họ nói thì chính họ không tin gì, nhưng nói ra để thực-hiện những mưu-mô chính-trị mà thôi. Cũng như Bảo-Đại, ông này cũng chẳng tin ở Mệnh Trời gì cả khi ra bản Tuyên-ngôn thoái-vị, đó cũng chỉ là một chiến-thuật chính-trị. Nếu Bảo-Đại tin thật, đã chẳng bỏ Hanoi đi Hồng-Kông và do đó dày-xéo lên những lời mình vừa quả-quyết.

✱

Chúng ta cũng còn nhận ra những thâm-ý chính-trị của thực-dân khi họ đề cao văn-học cổ-điển Việt-Nam, đặc-biệt là truyện Kiều và chủ-trương tìm hiểu phong-tục, ca-tụng phong-cách người Việt-Nam trong các tác-phẩm văn-chương thuộc-địa bằng chữ pháp của họ.

Ca-tụng văn-học cổ, tác-phẩm cổ-điển, coi văn-chương là hồn của dân-tộc. Vậy cứ yêu văn-học, là yêu nước rồi. Cứ đọc Kiều, ca-tụng Kiều vì truyện Kiều còn thì tiếng nói của nước vẫn còn, và tiếng nói còn thì nước vẫn còn. Làm văn-học, thưởng-thức văn-học cho quên chính-trị, hay tạo ra ảo-tưởng là muốn yêu nước, cứu nước chỉ cần tin-tưởng vào sứ-mệnh cứu-rỗi của văn-học, như một người Pháp đã thú-nhận

Một nhà báo Pháp đã so-sánh tác-phẩm «*Shahnameh* » của Firdousi người Ba-Tư nhân-dịp kỷ-niệm 1000 năm với cuốn Kim-Vân-Kiều của Nguyễn-Du trong bài « *Một gương Ba-Tư cho người Annam* », đây là đoạn chủ-yếu trong bài tôi đã đọc trong tạp-chí

« *Tin-Văn* » ngày 30-12-1933 một gương sáng-lạn về phục-hưng quốc-gia mà tôi nêu lên ở đây để các độc-giả cùng suy-nghĩ. Ông Francis de Miomandre, khi bàn về « *vai trò bất ngờ của các Tuyệt-tác* » đã nói : Sau những thế-kỷ áp bức dưới những triều đại Ả-rập, người Ba-Tư đã nổi lên, và cuộc nổi loạn này bùng lên nhân danh một truyền-thống « *Shahnameh* » đã phản ảnh đầy dủ cả. Tất cả, kể cả tiếng nói. Đó là điều ngạc nhiên. Chính vì nói cái tiếng xưa cũ Nehlur mà nhà thơ Firdousi đã dùng nó để viết thiên anh-hùng-ca trên, mà những người yêu nước đã gây dựng lại sự thống-nhất quốc-gia đã tìm lại được giống nòi. Và tiếng nói đó họ còn nói đến bây giờ. Do đó, làm sao có thể tin được rằng một dân-tộc chịu đựng mãi ách thống-trị ngoại bang ? **Muốn cứu vãn dân-tộc đó, chỉ cần có một ngôn-ngữ được ấn-định bằng một tuyệt tác.**

Các bạn đã đọc câu sau cùng này chưa ? Nó có gợi ý gì cho các bạn không ? Phần tôi, tôi nghĩ ngay đến cuốn Kim-Vân-Kiều của người An-nam. Dĩ nhiên, có nhiều sự khác biệt giữa Firdousi và Nguyễn-Du, giữa Shanameh và Kim-Vân-Kiều. Nhưng cái **gương là ở chỗ sứ-mệnh linh thiêng cứu rỗi do các tác phẩm vĩ-đại Quốc-Gia đảm nhiệm** » (1).

Hoặc họ đánh lạc vấn-đề trong những sáng tác tìm hiểu phong-tục bằng Pháp-văn của họ. Theo đường lối đề cao và duy-trì văn-hóa Việt-Nam, các quan cai-trị là văn, thi sĩ này đi tìm hiểu phong-tục Việt-Nam với cái nhìn thiện-cảm, tôn-trọng chứ không khinh bỉ như các quan văn sĩ thời mới sang. Chẳng hạn cuốn « *Từ ruộng lên Núi* » của Jean Marquet (2) một ông quan thương chánh ở Bắc-kỳ xưa.

Đọc truyện xong rồi, nếu đọc thêm bài giới-thiệu ca tụng của P. Quỳnh (3), người ta có cảm tưởng tác giả rất hiểu tâm tình người Việt-Nam, và hiểu với một thái-độ đầy thiện-cảm, có tính

---

(1) André Gaudbye. Báo Ami du peuple indochinois. 16 Avril 1934.

(2 De la rizière à la montagne. « Mœurs annamites. Paris. 1920

(3) Thượng Chi văn tập. III.

chất « *nhân-bản* » về những nỗi niềm cơ cực của người Việt-Nam và sau cùng phải tin vào các tiền đồ giao-thiệp Pháp-Nam, theo cái chủ-nghĩa Pháp-Việt đề huề, như Phạm-Quỳnh đã nói ở phần kết-luận bài giới-thiệu.

Câu chuyện tóm tắt như sau : Nguyên là con nhà nghèo, làm ruộng cực khổ nhưng cũng lấy làm an-phận, không phàn nàn. Rồi chú lấy vợ. Ít lâu sau, hai ông bà và chị gái lớn của chú đều chết. Lo chạy tang. Một hôm, đem vàng mã ra mộ đốt, lúc về thấy con lợn của Bác Thục, hàng xóm sang dẫm nát mấy luống khoai nhà mình, vì hai nhà vốn không ưa nhau, nên chú Nguyên càng tức đánh gẫy chân con lợn. Hai nhà cãi nhau, rồi đưa nhau lên huyện kiện. Sau đó, Nguyên phải đi hộ đê. Lúc về thấy Tây đoan đã ở trong nhà chỉ vào mấy chĩnh bã rượu giấu ở góc vườn. Nguyên bị Thục thù và bỏ vạ. Uất quá, Nguyên chẳng may vùng tay, đập vào mũi một tên đội làm cho hắn đổ máu mũi. Nguyên bị giải về Hà-Nội giam ở hỏa-lò. Đưa ra tòa, tưởng quan Tây sáng suốt sẽ minh oan không ngờ vẫn bị phạt. Không có tiền trả phải ở tù thêm. Nhà giam chật, Nguyên bị chia vào thành-phần tù phải giải lên mạn ngược làm đường. Cảnh khổ cực trên miền thượng-du. Được tin nhà, ruộng bị tịch biên, vợ mất. Bị tai nạn phải cưa một tay. Sau cùng chết ốm đói ở nhà giam... Đó là phần chính của câu chuyện.

Chủ-đích của tác-giả là gợi lòng thương-tâm một người nông-dân Việt-Nam đầy đức-tính tốt mà phải chịu khổ cực, đầy đọa. Đó là cái cảnh dân quê Việt-Nam từ ngàn xưa đến nay. Nếu độc-giả muốn tìm hiểu thêm về lý-do cảnh đầy-đọa của Nguyên thì tác giả đã cho thấy nào là vì cha mẹ nghèo từ trước — vì những nết xấu của người nông-dân, quan lại, công chức : hay trả thù, bỏ vạ, hay đem nhau đi kiện, thích hối-lộ, tình cảnh vỡ đê, mất mùa v.v... Tất cả đều là những sự kiện vẫn có từ ngàn xưa ở xã-hội Việt-Nam. Tác giả chỉ mô tả một cách khách-quan đúng thực. Quyển này được giải thưởng của bộ Thuộcđịa.

Đi sâu vào thâm ý của thực-dân, chúng ta sẽ thấy ngay thực-dân đã khôn khéo đánh lạc vấn-đề thế nào. Có một nguyên-nhân chính, trụ-cốt làm cho Nguyên phải chết tù đầy ở mạn ngược là

chính-sách độc quyền nấu rượu của Pháp thời thuộc-địa. Ai cũng biết nó dã-man khốn-nạn như thế nào rồi. Nếu Tây không độc quyền nấu rượu, nghĩa là nếu không có chế-độ thực-dân bóc-lột, thì làm gì có Tây đoan về làng bắt rượu lậu, và do đó không có chuyện bỏ bã rượu để vu vạ của Thục. Rồi đến Tòa án của Tây. Hễ bắt được người nấu rượu lậu, là đương nhiên phạt, không điều tra, xử án gì cả. Tòa án không phải để xử-kiện, nhưng để làm tiền mà thôi. Nguyên nhân đó, Jean Marquet không cho ta thấy và Phạm-Quỳnh cũng không.

Thực-sự cảnh khổ cực của người Việt-Nam dưới thời Pháp thuộc là do người Pháp gây ra. Nhưng dĩ-nhiên, Marquet không cho Nguyên thấy lý-do căn-bản đó. Cho nên tác giả mô tả Nguyên lúc nào cũng chỉ lo trả thù Thục, và càng gặp cảnh khổ thì càng căm thù Thục, như thể Thục là nguồn gốc mọi cơ cực của mình. Thậm chí đến lúc gần chết cũng chỉ lo không được về làng để trả thù Thục. Nguyên không thể thấy rằng Thục cũng chỉ là nạn nhân của một chế-độ (phong-kiến, thực-dân) như mình. Khi cãi nhau mà mang nhau đi kiện thì chỉ lợi cho quan tham nhũng. Khi xử oan thì không phải là vì Thục mà vì tòa-án thực-dân không nhằm bênh-vực quyền-lợi mình và cuối cùng khi bị tịch biên của cải, nhà cửa, bị chết rũ tù là vì tây độc-quyền rượu ty để chĩa lòng căm thù vào thực-dân, phong-kiến.

Ngày nay, đọc lại Jean Marquet, chúng ta dễ-dàng đi đến những nhận-định trên. Nhưng thời thực-dân, sự khôn khéo của thực-dân chắc không khỏi « *huyễn-diệu* » được nhiều người Việt-Nam bấy giờ mà vì hoàn-cảnh bị thực-dân ru-ngủ, chưa tới được một ý-thức chính-trị để nhận ra thực-chất của chế-độ thực-dân trong những lời nói hay, đẹp, lý-tưởng cao-cả của họ.

CHƯƠNG III

CHỖ YẾU MẠNH CỦA NHỮNG PHONG-TRÀO CÁCH-MẠNG VIỆT-NAM

Chế-độ thực-dân bó-buộc phải tạo ra những huyền-thoại để biện-hộ cho mình vì thực-chất của nó là một việc làm tha hóa con người, phản nhân-đạo, phi chính-nghĩa.

Thời-kỳ nó bước vào huyền-thoại là lúc nó gặp những khó-khăn, những đe-dọa có thể làm cho nó bị lung-lạc và suy-sụp. Nguồn-gốc khó-khăn của Thực-dân là những mâu-thuẫn của Chủ-nghĩa Đế-quốc : Mâu-thuẫn giữa các nước đế-quốc, mâu-thuẫn ngay trong lòng nước đế-quốc, mâu-thuẫn giữa thuộc-địa và đế-quốc. Cuộc chiến-tranh Nga-Nhật và hai cuộc thế-giới đại-chiến biểu-lộ những mâu-thuẫn đế-quốc làm suy yếu lực-lượng thực-dân, thuận-lợi hơn cả cho những phong-trào cách-mạng Việt-Nam. Sự đánh bại một đế-quốc Tây-phương của Nhật (1905), một nước phương đông đã làm cho giới nhân-sĩ Việt-Nam bừng-tỉnh và thúc-dục họ vùng-dậy trong một niềm tin-tưởng thực-dân không còn phải là một lực-lượng bất khả xâm-phạm, một thành-trì bất-diệt.

Hai trận thế-chiến (1914-1918 và 1939-1945) do sự mâu-thuẫn về quyền-lợi giữa các nước đế-quốc, đã làm cho các nước đế-quốc hoặc là bị kiệt-quệ, hoặc là bị suy-yếu, đồng-thời tạo điều-kiện thuận-tiện cho những cuộc khởi-nghĩa ở thuộc-địa bùng-nổ. Hơn nữa, vì quyền-lợi riêng, các nước đế-quốc còn có thể nâng-đỡ những lực-lượng chống thực-dân để đánh đổ đế-quốc mà họ thù ghét.

Nước Nhật, nước Tàu cho trú-ngụ, giúp-đỡ các phong-trào cách-mạng Việt-nam không phải là không có ý để gây được những ảnh-hưởng của mình sau này ở Việt-nam khi thực-dân Pháp đã bị đánh đuổi. Hoặc dù không nhằm gây ảnh-hưởng sau này đi nữa, thì cũng tạo ra được một yếu-tố làm suy yếu nước thù-địch. Chẳng hạn trong thời đại-chiến 1914-18, người Đức đã bắt đầu liên-lạc với các nhà cách-mạng Việt-nam ở Xiêm, trợ-cấp tiền để gây lực-lượng lật đổ chế-độ thực-dân Pháp ở Đông-dương.(1) Theo Phan-bội-

(1) Phan-Bội-Châu. Xuất bản Anh-Minh.Trang 174.

Châu, lãnh-sự Đức và Áo ở Xiêm có trao cho Mai-Sơn, người đại-diện của Cụ, một vạn bạc Xiêm chỉ để tỏ-ý muốn giúp-đỡ thôi và hứa rằng sau này nếu có gây được phong-trào thì sự giúp-đỡ sẽ quy-mô hẳn-hoi hơn. Người Đức thừa hiểu dù có giúp hằng triệu bạc đi nữa vẫn còn hơn là để Đông-dương tiếp-tế nguyên-liệu, gởi hằng vạn lính và gần 50 Triệu quan quốc trái cho nước Pháp để đánh nước Đức.

Nhưng thực-dân lo ngại những cuộc cách-mạng có tính-cách phản-đế, đặc-biệt là cuộc cách-mạng Tân-Hợi (1911) ở Trung-Hoa và cuộc cách-mạng tháng 10 (1917) ở Nga.

Trên phương-diện quốc-tế, những cuộc cách-mạng này đe dọa toàn-thể các nước đế-quốc, biến những phong-trào chống thực-dân ở thuộc-địa thành một phong-trào quốc-tế, đặt những cuộc vận-động cách-mạng dân-tộc thành những bộ-phận của một cuộc cách-mạng thế-giới, bằng cách gây lòng phấn-khởi, niềm hy-vọng và cung-cấp tư-tưởng, đường lối chỉ đạo, cùng những phương-tiện tranh-đấu (huấn-luyện cán-bộ, trợ-cấp tiền, khí-giới v.v...) cho những nhà cách-mạng ở thuộc-địa.

Những cuộc cách-mạng trên cũng tạo ra ngay trong lòng các nước đế-quốc những lực-lượng dân-chủ, xã-hội đối lập, luôn luôn tìm dịp tố-cáo và chống lại chính-sách thuộc-địa bằng những vận-động dư-luận, quần-chúng, dựa vào báo chí, sách vở hay bằng những tranh-đấu ở Quốc-hội, Nghị-viện.

Tuy nhiên, mối đe-dọa trực-tiếp mà thực-dân lo ngại là những phong-trào cách-mạng ở thuộc-địa. Có thể nói, từ khi người Pháp chiếm đóng ở Việt-Nam cho đến lúc chế-độc thực-dân cáo chung, không có thời kỳ nào thực-dân được nghỉ tay, không phải lo đàn áp những phong-trào chống Pháp vẫn kế tiếp nhau hoạt-động hoặc công-khai, hoặc bí-mật; hoặc trên mặt trận văn-hóa hoặc bằng võ-trang bạo-động.

Lịch-sử cách-mạng Việt-nam thời Pháp thuộc là một vận-động liên-tục và tiệm tiến của một phong-trào đối kháng càng ngày càng cao, càng ngày càng mạnh. Có những lúc cách-mạng bị

đàn-áp, tiêu diệt hầu như tan rã hẳn. Nhưng những đàn-áp của thực-dân càng khốc-liệt hiệu-nghiệm, những thất bại của cách-mạng càng đau đớn, chua xót càng làm cho phong-trào tiến về chiều sâu (giác ngộ ý-thức cách-mạng và đường lối tranh-đấu) và phát-triển về chiều ngang, (gây nhiều cơ sở trong nhiều tầng-lớp dân-chúng) do đó tạo điều-kiện cho một phát-động mới mãnh liệt hơn và nguy hiểm hơn cho thực-dân. Trước tình thế đó, thực-dân bó buộc phải tạo ra những huyền-thoại nhằm biện hộ cho chế-độ thuộc-địa. Trong chương hai, tôi đã giới-thiệu hai huyền-thoại chính người Pháp đã đưa ra thời Pháp thuộc. Nhưng có lẽ chúng ta không thể nghĩ một cách đơn giản là hai huyền-thoại trên phản-ảnh hai nhu cầu chính-trị ở hai giai đoạn nhất-định ; do đó, huyền-thoại « *Pháp-Việt đề-huề* » kế tiếp « *Huyền-thoại khai-hóa* » như thể bước vào giai-đoạn sau, thực-dân chỉ nói Pháp-Việt đề-huề mà không còn dùng huyền-thoại khai-hóa nữa. Sự thực, không thể phân-định hẳn thời kỳ cho hai huyền-thoại, nhưng nếu nói ở thời-kỳ này, thực-dân nhấn mạnh nhiều hơn vào huyền-thoại kia thì có lẽ đúng hơn.

Lý-do không thể phân-định thời-kỳ nằm ngay trong bản-chất của huyền-thoại. Huyền-thoại là lời **nói để mà nói**, nhằm huyễn-diệu người ta. Nó có thể không đưa đến hoặc chỉ đưa đến một vài tác-dụng có thể **đe-dọa** những chủ-đích thực-sự mà người dùng huyền-thoại muốn che dấu ; nhưng nó không tất-yếu đưa tới những tác-dụng cụ-thể **tiêu-diệt** những chủ-đích trên. Người Pháp lúc thì nói khai-hóa lúc thì nói Pháp-Việt đề-huề, ở chỗ này chủ trương chính-sách đồng-hóa ở chỗ kia lại đề ra chính sách hiệp-tác mà không ngại những chủ-trương có thể trái ngược nhau vì họ biết đó chỉ là những lời nói chủ-yếu nói để mà nói thôi. Cái thay đổi là huyền-thoại, nhưng cái không thể thay đổi mà không tiêu-diệt chế-độ thực-dân là những chính-sách gắn liền với quyền-lợi thiết-thực của chế-độ thuộc-địa, như dùng bạo-động để đàn-áp, chính-sách chia mà trị, lợi-dụng cái hèn yếu, duy-trì cái bạc nhược của người bản-xứ.

Dù người Pháp căn-cứ vào văn-hóa Việt-Nam hiểu theo nghĩa thấp kém để đưa ra huyền-thoại khai-hóa hay trái lại, đề cao nền

văn-hóa đó hiểu theo nghĩa tồn-cổ để biện-minh cho huyền-thoại Pháp-Việt đề-huề, thì đó chỉ là sự thay-đổi huyền-thoại chứ không phải thay đổi đường lối độc-nhất về văn-hóa có lợi cho họ là chính-sách ngu-dân, kìm hãm sự mở-mang và duy trì chí hèn yếu.

L. Marty, giám-đốc sở mật-thám phủ toàn-quyền, cộng-tác viên đắc-lực của Sarraut, Pasquier và những toàn-quyền khác, có lẽ là một trong số những người góp phần nhiều nhất vào việc dự thảo đường-lối chính-trị cao-cấp của các Toàn-quyền, một tay bắt-bớ, đàn-áp các phong-trào cách-mạng, còn tay kia tung ra những hội đoàn, như Khai-trí Tiến-Đức, những tạp-chí như Nam-phong, những ấu-trĩ-viên, câu-lạc-bộ để rêu-rao khai-hóa, và hiệp-tác thân-thiện...

Nhưng dù đưa ra huyền-thoại này, hay huyền-thoại kia, có một điều chắc-chắn là người Pháp phải dùng huyền-thoại. Sự bó-buộc tất-yếu này dựa vào một phân-tách tình-hình thế-giới và thuộc-địa của người Pháp, hay rõ-rệt hơn, là hệ-luận của việc đánh giá tính-cách trầm-trọng của tình-thế cho tương-lai thuộc-địa. Vậy cần phải tìm hiểu xem người Pháp đã nhìn và phê - phán những phong-trào cách-mạng Việt-Nam thế nào. Công việc tìm hiểu quan-điểm của người Pháp về cách-mạng Việt-nam sẽ cho chúng ta thấy được những ưu khuyết-điểm của họ đồng - thời cũng cho chúng ta nhận ra những ưu khuyết-điểm của những phong - trào cách-mạng Việt-nam.

Để hướng-dẫn việc tìm hiểu và phê-phán, thiết-tưởng có thể căn-cứ vào mấy điểm then-chốt sau đây :

1) Phân-tách thực-tại và đề ra chủ-nghĩa.

2) Những phương - thức hoạt-động : Chiến - thuật và chiến-lược ; tổ-chức đảng và vận-động cách-mạng.

Ở đây, nêu lên vấn-đề tài-liệu. Thật rất khó biết được hết sự thực của một nhà cách-mạng hay một phong-trào cách-mạng vì không có tài-liệu hay tài-liệu không đủ tin-cậy. Trong thời Pháp-thuộc, các đảng-phái đều phải hoạt-động bí-mật. Hoàn - cảnh tất-nhiên đó hạn-chế rất nhiều việc ghi-chú, biên-chép để tránh những tiết-lộ. Những tài-liệu nếu có cũng phải tiêu-hủy đi hay bị tịch-thu

khi phong-trào bị khủng-bố đàn-áp. Còn những người không tham-gia hoạt-động cách-mạng cũng không dám giữ trong nhà những giấy tờ, sách vở có thể làm cho mình bị liên-lụy vô-ích. Thành ra những sách biên-soạn về cách-mạng chúng ta có hiện nay hầu hết chỉ là những chứng-thư (témoignages) ghi chép những mẩu chuyện hay kể lại những sự việc có thể tin được nhưng chưa thể coi là đích - thực xác - đáng vì không dựa vào những sử - liệu chắc-chắn. Ít người như Phan-bội-Châu viết lại đời hoạt-động của mình, đồng thời cũng là phác-họa lại cả một thời-kỳ cách-mạng. Đạo đức của cụ có thể cho phép ta tin được những việc cụ đã làm và những hoạt-động của những phong-trào mà cụ đã kể lại trong cuốn « *Tự-Phán* » của cụ.

Những người làm cách-mạng, không phải là lãnh-tụ, có thể viết về cách-mạng nhưng tầm hiểu biết cũng bị hạn chế vì tổ-chức đảng và hoàn-cảnh sinh-hoạt bí-mật không cho phép biết hết mọi việc xảy ra hay những hoạt-động của các đồng chí khác... cho nên viết về lịch-sử cách-mạng rất khó vì không có tài-liệu đầy đủ và xác-thực. Thiếu tài-liệu đã là một khó khăn, còn vấp phải khuynh hướng « *Thần thánh-hóa* » các nhà cách-mạng. Nghe nói đến người cách-mạng, tự-nhiên chúng ta có thái-độ tôn-trọng, kính phục và bày tỏ thái-độ đó với tất cả những người làm cách-mạng như thể tất-cả các người đã làm cách-mạng đều phải tài giỏi và tài giỏi về mọi mặt, và tất cả những người xuất dương đều là những nhà cách-mạng. Khi còn chống Pháp, thái-độ đó rất cần và hơn nữa chúng ta cũng chưa đủ điều-kiện và thời giờ để phân-biệt vàng thau lẫn-lộn.

Ngày nay làm công-tác nghiên-cứu, chúng ta có thể thận-trọng hơn. Không phải là không còn tôn-kính các nhà cách-mạng. Trái lại, chính vì muốn tỏ lòng tôn-kính và bảo-vệ lòng tôn-kính của chúng ta đối với những nhà cách-mạng chân chính mà chúng ta phải tách các vị đó ra khỏi hàng ngũ những kẻ đột-lốt cách-mạng hay lợi dụng cách-mạng.

Ngay đối với những nhà cách-mạng chân-chính, chúng ta cũng có thể nhận định một cách thanh-bình để đánh giá đúng mức tài-năng và công-lao của họ. Đã hẳn, ai đã làm cách-mạng thật đều

đáng cho chúng ta tôn-kính vì tấm lòng yêu nước và không sợ hy-sinh của người đó. Nhưng không phải tất cả những người làm cách-mạng đều có tài đức cả và do đó đều đáng được tôn-kính như nhau. Có thể có nhà cách-mạng yêu nước nhiệt thành nhưng lại không có khả-năng lãnh-đạo hay ý-thức chính-trị cho nên bắt tay vào hoạt-động như phụ-trách tổ-chức Đảng, vận-động quần-chúng, đi ngoại-giao hay lãnh-đạo chính-quyền khi đã cướp được thì lại làm rất dở và hỏng cả, gây thiệt hại cho quyền-lợi chung. Căn cứ vào trường-hợp trên, khi nhận-định về những nhà cách-mạng mà chúng ta gọi là liệt-sĩ, đặt tên đường, định ngày kỷ-niệm để tưởng nhớ họ vì họ đã hy-sinh cho tổ-quốc trong một cử chỉ anh-hùng lúc còn trẻ, giả sử những liệt-sĩ vẫn sống và hoạt động lâu năm cho phong trào, hay hơn nữa, một ngày kia ra nắm chính-quyền, lãnh-đạo chính-trị, không biết họ có đủ tài-năng đức-độ để vẫn xứng đáng được gọi là những nhà cách-mạng, liệt-sĩ ? Tôi vẫn giữ một cảm-tưởng tiếc cho một vài nhà cách-mạng lão thành đã quá cố : giá họ chết sớm đi vì một hành-động anh-hùng lợi cho cách-mạng, có phải họ vẫn giữ được lòng tôn-kính và mến phục của nhiều người không ? Và chắc chắn là tên họ đã được đặt cho một con đường nào đó trên đất nước ?

Cho nên, do sự liên-đới với những nhà cách-mạng, chúng ta khó giữ được một thái-độ khách-quan khi nhận-định về cách-mạng. Trái lại người Pháp tránh được điều khó khăn đó nhưng lại có thể sa vào khuyết-điểm quá khinh địch, khinh-thường các nhà cách-mạng. Về tài-liệu bằng ngoại-ngữ, theo chỗ tôi được biết, hình như cũng chưa có một bộ sách nào nghiên-cứu và giới thiệu đầy đủ phong-trào cách-mạng Việt-Nam. Một số những cuốn sử viết về Việt-nam bằng tiếng Anh, Pháp xuất-bản gần đây cũng chỉ nói qua trong một chương và hình như đều dựa vào bộ : « *Đóng góp vào lịch-sử những phong trào chính-trị ở Đông Pháp do L. Marty soạn* (1). Bộ sách này dựa vào những tài-liệu của các cơ-sở

(1) Contribution à l'histoire des mouvements politiques de l'Indochine française. Gouvernement général de l'Indochine. Direction des affaires politiques et de la sûreté générale. 5 tomes. Viết năm 1933. Philippe Devillers, Lê thành Khôi, Chesnaux, trong những cuốn Histoire du Việt-nam ; Việt-nam, Histoire et civilisation. Contribution à l'histoire de la nation Vietnamienne đều có tham khảo bộ trên.

mật thám Pháp cho nên sự biên soạn có vẻ khá xác-thực và mạch lạc. Sở dĩ chúng ta có thể tin một phần nào vào bộ này vì L. Marty không nhằm mục-đích tuyên-truyền biện-hộ cho chế-độ thực-dân nhưng biên-soạn dưới hình-thức tài-liệu nhằm phổ-biến giới-hạn cho một số công-chức cao-cấp trong bộ máy chính-quyền thực-dân như thống-sứ công-sứ . . . để họ biết rõ mà đề-phòng đối-phó.

Đọc Marty, chúng ta sẽ thấy người Pháp nhận-định về từng lãnh-tụ và từng phong-trào thế nào, đồng-thời ở đôi chỗ phân-biệt những người làm cách-mạng thực-sự với những người lợi-dụng cách-mạng. Vậy thiết-tưởng có thể căn-cứ vào những phê-phán của Marty để tìm hiểu quan-điểm của người Pháp về cách-mạng Việt-nam vì ý-kiến của Marty phản-ảnh lập-trường **chính-thức** của chính-quyền Pháp bấy giờ và vì Marty có đủ tài-liệu khá xác-thực để biên-soạn phê-phán. (1)

Lịch-sử cách-mạng Việt-nam chống Pháp bắt đầu ngay từ sau khi quân Pháp chiếm ba tỉnh miền Đông Nam-kỳ cho đến cuộc chiến-tranh Việt-Pháp 1946-54 vừa qua. Xét về phương-diện hệ-tư-tưởng (Idéologique) có thể chia những phong-trào cách-mạng thành ba giai-đoạn.

Giai-đoạn đầu tiên gồm những cuộc khởi-nghĩa của nhân-dân Nam-việt, thường gọi là khởi-nghĩa Nam Trung sĩ, đến phong-trào Văn Thân ở Trung và Bắc-Việt sau cùng là những cuộc nổi dậy của các thổ-hào và đồng-bào địa-phương.

Giai-đoạn thứ hai bắt đầu từ Duy-Tân hội, Phong-trào Đông du, Đông-kinh nghĩa-thục ; Việt-nam Quang-phục-hội, đến Việt-nam Quốc-dân đảng.

---

(1) Trong cuốn Contribution à l'histoire de la nation Vietnamienne. Chesnaux khi nhắc tới bộ sách của Marty đã chú-thích : những điều hiểu biết của họ (chỉ sở mật thám) thường rất chính xác chứng tỏ những tổ-chức quốc-gia bí-mật đã để cho sở Mật-thám len-lỏi vào đến mực nào. trg 213.

Giai-đoạn thứ ba, gồm những phong-trào bắt nguồn từ chủ-nghĩa Mắc-xít, Lê-nin. Căn-cứ vào hệ-tư-tưởng, nên có thể không xét vấn-đề những giai-đoạn có phải kế tiếp nhau hay không ? Chẳng hạn trường-hợp Việt-nam Quốc-dân đảng và Cộng-sản đảng đều cùng hoạt-động vào một thời-kỳ nhưng có hai căn-bản tư-tưởng khác hẳn nhau.

GIAI - ĐOẠN I

HỆ TƯ-TƯỞNG QUÂN-CHỦ PHONG-KIẾN

Đặc-điểm trội-bật nhất của giai-đoạn cách-mệnh này là tinh-chất thuần - túy chống xâm - lăng. Từ những thân-hào trong Nam như Trương-công-Định, Nguyễn-Trung-Trực, Thủ - Khoa - Huân, đến những văn thân ngoài Trung, Bắc - kỳ như Phan - đình - Phùng, Nguyễn-thiện-Thuật, Đinh-công-Tráng, hoặc nông-dân như Hoàng-hoa-Thám đều cùng nhằm một mục-đích là đánh đuổi quân Pháp để khôi-phục lại nền quân-chủ và xã-hội cũ.

Thành-phần lãnh-đạo những cuộc nổi dạy chống Pháp là những hào-mục, quan lại đã về hưu hay tại chức, sĩ-phu hãy còn tinh-thần ái-quốc và chí-khí quật-cường. Thực ra họ chỉ là một số nhỏ trong tầng-lớp quan lại tiêu-biểu cho một chế-độ đã mục nát suy-yếu lắm rồi lúc người Pháp sang xâm-lăng. Cho nên khi Pháp đã bình-định xong và thiết-lập guồng máy cai-trị bọn vua quan phong-kiến đầu hàng này lại được ngồi đâu vào đấy với chủ mới, hơn nữa còn được chủ mới che chở bảo - vệ bằng súng ống tối-tân và văn-minh Tây-phương. Trừ một thiểu - số còn giữ được khí-thế nho-phong, đã tự-động đứng lên chiêu - mộ nghĩa-binh, phối - hợp với quân triều - đình còn sót lại để tiếp - tục đánh giặc.

Họ là những người thiết-tha yêu nước nhưng vẫn theo quan-niệm trung-quân bài ngoại.

Họ không bao giờ tìm hiểu tại sao ta mất nước và tại sao nước Pháp sang xâm-lăng nước ta. Đối với họ, việc người Pháp sang xâm-chiếm nước nhà cũng chẳng khác gì nước Tàu ngày xưa...

Do đó, họ chỉ thấy bổn-phận đánh đuổi xâm-lăng, lập lại triều-đình như ông cha đã làm trong những lần nước ta bị người Tàu xâm-lăng.

Tuy mục-tiêu là khôi-phục lại triều-đình, nhưng lý-tưởng là cứu nước, dành lại độc-lập, cho nên những cuộc khởi - nghĩa do Văn Thân lãnh-đạo vẫn thu-hút được một số đông nhân-dân tham-gia. Bị giặc Pháp tàn phá trong khi đi bình-định, nhân-dân dễ căm thù người Pháp và gia-nhập nghĩa-quân hoặc đóng thuế, tiếp-tế lương-thực cho nghĩa quân.

Những cuộc khởi-nghĩa thường lợi-dụng những vùng có núi rừng hiểm-trở để lập căn-cứ hay thiết lập những công sự vững chắc (Ba đình) để chống lại với quân Pháp.

Nhưng dù có địa-thế hiểm yếu và đã biết áp-dụng phần nào chiến-thuật du-kích để có thể đương đầu với một lực-lượng đối phương mạnh hơn gấp trăm nghìn lần, những cuộc khởi-nghĩa này đôi khi cầm cự dai dẳng được khá lâu, cuối cùng cũng phải thất-bại.

Xét về chiến-thuật võ khí thì thô-sơ, lại không biết thống-nhất lãnh-đạo, nên thường bị đẩy vào thế cô-lập phân tán để sau cùng bị tiêu-diệt từng bộ-phận một; đàng khác cũng chưa biết tổ-chức phong-trào nên không tạo được những điều-kiện phát-triển thế-lực mà trái lại cứ bị hao mòn dần-dần về binh-sĩ, quân nhu và lương-thực cho đến lúc kiệt quệ hẳn.

Về chiến lược, không thiết lập được những kế-hoạch cầm cự và phản công chuyển từ một cuộc khởi-nghĩa địa-phương đến một cuộc chiến-tranh toàn-dân chống ngoại xâm.

Về hệ-tư-tưởng, không thấy được những nguyên-nhân sâu xa làm cho dân-tộc suy yếu và chính thể bạc nhược, đồng thời cũng không nhận ra được sự khác biệt quan-trọng về thực-chất giữa những cuộc xâm-lăng ngày xưa và cuộc xâm-lăng trước mắt ngày nay của thực-dân Pháp. Do đó đã chỉ thấy lý-tưởng là nền quân-chủ dựa trên xã-hội cũ và một con đường để trung quân cứu-quốc

là quân-sự với những chiến-thuật cổ-điển, lỗi thời; cho nên dù có chiến đấu anh dũng đến đâu đi nữa, rút cục cũng phải đi đến thất bại mà thôi.

GIAI-ĐOẠN II

HỆ-TƯ-TƯỞNG PHẢN-ĐẾ, BÀI PHONG CÓ TÍCH-CÁCH HÌNH-THỨC

Bước vào đầu thế-kỷ hai mươi, cuộc vận-động giải-phóng dân-tộc chuyển sang một giai-đoạn mới.

Trước những thất bại của cha anh trong các phong-trào văn thân cần vương, các sĩ phu yêu nước nhận thấy rằng cần phải tìm một đường lối tranh-đấu khác. Nhờ được tiếp-xúc với những tư-tưởng mới từ Trung-Hoa và Nhật-bản truyền sang, và được thấy ngay những hậu-quả của những tư-tưởng đó tức là chiến thắng của Nhật năm 1905 và cuộc cách-mạng Tân-Hợi (1911) các bậc sĩ-phu đều bừng tỉnh, nhận ra rằng muốn đánh đuổi được người Pháp cần phải noi gương Nhật-Bản và Trung-Hoa, nghĩa là cần phải gây dựng một phong trào « *duy-tân* » căn-cứ vào những tư-tưởng tiến-bộ.

Đó là một sự **chuyển-biến về hệ-tư-tưởng lần thứ nhất** so với những phong trào Cần-vương trước kia. Lần đầu-tiên trong ý-định chống Pháp, các sĩ-phu đặt vấn-đề chế-độ. Nếu gọi cách-mạng là một nỗ lực thay đổi chế-độ xã-hội kèm theo việc lật đổ chính-quyền thì chỉ những phong trào từ giai-đoạn hai này mới là cách-mạng thật sự. Còn những phong trào thời cần-vương chỉ là những phong-trào chống Pháp thôi (1). Các sĩ-phu nhờ ảnh hưởng những tư-tưởng, Khang, Lương, cách-mệnh Tân-hợi, đã nhận thấy nguyên-nhân sự kém cỏi hèn yếu của đất nước trước sức-mạnh của thực-dân, và chính chế-độ phong-kiến quân-chủ là nguồn gốc sự kém cỏi, hèn yếu kia. Do đó, muốn khởi-nghĩa chống Pháp có kết quả, trước tiên phải **vận-động cách-mạng**, phải duy-tân đã. Đó là chỗ **tiến-bộ** của những phong trào duy-tân so với phong-trào cần-vương.

---

(1) Theo nghĩa rộng, chúng ta vẫn gọi tất cả những người hoạt-động chống Pháp là làm cách mạng.

Những phong-trào cách-mạng ở giai-đoạn hai này có thể mặc hai hình-thức.

1— Hình thức vận-động giáo-dục văn-hóa thuần-túy : Đông-du, Đông-kinh nghĩa-thục.

2— Hình-thức hoạt-động tranh-đấu : các hội, các đảng từ hội Duy-tân đến Việt-Nam quốc dân-đảng.

Nhưng vận-động văn-hóa tranh-đấu đảng-phái cũng đều dựa trên một căn-bản tư-tưởng giống nhau bài phong-kiến, dân-tộc và dân chủ.

A.— NHỮNG CUỘC VẬN-ĐỘNG VĂN-HÓA GIÁO-DỤC

● *Phong trào Đông Du.*

Xuất phát từ nhận-định phải theo gương Nhật-Bản, thực hiện duy-tân, một số sĩ-phu gồm những cụ Tăng-Bạt-Hổ, Phan-bội-Châu, Nguyễn-thượng-Hiền, Nguyễn-Quyền... sau mấy buổi thảo-luận, thỏa-thuận thành-lập phong-trào Đông-du, nghĩa là việc cổ-động thanh-niên trong nước sang du học bên Nhật về văn-hóa, quân-sự để chuẩn-bị sau này làm khởi-nghĩa cướp chính-quyền. Phong trào Đông-du cũng còn một một mục-đích là mở một đường ngoại-giao với Nhật-Bản để cầu-viện.

Nhưng khi Phan-bội-Châu sang Nhật, được gặp Lương-Khải-Siêu để trình-bày việc cầu-viện, họ Lương cho biết chỉ nên trông vào thực-lực của mình, và đừng mong vào ngoại-viện của Nhật, cùng lắm Nhật-Bản có giúp thì chỉ ủng-hộ về đường ngoại-giao. Thế là mục-đích cầu-viện không thành. Chỉ còn con đường hô-hào thanh-niên xuất-dương học-tập. Quãng từ 1907 đến 1908 là thời-kỳ phong-trào Đông-du hoạt-động mạnh nhất, kêu gọi được nhiều người giúp đỡ tài-chính và đưa được nhiều học sinh sang Nhật.

Nhưng thực-dân Pháp nhận ra chủ-đích của phong-trào và tìm cách đàn-áp. Một đàng họ cưỡng-ép phụ-huynh gọi con em về, một đàng điều-đình với chính-phủ Nhật, đề-nghị nhường một số quyền-lợi về buôn-bán ở Đông-dương với điều-kiện chính-phủ Nhật trục-xuất những người Việt-nam ra khỏi Nhật-Bản.

Hiệp-ước Pháp-Nhật được ký-kết. Tổ-chức học-sinh bị bộ nội-vụ Nhật giải-tán và các học-sinh phải đuổi ra khỏi nước Nhật. Dần dần các lãnh-tụ phong-trào như Phan-bội-Châu, Cường-Để cũng bị trục-xuất nốt. Phong-trào tan-rã.

Nói cho đúng, Phong-trào Đông-du mới chỉ nhận-thức được muốn chống thực-dân, phải lo giáo-dục trước đã, và quyết-định gửi học-sinh du học thế thôi, chứ không hề đặt vấn-đề học **cái gì**. Các vị lãnh-đạo phong-trào chỉ biết rằng ta kém, phải đi du-học, để về làm khởi-nghĩa, mà không đặt vấn-đề chủ-nghĩa gì cả như chính Phan-bội-Châu đã thú-nhận

« Y như hai kế-hoạch trên (liên-kết đảng-viên cần-vương cũ, tìm người Hoàng-Thân) có nhờ đến ngoại-viện thì phải một phen xuất-dương cầu-viện, nhưng mục-đích cốt ở khôi-phục Việt-Nam, đặt một chính-phủ độc-lập ; trừ ngoài ấy ra chưa có chủ-nghĩa gì khác nữa » (1).

Đối với Phan-bội-Châu, linh-hồn của những phong-trào hồi đó, mối bận tâm chủ-yếu là hướng về chiến-thuật mà thôi. Cụ chưa nghĩ đến chủ-nghĩa, bài phong hay dân-chủ ; Cũng như Cần-vương, chỉ lo đánh đuổi Pháp đã, chỉ khác với Cần-vương là thay vì bạo-động ngay, cụ muốn có sự sửa-soạn dân-trí và đào-luyện nhân-tài.

Việc đưa Cường-Để ra thực-sự đối với cụ đó chỉ là một con bài, một chiến-thuật, chứ không phải vì mục-đích khôi-phục lại nền quân-chủ theo chủ-nghĩa tôn-quân và trung-quân như Cần-Vương. Cụ đưa Cường-Để ra vì cho rằng lúc đó dân còn tin ở vua, cho nên cụ lợi-dụng danh-nghĩa đó để vận-động cách-mạng mà thôi. Không có ý lập lại quân-chủ, cũng chưa bài-phong hẳn, nghĩ đến dân-chủ. Đó là tư-tưởng ở giai-đoạn đầu cuộc đời cách-mạng của cụ. Về sau, tư-tưởng của cụ biến-đổi thiên về bài-phong, dân-chủ, dân-tộc rõ-rệt.

● *Phong-trào Đông-kinh Nghĩa-thục.*

Trái với phong-trào Đông-du, nhằm thực-hiện duy-tân bằng cách gửi học-sinh đi du-học nước ngoài, phong-trào Đông-kinh

(1) Tự phán. Anh Minh xuất-bản. trg 29.

nghĩa-thục chủ-trương giáo-hóa dân chúng ngay ở trong nước để bước lên đường canh-tân. Một số nhà nho, đứng đầu là Lương-văn-Can hợp-tác với mấy thanh-niên tân-học như Phạm-duy-Tốn, Trần-đình-Đức... mở một nhà trường hợp-pháp để dạy học không thu học phí ở Hà-nội năm 1907. Tổ-chức quy-tụ được một số đông những người có uy-tín lúc bấy giờ và những hoạt-động của hội, tuy chưa đầy một năm, đã gây được dư-luận sôi-nổi của một phong-trào công-khai.

Hội cũng không phải chỉ hạn-chế hoạt-động vào việc dạy học, mà còn tổ-chức những buổi diễn-thuyết, thành-lập những ủy-ban trước tác tài-liệu giáo-khoa hoặc tài-liệu tuyên-truyền cổ-động cho việc cải-cách xã-hội dựa vào những tư-tưởng mới từ Trung-quốc truyền vào...

Cho nên, có thể gọi phong-trào Đông-kinh nghĩa-thục là một cuộc vận-động cách-mạng về văn-hóa và xã-hội đầu-tiên theo một quy-mô rộng lớn và được tổ-chức một cách khá chặt-chẽ, khoa-học.

Như đã nhận-định ở trên, các nhà lãnh-đạo phong-trào Đông-Du, tuy đứng trên lập-trường dân-tộc để chủ-trương duy-tân, cứu quốc, nhưng chưa đặt hẳn vấn-đề chế-độ, nghĩa là đối với vấn-đề hệ-tư-tưởng chưa dứt-khoát chống xã-hội cũ. Trái lại, các nhà lãnh-đạo Đông-kinh nghĩa-thục không hề nghĩ đến việc cầu-viện để cứu nước. Nhận-định thực-trạng nước nhà, họ thấy nguyên-nhân sâu-xa sự hèn-kém của ta là ở chế-độ quân-chủ, ở hệ-tư-tưởng phong-kiến là nền-tảng của chế-độ đó, cho nên việc đầu tiên phải làm là đả-kích hệ-tư-tưởng phong-kiến, thực-hiện một cuộc cách-mạng văn-hóa, xã-hội, đánh đổ những niềm tin-tưởng lỗi-thời và những tập-quán phong-tục cổ-hủ. Phong-trào Đông-kinh nghĩa-thục có tính-cách bài phong rõ-rệt và đối với những nhà lãnh-đạo, chống phong-kiến, làm cách-mạng văn-hóa xã-hội, chính là con đường đưa tới chống thực-dân, là phương thức tranh-đấu dành lại độc-lập.

Cuộc vận-động cách-mạng về tư-tưởng nhằm mấy điểm chính sau đây

1— Đả-kích thái-độ hủ nho.

Nước đã mất, guồng máy thống-trị thực-dân đã đặt xong và chạy đều mà phần đông các cụ hủ nho vẫn không thừa nhận sự thất-bại của mình. Để che dấu sự thất-bại, các cụ tẩy chay việc hợp-tác với Pháp và rút lui về một thái-độ phủ-nhận tiêu-cực để chứng-tỏ rằng mình không đầu hàng. Sở-dĩ các cụ nho này cố-chấp như vậy — một sự cố-chấp vô-ích, là vì đã không thể thoát ra khỏi được hệ-tư-tưởng phong-kiến : các cụ vẫn tiếp-tục tin-tưởng chỉ luân-lý nho-giáo mới là rường cột quốc-gia, nho gia mới là văn-minh còn người ngoài là man rợ, chỉ xưa mới là phải, nay là quấy... Nhưng chính-sự tự-cao tự-đại này mà nhà nho tưởng là chính đạo thực ra là một thái-độ phi-đạo hơn hết : **khinh người và không chịu nhìn nhận người khác.** Chính sự chật hẹp, cố-thủ, khép kín này đã là nguyên nhân làm cho nước kém dân ngu.

Được tiếp xúc với những tân thư như Dân ước luận của Rousseau, vạn pháp tinh lý của Montesquieu, Trung quốc hồn, Ẩm bang thất của Lương-khai-Siêu, Khanh-Hữu-Vi, các nhà nho chủ-trương Đông-kinh nghĩa thục nhận định đám hủ nho này là một chướng ngại-vật lớn trên đường cạnh-tân. Do đó, trước hết cần phải chĩa mũi dùi đả-kích vào thái-độ cố-chấp, bảo-thủ của họ. Những bài như « *Điếu hủ nho, Tế sống hủ nho* » được soạn ra nhằm đánh đổ quan-niệm « *duy ngã độc-tôn* », « *Khổng mạnh ngô tổ sư, Hán đường ngô đế-quốc* », để cho bọn sĩ-phu này mở mắt ra, biết người biết ta, tạo điều-kiện cho một nhận-thức nghiêm-chỉnh, khởi-điểm của công cuộc duy-tân.

« *Vì coi mình là văn-minh, người ngoài là man rợ, nên không đếm xỉa đến chính thuật, kỹ - nghệ và tài-năng của nước khác.*

Vì quý vương rẻ bá, nên không thèm bàn đến máy móc khéo léo, sự - nghiệp giàu mạnh của nước ngoài.

Vì cái gì cũng cho xưa là phải, nay là trái, nên không chịu xem xét đến nghị-luận có kiến-thức của người sau ».

2— Cải-tạo học-thuật, giáo-dục.

Muốn cải-tạo tư-tưởng, tiêu-diệt tinh-thần tự-mãn, tự-phụ lạc-hậu, cần phải chống nạn khoa-cử lối học từ chương... Đối với các cụ Đông-kinh nghĩa-thục, học-tập không còn phải là ê a, nhai đi lập lại những chữ thánh-hiền và nhắm mắt sùng-bái không dám thay đổi một chấm phết, còn thi cử không phải là sao lại thuộc lòng kinh-điển, nhưng là « *phải cho phép bàn-bạc tha hồ, đối đáp tự-do không nề hà, không cần thể cách gì hết* » (Văn-minh tân học sách).

Tóm lại, chống lối học giáo-điều, kinh-viện, chi hồ, giả, dã, chống tinh-thần học cử nghiệp, nuôi mộng « *vỗng-đào, vỗng-tía nghênh-ngang* », thăng-quan tiến-chức, chống nội-dung học chữ, từ chương để hướng về lối học thảo-luận phê-phán, tinh-thần trách-nhiệm, mục-đích đào-tạo nhân-tài làm cho nước giầu mạnh và về nội-dung học thực-nghiệp, khoa-học kỹ-thuật.

3— Cổ-động học Quốc-Ngữ.

Theo các cụ nho, chữ quốc-ngữ là do thực-dân tạo ra và đã là công-cụ xâm-lược của họ, nên các cụ tẩy chay việc học thứ chữ « *quằn-quèo* » đó và vẫn tiếp-tục dạy chữ nho cho con em.

Nhận thấy tính-cách phổ-thông, dễ học, đơn giản của chữ quốc-ngữ, các cụ nho Đông-kinh nghĩa-thục đã sáng-suốt coi việc truyền bá chữ quốc-ngữ là một trong sáu điều thuộc cương lĩnh hoạt-động của hội.

« Chữ quốc-ngữ là hồn trong nước
Phải đem ra tính trước dân ta
Sách các nước, sách china
Chữ nào nghĩa ấy dịch ra cho tường ».

Đi song song với công tác dạy chữ quốc-ngữ để « *học cho mau biết, cho tiến kịp trên bước đường độc-lập, văn-minh* », các cụ còn dự thảo đặt một nền-tảng cho văn-học nghệ-thuật cận-đại Việt-Nam. Các cụ đề ra công tác xây-dựng **câu văn xuôi** và bắt đầu bằng cách dịch các sách Tây-phương. Một số những danh-từ mới được dịch từ tiếng nước ngoài như cách-mệnh, kinh-tế, trừu-

tượng, cụ-thể v.v..., nhằm làm giầu ngôn-ngữ và văn-học nghệ-thuật Việt-Nam. Ngoài ra các cụ cũng chú-trọng đến việc hiệu-đính lại những sách vở cũ như Khâm-định Việt-sử cương-mục ; Thực-lục, Liệt-truyện, Địa-dư chí..., đề cao việc học Nam-sử, nghiên-cứu vốn văn-hóa cũ để « *từ đó, mà biên-soạn sáng-tác thêm ra những sách mới* ».

4— Cải-tạo xã-hội.

Đông-kinh nghĩa-thục không phải chỉ là một công-cuộc vận-động văn-hóa, mà còn là một vận-động cải-tạo xã-hội : khuyến-khích óc thực-nghiệp, kinh-doanh và nhất là gây phong-trào đời-sống-mới ở nông-thôn cũng như thành-thị : chống lại hương-ẩm, nạn sôi thịt « *Một miếng giữa làng bằng một xàng xó bếp* », những thói xấu như chè, hồ, bài, lá, đồng bóng quàng xiên, những phong-tục cổ-hủ, lỗi-thời ; Tiêu-biểu hơn cả cho lối sống cũ là giữ búi tó củ hành. Cho nên phong-trào vận-động lối sống mới cũng tấn-công mạnh nhất vào việc để tóc.

Tay trái cầm lược
Tay phải cầm kéo
Húi hề, húi hê
Thủng thẳng cho khéo
Bỏ cái ngu này
Bỏ cái dại này
Ăn ngay nói thẳng
Học mới từ đây.

Bài ca cổ-động hớt tóc trên được truyền đi khắp nơi. Cắt búi tóc có nghĩa là tiến-bộ, là thoát-ly không những với một nếp sống cũ, mà còn là tuyệt giao với cả một hệ-tư-tưởng, vì búi tó củ hành là một tục dựa vào quan-niệm coi da tóc do cha mẹ ban cho, con cái không được quyền hủy-diệt đi, và nếu động đến tức là phạm-tội bất-hiếu.

Phong-trào Đông-kinh nghĩa-thục là hợp - pháp công-khai, nên bành-trướng rất mau và gây được ảnh-hưởng càng ngày càng lớn. Nhận thấy công cuộc vận-động văn-hóa, xã-hội này ở ngoài sự kiểm-soát của mình, và nhất là nó lại nhằm chống thực-dân

trong chủ-trương văn-hóa và tuyên-truyền cách-mạng như những loạt bài kêu gọi lòng ái-quốc, lên án chính-sách thực-dân (bài Thiết Tiền Ca của Nguyễn-phan-Lảng), thực-dân không thể để yên cho phong-trào tha-hồ hoạt-động. Tháng 12-1907, Trường Đông-kinh nghĩa-thục bị đóng cửa và phong-trào bị dập tắt.

Xét chủ-đích và cương-lĩnh hoạt-động của Đông-kinh nghĩa-thục, người ta thấy rõ tính-cách bài-phong của hội. Nhưng vì là một tổ-chức công-khai, nên các nhà lãnh-đạo không thể trực-tiếp đả-kích nhà nước phong-kiến, cầm đầu là bọn vua quan đã đầu-hàng và cấu-kết với thực-dân. Đó là chỗ hạn-chế của hội so với một tổ-chức bí-mật. Tuy-nhiên nếu hội khéo-léo hơn, không để lộ chân tướng chống Pháp rõ-rệt quá, thì chắc-chắn hội sẽ gây được những ảnh-hưởng sâu rộng vì sự đả-kích phong-kiến nhằm vào chính hệ-tư-tưởng, tinh-thần và tổ-chức đã đẻ ra xã-hội phong kiến và bọn vua quan đầu hàng.

Đó là điểm mà thực-dân Pháp lo sợ. Họ rút kinh-nghiệm không thể bỏ rơi mặt trận văn-hóa, giáo-dục trong việc đàn-áp, duy-trì thuộc-địa ; phải thay đổi chính-sách giáo-dục, phải nắm lấy những hoạt-động văn-hóa để không bao giờ một Đông-kinh nghĩa-thục thứ hai có thể tái-diễn.

Sự lo sợ của thực-dân Pháp chứng-tỏ phong-trào có một tầm quan-trọng như thế nào. Đây là một cuộc vận-động cách-mạng văn-hóa xã-hội, giáo-dục nhằm lật-đổ chính-quyền thực-dân và thủ-tiêu chế-độ phong-kiến. Một phong-trào như thế lẽ nào không làm cho người Pháp lo sợ. Các người lãnh-đạo đã căn-cứ ngay vào chính-sách khai-hóa mà người Pháp đang rêu-rao để gây-dựng phong-trào, đánh địch ngay trên đất của địch : mở trường theo lối hiện-đại (dạy thực-nghiệp, tiếng Việt, tiếng Pháp, chữ hán).

— Xây dựng văn-hóa mới, truyền-bá tư-tưởng tiến-bộ, cách-mạng.

— Cổ vũ phong-trào cải-tạo đời sống xã-hội.

Dĩ-nhiên, người Pháp phải đập chết phong-trào ; nhưng họ không thể để một lỗ hổng như vậy. Họ cũng lập trường học

cho ra báo chí để dật lại những khí-giới từ tay kẻ thù của họ, làm công cụ phục-vụ thực-dân.

Người Pháp mở trường đại-học, cho xuất-bản tờ Đông-dương tạp-chí (1913) và sau đó Nam-Phong tạp-chí (1917). Đường lối của Nam-phong giống hệt chủ-trương của Đông-kinh nghĩa-thục : cũng lấy quốc-ngữ làm phương-tiện truyền-bá, cũng đề-cao, nhằm phát-triển nó, cũng dịch-thuật tư-tưởng Tây-phương, giới-thiệu khoa-học kỹ-thuật, cũng duy-trì vốn cũ và phát-huy nó bằng cải-biên. Chỉ khác về **chủ-đích** và **tinh-thần**. Đông-kinh nghĩa-thục giới-thiệu tư-tưởng mới để thức-tỉnh cách-mạng, Nam-Phong để làm cho quên cách-mạng.

Nói cách khác, **Nam-Phong là Đông-kinh nghĩa-thục của thực-dân** ; đã hẳn trong khi nhằm phục-vụ cho chính sách văn-hóa của người Pháp, Nam-phong cũng góp phần vào việc làm giầu quốc-ngữ và để lại một số thành-tích văn-hóa. Nhưng không thể từ sự công-nhận đó đi đến hai kết-luận mà nhiều người vẫn còn coi như là hiển-nhiên khi bàn về văn-học thời-kỳ nầy :

1) Phạm-Quỳnh là ông tổ của văn-học cận-đại, Nam-phong và Đông-dương tạp-chí là tiền-phong trong công cuộc truyền-bá và phát-huy chữ quốc-ngữ (1).

2) Giả sử không có Đông-dương và Nam-phong tạp-chí, thì văn-học thời đó phải qua một chỗ trống và sẽ rất nghèo nàn.

Tôi để dành việc đi sâu vào vấn-đề này trong cuốn sau. Ở đây, tôi chỉ muốn nhận định vắn-tắt đó là một nhầm lẫn nghiêm trọng về văn-học-sử.

Đặt vấn-đề vào trong bối-cảnh lịch-sử lúc đó, trong cuộc giao tranh giữa ta và địch về văn-hóa thời đó, chúng ta thấy rõ

---

(1) « Chúng tôi rất cảm kích những người đứng ra bênh vực nhà văn Phạm-Quỳnh mà chúng tôi vẫn gọi là ông tổ của văn-học cận đại », trg. 156. Tạp chí Văn-học Số 3. Thanh-Lãng.

ràng nếu Đông-kinh nghĩa-thục không bị cấm và cứ được tự-do phát-triển thì chúng ta sẽ phải bó buộc kết-luận :

1.– Về văn-hóa.

Chữ quốc-ngữ sẽ được truyền-bá mau lẹ, nền văn-học sẽ phát-triển mạnh-mẽ và phong-phú gấp trăm lần Nam-Phong; đồng thời cũng không đẩy những Nguyễn-văn-Vĩnh, Phạm-Quỳnh có chân trong Đông-kinh nghĩa-thục đến chỗ làm tay sai văn-hóa cho Pháp. Đông-kinh nghĩa-thục đã quy tụ được hầu hết nhân-sĩ (nho học, tân học) lúc đó, lại biết làm kinh tài, có Trường để phổ biến. Mới mấy tháng mà phong-trào đã lan cả vào Trung, gây sôi-nổi hào hứng... Vậy không có lý gì cho rằng văn-học Việt-Nam sẽ phải nghèo nàn nếu không có Nam-Phong; ngược lại có thể nói chính Nam-Phong, vì là một công cụ của Pháp đã làm cản trở hay hạn chế sự phát-triển mãnh-liệt của Đông-kinh nghĩa-thục. Cho nên, nếu không có Nam-Phong, Đông-Dương tạp chí, và Đông-kinh nghĩa-thục vẫn được tự-do hoạt-động thì cả một giai-đoạn văn-học chẳng những không trống rỗng, thiếu sót mà còn phong-phú giầu có đến thế nào. (1)

---

(1) Nhưng giả-sử Pháp không cho ra Nam-Phong, thì văn-học lúc đó chắc hẳn sẽ nghèo nàn ? Đúng, nhưng không phải vì không có ai làm văn-hóa, mà vì người Pháp cấm không cho làm văn-hóa. Nói cách khác, nguyên-nhân bị nghèo nàn có tính-cách chính-trị, không phải văn-hóa. Thực-sự, người Pháp không thể không cho ra một cái gì để thay thế cho Đông-kinh nghĩa-thục ; vì người Pháp nói khai-hóa mà lại cấm những hoạt-động khai-hóa, và chính mình không làm, đó là điều không thể để như vậy được. Bó buộc họ phải mở trường, cho ra báo thực-hiện chương-trình Đông-kinh nghĩa-thục, chỉ khác một điều là nhằm một chủ-đích lợi cho họ. Nhưng cũng phải nhận sở-dĩ bây giờ ta còn nói tới Đông-Dương và Nam-Phong tạp chí là vì Nguyễn-văn-Vĩnh và Phạm-Quỳnh là người có tài, và đã đem cái tài đó ra làm văn-hóa thực, dù là làm trong chính-sách của địch. Trong thời Pháp thuộc, người Pháp đã nâng đỡ và cho ra nhiều tờ báo khác mà bây giờ chẳng ai biết hay để ý tới vì những người nhận tiền không có tài, hay chẳng muốn làm thực-sự.

Đúng như Thiếu Sơn nhận-định (1), không thể bác luôn một cái cầu từ Trương-Vĩnh-Ký, Huỳnh-tịnh-Của đến Đông-Dương tạp-chí và Nam-Phong tạp-chí. Làm như vậy tức là bỏ sót một biến cố quan-trọng : Phong trào Đông-kinh nghĩa-thục. Đây là bài tự thú của một người đã có thời bị mê hoặc, đã thần-thánh hóa người chủ bút Nam-Phong do đó đã góp phần vào việc mê hoặc nhiều người mà ngày nay còn chưa thức tỉnh. Những thay đổi của thời cuộc trong mười mấy năm qua đã làm cho ông giác ngộ và nhận ra sự-thực.

Vậy không thể nhầm lẫn gán cho Phạm-Quỳnh là ông tổ văn-học cận-đại và hai tờ tạp-chí của người Pháp lập ra là tiên-phong trong công-cuộc truyền-bá chữ Quốc-ngữ. Chính các vị lãnh-đạo Đông-kinh nghĩa-thục mới thật sự là bậc tiền bối, là ông tổ văn-học cận-đại của chúng ta (2).

2— Về xã-hội.

Chúng ta có thể tin rằng phong-trào Đông-kinh nghĩa-thục phải đưa đến một cuộc cách-mạnh như cuộc cách-mạng Tân-Hợi (1911) bên Tàu, nếu nước ta không bị đô-hộ.

Ai nấy đều biết bên Tàu cũng có một phong trào cải lương như ở bên ta. Nhưng vì nước Tàu, tuy bị các nước đế-quốc chia

---

(1) Phổ-thông số 86 (15-8-62). Đông-kinh nghĩa-thục trong văn-học-sử Việt-Nam.

(2) Sự nhầm lẫn này bắt nguồn từ những cuốn văn-học-sử đầu tiên trong thời Pháp thuộc. Hoặc vì không nhận ra, hoặc vì không nói được, nên các tác-giả những sách vở trên đã bỏ qua một vốn văn-học cận-đại khá phong-phú là văn-học cách-mạng. Chẳng hạn trong bộ nhà văn hiện-đại, tập 1, Vũ-ngọc-Phan giới-thiệu những nhà văn tiền-phong sau Trương-vĩnh-Ký nói đến Đông-dương tạp-chí ngay. Bây giờ đáng lẽ phải vạch ra những chỗ hạn-chế của những cuốn như Nhà Văn Hiện-Đại, Việt-Nam Văn-học Sử Yếu của Dương-Quảng-Hàm, Việt-Nam sử-lược của Trần-Trọng-Kim v.v... Và xây-dựng những cuốn khác hợp-lý, đầy đủ hơn. Nhưng rất tiếc những cuốn trên vẫn được coi hoặc là giáo-khoa chính-thức, hoặc là một thứ giáo điều không thể đụng đến. Chẳng lạ gì mà nhiều người ngày nay vẫn có thể hiểu nhầm.

xẻ đất đai, nhưng vẫn còn được tự-do. Cho nên các báo-chí có thể tố-cáo trực-tiếp tính-cách dã-man của thực-dân đế-quốc và tuyên-truyền những ý-tưởng cách-mạng công-khai. Trong cuốn sách của Avesne (1) có những chương tác giả bàn về vấn-đề ảnh-hưởng của những tư-tưởng Tây-Phương, nhất là của J.J. Rousseau ở bên Tàu.

Những tư-tưởng này là một lò thuốc súng, đã làm nổ cuộc cách-mạng Pháp và bây giờ sắp làm nổ một cuộc cách-mạng tương-tự ở Tàu. Chủ-đích biên-soạn là nhắc-nhở cho chính-quyền Pháp ở Đông-dương cẩn-thận và tìm-cách đối-phó (độc-quyền việc khai-hóa, truyền-bá tư-tưởng Tây-phương theo lăng kính của thực-dân).

Đọc những đoạn báo Avesne trích-dẫn, người ta thấy báo-chí đóng một vài trò quan-trọng đến mực nào : hoặc ru ngủ, ngu dân, hoặc gây thức-tỉnh, thúc-bách trỗi dậy, vùng lên...

Đây là đoạn trích trong một tờ báo miền Nam nước Tàu, nói về quyền sống, quyền làm người.

Tác-giả nhắc tới một người Tàu triệu-phú ở Hồng-kông để lại tất cả cơ-nghiệp của mình cho một viện dưỡng lão ; hay một bác-sĩ lập ở Thượng-Hải một cơ-sở « *Giáo-dục nhân-bản cho những thế-hệ trẻ* ». Tờ báo trên cũng hô-hào cải-tạo chế-độ chính-trị, xóa bỏ quân-chủ, thành-lập dân-chủ và nhất là lay-động ý-thức Quốc-Gia của người Tàu. Lay-động bằng cách chống đối lại người ngoại-quốc.

Rousseau đã nói: «*Bất-cứ một người yêu nước nào cũng cứng-rắn với người ngoại-quốc* ». Làm sao người yêu nước đó không cảm thấy nhục khi đất nước mình bị xâm-chiếm, áp-bức, chia-cắt. « *Từ những thế-kỷ, nước Tàu đã để cho những Tom, Harry, Dick bóc-lột quyền-lợi của mình ngay trên đất nước mình, còn bắt bồi-thường và làm nhục nữa. Chúng tôi muốn chấm dứt tình-trạng trên* ».

« *Những người ngoại-quốc ở những tô giới nhượng cho họ, họ không tuân giữ và tôn-trọng pháp-luật của Tàu. Khi một người*

(1) En face du soleil levant.

Tàu có chuyện lôi-thôi với cảnh-sát, chỉ việc chạy vào các tô giới là có thể không bị phiền-hà gì nữa ».

Hoặc báo-chí đề-cao những anh-hùng ái-quốc, như trường-hợp anh Pen Tse-Yin, một sinh-viên tự-tử vì Tàu mất Cao-ly, một sinh-viên khác tên là Feng-Ha-Wei, tự-sát trước lãnh-sự-quán Mỹ ở Thượng-Hải, lúc bắt-đầu có cuộc tẩy-chay hàng-hóa Mỹ. Cả hai đều được tôn-kính. Một gánh hát được thành-lập để ca-tụng cử-chỉ anh hùng của Pen.

Báo-chí đề-cao khả-năng của người Tàu :

« Khả-năng trí-thức của chúng ta không thua kém khả-năng của bất - cứ một dân-tộc nào. Sự khéo-léo về đường ngoại - giao của chúng ta vượt mọi khéo-léo của các quốc-gia khác. Những nhà buôn của chúng ta không ai sánh kịp. Phép lịch-sự, nền giáo-dục của chúng ta thật hoàn-toàn. Chúng ta đã theo đó mà đối-xử ngay cả với những người không đối-đãi như thế với ta ».

Hoặc cổ-động chính-sách tẩy-chay, bài-ngoại, tố-cáo đạo-đức giả-dối của thực-dân :

« Những người ngoại-quốc chỉ nói mồm đến lòng yêu thương kẻ khác, tình anh em, nhưng trong đáy lòng, họ nuôi dưỡng những hiềm thù, kỳ-thị chủng - tộc rất mạnh và những thiên - kiến thật lố-bịch... »

« Người Pháp chẳng hạn, ở nước họ thì họ bài giáo-sĩ lộng-quyền, còn ở đây họ lại tỏ ra rất là công-giáo, ở nước họ, hằng trăm nghìn tu-sĩ bị trục-xuất, nhưng ở đây khi có một thừa-sai bị bạc-đãi thì hàng đoàn pháo hạm kéo tới để bênh-vực... »

« Còn người Anh, những mục-sư của họ dạy một thứ đạo-đức khắc-khổ, nhưng thứ đạo-đức đó lại là nguyên-nhân gây ra một thói xấu cho hằng nghìn người vì sự buôn-bán thuốc phiện. »

« Mục-sư Lewis nghiêm-khắc kết-án cờ bạc ở tòa giảng chủ nhật vừa qua. Hội-đồng quản-trị tô-giới sắp ra những biện-pháp... nhưng sự-thực, người ta vẫn thấy những người da trắng chơi bạc với cu-li, bồi, bếp... ở các công-viên Bubbling-Well : họ căn-cứ vào

đâu mà tự-đắc và khoái-trá khi coi nền luân-lý của họ cao hơn nền đạo-đức của ta, nền văn-minh của Đức Kitô hay hơn của Khổng-tử. Chúng ta muốn thấy nền văn-minh đó được thực-hiện về chuyện cờ bạc trong tuần-lễ « đua ngựa » ở Thượng-Hải.

Những người Âu-Châu chỉ là bọn đội lốt văn-minh, vậy mà họ dám tố-cáo chúng ta là bọn thấp kém dã-man. Chúng ta biết rằng một vài tội ác, đen tối nhất xúc-phạm đến nhân-loại như bắt bớ người Indiens ở Mễ-Tây-Cơ, mua bán người da đen thuở xưa và tiêu-diệt người da đỏ bây giờ, là do những người tự cho là văn-minh gây ra.

Họ lợi-dụng tôn-giáo để xâm-nhập về kinh-tế, biến người bản-xứ thành những tay sai cho đế-quốc và phản-bội tổ-quốc : một người công-giáo Tàu là Pháp hơn là Tàu, cũng như một người thệ-phản Trung-hoa là Anh Mỹ hơn là Trung-hoa.

« Thời bình, thừa sai là một tay sai chính-trị: thời chiến một gián-điệp quân-sự. Sự-thực, máu những người tử vì đạo đã làm nền tảng cho chế-độ thuộc-địa. Người ta có thể là đồ-đệ của Khổng-Tử, Lão-Tử, Hồi-tử hay Phật-tử mà vẫn là người Tàu. Nhưng chúng ta thấy những giáo khu, đứng đầu là người ngoại-quốc, dựa vào hạm-đội và quân-đội ngoại-quốc. Chúng ta sẽ không còn chống lại Ky-tô-giáo khi thấy những linh-mục hay mục-sư Tàu đứng đầu các Ky-tô hữu Tàu. Tại sao không có một đại-diện Giáo-hoàng ở Bắc-kinh như ở mọi thủ-đô khác. Chính vì nước Pháp chống lại việc đó, nước Pháp thừa hiểu rằng họ sẽ mất hết ảnh-hưởng, cho nên họ cần phải duy-trì thứ công-giáo đó, thứ công-giáo mà họ thực-sự muốn tiêu-diệt như một vết bẩn hay một bệnh tật ».

Báo chí cũng nhấn mạnh vào giáo-dục mới, như nước Nhật đã làm và vì thế đã địch được với Tây-Phương. Báo chí Tàu thường nhắc câu sau này của Luther

« Sự hưng thịnh một xứ sở không ở tại của cải, sức mạnh cũng không phải ở chỗ có lâu-đài tráng-lệ, nhưng tại ở số người có học-thức làm cho xứ đó phải suy nghĩ và ở tại số người quả cảm làm cho xứ đó phải hoạt-động ».

Sau cùng báo chí hô hào phong-trào cải-tạo xã-hội, giải-thoát người đàn bà, chống nạn hút thuốc-phiện, cải-tổ quân-đội v.v...

Phong - trào duy-tân, cải-lương đó đã đưa đến cách - mạng Tân hợi (1911). Vậy nếu ở Việt-Nam không bị Pháp đô-hộ, thì cũng không thể không đi đến một cuộc cách-mạng tương-tự cũng vào thời kỳ đó. Cho nên, đến lúc đó, cho dù các nhà nho có thủ cựu, bế quan tỏa cảng thế nào đi nữa, cũng không thể chặn được làn sóng tư-tưởng mới tràn vào Việt-Nam đưa đến một cuộc cách-mạng. Do đó, việc khai-hóa tất nhiên phải có và do những người Việt-Nam đảm-nhiệm lấy, sứ-mệnh sang khai-hóa của Pháp thực chất chỉ là lừa bịp và cản trở việc khai-hóa thực-sự mà thôi.

B.— NHỮNG ĐẢNG CÁCH-MẠNG

Có thể nói cái hồn của hầu hết những đảng phái ở giai-đoạn này từ Duy-tân-hội đến Việt-Nam quốc-dân đảng là Phan-bội-Châu, nhất là những đảng do cụ trực tiếp thành-lập. Cho nên có thể xét hệ-tư-tưởng của những đảng đó bằng cách trình bày sự biến-chuyển tư-tưởng của Phan-bội-Châu.

Năm 1904, Phan-bội-Châu cùng với một số đồng-chí lập Việt-Nam Duy-Tân-hội ở Quảng-Nam. Cương-lĩnh của hội rất đơn-giản. Hội chỉ nhằm ba mục-đích chính :

1— Mở rộng dân-trí.

2— Chấn khởi dân-khí.

3— Vun trồng nhân-tài.

Muốn thực hiện ba mục-đích trên, phải dùng bạo-động đánh đuổi Pháp ; nhưng vì ta còn yếu kém nên phải cầu viện ; khi đã dành được độc-lập, sẽ theo gương nước Nhật mà duy-tân, làm cho nước giàu mạnh. Một nhiệm-vụ trước mắt là đi tiếp xúc với Nhật-Bản và tìm cách gửi học-sinh sang du học. Phong-trào Đông-du ra đời. Hoạt-động được ít lâu, phong-trào bị giải tán vì Nhật thỏa-hiệp với Pháp đuổi học-sinh ra khỏi nước, còn trong nước thì hội bị khủng-bố, đàn-áp và bị tan rã.

Phan-bội-Châu trốn sang Xiêm. Một năm sau cách-mạng Tân-hợi bùng nổ. Cụ Phan lại hứng khởi vận-động đồng-chí cũ trở về Trung-Quốc thành-lập đảng mới lấy tên là Việt-Nam Quang-Phục-Hội. Tôn-chỉ của hội là : « *Khu-trục giặc Pháp để khôi-phục Việt-Nam, dựng nước Việt-Nam Cộng-Hòa dân-quốc* ».

Để thực hiện cuộc vận-động khởi nghĩa, Hội đề ra hai đường lối : tuyên-truyền lính-tập ở trong nước, cầu-cứu sự viện-trợ của quân-đội Trung-Hoa.

Nhưng cuộc vận-động ở trong nước không kết-quả bao nhiêu, vì những người cách-mạng không trốn ra ngoài được đều bị bắt hay bị chết cả, hội đành quyết-định gây mấy vụ bạo-động như ám sát toàn-quyền Sarraut nhưng cũng thất bại. Trong khi đó tình-thế bên Tàu đã thay đổi. Vì muốn làm hài lòng chính-phủ Pháp, Long tế Quang ở Quảng-Đông giải tán Quang-Phục-Hội, năm 1913, toàn-quyền Sarraut còn sang Quảng-Đông yêu cầu Long-tế-Quang bắt giam các nhà cách-mạng Việt-Nam ; Mai-lão-Bạng và Phan bội-Châu bị bắt và phải tù 3 năm... Quang-Phục-Hội tan vỡ.

Về chủ-nghĩa, thời lập Duy-tân hội, Phan-bội-Châu chủ-trương quân-chủ Lập-hiến vì cho rằng « *lúc ở trong nước ra đi dựa vào quân-chủ mà được nhiều người tin theo* ». Vậy như đã nói ở trên, đối với Phan-bội-Châu, quân-chủ lập-hiến chỉ là một lá bài đưa ra để chiêu-mộ, thu-phục lòng dân, chứ không phải hẳn là một chủ-nghĩa mà cụ Phan tin theo và muốn thực-hiện.

Khi thành lập Quang-Phục-hội, vấn-đề chủ-nghĩa mới đặt ra thực sự. Những đồng-chí tranh-luận rất gay-go. Lúc đó vì ảnh-hưởng của cách-mạng Tân-Hợi, cụ Phan đã thấy không thể dùng lá bài quân-chủ lập-hiến được nữa, nên đã thuyết-phục phần đông các đồng chí chấp nhận chủ-nghĩa dân-chủ. Cương-lĩnh hoạt-động, tuyên-ngôn, tổ-chức hội rất giống Đồng-minh hội của Tôn-trung-Sơn. Xu-hướng dân-chủ cũng vẫn còn là chủ-nghĩa của những tổ-chức đảng thành-lập sau này như Tân-Việt cách-mạng đảng và Việt-Nam quốc-dân đảng.

Sau vụ ám-sát hụt toàn-quyền Merlin ; ngày 25 tháng 1 năm 1925, một số sinh-viên các trường Cao-đẳng Hà-nội cùng với mấy

thân-sĩ bị đày Côn-Lôn về hợp bạn thành-lập « *Việt-Nam nghĩa-đoàn* » ở Hà-nội, để mong tiếp-tục công-cuộc cách-mệnh của Quang Phục hội. Mùa hè năm đó, đại-biểu của Việt-nam Nghĩa-đoàn hợp với một nhóm thanh-niên nhân-sĩ Nghệ tĩnh ở Vinh lại đổi Việt-Nam Nghĩa-đoàn thành Phục-Việt-Hội. Đến cuối năm, nhân việc phát-động phong-trào đòi thả Phan-bội-Châu, hội Phục-Việt-Hội lại đổi thành **Hưng-Nam hội**.

Lúc đó, đã có « *Thanh-niên cách-mệnh đồng-chí hội*» xu-hướng Cộng-Sản do Nguyễn-ái-Quốc thành-lập bên Tàu. Hưng-Nam hội sai người sang tìm liên-lạc đề-nghị hiệp-tác và hiệp nhất hai tổ-chức. Lúc này Hưng-Nam hội đã lại đổi tên là : Việt-Nam cách-mệnh đảng. Nhưng những cuộc điều-đình thất-bại, Việt-Nam cách-mệnh đảng tiếp-tục hoạt-động riêng-rẽ và đổi thành : Việt-Nam cách-mệnh đồng-chí hội. Điều gây mâu-thuẫn giữa hai đảng có lẽ là việc những thanh-niên do Việt-Nam cách-mệnh đồng-chí hội gửi sang Tàu nhờ « *Thanh-niên cách-mệnh đồng-chí hội huấn-luyện lúc về nước hầu hết đều gia-nhập đảng Thanh-niên cách-mệnh đồng-chí hội* ». Năm 1927, sau nhiều lần hiệp nhất không thành, Việt-Nam cách-mệnh đồng-chí hội họp ở Huế lại quyết-định đổi tên là Tân-Việt cách-mệnh đảng. Nhưng cương-lĩnh, nguyên-tắc tổ-chức hoạt-động vẫn như cũ. Dần dần Tân-Việt đảng bị phân-tán và tan-rã. Lý-do chính ở tại đảng muốn hiệp nhất để tạo thành một đảng mạnh ; nhưng muốn dễ hiệp nhất, phải nhượng-bộ ; nhượng-bộ mà vẫn thất-bại ; thành ra càng muốn hiệp nhất, « *càng chỉ xa-rời mục-đích đầu tiên của mình và mất mọi ảnh-hưởng* » (1). Một số theo xu-hướng Cộng-sản, gia-nhập thanh-niên cách-mệnh đồng-chí hội, một số chỉ muốn làm cách-mạng dân-tộc ra khỏi đảng hay gia-nhập Việt-nam Quốc-dân đảng vừa thành-lập, số còn lại bị bắt-bớ hay phải trốn lánh. Đảng tan-vỡ...

● VIỆT-NAM QUỐC-DÂN ĐẢNG.

Cuộc vận-động thành-lập một đảng mới bắt đầu từ cuối năm 1927. Đảng lấy tên là Việt-Nam Quốc-Dân đảng để tỏ ý tiếp-tục

(1) Marty. Contribution à l'histoire... tome I. trg 57

truyền-thống cách-mạng của Phan-bội-Châu. Những người sáng-lập ra đảng đều là tín-đồ của Tôn-Trung-Sơn chủ-trương cách-mạng dân-tộc. Cương-lĩnh của đảng dựa vào chủ-nghĩa Tam dân của Quốc-dân Đảng Trung-Hoa. Đến Việt-Nam quốc-dân đảng, sự tổ-chức đã có phần tiến-bộ, quy-mô hơn các đảng trước về phương diện đảng cũng như về chương-trình hoạt-động. Có ba thời-kỳ :

— Thời-kỳ bí-mật tổ-chức đảng, kết-nạp đảng-viên.

— Thời-kỳ bán công-khai sửa-soạn khởi-nghĩa ; tuyên-truyền, tổ-chức các đoàn-thể quần-chúng.

— Thời-kỳ công-khai phát-động cuộc khởi-nghĩa võ-trang.

Lẽ đương-nhiên, một đảng cách-mệnh, nhất là phải hoạt-động bí-mật, vì bất hợp-pháp, chắc-chắn cần một thời-gian lâu-dài mới có thể gây cơ-sở vững-chắc để dần-dần tiến tới khởi-nghĩa. Việt-Nam quốc-dân đảng đã không thể giữ được điều-kiện bó-buộc về thời-gian đó vì ngay sau khi đảng thành-lập, đã xảy ra chia-rẽ nội-bộ (Khuynh-hướng Nguyễn-thái-Học, Nguyễn-khắc-Nhu và khuynh-hướng Nguyễn-thế-Nghiệp) làm cho đảng bị đe-dọa nặng nề về những âm-mưu đột-nhập của mật thám Pháp. Chính lúc đó lại nổ ra vụ ám-sát Bazin. Tuy không phải do đảng tổ-chức (1), nhưng thực-dân Pháp vịn ngay vào đó để lùng-bắt các đảng viên Quốc-dân-đảng. Hầu hết các đảng-viên chính đều bị sa lưới trừ Nguyễn-thái-Học và Nguyễn-khắc-Nhu.

Trước tình thế đó, không thể không đốt giai-đoạn. Một đàng Nguyễn-thái-Học nhận thấy mối nguy tan rã nếu không khởi-nghĩa sớm vì « *ông đã hiểu đảng hầu hết lọt vào tay mật thám và hầu hết đảng-viên đều biết nhau và có thể tố-cáo nhau* » (2). Đàng khác, tính tình của Nguyễn-thái-Học cũng như của Nguyễn-khắc-Nhu đều rất nóng nảy, ưa hoạt-động mạo-hiểm, và không tha-thiết đến những vấn-đề mà các ông cho là mất giờ: quá lâu dài như huấn luyện, lý-luận, tổ-chức cơ-sở đảng... Do đó, hai người chỉ còn biết quyết định : Bạo-động và khởi-nghĩa quyết tử một trận, may thì

(1) Contribution à l'histoire ... tome II trg 12.

(2) Marty. Contribution à l'histoire Tome II trg. 14.

được, chẳng may thì đành chịu, vì đàng nào cũng chết, nhưng chết vì thua trận còn hơn ngồi chờ cho Pháp bắt và giết.

Những cuộc bạo-động nổ ra, rồi những cuộc khởi-nghĩa bùng lên và thất bại tiếp theo những vụ đàn-áp dã-man và hiệu-nghiệm· Việt-Nam quốc-dân đảng thực-sự chấm dứt sứ mạng lịch-sử của mình với cái chết của 13 liệt sĩ ở Yên-Bái.

*

Tìm hiểu những nguyên-nhân thất bại của những đảng cách-mạng trên, có thể coi việc thiếu một lý-thuyết cách-mạng thực-sự dựa vào một phân-tách nghiêm-chỉnh tình-thế là nguyên - nhân chính và chung cho tất cả những đảng trên. Thật vậy, đảng nào cũng nói tới dân-chủ, dân-tộc, cũng là phản-đế, bài-phong, nhưng cái chủ-nghĩa được chọn làm cương lĩnh của đảng chỉ là danh-từ mơ hồ, lấy của những cuộc cách-mạng Tây-Phương hay Trung Hoa. Hình như các nhà cách-mạng không cho việc phân-tách thời thế và đi tìm một lý-thuyết cách-mạng thực-sự là cần thiết và quan-trọng. Người ta có cảm tưởng khi thành-lập một đảng, thì các vị sáng-lập phải lo đặt tên, chọn tôn chỉ, bầu bán như là một bó buộc hình-thức mà thôi, còn việc chủ-yếu là hoạt-động, và làm sao hoạt-động hiệu-nghiệm. Chữ Cách-mạng đã đồng nghĩa với chữ hoạt-động và đảng cách-mạng là đảng những người hoạt-động. Nhưng hoạt-động mà không có lý-thuyết hướng dẫn trở thành hoạt-động để mà hoạt-động (activisme). Sự thiếu sót căn-bản của các đảng cách-mạng Việt-Nam thời kỳ này là không có những lý-thuyết-gia lãnh-đạo chính-trị mà chỉ có những người hoạt-động... Tất cả vấn-đề chỉ là đánh đuổi Pháp, còn mọi sự khác là tùy và sẽ xét sau. Không có đảng nào có người ngồi phân-tách Pháp là gì, thực-dân đế-quốc là gì, và tình hình trong nước ngoài nước thế nào để hiểu biết địch và ta. Thành ra không thấy được hướng đi của phong-trào, phải dựa vào tầng-lớp nào trong nước làm hậu thuẫn cách-mạng, phải liên-kết cầu-cứu với ai ở ngoài nước, không phân-biệt được chiến-thuật chiến-lược và cũng không thấy được tầm quan-trọng của việc tổ-chức đảng, vận-động quần-chúng, giác-ngộ chính-trị...

Marty nhận-định về Tân-Việt đảng :

« Đoàn thể chính-trị không được tổ-chức, không có chương-trình và phương-tiện hoạt-động nhất định để đạt tới một mục-tiêu nhất định, không có liên-lạc giữa các đảng viên; mỗi người hành-động theo ý mình mà không tiên-đoán những cản-trở trên đường» (1).

« Những người cách-mạng này không biết gì về tình-hình chính-trị Đông-Dương. Họ cũng không thảo nổi một kế-hoạch thích nghi với hoàn-cảnh. Ai cũng muốn cho An-nam độc-lập, nhưng không ai ấn định phương thức hoạt-động. Người thì chủ-trương dùng võ-lực chiếm lại xứ sở, người thì chủ-trương ôn hòa hay cộng-tác với người Pháp » (2).

Hoặc về sau, có đưa ra thảo-luận, nhận định tình-hình kinh-tế, chính-trị, tầng-lớp xã-hội để đặt vấn-đề để có thể tổ-chức được một đảng Cộng-Sản ở Việt-Nam chưa, thì lại nhận định sai lầm không thể có đảng cộng-sản ở Việt-Nam được.

« Những biến cố xảy ra sau chứng-minh một cách hùng hồn ý kiến của những lãnh-tụ đảng Tân-Việt là sai lầm thế nào » (3).

Về Quốc-dân đảng, Marty cũng viết : *« Những luật-lệ của họ bắt chước cương-lĩnh của Quốc-dân đảng Trung-Hoa; chủ-nghĩa của đảng chỉ được phác-họa sơ sài. Tất cả những gì người ta biết được là đảng chủ-trương dân-chủ xã-hội »* (Sociale-démocratie). Những lãnh-tụ không bao giờ xác định ý-tưởng của họ về những vấn-đề xã-hội, và những tầng-lớp của xã-hội An-nam mà họ nhằm tuyên truyền hình như cũng không để ý nêu lên những vấn-đề đó trước khi chấp-nhận những lời tuyên-truyền của họ. Chỉ có mục-đích của đảng là rõ làm cách-mạng để thành-lập một chính-phủ cộng-hòa trực-tiếp và sau đó sẽ giúp đỡ những dân-tộc nhược tiểu khác chống lại bọn áp bức (4).

Những truyền-đơn của Quốc-dân đảng chỉ thấy hô hào bạo động, nổi loạn : *« Sự nghèo nàn về văn-tự của Quốc-dân đảng ở tại*

---

(1) (2) (3). Contribution. tome I trg. 5 trg 7 trg. 53.
(4) Contribution. tome II, trg 8.

chỗ họ không đưa ra một chương-trình xã-hội nào. Chính mình còn không biết sẽ đưa xứ sở đến đâu nên các lãnh-tụ đảng cũng rất ít để ý đến việc giáo-dục đảng-viên : vì thế họ chỉ đưa ra những nhận định thông-thường về việc nước bị mất và nước Pháp vô-nhân-đạo trong các tài-liệu của họ ». (1)

Không có lý-thuyết hẳn hoi, nên không phân biệt được nước thù và nước bạn. Các đảng đều kỳ vọng vào sự giúp đỡ của mấy nước láng giềng. Nhưng vì không thấy được **bản chất** chế-độ những nước đó hoặc là đế-quốc (Nhật) hay phong kiến (Tàu, Xiêm) tương-tự với bản chất của thực-dân đế-quốc tây-phương và phong-kiến Việt-Nam, nên khi có lợi, tất nhiên họ thỏa-hiệp với nhau để đàn áp, khủng bố, hoặc giải tán các đảng cách-mạng. Cũng vì không đề ra đường lối tranh-đấu dựa vào một căn-bản lý-thuyết thực sự, nên lẫn lộn chiến-thuật, chiến-lược, lấy chiến thuật làm chiến-lược, kết quả là các lực-lượng cách-mạng bị phân tán, chia rẽ nhau.

Người chủ-trương bạo-động, người chủ-trương cải-cách ôn hòa. Người muốn dựa vào phong-kiến đả thực (Phan-bội-Châu), người lại muốn dựa vào thực-dân bài phong (Phan-chu-Trinh).

Nhận-định về Phan-bội-Châu, Marty nói : *« Quần chúng thấy rằng Phan-bội-Châu không có một chính-sách nhất-định và thay đổi luôn luôn lý-tưởng... Sau hai mươi năm làm chính-trị ở nước ngoài, ông không lập nổi một đảng hẳn hoi, cũng không thảo được một chương-trình xứng hợp »* (2).

Các nhà cách-mạng chỉ đặt vấn-đề chiến-thuật : làm sao đánh đuổi được Pháp, rồi coi chiến-thuật mình đề-nghị làm chiến lược do đó chia rẽ nhau. Nguồn gốc sự chia rẽ này ở tại không nghiên-cứu vấn-đề căn-bản : **đánh được Pháp rồi thì làm gì ?** Thành lập nền Cộng-Hòa, dân-quốc... Nhưng nội-dung đích-thực của chế-độ mới đó ra sao ? Ai lãnh-đạo ? Tầng lớp nào là nòng cốt ?

---

(1) Contribution... tome II trang 11.

(2) Contribution... tome I trang 38.

Không đặt vấn đề chế-độ nghiêm-chỉnh, không thể thấy được đường lối tranh-đấu thích-hợp. Những người chủ-trương cải lương là không-tưởng vì không hiểu thực-chất của thực-dân là bạo-động và chỉ có thể chấm dứt bạo-động của thực-dân bằng bạo-động, nghĩa là bằng võ-trang. Sở-dĩ là không-tưởng vì chỉ lời nói của họ là bạo-động, mà thực-dân thì chỉ chịu lùi trước việc làm bạo-động.

Ông Phan-chu-Trinh là một người trí-thức hiểu theo đúng cái nghĩa của nó là người phản-kháng **bằng lời nói**. Lời nói phản-kháng tố-cáo rất cần-thiết vì là khởi-điểm của việc làm bạo-động.

Nhưng nếu chỉ chủ-trương phản-kháng bằng lời nói thì đó là không-tưởng, thất-bại. Ông Thiếu-Sơn đã phê-bình : «Phan-chu-Trinh không phải là nhà cách-mạng» (1). Nhận-định trên đúng nếu hiểu cách-mạng là **làm** cách-mạng, bằng tranh-đấu võ-trang; nhưng không đúng nếu hiểu cách-mạng là một thái-độ phản-kháng, tố-cáo, bất phục-tòng, chống đối, dù chỉ bằng lời nói hay im-lặng. Những người chủ-trương bạo-động là nhìn đúng về một phương-thức hoạt-động,nhưng vì không đặt được vấn-đề tầng lớp lãnh-đạo làm nòng-cốt, nên không thể tổ-chức và phát-triển được bạo-động thành một lực-lượng có thể đương-đầu và sau cùng đánh ngã được địch . . .

Không đặt vấn-đề lý-thuyết cách-mạng nghiêm-chỉnh nên cũng coi nhẹ việc huấn-luyện chính-trị cán-bộ, đảng-viên và giác-ngộ ý-thức cách-mạng của quần-chúng. Không kể những khuyết-điểm tổ-chức đảng sơ-hở, dễ để lộ bí-mật, khuyết-điểm chính của các đảng là đã không đào luyện cho đảng-viên có ý-thức chính-trị để có thể tranh-đấu, không phải chỉ với nhiệt tình ái-quốc, nhưng còn với đường lối, kế-hoạch và khả-năng lãnh-đạo, vận-động chính-trị quần-chúng. Làm cách-mạng không phải là mạo-hiểm phiêu-lưu, hay chỉ là thực-hiện những cử-chỉ anh hùng cá-nhân, nhưng chủ-yếu là theo đuổi một cuộc **tranh-đấu chính-trị**. Các đảng ở giai-đoạn này không nhận ra điều đó, vì chưa thấy vấn-đề chủ-nghĩa, vấn-đề chính-trị là căn-bản chứ không phải vấn-đề phương-thức tranh-đấu.

---

(1) Phổ thông. Số 76. Vị-trí trong quốc sử của cụ Phan-chu-Trinh.

Cũng vì chưa nhận thức được tranh-đấu cách-mạng chủ-yếu là một tranh-đấu chính-trị, nên các lãnh-tụ đảng cũng sao nhãng công-cuộc vận-động quần chúng. Hình như các lãnh-tụ quan-niệm một cách đơn-giản khi đã vận-động được một số binh lính là có thể khởi-nghĩa và tự-động các nơi khác trong toàn quốc sẽ hưởng-ứng theo. Cho nên không chú-trọng tổ-chức những cơ-sở trong quần-chúng, đặc-biệt ở nông-thôn. Đông đảo quần-chúng không biết có đảng hoặc chỉ biết một cách mơ-hồ, nên không thể tham-gia tích-cực hay ủng-hộ phong-trào. Do đó, khi bị khủng-bố, phong-trào dễ bị tan vỡ và tiêu-diệt vì không có cơ-sở trong quần-chúng để ẩn-náu, trước một dư-luận đôi khi bàng-quan hay lãnh-đạm.

*

GIAI-ĐOẠN III

Giai-đoạn phản-đế và phản-phong có nội-dung thực-sự

Với sự thành-lập đảng Cộng-Sản dưới nhiều hình-thức, danh hiệu khác nhau, có thể coi cách-mạng Việt-Nam bước vào một chuyển-biến thứ hai về hệ-tư-tưởng.

Những phong-trào cách-mạng ở giai-đoạn trên, tuy cũng nhằm phản-đế, phản phong, nhưng không có nội-dung thực sự, cho nên nếu vấn-đề chủ-nghĩa có được nêu lên thì cũng chỉ có tính-cách hình-thức mà thôi.

Đến Cộng-Sản, vấn-đề cương-lĩnh mới được vạch ra một cách rõ-rệt và con đường tranh-đấu mới hướng về một tiền-đồ nhất-định.

Theo L. Marty, mầm-mống hoạt-động Cộng-Sản ở Đông-dương bắt đầu vào khoảng 1925 lúc Nguyễn-ái-Quốc về Quảng-Châu làm việc bên cạnh Borodine. Một tổ Cộng-Sản đầu tiên được thành-lập dưới hình-thức một hội lấy tên là Tâm-Tâm-Xã. Vấn-đề tiên quyết là huấn-luyện một số thanh-niên để tung về nước hoạt-động. Sau những khóa huấn-luyện « *Nguyễn-ái-Quốc* », những thanh-niên theo học sẽ được kết nạp vào đảng và nhận công-tác về nước làm việc dưới danh-nghĩa : Đảng Việt-Nam Thanh-niên Cách-mệnh.

Xu-hướng chính-trị của đảng lúc này là « *trước hết làm cách mạng dân-tộc, sau làm cách-mạng thế-giới* ».

Nhận thấy thành-phần giai-cấp công-nhân vô-sản còn ít và trình-độ nhận-thức của họ cũng rất kém, nên Nguyễn-ái-Quốc cho rằng không thể thực-hiện ngay một cuộc cách-mạng vô-sản và áp-dụng ngay bây giờ những phương-châm của Lénine về tuyên-truyền và hoạt-động.

« *Chính ông đã nói ở Mạc-Tư-Khoa mùa hè 1927 là không thể thành lập ngay một đảng Cộng-Sản ở Đông-Dương* » vì chẳng ai hiểu ý-nghĩa chữ Cộng-sản là gì. Tuy nhiên, ông nghĩ rằng có thể gây dựng một đảng cách-mạng Quốc-Gia xã-hội và các lãnh-tụ sẽ dần dần đưa đảng viên vào truyền-thống Mác-xít » (1).

Theo Marty, người ta thấy rõ sự khôn khéo không nói thẳng lập tức chủ-nghĩa cộng-sản trong cách huấn-luyện của Nguyễn-ái-Quốc qua tờ « *Thanh-niên* » xuất-bản ở Quảng-Đông.

Trong những số đầu, chỉ nói đến lợi-ích của việc làm tập-thể, rồi kêu gọi lòng ái-quốc, trình-bày sơ-lược lịch-sử các phong trào cách-mệnh trong nước, sau đó nói tới tình-hình thế-giới, đây đó thỉnh-thoảng mới nhắc qua bằng vài hàng Liên-Xô và cuộc cách-mạng xã-hội Sô-viết... « *Nguyễn-ái-Quốc không ngại mất 60 số đầu tiên để sửa soạn tâm-trí độc-giả trước khi bày-tỏ dụng-ý của mình bằng câu nói : « chỉ có đảng Cộng-Sản mới bảo-đảm hạnh-phúc cho nước Annam* » (2).

Sự dè dặt của Nguyễn-ái-Quốc còn vì một lý-do nữa là hoàn-cảnh không thuận-tiện ở bên Tàu lúc bấy giờ đã có sự chia rẽ Quốc-Cộng, và một vài lãnh-tụ như Hồ-tùng-Mậu, Hồng-Sơn, có chân trong đảng cộng-sản Tàu cũng đã bị bắt.

Nhưng có lẽ cũng vì lập-trường mập mờ, mà các đảng viên còn ấu-trĩ về nhận-thức chính-trị, về giác-ngộ cách-mạng đã không thể hiểu được dụng-ý đường lối của đảng đề ra lúc đó. Những

---

(1) Contribution. Le « Đông-dương Cộng-sản đảng » trg. 15, tome IV.
(2) Contribution » » trg. 17 »

người về hoạt-động trong nước dần dần thiên về « *tả* » phái, nhất là nhóm đảng-viên Bắc-Kỳ. Nhóm này tự-lập một đảng Cộng-sản Đông-Dương, thừa nhận chương-trình, điều lệ của Quốc-tế Cộng-Sản. Thái-độ cương-quyết của ba đại biểu nhóm này trong hội-nghị Hồng-Kông năm 1928 đã là nguồn-gốc sự phân-tán chia rẽ trong nội-bộ Cộng-sản. Trung-ương ở ngoài nước vẫn muốn duy-trì cái tên « *Thanh-niên cách-mệnh đảng* ». Còn đại-biểu trong nước muốn thành-lập ngay đảng Cộng-sản Đông-Dương.

Marty viết : « *tháng 5-1929, họ là những người Cộng-sản và rất sốt ruột muốn tỏ ra mình là cộng-sản. Chính thái-độ thiếu nhẫn-nại này, đặc biệt trong nhóm Bắc-Kỳ, đã xuýt làm cho đảng tan rã* » (1).

Hội-nghị Hồng-Kông không đạt được kết-quả gì. Ba đại-biểu bỏ hội-nghị về nước và nhất quyết duy-trì việc thành-lập Đông-Dương Cộng-Sản đảng.

Để giàn xếp sự xích-mích chia rẽ trầm-trọng trên, Trung-ương thỏa-thuận giải-tán thanh-niên cách-mệnh, lập « *Annam Cộng-sản đảng* ». Annam cộng-sản đảng phần đông gồm đảng-viên ở Trung và Nam-Bộ. Nhưng cũng không giàn xếp xong vì Annam Cộng-sản đảng ra bản tuyên-ngôn chỉ trích Đông-dương Cộng-sản đảng và vẫn tổ-chức ra báo hoạt-động riêng.

Trong lúc đó, đảng Tân-Việt cũng phân-tán sắp đi đến chỗ tan rã; có khuynh-hướng muốn duy-trì đảng, có khuynh-hướng lại muốn sát-nhập vào Đông-dương Cộng-sản đảng. Nhưng cuộc điều-đình không đưa đến một thỏa-thuận nào về hình-thức sát nhập : Tân-Việt đòi sát-nhập cả khối vào Đông-dương Cộng-sản đảng. Đông-dương cộng-sản đảng lại đòi Tân-Việt phải giải tán trước rồi sẽ kết nạp từng người. Vừa sốt ruột, vừa hoang mang, không biết nên gia-nhập Đông-dương Cộng-sản đảng hay An-nam Cộng-sản đảng, Tân-Việt tự-động tổ-chức riêng các giới thành đoàn thể (công - nhân, Nông - dân, học-sinh, phụ-nữ v.v...). Tất cả họp thành Đông - dương Cộng-sản liên - đoàn.

---

(1) Contribution tome IV, trg. 20.

Thế là có ba đảng cộng-sản, cùng một lý-thuyết, nhưng vì tự ái, không ai chịu ai nên chia rẽ, chống đối nhau.

Năm 1930, một hội-nghị Hồng-Kông thứ hai được triệu tập do Nguyễn-ái-Quốc, lấy tư-cách là ủy-viên Đông-phương bộ của Quốc Tế cộng-sản, phụ trách Đông-Nam-Á vụ, để tìm cách thống-nhất đảng. Kết-quả là hai đảng Đông-dương Cộng-sản và An-nam Cộng-sản đảng thỏa-thuận hợp-tác (Đông - dương cộng-sản đảng liên-đoàn không có đại-diện) và định tên đảng là Việt - Nam Cộng-sản đảng. Cuối năm 1930, trong một buổi họp có các đại-biểu trong nước ra dự để kiểm điểm tình-hình, Nguyễn-ái-Quốc đề-nghị đổi tên đảng thành Đông-dương Cộng-sản đảng cho hợp với đường lối của Đệ-tam hơn.

Khi các đại-biểu về tới nước cũng là lúc Việt-Nam Quốc-dân đảng bắt đầu khởi-nghĩa. Lợi-dụng tình-thế sôi nổi dâng lên cao, đảng cộng-sản cũng phát động phong-trào tranh-đấu chính - trị trong toàn-quốc dưới nhiều hình-thức : biểu - tình, bãi-thị, đình-công, rải truyền-đơn, căng khẩu-hiệu, lập Xô-Viết Nghệ tĩnh v.v... Và cũng như Quốc dân Đảng, Cộng-Sản gặp phải sức kháng-cự, khủng-bố dã-man của thực-dân làm cho phong-trào sụt xuống và hầu như tan rã, nhất là lúc đó Nguyễn-ái-Quốc cũng bị bắt ở Hồng-Kông. Sang năm 1932, đảng Cộng-Sản bắt đầu gây lại cơ-sở và rút kinh-nghiệm để sửa-soạn bước vào một giai-đoạn hoạt-động mới.

Nhận-định về sự thất bại của những hoạt-động Cộng-Sản ở giai-đoạn mới thành-lập, người ta thấy ngay nguyên-nhân chính là bệnh ấu-trĩ của đảng viên. Đảng Cộng-Sản đi xa hơn các đảng quốc-gia ở chỗ đã đề ra một chủ-nghĩa hẳn hoi, một đường-lối tranh-đấu rõ-rệt (1), và có lẽ các lãnh-tụ đảng thấu hiểu thật sự đường-lối đó. Về phương-thức tranh-đấu, Cộng-Sản cũng đã đi đến chỗ coi cuộc tranh-đấu cách-mạng chủ-yếu là một tranh-đấu chính-

(1) Vấn-đề ở đây, chỉ là nhận xét về có hay không có chủ-nghĩa hẳn hoi, chứ không phải là phê-phán chủ-nghĩa đó đúng hay sai.

trị, do đó đã chú-trọng nhiều đến việc vận-động quần-chúng và đề ra những hình-thức tranh-đấu mới không phải là bạo-động võ-trang : biểu-tình, bãi-thị, đình-công, giải truyền-đơn, căng khẩu-hiệu, diễn-thuyết v.v.. Nhưng đảng viên phần đông còn ấu-trĩ chưa giác-ngộ về đường-lối chính-trị và chưa có kinh-nghiệm tranh-đấu, lãnh-đạo.

1— Trước hết, phong-trào chưa nhận-thức được chiến-thuật giai-đoạn của đảng Cộng-Sản là làm cách-mạng dân-tộc trước, rồi mới làm cách-mạng xã-hội như bản cương-lĩnh do Trần Phú, tổng bí thư thứ nhất đã soạn-thảo ra :

« *Trong lúc đầu, cuộc cách-mạng Đông-Dương sẽ là một cuộc cách-mạng tư-sản dân-quyền, bởi vì cách-mạng* **chưa có thể trực-tiếp giải-quyết được** *những vấn-đề tổ-chức xã-hội chủ-nghĩa, sức kinh-tế trong xứ còn rất yếu, các di-tích phong-kiến còn nhiều sức mạnh... Vì những điều-kiện ấy cho nên thời-kỳ bấy giờ cách-mạng có tính-chất thổ-địa và phản-đế. Tư-sản dân-quyền cách-mạng; là thời-kỳ dự-bị để làm cách-mạng xã-hội chủ-nghĩa* ».

« *Trong cuộc cách-mạng tư-sản dân-quyền, vô-sản giai-cấp và nông-dân là hai động-lực chính nhưng vô-sản giai-cấp có nắm quyền lãnh-đạo thì cách-mạng mới thắng được. Sự cốt-yếu của cách-mạng tư-sản dân-quyền là một mặt phải tranh-đấu để đánh-đổ các di-tích phong-kiến, đánh-đổ các cách bóc-lột theo lối tiểu tư-sản và để thực-hành thổ-địa cách-mạng cho đến triệt-để, một mặt nữa là tranh-đấu để đánh-đổ đế-quốc chủ-nghĩa Pháp, cho Đông-dương hoàn toàn độc-lập. Hai cuộc tranh-đấu ấy có liên-lạc với nhau: vì có đánh-đổ được đế-quốc chủ-nghĩa, mới phá được giai-cấp địa-chủ, và làm cách-mạng thổ-địa thắng-lợi, mà có phá tan được chế-độ phong-kiến thì mới đánh-đổ được đế-quốc chủ-nghĩa*».

Nhưng đảng viên như Marty đã nhận-định ở trên, đều sốt-ruột muốn tỏ ra mình là cộng-sản ngay, do đó trong công-cuộc vận-động quần-chúng và tranh-đấu chính-trị đã « *tả-khuynh* », để lộ bộ mặt « *giai-cấp* » sớm quá làm cho các tầng lớp không phải nông-công-nhân lo ngại và tạo dịp cho thực-dân xuyên-tạc chính-trị . . .

Nhiều đảng viên tự-nhận đang làm « *cách-mạng vô sản* », cách-mạng thế-giới ; những khẩu-hiệu như : công-xưởng thuộc công-nhân. Ruộng đất thuộc nông-dân... đã được tung ra, và những tổ-chức Sô-Viết cũng đã được thành-lập ở vùng Nghệ-Tĩnh...

2 — Trong việc vận-động quần chúng, tuy đã biết xử-dụng những hình-thức tranh-đấu chính-trị hiệu-nghiệm, nhưng lại thiếu chuẩn-bị về giác-ngộ ý-thức chính-trị cho cả đảng viên lẫn quần chúng tham-gia.

Đảng viên Cộng-sản cũng vẫn còn bị lôi-cuốn vào hoạt-động như các đảng viên ở thời-kỳ trên : sốt-ruột, thiếu nhẫn-nại. Cho nên chỉ bận lo đem quần chúng ra tranh-đấu mà không chú-trọng việc đào-tạo cán-bộ, giác-ngộ quần-chúng cho thấm-nhuần đường-lối trước khi lao mình vào tranh-đấu.

3 — Trong khi tranh-đấu, vẫn còn nhiều tính-chất anh-hùng cá-nhân : bạo-động một cách « *mất chính-trị* » không phù-hợp với đường lối tranh-đấu theo những phương châm Lê-nin đã đề ra.

Marty cũng đã thấy điều đó :

« *Tài-liệu phụ-lục số 10 đăng dưới đây đề ngày 12-5-1931 của Á-đông vụ gửi cho Nguyễn-ái-Quốc lúc đó là Trưởng « Đông-Nam vụ » và là trung-gian của đảng Cộng-sản Đông-dương. Á đông vụ nhắc cho ông biết cần phải tránh những ám-sát, bạo-động, cử-chỉ khủng-bố cá-nhân mà đảng viên Cộng-sản Đông-dương đã làm thời đó. Á-đông vụ coi những hành-động đó hoàn-toàn trái-ngược với đường-lối Đệ-tam quốc-tế, là một dịp cho chính-phủ tiêu-diệt cơ-sở của đảng » (1).*

Trong tài-liệu đó có những đoạn chỉ trích như sau :

« *Trong một thư của đồng-chí cho biết là các đảng-viên đã yêu cầu thả một đồng-chí bị bắt và dọa sẽ bạo-động, nếu cảnh-sát không thả. Trong trường hợp khác, một đồng-chí bị bắt đã bắn vào cảnh-sát. Chúng tôi cho rằng những lề-lối đó không phải là cộng-sản chút nào, và chỉ làm hại cho phong-trào, và cản trở phong-trào mà thôi.*

(1) Contribution tome IV trg. 28.

Những cử-chỉ đó, được thực-hiện mà lại thiếu sự ủng-hộ của quần-chúng, không bao giờ giúp đỡ chúng ta, mà còn làm hại nữa mặc dù tính-cách anh-hùng của nó ».

« Chúng tôi nghĩ rằng các bạn không được tạo dịp cho bọn đế-quốc, tư-bản và cảnh-sát của chúng để khiêu khích những người của chúng ta làm những cử-chỉ khủng-bố cá - nhân bằng cách dùng súng để thực-hiện một cử-chỉ anh - hùng thật đấy, nhưng là xa rời quần-chúng. Trong nhà máy, đồn-điền, làng xóm và thị-xã, chúng ta phải làm sao cho mỗi một cuộc bắt bớ, một xử bắn, tra tấn được rất nhiều người biết... Phải cố làm cho quần-chúng phản-đối chính-sách của địch, tổ-chức nhiều biểu-tình quan - trọng có nhiều người tham-dự và nhờ ở đám đông các bạn tìm cách yêu cầu thả đồng-chí của mình. Phải tổ-chức những ủy-ban phụ-trách nâng-đỡ, ủy-lạo gia - đình các đồng-chí bị bắt. Thu tiền để tìm người bênh-vực cho các đồng-chí bị đưa ra tòa-án xử... Các bạn phải phối hợp việc vận-động thả các đồng - chí bị bắt với toàn bộ chương - trình của chúng ta và với những đòi hỏi hằng ngày của công-nhân và nông-dân. Các bạn cần phải học tập đưa một phong-trào đang phát-triển từ một giai-đoạn tranh-đấu thấp lên một giai-đoạn cao hơn. Chỉ lúc đó, các bạn mới thi-hành xong nhiệm-vụ. Và làm như vậy rõ-ràng thật là khó hơn là chết một cách anh-hùng. (1)

Trong một thư viết tay gửi từ Hồng-Kông cho ban chấp-hành trung-ương đảng Cộng-Sản Đông-Dương, Nguyễn-ái-Quốc cũng chỉ trích tổ-chức đảng còn nhiều sơ hở để cơ sở bị vỡ và nhiều đồng-chí trọng yếu bị bắt :

« Các cơ-quan không đặt ám-hiệu sao ? Tại sao nhiều cơ-quan đã bị lộ mà có đồng-chí cứ đi lại mãi và do đó bị bắt »...

« Phải có cách gì giữ-gìn những đồng-chí trọng-yếu, nếu cứ để họ bị bắt dần mòn mãi thì rất hại cho công-tác. Ở Thái-Bình và

---

(1) Contribution tome IV. trg. 104-105. Annexe 10. Reproduction de la lettre en Anglais adressée le 12 Mai 1931 par le Bureau d'orient à Nguyễn-ái-Quốc chargé du « Bureau du Sud » à Hong-Kong.

Phủ-Lý, người ta cứ việc xem danh sách để bắt các đảng-viên. Xem những việc đó thì có thể nói Đảng còn kém về đường lối bí mật công-tác » (1). Truy-nguyên đến cùng và đứng ngay ở quan-điểm Mác-xít, Lê-Nin mà phê-phán, người ta thấy phong-trào Cộng-Sản ở thời-kỳ phôi-thai sở-dĩ thất bại là vì chưa nhận-thức được rằng : « *Sức mạnh của phong-trào là ở trong sự bừng-tỉnh của quần-chúng (nhất là quần-chúng vô-sản kỹ-nghệ) và chỗ yếu của phong-trào là ở tại lãnh-đạo cách-mạng thiếu ý-thức và sáng kiến* » (2). Đối với Lê-Nin, vấn-đề giác-ngộ chính-trị là điểm tối quan-trọng, là điều-kiện căn-bản của mọi phát-động tranh-đấu. Trong cuốn « Làm gì » Lê-Nin đã nhấn mạnh vào sự quan-trọng « *Không có lý-thuyết cách-mạng, không thể có phong-trào cách-mạng* » để chống lại khuynh-hướng chỉ biết và muốn hoạt-động thực-tiễn của đảng-viên đồng thời nhấn-mạnh vào sự giác-ngộ chính-trị của quần-chúng cũng như của đảng-viên. Lê-Nin phân-biệt **ý-thức bộc-phát** và **ý-thức Cộng-sản**. Khi có một phong-trào biểu-tình đưa ra yêu-sách, thì có thể đó mới chỉ là một sự bắt đầu bừng tỉnh. Người thợ mới cảm thấy một cách mơ-hồ cần phải đoàn-kết lại, không thể thụ-động mãi trước sự áp-bức đè nén. « *Dầu vậy đó mới là một biểu-lộ tuyệt vọng hay oán thù, chứ chưa hẳn là một « tranh đấu* » (3) Hoặc người thợ có thể tiến tới tổ-chức nghiệp-đoàn đi nữa cũng mới chỉ là tranh-đấu kinh-tế. Nổi loạn biểu-tình, đình-công bạo-động võ-trang có thể mới chỉ là ý-thức bộc-phát, chứ chưa hẳn là có ý-thức Cộng-sản. « *Những cuộc đình-công đó là một tranh-đấu kinh-tế, chưa phải là một tranh-đấu dân-chủ xã-hội ; nó đánh dấu sự thức tỉnh về những mâu-thuẫn giữa chủ và thợ. Nhưng thợ chưa có, và* **chưa thể có** *ý-thức về sự mâu-thuẫn không thể giải-quyết được giữa quyền-lợi của họ với toàn-bộ chế-độ xã-hội, chính-trị đương-thời, nghĩa là chưa có ý-thức dân chủ xã-hội. Theo nghĩa đó, những cuộc đình-công sau 1890, mặc dầu đã tiến-bộ rất nhiều nếu đem so với những cuộc nổi loạn, vẫn chỉ là một phong-trào bộc phát* » (4)

---

(1) Contribution tome IV. Bản chụp bằng Quốc ngữ và bản dịch bằng tiếng Pháp trg. 119.

(2) Lénine, œuvres choisis. Tome I. Editions en langues étrangères. Moscou 1953 Que Faire. trg. 232.

(3) Lénine, sách trích dẫn trg. 233

(4) trg. 233

Tại sao thợ-thuyền không thể **tự-nhiên** có ý-thức Cộng-Sản? Vì tự nó, giai-cấp công-nhân không có ý-thức Cộng-sản. Nói cách khác, nếu người thợ có ý-thức Cộng-sản là nhờ tiếp nhận được từ bên ngoài. Còn nếu tự mình, cùng lắm thợ chỉ có thể có ý-thức tranh-đấu kinh-tế mà thôi.

« *Chúng tôi đã nói, thợ chưa thể có ý-thức dân-chủ xã-hội. Ý-thức này chỉ có thể đem đến cho họ* **từ bên ngoài**. *Lịch-sử tất cả các nước đều chứng tỏ, tự sức mình những giai-cấp công-nhân chỉ có thể đi tới ý-thức kinh-tế, nghĩa là niềm-tin phải tập hợp thành nghiệp-đoàn để tranh-đấu với chủ, để đòi chính-phủ chấp nhận những luật-lệ cần-thiết cho thợ thuyền* » (1). Mấy chục trang sau, Lê-Nin còn nhắc lại điều trên :

« *Ý-thức chính-trị về giai-cấp chỉ có thể mang đến cho người thợ từ bên ngoài, nghĩa là bên lề tranh-đấu kinh-tế, và ở ngoài những tương-quan chủ và thợ* (2). *Vậy* **ai** *đem ý-thức chính-trị về giai-cấp đến cho người thợ, người vô-sản ? Người trí-thức ở các tầng lớp khác.*

« *Còn về chủ-nghĩa xã-hội, nó thoát thai từ những lý-thuyết triết-học, lịch-sử kinh-tế do những đại-biểu học-thức của những tầng lớp có của, do những người trí-thức. Những người sáng lập chủ-nghĩa xã-hội khoa-học hiện-đại, Marx và Engels đều là trí-thức trưởng-giả xét theo địa-vị xã-hội của họ* (3). Vậy muốn có ý-thức chính-trị về giai-cấp không phải là chỉ việc đi đến với thợ, vì thợ có ý-thức giai-cấp đâu. Nhưng là phải học-hỏi, và tìm hiểu nó trong tương-quan giữa các giai-cấp giữa các hoàn-cảnh.

« *Người ta chỉ có thể tìm được nhận-thức ấy trong lãnh-vực duy-nhất là lãnh-vực những mối quan-hệ giữa các giai-cấp, các từng-lớp nhân-dân với nhà nước và chánh-phủ, lãnh-vực những quan-hệ giữa các giai-cấp với nhau. Cho nên, hỏi : Làm thế nào để đem đến cho người thợ những nhận-thức chính-trị ? Người ta không*

---

(1) Que faire trg. 234.
(2) » 289.
(3) » 234.

thể đơn-giản trả lời như những người thực-tiễn hay những nhà duy kinh-tế là : « phải đến với công-nhân » (1).

Những nhận-định trên của Lê-Nin đưa tới kết-luận : Nếu vô sản không đẻ ra ý-thức vô-sản, nghĩa là không thể **tự nhiên** có ý-thức giai-cấp, thì phải dạy cho họ, tuyên-truyền cho họ... Đó là ý-nghĩa tầm quan-trọng mà Lê-Nin muốn gán cho việc hoạt-động quần-chúng và cũng là ý-nghĩa sự cần-thiết có Đảng. Và bởi vì quần-chúng không phải là **tự nhiên** mà có được ý-thức cách-mạng, nên công việc vận-động không phải là dễ-dàng và có thể thực-hiện mau chóng được. Cho nên, đối với Lê-Nin, vấn-đề giác-ngộ chính-trị là vấn-đề căn-bản. Bao lâu chưa thực-hiện được giác-ngộ chính-trị, tranh-đấu tất-nhiên phải gặp thất-bại. (2)

Vậy theo Lê-nin, có thể nói những người Cộng-sản cũng như quần-chúng nông-dân công-nhân đi biểu-tình chống-thuế, đình-công hồi 1930 chưa phải là theo chủ-nghĩa Cộng-sản gì cả, hoặc là vì đói quá hay vì bị áp-bức và vùng dậy khi được xúi-dục, thúc-đẩy mà thôi. Đó là phong-trào bộc-phát, chưa phải là phong-trào Cộng-sản theo đúng nghĩa Lê-nin của danh-từ.

Chúng ta đã rảo qua một lượt những phong-trào cạch-mạng Việt-Nam. Bây giờ là lúc phải xem người Pháp đã nhìn những phong-trào đó với con mắt thế nào ?.

---

(1) Que faire. trg. 289.

(2) Mấy đoạn văn trên của Lênin còn đặt những vấn-đề quan-trọng về giai-cấp lãnh-đạo, về ý-thức và chân-lý. Nếu ý-thức Cộng-Sản không phải là do vô-sản mà ra, và nếu ý-thức đó lại là chân-lý, thì đã hẳn tư-bản trưởng-giả không phải là một vong-thân hoàn-toàn (aliénation totale) và ngược lại, vô-sản cũng không phải là nguồn gốc độc nhất của chân-lý. Tất cả mọi lý-thuyết về ý-thức của Macxit cần được xét lại. G. Lukacs, triết-gia Macxit nổi tiếng người Hung đã thử giải-quyết trong cuốn : « Lịch-sử và ý-thức giai-cấp » của ông. Vấn-đề hiện nay vẫn còn là trọng-tâm của những cuộc bàn cãi giữa những người Macxit chính-thống và Macxit bị coi là xét lại, và những người không Macxit...

Người ta có cảm-tưởng, căn-cứ vào những nhận-định của những người Pháp có trách-nhiệm về chính-trị ở Đông-Dương thời đó, thực-dân không sợ những phong-trào cách-mạng ở giai-đoạn hai, những phong-trào có thể gọi là thuần-túy có tính-chất dân-tộc và quốc-gia, mà chỉ ngại phong-trào Cộng-sản. Trong bộ « *Góp phần tìm hiểu các phong-trào chính-trị ở đông Pháp* », người ta thấy rõ Marty, một người rất am hiểu và chắc hẳn rất có ảnh-hưởng trong việc quyết-định đường-lối chính-trị Pháp ở Đông-dương, coi thường các phong-trào quốc-gia và đôi khi còn viết với một giọng hơi khinh chê nữa, như khi nói về Quốc-dân Đảng trong lời tựa tập II :

« *Không phải một giúm người trẻ tuổi đó, hầu hết đói ăn và thiếu học-thức có thể làm nguy-hại đến guồng máy hành-chính thuộc-địa có những lực-lượng quân-sự và cảnh-sát lớn-lao mà ai nấy đều biết* » (1).

Trái lại, khi bàn đến phong-trào Cộng-Sản, Marty đã viết một bài tựa thật dài để nhấn mạnh tính-cách trầm-trọng của Cộng-Sản.

« *Những rối loạn mà Cộng-Sản đã gây nên trong những năm 1930-1931 trong một vài vùng ở xứ An-Nam là những vụ trầm-trọng nhất mà chính quyền địa-phương phải đối phó đàn-áp từ khi nước Pháp chiếm đóng xứ này* (2).

Sau khi nhắc tới việc Đảng Cộng-Sản đang chỉnh-đốn lại, Marty viết: «*Nhận-định về tầm quan-trọng thực-sự của việc phục hồi này thật còn quá sớm* (3). *Nhưng có điều không thể chối cãi được là những nguyên nhân vẫn có thể bó-buộc phải đưa đến những hậu quả tương-tự, và sự phục-sinh của Đảng Cộng-Sản Đông-dương tạo thành một mối nguy-hiểm trầm-trọng cho trật-tự công-cộng mà chính-phủ có bổn-phận làm tê-liệt nó* ».

Rồi Marty trích một đoạn dài ở bản báo cáo của toàn-quyền gửi cho Tổng-Trưởng bộ thuộc-địa năm 1931 để trình-bày những

(1) Tome II (note préliminaire).

(2) Tome IV (note préliminaire).

(3) Marty viết bộ này hồi 1933.

nguyên-nhân nào đã làm cho Cộng-Sản nảy nở phát-triển. Trong bản báo cáo, toàn-quyền thú-nhận là tình thế nghiêm-trọng, phong trào Cộng-Sản có thể còn lan rộng và đưa ra nguyên - nhân chính là sự nghèo cực truyền kiếp của người An-Nam (Paupérisme). Chính Cộng-Sản đã căn-cứ vào tình-cảnh đó để tuyên-truyền chống lại chính-phủ Bảo-Hộ. Rồi toàn-quyền nói tới những cố - gắng của chính-phủ trong công-cuộc cải thiện xứ này. Nhưng đã hẳn là chưa đủ vì cái « *bệnh-nghèo* » lâu đời truyền kiếp đó không phải có thể chấm dứt được trong chốc lát.

Nhưng không phải đến năm 1930 khi nổ ra những bạo-động liên-tiếp và khắp nơi, người Pháp mới ngại Cộng-Sản. Cũng không phải bắt đầu ngại từ 1925 khi nghe tin Nguyễn-ái-quốc thành-lập Đảng ở Tàu.

Có thể nói : người Pháp bắt đầu lo ngại Cộng-Sản ngay từ hồi 1917-1918, khi cách-mạng tháng mười thành-công ở Nga.

Vào khoảng năm 1916-1917, nước Pháp còn đang ở tình-trạng nguy kịch trước một viễn ảnh có thể thua trận, cuộc cách-mạng Nga bùng nổ đưa đảng Cộng Sản lên nắm chính-quyền. Ở thuộc địa Đông-dương thì xảy ra vụ Duy-Tân đảo chính hụt. Tình thế nguy hiểm. Hoặc là phải sai thêm binh lính sang hoặc phải tìm ra một biện-pháp chính trị.

« *Một trong những đại-tướng của chúng ta nói* : « *Có hai giải-pháp, một là gửi một đạo quân, hai là cử ông Sarraut sang* » (*1*).

Chính-phủ Pháp chọn giải-pháp thứ hai và cử Sarraut sang làm toàn-quyền. Sarraut là một nhà chính-trị khôn-khéo, là một « *khuôn mặt lớn lao* » nhất của thực-dân ở Đông-dương, không thể không hiểu ngay Cộng-sản là một mối đe-dọa cho chế-độ thực-dân như thế nào. Căn-cứ vào những lời ông tuyên-bố, những đường-lối bình-luận chính-trị trong mục thời-đàm của Nam-Phong, cái loa của chính-phủ Pháp, và những ý-kiến ông phát-biểu trong những sách mà ta đã thấy ở trên, tất cả đều chứng-tỏ vấn-đề căn-bản đối với Sarraut là vấn-đề Cộng-sản, cả trên bình-diện quốc-tế,

(1) Le Việt-Nam. Tragédie Indo-Chinoise. L. Roubaud. trg 261. Paris 1931

và bình-diện thuộc-địa. Đứng ở cương-vị toàn-quyền, Sarraut phải biết cuộc cách-mạng 1917 sẽ gây những ảnh-hưởng gì trên Thế-giới, và ở thuộc-địa. Tháng ba 1919, đại-biểu của 21 Đảng cách-mạng Thế-giới họp ở Mạc-tư-Khoa để thành-lập Quốc-tế Cộng-sản. ở Pháp, Đảng Cộng-sản thành-lập năm 1921 sau hội-nghị Tours. Sarraut cũng không thể không biết những hoạt-động của Nguyễn-ái-Quốc ở Pháp :

— Tổ-chức những đoàn đại-biểu các dân-tộc bị trị đưa yêu sách căn-cứ vào 14 điểm của Wilson lên hội-nghị Versailles.

— Tuyên-truyền cách-mạng Việt-Nam ngay ở trên đất Pháp : Viết báo « *Nhân-Đạo* » và nhất là xuất-bản cuốn « *Bản Án Kết Tội chế-độ thực-dân Pháp* ».

— Đại-biểu thuộc-địa độc-nhất ở hội-nghị Tours, gia-nhập Đảng Cộng-sản Pháp và tán-thành chủ-trương của Đệ-tam Quốc-tế vì Đệ-tam Quốc-tế có chủ-trương giải-phóng thuộc-địa.

— Ra tờ « *Người cùng khổ* » (Paria) để tuyên-truyền chống thực-dân và thành-lập hội liên-hiệp các thuộc-địa Pháp.

— Đại-biểu thuộc-địa trong đại-hội quốc-tế Cộng-sản lần thứ V. Trong kỳ đại-hội này, Nguyễn-ái-Quốc có đọc tham luận về vấn-đề dân-tộc và thuộc-địa, phê-bình các Đảng Cộng-sản Âu-châu lãnh đạm với vấn-đề thuộc-địa trong đó có cả Đảng Cộng-sản Pháp mà Nguyễn-ái-Quốc là Đảng-viên. Ông đưa ra 5 đề-nghị :

1 — Mở trên báo « *Nhân-Đạo* » một mục đăng đều-đặn các bài về thuộc-địa.

2 — Tăng-cường tuyên-truyền và tuyển lựa Đảng-viên trong những người bản-xứ ở những nước thuộc-địa đã có chi-bộ của Quốc-tế Cộng-sản.

3 — Gửi các đồng-chí, ở các thuộc-địa sang học trường Đại-Học Lao-động Cộng-Sản phương đông ở Mạc-Tư-Khoa.

4 — Thỏa-thuận với Tổng-Liên-đoàn lao-động thống-nhất để tổ-chức những người lao-động của các thuộc-địa làm việc ở Pháp.

5 — Đặt nhiệm-vụ cho các đảng viên phải quan-tâm hơn nữa đến các vấn-đề thuộc-địa. Sau cùng Sarraut không thể không biết đến cuốn « *Chủ-nghĩa đế-quốc, giai-đoạn chót của chủ-nghĩa tư-bản* » của Lê-Nin và ông phải hiểu khẩu-hiệu : Giai-cấp vô-sản toàn thế-giới và các dân-tộc nhược-tiểu liên-hiệp lại có một ý-nghĩa gì liên-hệ đến thuộc-địa Đông-Dương...

Cho nên đối với chính-trị cao-cấp (haute politique), của người Pháp lúc đó, Cộng-Sản mới thực sự là vấn-đề nghiêm-trọng và những biện-pháp, đường-lối, huyền-thoại Sarraut đưa ra chủ-yếu cũng là nhằm đương đầu với Cộng-Sản.

Do đó, có thể nói, ngay từ hồi 1918-19, người Pháp đã thấy trước vấn-đề bảo-vệ thuộc-địa phải được đặt trên những bình-diện nào, vì có hiện-tượng Cộng-Sản, trong khi các nhà cách-mạng Việt-Nam vẫn mới chỉ biết mơ-ước cầu-viện hay tranh-luận với nhau về bạo-động hay cải-cách, quân-chủ hay dân-chủ v.v... Cái nhìn của các nhà cách-mạng ở trong nước chỉ phóng tới Trung-Quốc hay Nhật-Bản là cùng và mới chỉ đặt những vấn-đề chiến-thuật, trong khi vấn-đề đặt ra và xoay chiều ở bên Âu-Châu, giữa lòng các nước đế-quốc. Vậy phải tìm hiểu tại sao người Pháp chỉ thực sự lo ngại Cộng-Sản ?

Điều làm cho thực-dân lo ngại về Cộng-Sản là vì chủ-nghĩa này có thể trở thành một lực-lượng nhằm tiêu-diệt chế-độ thực-dân tận gốc bằng cách đánh đổ chủ-nghĩa tư-bản. Cuộc tranh-chấp giữa thực-dân và Cộng-Sản cũng vì thế vượt khỏi phạm-vi quốc-gia sang phạm-vi quốc-tế và nổ ra không còn phải chỉ trên bình-diện dân-tộc, mà là trên bình-diện giai-cấp. Yếu-tố hiệp nhất là giai-cấp bị áp-bức. Nhìn ở bình-diện giai-cấp, những nước bị-trị không những có thể liên-kết với nhau mà còn có thể liên-kết với cả những giai-cấp bị bóc-lột ngay trong các nước tư-bản đế-quốc. Nói cách khác, người dân cày ở thuộc-địa là anh em với người thợ vô-sản ở nước đế-quốc, vì cùng chung một số-phận và do đó có thể đoàn-kết chống lại kẻ thù chung là tư-bản đế-quốc. Người thuộc-địa của Pháp cũng như người thợ Pháp không còn chống lại Nước Pháp, nhưng là chống lại tư-bản Pháp. Trận tuyến đã đổi

mới. Làm sao thực-dân không lo sợ mất thuộc địa vì nếu Cộng-sản thắng và lật đổ được chính-quyền ở các nước tư-bản Âu-Châu như ở Nga thì **đương-nhiên** là chế-độ thực-dân phải bị tiêu-diệt. Cho nên sức mạnh của Cộng-sản là ở tính-cách **Quốc-tế** của nó.

Cuộc cách-mạng tháng mười không phải chỉ hạn hẹp trong một nước Nga mà là mở đầu cho một cuộc cách-mạng thế-giới. Nói về cách mạng tháng mười, Staline đã nhận-định đó là một cuộc cách-mạng lần đầu tiên đánh vào chủ-nghĩa đế-quốc trên căn-bản giai-cấp, làm lung lay chủ-nghĩa đó không những ở chính các nước đế-quốc mà còn cả ở những thuộc-địa của chúng.

Staline viết :

« *Ý-nghĩa quốc-tế vĩ-đại cuộc cách-mạng tháng mười là ở mấy điểm sau đây* ».

« *1 — Cách-mạng tháng mười đã mở rộng khuôn khổ của vấn-đề dân-tộc, đã biến nó từ chỗ là một vấn-đề đặc-biệt, chỉ đặt ra trong cuộc đấu-tranh chống áp bức dân-tộc ở châu Âu thành một vấn-đề chung liên-quan đến việc giải-phóng tất cả các dân-tộc bị áp bức của các nước thuộc-địa thoát khỏi xiềng-xích của chủ-nghĩa đế-quốc.*

« *2 — Cách-mạng tháng mười đã mở ra những khả-năng rộng lớn và những con đường có hiệu lực do sự giải-phóng ấy, do đó góp phần quan-trọng vào công-cuộc giải-phóng các dân tộc bị áp-bức ở phương Tây và phương Đông, và lôi cuốn các dân-tộc ấy vào con đường đấu-tranh thắng-lợi chống chủ-nghĩa đế-quốc.*

« *3 — Chính vì thế cách-mạng tháng mười đã bắc một cái cầu nối liền phương Tây xã-hội chủ nghĩa và phương Đông bị bóc-lột, tỏa ra một mặt trận cách-mạng mới chống chủ-nghĩa đế-quốc, mặt trận ấy bao gồm giai-cấp vô-sản phương Tây, thông qua các cuộc cách-mạng Nga, mà lan rộng tới các dân-tộc phương Đông bị áp-bức* ».

Khi Nguyễn-ái-Quốc còn ở Paris ông đã liên-lạc với những người Angiêri, Tuy-ni-di, Maroc, Mangat v.v... để thành-lập hội liên-hiệp các thuộc-địa Pháp. Họ tổ-chức những buổi diễn-thuyết chống chính-sách thực-dân, kể các tội ác do thực-dân Pháp gây nên ở

thuộc địa như độc-quyền rượu, thuốc-phiện, và khủng bố để nhân dân Pháp giác-ngộ và ủng-hộ lập-trường tranh-đấu của người bản-xứ.

Khi về Trung-Hoa, Nguyễn-ái-Quốc lại tổ chức : « *hội liên-hiệp các dân-tộc bị áp bức ở Á-Đông* » gồm những người yêu nước Triều Tiên, Nam-Dương, Việt-Nam v.v... và khi trốn lánh ở Xiêm, thành-lập : « *Hội thân-ái người An-nam Xiêm* » nhưng, theo Marty, hội này cũng còn là một nơi để liên-lạc với các người làm cách-mạng ở Đông-Nam-Á : « *Tóm tắt, tất cả đều làm cho người ta tin ông là người phụ-trách về việc tuyên-truyền ở Mã-Lai, của Anh và Hòa-Lan ở Xiêm và ở Đông-dương là công việc sau này của Đông-Nam-Á vụ mà ông điều-khiển* » (1). Đặc-điểm thứ hai của Cộng-Sản làm cho thực-dân lo ngại là Cộng-Sản đặt vấn-đề giai-cấp lãnh-đạo. Cuộc cách-mạng Cộng-Sản là cuộc cách-mạng giai-cấp, do tầng-lớp bị áp-bức hơn cả, từng-lớp nông-dân và công-dân lãnh-đạo. Nhưng bởi vì tầng-lớp này cũng là thành-phần đông-đảo hơn hết trong nước, nên có thể trở thành một lực-lượng đáng kể khi họ được giác ngộ tham-gia cách-mạng. Nói cho đúng, ở thời-kỳ tranh-đấu cách-mạng không phải hẳn là nông-dân, công-nhân lãnh-đạo, vì lãnh-đạo thường vẫn do những người thuộc từng-lớp khác đảm-nhiệm, ở Nga, Tàu hay ở Việt-Nam cũng vậy. Nhưng khi nói giai-cấp lãnh-đạo, có lẽ phải hiểu là từng-lớp nồng-cốt của cách-mạng ? Cuộc cách-mạng mạnh hay yếu tùy ở tầng-lớp làm nồng-cốt có đông đảo hay ít ỏi, có tinh-thần tranh-đấu hy-sinh nhiều hay ít... Các Đảng quốc-gia thường chỉ vận-động cách - mạng ở giới binh lính hay ở các giới tri-thức, công-chức, thương-gia, tư-sản hay tiểu tư-sản thành-thị.

Thực-dân Pháp cũng thường chỉ tuyên-truyền ở những giới thành thị trên. Họ chủ-trương một nước nếu có độ ba bốn chục người « *Thượng-lưu tri-thức* » như Nam-Phong thường nhắc lại lời toàn-quyền Sarraut, biết cai-trị dân-tộc tức là nước giàu dân mạnh trong trật-tự bình an.

Nhận thức được tầm quan - trọng của tri-thức là điều rất đúng. Không có tri-thức không thể có giác-ngộ chính-trị và do đó

(1) Contribution tome IV. trg. 25.

không thể có cách-mạng. Người dân, thiếu giác-ngộ chính trị, chỉ có thể làm loạn chứ không thể làm cách-mạng.

Nhưng chỉ có trí-thức xuông cũng không thể làm cách-mạng. Phải dựa vào một tầng-lớp. Nếu vận-động cách-mạng nhằm tầng-lớp ăn học, tư-sản, tiểu tư-sản thành-thị, có thể thực-hiện nhanh chóng việc giác-ngộ chính-trị nhưng lại không vận-động được đông đảo quần-chúng và nhất là khó thúc đẩy tất cả những người đã giác-ngộ lăn vào tranh-đấu.

Người có của, có ăn học rất khó có lòng trung-kiên và nhiều chiến đấu tính (combativité). Trước hết, vì có của, nên hay sợ mất, sợ chết, sợ mất địa-vị, mất đời sống dễ-dãi, mất thanh-bình, cho nên thường hèn nhát và không dám tham-gia phong-trào...

Rồi vì có ăn học, nên hay tính-toán cân nhắc, và khi tính toán, cẩn-thận quá không thể không do-dự và cuối cùng cứ do-dự mãi, nghĩa là không dám làm gì cả. Nhưng trầm-trọng hơn là người có ăn học để rơi vào những sa-đọa tinh-thần Bệnh hoài-nghi, bi-quan chủ-nghĩa cá-nhân, thích cô-độc, tự-ti chia rẽ nhau... mỗi người trí-thức xưa kia là một thế-giới riêng, và thích giam-hãm mình trong thế-giới đó. Thành ra, trí-thức khó hiểu nhau, yêu nhau, còn nói gì đến đi tìm hiểu và yêu người khác. Họ biết suy nghĩ, thận-trọng, không muốn tin ai, chỉ tin mình và đôi khi cũng không dám tin mình nữa. Bị nhồi sọ trong các nhà trường của thực-dân họ dễ bi-quan về tương-lai đất nước, về hoạt-động cách-mạng : *« Đánh sao được Tây, mình còn yếu lắm, lại chia-rẽ nhau. Cũng là làm cách-mạng đuổi Tây, mà đến ba bốn phong-trào tranh-dành nhau, thậm-chí còn tố-cáo nhau với Tây »*. Hơn nữa người có ăn học tỉnh thành cũng không phải là tầng lớp hoàn-toàn bị áp-bức bóc-lột. Có chăng chỉ phải chịu một áp-bức tinh-thần, chứ không hẳn bị đánh đập, « *đá đít* », chà đạp khinh bỉ như người « *nhà quê* ».

Có thể nói những người ăn học thành-thị là tầng lớp đầu hàng theo thực-dân ở tình-trạng tìm-thể (en puissance) nghĩa là luôn luôn **có thể** thực sự theo thực-dân. Thực-dân cần từng lớp này để làm trung-gian bóc-lột, áp-bức. Nếu **muốn** cộng-tác, muốn

làm cho Pháp là **có thể** được vì có điều-kiện là ăn học, hiểu biết. Trái lại người nông-dân, thợ thuyền vô-sản là tầng lớp đông-đảo gồm những người không có của cũng không được ăn học.

Vì không có của, họ không lo mất, vì có gì mà sợ mất, có mất thì chỉ mất cái xe tay, cái nhà tranh lụp-xụp, cái áo rách. Điều đó làm cho họ không ngại-ngùng tham-gia hoạt-động hay ủng-hộ cách-mạng. Hơn nữa họ còn là lớp người bị áp-bức bóc-lột thực sự về mọi phương-diện và do cả thực-dân lẫn phong-kiến. Cho nên họ dễ-dàng có tinh-thần tranh-đấu quyết-liệt. Về tinh-thần, họ không bị xâm-lược nặng-nề như người được ăn học. Cuộc sống bị chà đạp bóc-lột để làm cho họ gần-gũi nhau và yêu thương giúp-đỡ nhau, do đó, dễ đoàn-kết để tranh-đấu. Vì họ không biết chữ-nghĩa gì, nên cũng không bị huyễn-diệu bởi những lời nói, huyền-thoại. Đối với họ cái thực-tế là Tây về làng bắt rượu bắt lính là bị mắng nhiếc, khinh-bỉ, là bị chết đói, là bạo-động.

Cho nên họ không thể hiểu được những giá-trị tinh-thần như : Tự-do, Tự-trị, Khai-hóa, Liên-đới, Nhân-loại v.v... Chỉ là những danh từ trừu-tượng đồng-thời cũng không bị tiêm-nhiễm những tư-tưởng bi-quan, yếm-thế, thối chí hay mơ-mộng viển-vông. Nhưng nhất là họ không thể nào có thể được mời cộng-tác với thực-dân. Sự nghèo cực và ngu dốt của họ dựng giữa họ và thực-dân một bức tường không thể vượt được. Trong một cuộc hành-quân của quân đội Pháp, một người có ăn học, hay hơn nữa còn biết nói tiếng Pháp, dù người yêu nước thực sự, cũng vẫn có thể có **ý-tưởng** ở lại, không chạy trốn, vì nếu gặp người Pháp có thể nói cho họ hiểu mình không phải là kháng-chiến và thực-sự họ có thể hiểu, tin như thế. Trái lại, người nông-dân không thể có ý-tưởng đó và chỉ nghĩ đến một giải-pháp độc nhất : Trốn, thế nào cũng phải chạy trốn. Cho nên luôn luôn người ăn học **có thể** phản bội, đầu hàng và sở-dĩ giữ được chỉ vì có chí-khí, và lòng yêu nước mà thôi ; do đó người nông-dân dễ trung-kiên với cách-mạng hơn người trí--hức, người có của...

Chủ-trương dựa vào quần chúng nông-thôn làm nồng-cốt cách-mạng còn có một điểm lợi về địa-lý. Phong-trào phát-triển ở

nông-thôn có một địa bàn hoạt-động rộng gấp trăm ngàn lần ở thành-phố, dễ hoạt-động và dễ trốn tránh hơn, đồng thời thực-dân cũng khó kiểm-soát, lùng bắt và khủng-bố hơn.

Vậy chỗ hạn-chế của các đảng cách-mạng quốc-gia là đã chỉ chủ-yếu dựa vào những tầng lớp tư-sản, tiểu tư-sản thành-thị mà không chú-trọng vận-động cách-mạng ở tầng-lớp công-nhân và nông dân là hai thành-phần xã-hội vừa đông-đảo vừa giàu chiến đấu tính, và trung-kiên.

Một đặc-điểm sau cùng của Cộng-sản làm thực-dân lo ngại là đường lối tranh-đấu mới. Cộng-sản không những chỉ nhấn mạnh vào sự cần-thiết có một chủ-nghĩa cách-mạng, mà còn đề ra một lý-thuyết làm cách-mạng. Mác, Lê-nin đã xây-dựng lý-thuyết đó với những kinh-nghiệm của những lý-thuyết gia cách-mạng như : Saint Just, J. Jaurès v.v... để lại. Điểm căn-bản của lý-thuyết làm cách-mạng là coi việc cách-mạng chủ-yếu là một tranh-đấu chính-trị. Không phải chủ-trương gạt bỏ bạo-động trong chiến-lược tranh đấu chính-trị. Tranh-đấu chính-trị là biết đổi cái mạnh của địch thành cái yếu và biến cái yếu của mình thành sức mạnh Địch có khí giới và quân-lính hùng mạnh. Tranh đấu chính-trị không phải là đem giáo mác, gậy gộc ra để đương đầu với một đạo binh hùng hậu; nhưng là tìm cách tuyên-truyền giác-ngộ binh-lính... kéo họ về với phe mình để không bắn quần-chúng dù có-lịnh, là biến một biểu-tình bạo-động thành những hoạt-động chống-đối thụ-động như : đình-công, bãi-thị, tẩy-chay, không tiếp-tế, bắt hợp-tác, hay biểu-tình bất bạo-động . . .

Đó là những khí-giới của kẻ yếu, không có súng đạn, quân lính. Nhưng muốn vận-động được những khí-giới đó, phải làm cho dân chúng giác-ngộ chính-trị và đông-đảo được giác-ngộ. Mác cho rằng người thợ thường hay nhẫn-nhục, vì không có ăn học, nên dễ để cho « *người ta xén lông như những con cừu* ». Muốn biến họ thành một lực-lượng chống-đối, phải làm cho họ ý-thức được tính-cách áp-bức của họ, do đó « *làm cho sự áp-bức càng có tính-cách áp-bức khi kèm theo một ý-thức về áp-bức* », làm cho sự xấu-hổ càng xấu hổ hơn khi quảng-cáo ầm-ỹ nó lên (1).

(1) Mac. Critique de la philosophie du Droit de Hegel. 1989.

Một cuộc cách-mạng chỉ có thể thực-hiện được khi đông-đảo quần-chúng bị áp-bức tiến tới ý-thức cách-mạng. Đó là điều-kiện căn-bản nhưng chưa đủ ; còn phải chờ-đợi cơ-hội, điều-kiện khách quan thuận-tiện như sự phân-tán mâu-thuẫn giữa lòng địch :

« *Một cuộc cách-mạng mới chỉ có thể có được như là hậu-quả của một cuộc khủng-hoảng mới* ». Do đó phải tìm cách hoạt-động len-lỏi vào hàng-ngũ địch để gây chia-rẽ nội-bộ, để cô-lập đối-phương với đồng-minh của họ, xô đẩy địch vào tình-trạng khủng-hoảng . . . và bao lâu chưa làm cho địch lâm vào tình-trạng khủng-hoảng trầm-trọng, phải biết chờ-đợi, không vội-vã, đốt giai-đoạn.

Cho nên trước hiện-tượng Cộng-sản, thực-dân bó-buộc phải đương-đầu với những hình-thức chống-đối vượt khỏi những khả-năng đàn-áp cổ-điển của chính-quyền thực-dân, Marty đã thú-nhận những khó-khăn mà sở Mật-thám gặp phải trong việc đàn-áp phong-trào Cộng-sản :

« *Những khó-khăn sở Liêm-phóng gặp phải trong việc thi-hành bổn-phận của mình rất nhiều.* Những khó-khăn chính-do

« — Việc đảm-bảo bí-mật đảng nếu không bị sẽ xử-tử.

« — Cách tổ-chức chặt-chẽ của Đảng, làm cho một đảng-viên không thể biết gì hết những việc làm của các đảng-viên, ở một tổ khác.

« — Dùng mọi thứ mánh-khóe để tránh lộ tung-tích đảng-viên, nghề-nghiệp và chỗ ở của họ.

« — Sự thủ-tiêu nhanh-chóng những tài-liệu, và mọi đồ dùng có thể làm tang vật trước tòa-án.

« — Khó-khăn tìm được những tên chỉ điểm ở giới bản-xứ là giới người Âu-châu không thể vào được.

« — Sự lưỡng-lự của các nhân-chứng.

« — Sự đồng-lõa tích-cực hay ngấm-ngầm của rất nhiều công-chức hay quan lại bản-xứ vì sợ, thụ-động hay vì căm ghét chống đối lại chính-quyền Pháp.

« — Không thể loại trừ Cộng-Sản khỏi xã-hội trong một thời-gian khá lâu, vì ngay cả những đảng-viên quan-trọng thường cũng chỉ bị phạt nhẹ nếu không biết chắc được họ đã nhúng tay vào những vụ cướp bóc, ám-sát hay nổi loạn.

« — Không thể duy-trì chế-độ giam tù từng buồng riêng tất cả những chính-trị phạm mà vì số đông đã làm cho các nhà tù phải giam chung ; do đó rất thuận-lợi cho việc tuyên-truyền giữa các người bị bắt giữ, kể cả thường-phạm.

« Có những tổ Cộng-Sản ở gần biên-giới dễ lọt vào hoạt-động ở Đông-Dương và tạo nên những căn-cứ thoát khỏi quyền kiểm-soát của chính-phủ thuộc-địa.

« — Những cơ-quan tình-báo luôn-luôn theo rõi và biết rõ những hoạt-động Cộng-Sản từng ngày một, nhưng thật rất khó thu lượm được những chứng-cớ để bắt giữ, nhất là lúc bắt đầu có những lộn-xộn, việc tuyên-truyền chỉ bằng miệng và các liên-lạc viên rất ít khi mang theo những tài-liệu nguy-hiểm » (1).

Trái lại trong những tập giới-thiệu các Đảng Quốc-Gia, người ta thấy Marty kể rõ từng chi-tiết buổi họp ; địa điểm họp, giờ, số người họp, nói những gì trong buổi họp, ai nhận những trách-nhiệm gì, được giao cho bao nhiêu tiền, và đem tiêu tiền làm sao v.v... như thể một người trong cuộc...

Thiết tưởng đó là những lý-do làm cho người Pháp ngại Cộng-Sản.

Để đối phó với một phong-trào như thế, thực-dân không phải không biết tìm ra chiến-lược và chiến-thuật thích-hợp ! Nhận thức được tính-cách quốc-tế của Cộng-Sản, thực-dân cho rằng muốn đương đầu được với Cộng-Sản cũng phải thành-lập một mặt trận quốc-tế chống Cộng; chúng ta đã xem ở trên (2) Sarraut đưa

(1) Contribution Tome IV. trg. 34.

(2) Grandeur et servitude coloniale.

ra hai giải-pháp : một là các nước tư-sản Âu-Châu điều-đình với Nga để đi tới một sự thỏa-hiệp căn-cứ trên những nhượng bộ đôi bên ; trong đó có sự tôn-trọng thuộc-địa của đế-quốc. Hai là nếu không điều-đình được, phải thành-lập một liên-hiệp các nước tư-bản có thuộc-địa thành một mặt trận « *Phòng thủ Chung* ».

Trong bài diễn-thuyết « *Nhìn vào thế-giới* » (21-11-1924) đọc ở trường Đại-học Les Annales, mà tôi đã lược tóm ở trên (chương II) Sarraut đã nhìn thấy rõ :

1 — Mối đe-dọa của Nga-sô.

« *Mà cái men mới đó, là do cái chủ-nghĩa quá khích của Nga đem lại. Chủ-nghĩa này truyền một cách rất khôn khéo và nhiệt-thành, khác nào như đem cái mầm độc rắc vào trong nước cấy sẵn (bouillon de culture) của Á-Châu* ». Sau khi đã nói sự tuyên-truyền của Cộng-sản đã gây rối-loạn ở nhiều nước Trung-đông như thế nào, Sarraut cho rằng sự tuyên-ngôn đó cũng đang tìm cách xâm-nhập vào xứ « *Đông-dương tốt đẹp*, của ta nữa ».

2 — Phương-thức chống lại.

« *Vậy phải làm gì để cho những dân-tộc bị trị không vùng lên chống Tây-phương vì sự tuyên-truyền của Cộng-Sản. « Có phải ở cái kế các nước Âu-Châu nên liên-kết với nhau lại mà đặt thành cuộc liên-bang không ? Nếu người Âu-tây biết đồng-tâm hiệp-lực như hồi chiến-tranh vừa qua để làm một đoàn-thể vững-vàng, đứng chia rẽ nhau, thì có thể đối lại với mọi sự vận-động phản-đối của các giống Á-châu, thời đối với cái chiến-họa manh-nha ở Thái-bình-dương kia, chúng ta cũng có thể bình-tâm mà vững dạ được.* ». Rồi Sarraut trích ý-kiến của nhà chính-trị Pháp khác, Jacques Bainville khi nói về cuộc khởi-nghĩa ở Ma-lặc-na thuộc Tây-ban-nha : « *Việc này có quan-hệ đến sự phòng-bị chung của tất cả các nước có thuộc-địa ở Phi-Châu và Á-Châu. Hiện nay còn ít người hiểu rằng vì cái chủ-nghĩa quốc-gia nó phát-động lên ở mọi nơi như thế là do sự tuyên-truyền của đảng cách-mạng Nga, các liệt-cường có thuộc-địa ở phương xa không khỏi có nguy-hiểm ở đó. Nếu những nước Âu-Châu muốn giữ lại thuộc-địa của mình, thì phải bỏ những ghen-ghét riêng đi, mà củng nhau theo một chính-sách chung* » (N. Phong số 93 và 94).

Pasquier cũng đã nói :

« Sự bằng yên của xứ này lệ-thuộc một phần vào tình thế ở bên ngoài mà chúng ta chỉ có thể can-thiệp bằng ngoại giao... Tôi hy-vọng ở một liên-hiệp mà tôi gọi là « Hội những nước Viễn-Đông».

Cộng-sản đã gửi người và tiền bạc để tuyên-truyền khắp nơi. Ấn-Độ, Singapor, Thái-Lan, Nam-Dương đều đã bị lay động dữ-dội năm 1928, bây giờ đến lượt Phi-Luật-Tân, Nhật-Bản, Hồng-Kông. Trong những hoàn-cảnh đó, chỉ đề-phòng bằng những biện-pháp địa-phương không đủ, cần phải đi tới một thỏa-hiệp giữa các Quốc-Gia và các thuộc-địa bị đe dọa.

Về điểm đó, tôi đã nhận được những đảm-bảo chắc-chắn trong chuyến đi Java với mục-đích thiết-lập sự cộng-tác chung để trao đổi tin-tức và tìm-kiếm. Đàng khác Ông cũng biết những mối bang-giao thân-thiện giữa chúng ta và nước Xiêm, nhất là từ khi vua Prajadhepok và hoàng-hậu đến thăm chúng ta. Sau cùng tôi cũng liên-lạc với các bạn người Anh của chúng ta, và với người Nhật.. (1)

Giải pháp điều đình với cộng-sản không phải là không thể thực-hiện được.

Lịch-sử về sau chứng-minh Staline đã đặt quyền-lợi nước Nga lên trên quyền-lợi Quốc-tế Cộng-sản như trong sự thỏa-hiệp với Quốc-Dân đảng Trung-Hoa, bỏ rơi đảng Cộng-sản, hay trong việc bỏ rơi đảng Cộng-sản Hy-Lạp. Nhìn xa hơn nữa, Sarraut còn muốn sửa soạn cho Đông-Dương, có thể tự-vệ, tự-trị một khi mất liên-lạc với Mẫu-quốc bằng cách đòi cho toàn-quyền được nới rộng những quyền-hạn, bớt lệ-thuộc bộ thuộc-địa bằng cách dần dần cử những người ở thuộc địa lâu năm làm toàn-quyền (Pasquier) và tìm cách liên-kết với những nước láng-giềng Đông-dương như : Tàu, Nhật, Xiêm, Nam-Dương... Người ta thấy những chuyến đi Tàu, Nhật, Nam-Dương của các toàn-quyền, để làm gì, nếu không phải là điều-đình để đuổi các người Việt-Nam làm cách-mạng, đặt những quan-hệ thương-mại, những liên-kết chính-trị... Chính-trị

(1) René Vanlande. L'Indochine sous la menace communiste Paris 1930. Lời toàn quyền Pasquier nói với Vanlande.

của phủ toàn-quyền Đông-dương là muốn biến Đông-dương thành một bộ-phận quan-trọng trong công-cuộc phòng thủ chung ở Thái-bình-Dương (balcon du Pacifique). Đó là chiến-lược của thực-dân. Họ thừa hiểu việc mất hay còn thuộc-địa **chủ-yếu** là một vấn-đề Quốc-tế. Một đảng Quốc-Gia dù mạnh đến đâu cũng khó lật đổ được guồng máy cai-trị Thực-dân, và cho rằng có thể lật đổ đi nữa nhưng nếu họ bị cô-lập, dư-luận thế-giới không ủng-hộ, các nước láng-giềng còn liên kết với thực-dân, liệu những người cách-mạng có bảo-vệ và duy trì nổi việc cướp được chính-quyền ? Một cách cụ-thể, nếu cách-mạng Việt-Nam tạm thời đánh bại được thực-dân ở Việt-Nam, nhưng nước Pháp vẫn còn hùng-cường ; Nhật và Trung-Hoa vẫn là đế-quốc liên-kết với Pháp, liệu cách-mạng có thể đương-đầu với một cuộc phản-công của Thực-dân và trong một hoàn cảnh bị cô-lập như thế không ? Do đó, có thể nói ; một phong-trào phản-đế ở thuộc-địa chỉ có thể thành-công khi nó nằm trong một Mặt trận phản-đế Quốc-tế, được sự ủng-hộ của những lực-lượng dân-chủ phản-đế thế-giới... (1)

Vậy chiến-lược của Thực-dân là liên-kết các nước đế-quốc có thuộc-địa thành một mặt trận chống Cộng và đề ra một « *hệ-tư-tưởng* » (idéologie) biện hộ cho chế-độ thuộc-địa : Bổn-phận khai-hóa và luân-lý kẻ mạnh phải nâng đỡ kẻ yếu. Còn tất cả những biện-pháp khác để đối phó với các đảng cách-mạng trong nước chỉ là chiến-thuật. Các đảng Quốc-Gia hình như chỉ nghĩ đương-đầu với Pháp về chiến-thuật do đó không làm cho họ e-ngại.

Cho dù các đảng có gây bạo-động khởi - nghĩa, Thực - dân không ngần-ngại đàn-áp khủng-bố (bỏ bom tiêu-diệt cả làng Cổ-Am) mà không sợ dư-luận thế-giới. Một vài nhà báo lý - tưởng, một vài tiếng kêu phản-đối ở Mẫu-quốc không đủ làm cho họ sợ vì đó chỉ là những lời phản-đối, không phải là những lực-lượng bắt họ phải kiêng-nể.

---

(1) Trường-hợp Đảng Cộng-Sản Hy-Lạp. Giả-sử hồi 1949 Trung-Cộng không thắng, tiến đến biên-giới Hoa-Việt và Nga thỏa-hiệp với Pháp.. cuộc cách-mạng kháng-chiến do Cộng-Sản lãnh-đạo sẽ như thế nào ?

Thực ra, những người như Phan-bội-Châu cũng đã nghĩ đến chiến-lược khi đặt vấn-đề cầu-viện, liên - kết với các đảng cách-mạng Tàu, Nhật ; Cụ đã đặt vấn-đề liên-kết ; nhưng cụ thất bại vì chưa nghĩ đến vấn-đề **nền-tảng** của sự liên-kết, tương-trợ, tức là sự ***«liên-đới quyền-lợi»***. Ở hoàn-cảnh Phan-bội-Châu, nhìn đến đó đã là xa và sáng-suốt, khôn-khéo lắm rồi. Còn cụ Phan-chu-Trinh không phải một nhà chính-trị, mà chỉ là một nhà trí - thức thuần-túy, cụ đã ở Pháp và khi thấy một vài người Pháp tốt thực - sự với cụ, cụ ngây thơ tưởng rằng có thể hợp-tác với Thực-dân ; cụ không có ý-thức chính-trị nên không thấy được vấn-đề thuộc - địa là vấn-đề **chế-độ**, chứ không phải vấn-đề người, vấn-đề một vài cá-nhân tốt hay xấu.

Vậy chỗ giới hạn của các đảng cách-mạng Quốc-Gia là đã chỉ nhằm chống Pháp trên phương-diện chiến-thuật, trong khi thực-dân đặt vấn-đề đối phó trên bình-diện Quốc-tế, và chiến-lược.

Ngay về chiến-thuật Thực-dân cũng đã khôn-ngoan, khéo-léo biết lấy lý-tưởng của địch làm của mình, biết cướp lại khí-giới ở trong tay địch để diệt địch. Các phong-trào cách-mạng cũng đối phó lại theo quy-luật đó; Tây nói khai-hóa, ta dựa ngay vào đó đòi mở trường ; ra báo. Ta chủ-trương duy-tân, đề cao chữ Quốc-ngữ. Tây giật ngay lấy chủ-trương đó để thực-hiện theo chủ-đích lợi cho họ.

Do đó vấn-đề là phải tìm hiểu chủ-đích, chứ không phải căn cứ vào việc làm, hiện-tượng, dụng-cụ, khí-giới. Trong cuộc tranh-chấp giữa ta với địch, hễ cái gì địch chủ-trương, tất lợi cho địch và hại cho ta và ngược lại. Địch chủ-trương đề cao chữ Quốc-ngữ thì chỉ có thể nhằm mục-đích ngu-dân (chương-trình học chính hàng giọc của Merlin nhằm chặn học sinh lên Trung, Đại-học, học bằng tiếng Pháp, bằng cách cho tiểu-học học chữ Quốc-ngữ).

Cho nên trong hoàn - cảnh đó, học tiếng Pháp mới là yêu nước (Phan-chu-trinh phản-đối chương-trình Merlin) (1) vì chỉ biết tiếng Việt trong một chế-độ mà tiêu-chuẩn thăng tiến xã-hội là tiếng Pháp thì rõ-ràng là phải bị kiềm-hãm ở những chỗ thấp nhất

---

(1) Tôi sẽ trở lại vấn-đề này trong cuốn II.

trong xã-hội và nhất là chỉ biết tiếng Pháp, viết báo tiếng Pháp mới có thể tranh-đấu trước dư-luận thế-giới. Cho nên những người làm cách-mạng, khi cần đều phải ra báo Tây.

Do đó không thể cho rằng Phan-bội-Châu ; Phan-chu-Trinh vì chủ-trương hợp-tác với Pháp, nên cũng chủ-trương giống Phạm-Quỳnh và người Pháp.

Khi tìm hiểu một lời nói, một chủ-trương, đặt vấn-đề **nói cho ai, để làm gì**, còn quan-trọng hơn đặt vấn-đề tìm hiểu **nói cái gì**. Chỉ có ngây thơ chính-trị mới không chú-trọng tìm hiểu chủ-đích và tin ngay vào lời nói bề ngoài.

Nếu chúng ta đồng-ý rằng người Pháp chỉ thực-sự e-ngại phong-trào Cộng-Sản vì đã nhận thấy những đe-dọa của nó, thì những chính-sách họ đề ra chủ-yếu nhằm chống lại Cộng-Sản ngay từ khi đảng Cộng-Sản Đông-dương chưa thành-lập.

Đọc mục luận-thuyết về chính-trị hay mục thời đàm của Nam-Phong, nhất là trong những năm từ 1917 đến 1925, không mấy số không nói về Cộng-Sản, tình-hình nước Nga sau cách-mạng tháng mười, nhằm tạo cho người Việt-Nam chưa hề biết Cộng-Sản là gì, một ấn-tượng sợ hãi hay một ý-niệm xấu về Cộng-Sản : Nào là Cộng-Sản phá gia-đình, tôn-giáo, vua-chúa, cướp ruộng, khủng-bố-bạo-động. Nào là tình-hình nước Nga nguy-ngập, kinh-tế khủng-hoảng, dân chúng đói kém ruộng để hoang, nhà máy để trống ; tương-lai mù-mịt đen tối v. v...

Rồi khi các phong-trào cách-mạng Quốc-gia nổi lên, làm bạo-động nhất là Quốc-dân Đảng ; Thực-dân đều gán cho họ là bọn Cộng-Sản cả, là do bàn tay của nước Nga *« Bọn cách-mạng thuộc về đảng Cộng-Sản, thông-đồng với một ít lính tập vào cướp đồn »*(1).

Roubaud cũng tố-cáo sự xuyên-tạc đó : *« Người ta cắt nghĩa một cách chính-thức những biến-cố đó vì một vài bất-mãn địa-phương do sự tuyên-truyền của đảng Cộng-Sản »* (2).

---

(1) Thời-đàm. Nam-Phong số 146. Bình-luận về vụ khởi-nghĩa Yên-Bái.

(2) Le Việt-Nam trang 9.

Tây xuyên-tạc các phong-trào Quốc-gia để làm gì ? Để làm mất uy-tín và chính-nghĩa của cách-mạng Quốc-gia trước dư-luận bản-xứ và thế-giới. Gán cho những hoạt-động cách-mạng tính-cách Cộng-sản tức là để cho các nước đế-quốc biết mối nguy-hiểm và mau mau liên kết lại để phòng-thủ chung, đồng-thời ở trong nước làm cho cách-mạng mất uy-tín. vì dân sợ Cộng-sản mà tuyên-truyền của Pháp đã làm cho họ hiểu Cộng-sản chỉ là bọn cuồng-loạn, xuẩn động phá-hoại, quân quá khích . . .

Làm sao họ có thể bào-chữa cho chế-độ thực-dân trước dư-luận thế-giới và trong nước, nếu họ phải giới-thiệu những người làm cách-mạng, chống lại họ là những người Quốc-Gia, yêu nước ?

Nhưng nói cho cùng Thực-dân không ngại các đảng Quốc-Gia đã đành, họ cũng không ngại hẳn cả đảng Cộng-sản Đông-dương mà chỉ thực-sự ngại Quốc-tế Cộng-sản. Khi phê-phán đảng Cộng-sản Đông-dương họ cho rằng sự cuồng-tín của đảng-viên Cộng-sản không là vì tin ở chủ-nghĩa Cộng-sản mà chỉ vì tinh-tự yêu nước mà thôi. Họ mù-quáng theo lệnh Mạc-tư-Khoa chứ chẳng hiểu gì chủ-nghĩa Cộng-sản, và dân chúng nổi dậy chỉ vì những bất-mãn hay bị xúi đẩy mà thôi (1).

Thực-dân khinh những người cách-mạng Việt-Nam mà họ gọi là khua-múa rối-loạn, bọn kích-động (excités) bọn thất-vọng, bọn thi trượt (raté) (2) bọn hiếu-động, ngay cả Cộng-sản cũng chỉ là bọn cuồng-tín. Còn dân chúng, những « *nhà quê* » thì ngu-dốt ; hiền lành, chỉ muốn an-phận, sợ-sệt (chưa trông thấy Tây đã run-rẩy sợ hãi vái rạp Bẩm lạy quan lớn !).

Roubaud ghi lại phản-ứng của nhiều người Pháp ở Đông-dương trước những vụ lộn-xộn hồi năm 1930 :

« *Nhiều người Pháp nhún vai nhắc đi nhắc lại Tất cả sự quấy-động nầy chỉ là việc mấy thằng trí-thức bất-mãn, người « nhà*

(1) Xem bản báo cáo của toàn-quyền gửi Tổng-trưởng thuộc-địa Contribution. Tome IV ; trg 6.

(2) Những danh từ Marty dùng để chỉ các nhà cách-mạng như khi nói về Nguyễn-thái-Học, ông viết : Một thanh-niên không có trí-khôn nhưng rất ngông nghênh. (tome II, trg 6).

quê» bất xét (Le nhaque s'en fiche). (1) Sau 1945 mà thực-dân cũng vẫn giữ thiên-kiến đó *Tất cả đều ép Cedille đừng điều-đình với bọn « phiêu-lưu » của Việt-Minh ; bọn rũ tù (bagnards) ăn cướp (bandits) hiếu-động . . . Người ta nói với Cedille rằng tất cả những giao-động đó đều giả-tạo và bị xúi bẩy. Đó là một lừa-bịp ghê-gớm (Bluff fantastique) Phải vỡ-trang lại quân-đội, và hoạt-động ; « Bọn Annam là bọn hèn nhát. Hễ khi các anh tỏ ra cứng-rắn và dơ cái lùi cui ra, là chúng chạy cút như bầy chim ».*

« Les annamites sont des lâches. Dès que vous vous montrerez fermes, et que vous sortirez la trique, broutt', ils f... ront le camp comme des moineaux » (2).

Thực-dân coi thường và khinh-bỉ người Việt-Nam, những nhà cách-mạng Việt-Nam vì họ thấy con đường chống lại họ của người Việt-Nam chỉ lẩn-quẩn trong phạm-vi chiến-thuật, còn họ thấy xa trông rộng hơn.

Thật đúng một phần nào các nhà cách-mạng Việt-Nam còn thiếu kinh-nghiệm về lãnh-đạo, vận-động quần chúng và tổ-chức đảng, hoặc chưa đặt vấn-đề tranh-đấu trên phương-diện chiến-lược. Nhưng thực-dân không nhìn-thấy một yếu-tố quan-trọng, một điều-kiện cốt yếu và cũng là chỗ mạnh của nhà cách-mạng Việt-Nam, đó là lòng yêu nước, truyền-thống bất khuất của dân tộc trước xâm lăng ; không có truyền-thống đó, có chiến-lược cao, chiến-thuật giỏi cũng vô-ích. Các nhà làm cách-mạng Việt-Nam vì còn ít kinh-nghiệm tranh-đấu chính-trị có thể thất-bại về chiến-lược, chiến-thuật, nhưng chẳng bao giờ họ thất bại hẳn nếu vẫn còn lòng yêu nước, chí bất-khuất... Chỗ mạnh của họ là ở đó ; ở truyền-thống yêu nước và có chính-nghĩa. Người Pháp không thể hiểu được truyền-thống đó, cái truyền-thống vẫn làm cho người Việt-Nam không bao giờ chịu nô-lệ hẳn và mỗi lần bị xâm-lăng là một lần vùng lên từ Trưng-vương, Trần-hưng-Đạo đến Phan-đình-Phùng, Phạm-hồng-Thái, Nguyễn-thái-Học, Phan-bội-Châu. Mỗi người Việt-

(1) Le Viet Nam. trg 126.

(2) Philippe Devillers. Histoire du Vietnam trg. 157 thuật lại lời một sĩ quan trong bộ tham mưu Pháp ở Saigon.

Nam khi đọc sử của nước mình hiểu ngay tình yêu nước đó như thế nào.

Nhưng người Pháp không thể hiểu được vì họ có những thiên-kiến về chủng-tộc ; rồi những người Việt-Nam tiếp xúc, cộng-tác với họ cũng không thể cho họ thấy được cái truyền-thống đó. Malleret đã nói các nhà văn thuộc-địa không hiểu được tâm-hồn người Việt-Nam thực-sự vì họ đã chỉ nhìn người Việt-Nam qua những người bồi con sen của họ. Người ta có thể nói các nhà lãnh-đạo chánh-trị người Pháp cũng không thể hiểu được tinh-thần dân-tộc Việt-Nam thực-sự, vì những người Việt-Nam họ tiếp xúc ài bọn quán lại, thượng-lưu tri-thức tay sai đầu hàng, hèn nhát cầu an vô liêm-sỉ, tham nhũng. Họ cho rằng bọn *« thượng-lưu tri-thức»* mà còn suy-nhược hèn-hạ, nịnh hót như thế, phương chi là dân đen chưa trông thấy họ đã run lẩy bẩm quan lớn...

Cho nên một dân-tộc với những người lãnh-đạo như thế làm sao có thể thực-sự đe-dọa lật đổ chế-độ Thực-dân được không kể những biến chuyển tình-hình thế-giới bất lợi ? Lúc mới sang họ tưởng có thể biến Đông-dương thành xứ Algérie thứ hai bằng một chính-sách đồng-hóa quyết-liệt. Họ gửi người Pháp về làng để dạy tiếng Pháp ngay từ hồi các *« đề-đốc »* cai-trị Nam-Kỳ. Một dân-tộc bạc nhược sẽ dễ bị đồng-hóa và chỉ như thế mới duy-trì lâu dài được thuộc-địa. Nhưng rồi họ thấy phong-trào bài Pháp nổi lên trước hết ở Nam-Kỳ nơi được học tiếng Pháp sớm hơn hết, trong khi ngoài Bắc mãi đến quãng 1930 mới có người Việt viết báo tiếng Pháp do những người du-học về hay tốt-nghiệp trường đại-học Hà-Nội chủ-trương. Người Pháp phải hầm bớt lại chính-sách đồng hóa và tung ra chính-sách hợp-tác, tôn-trọng văn-hóa cổ Việt-Nam. Không đồng-hóa được thì phải kìm hãm người Việt-Nam ở địa-vị những cái thấp kém lạc-hậu để dễ duy-trì chế-độ thuộc-địa, dưới chiêu-bài đề cao văn-hóa Việt-Nam.

Người Pháp phải nhận có sự phản-kháng, nhưng không coi sự phản kháng đó là bắt nguồn từ truyền-thống bất-khuất của một dân-tộc nhỏ bé mà sức mạnh của nó chỉ là ở chí-khí, ở nghị-lực tinh-thần như một nhà cách-mạng đã nói với Roubaud *«Cái sức mạnh nhất của dân-tộc này là sự bất động (inertie). Tại sao lao*

đầu trước những viện đạn ? Những cánh tay chúng tôi chỉ võ-trang bằng con dao xấu hay quả lựu đạn chỉ nguy-hiểm cho người cầm nó, tóm lại những cánh tay hoạt-động của chúng tôi luôn luôn sẽ phải đụng với một tường thép... Nhưng còn những cánh tay bất-động của chúng tôi ?

Những cánh tay của chúng tôi khoanh lại có thể lật đổ núi non. Trong xứ này, trong 40 triệu cánh tay làm việc không có một cánh tay da trắng nào... Ông thử tưởng-tượng một ngày kia, bỗng-nhiên người Âu-Châu không có bồi-bếp, tài-xế, cu-li. Không còn người đưa thư, người đánh điện-tín, thợ điện, nhân-viên hỏa-xa, thợ các nhà máy hầm mỏ... Đời sống sẽ ngừng lại ở thành-thị. Làng-mạc của chúng tôi sẽ không còn liên-lạc với nhau. Ở nhà quê vẫn tiếp-tục làm ăn vì người Pháp hiếm có, nhưng thực-phẩm sẽ không chở lên tiếp-tế cho thành phố nữa. Chúng tôi có thể sống lâu ngày với một chút gạo và cá khô, còn các ông, các ông là những người ăn nhiều lắm...

Các ông sẽ làm gì được để chống lại 15 triệu người bất-động ? Các ông có đủ nhà tù rộng để giam tất cả họ không ? (1)

Một vài cá-nhân có thể hiểu, nhưng những người Thực-dân trong guồng máy cai-trị của thực-dân không hiểu. Chế-độ thực-dân tự nó không thể làm cho những người của nó hiểu được điều đó Chỉ có sức mạnh bạo-động mới làm cho họ hiểu.

Đó là chỗ yếu của Thực-dân và cũng là chỗ quyết-định số phận thất bại của họ.

Qua những phân-tách trình-bày ở trên, phải nhận người Pháp đã biết nhìn xa khi đặt vấn-đề mất hay còn thuộc-địa trên bình-diện Quốc-tế. Nhưng một mặt khác, họ lại thật rất thiển-cận, chật hẹp trong việc phê-phán các phong-trào cách-mạng Việt-Nam, Người Pháp không nhìn-nhận tính-tự dân-tộc, Quốc-gia của người Việt-Nam, do đó đã không thể trông thấy sự cần-thiết giải-thực (décolonisation) thế nào cũng đặt ra và như một tất-yếu lịch-sử.

---

(1) Le Vietnam trg. 104-105.

Sở-dĩ họ chật hẹp, thiển cận, một phần vì họ là nạn-nhân của những huyền-thoại mà chính họ đã tạo ra. Ít nhiều họ tin những huyền-thoại về thực-dân, trở thành những người lý-tưởng, tuy thiết-thực họ vẫn làm theo thực-chất của chế-độ thực-dân.

Cứ nói mãi khai-hóa, hay « *Đông-dương yêu-qúy của chúng ta* », cuối cùng họ cũng bị chính những lời nói dối của họ huyễn-diệu, nên rất khó có thể quan-niệm được một ngày kia sẽ phải bỏ xứ Đông-dương yêu qúy, hòn ngọc ở Viễn-Đông của nước Pháp.

Trái lại người Anh thực-tế hơn, chỉ nhìn thuộc-địa như một vấn-đề quyền-lợi không vướng mắc bận-bịu về những lý-tưởng chỉ là huyền-thoại, nên dễ-dàng thay đổi chính-sách khi nhận thấy không còn thể giữ được quyền-lợi bằng chính-sách thuộc-địa.

Thiết-tưởng sự cố chấp muốn duy-trì chế-độ thuộc-địa trong đường-lối chính-trị của Pháp thời thống-trị và ngay cả hồi 1945-46 một phần cũng là do thái-độ bị « *huyễn-diệu* » vì những huyền-thoại thực-dân của họ.

Người Pháp đã cố chấp không nhìn nhận những phong-trào cách-mạng Việt-Nam, nên khi bó-buộc phải thay đổi chính-sách, họ chỉ muốn thực-hiện một thay đổi hình thức mà thôi, nghĩa là trao trả độc-lập cho những tay sai, quan lại, bù-nhìn...

Phải chăng vì sự thiển cận, cố chấp đó mà dân-tộc Việt-Nam một dân-tộc đi tiền-phong trong mặt trận chống thực-dân và cũng là dân-tộc đã hy-sinh xương máu, mồ hôi, nước mắt nhiều nhất cho công-cuộc giải-phóng đất nước, rút cục phải chịu một số phận đáng buồn hơn cả so với số phận các nước thuộc-địa khác.

Giả-sử người Pháp đã sáng-suốt, nhìn nhận những nhà cách-mạng Quốc-Gia điều-đình với họ và hơn nữa nâng-đỡ họ một cách thật tình, nhất là hồi 1945-46 thì chắc gì dân-tộc Việt-Nam đã phải chịu những thảm-trạng của một nước có chiến-tranh liên-tiếp và lâu năm nhất trên thế-giới, mãi đến ngày nay cũng vẫn chưa thấy hòa-bình hé mở trong tương-lai ?

Trước thái-độ cố chấp của người Pháp nhất-định tái-lập chế-độ thuộc-địa, dân-tộc Việt-Nam chỉ còn một con đường : dùng võ-

lực chống xâm-lăng. Nhưng từ sau cuộc khởi-nghĩa thất-bại của Việt-Nam quốc dân đảng, có lẽ chỉ còn đảng Cộng-Sản là tổ-chức cách-mạng làm cho thực-dân lo ngại hơn cả. Rồi những thuận-lợi bất ngờ của thời cuộc hồi 1945 đã giúp đảng Cộng-Sản cướp được chính-quyền và lãnh-đạo công cuộc giải-phóng dân-tộc.

Ở trên, tôi đã đưa ra giải-thích sở-dĩ thực-dân sợ Cộng-Sản là vì tính-cách quốc-tế của nó, nhưng trong thực-tế thì lại không phải Quốc-tế Cộng-Sản đã giúp Cộng-Sản Việt-Nam lật đổ chế-độ thực-dân Pháp. Cuộc khởi-nghĩa của mặt trận Việt-minh do đảng Cộng-Sản Đông-dương lãnh-đạo hồi 1945, là hoàn-toàn tự phát từ trong nước. Không có một nước Cộng-Sản nào trực-tiếp giúp-đỡ hay công-nhận ngoại-giao Việt-Nam dân-chủ Cộng-hòa, mà chính Đồng-minh, nghĩa là Mỹ đã ủng-hộ và nâng-đỡ mặt trận Việt-Minh trước và sau khởi-nghĩa như Sainteny đã nhiều lần nhắc tới điểm đó trong cuốn hồi-ký của Ông ta (1). Nhưng điểm đặc-biệt hơn nữa là động-lực thúc đẩy cách-mạng tháng 8 và cuộc kháng-chiến chống Pháp thành-công, chủ-yếu là tình-tự dân-tộc, lòng ái-quốc, đoàn-kết Quốc-gia chứ không phải tinh-thần Quốc-tế vô-sản.

Marx đã quan-niệm Cộng-sản như một phong-trào quốc-tế căn cứ vào liên-minh giai-cấp vô-sản trong các Quốc-gia. Cho nên đối với Marx, vấn-đề Quốc-gia rất phụ thuộc. Marx không có một ý-niệm rõ-rệt về Quốc-gia và càng không để ý thiết-lập một lý-thuyết về Quốc-gia như Henri Chambre đã nhận xét « *Ý-niệm về Quốc-Gia lỏng-lẻo trong tư-tưởng của Marx. Marx thường lẫn lộn nó với những ý-niệm xứ-sở, nhà nước, xã-hội* » (2).

---

(1) Histoire d'une Paix manquée. Theo Sainteny phái-bộ Mỹ ở Hà-nội lúc đó công-khai ra mặt chống âm-mưu trở lại Việt-Nam của người Pháp và nâng-đỡ Việt-minh vì chống chủ-nghĩa thực-dân như 1 điện-tín của cơ-quan tình-báo Mỹ phụ-trách Đông-dương đã đánh đi O. S. S. (Office strategic service) không nên để cho những người Pháp trở lại Đông-dương với bất cứ trường-hợp nào (trg. 95).

(2) H. Chambre. Le Marxisme en Union Soviétique. Seuil. trg. 288.

Nhưng Lénine và Staline bó buộc phải chú-ý đến vấn-đề Quốc-Gia. Quan-niệm của hai người về Quốc-gia thoát thai từ những điều-kiện đặc-biệt của nước Nga lúc đảng Bon-sơ-vít nắm được chính-quyền. Đó là một vương-quốc gồm nhiều dân-tộc khác nhau và còn lạc-hậu về kinh-tế so với các nước Tây-phương. Vậy nhiệm-vụ cấp-bách là phải làm sao tránh được sự phân-tán các dân-tộc trong vương-quốc của Nga hoàng xưa, đồng-thời phải tạo điều-kiện xây-dựng một Quốc-gia hùng mạnh hiện-đại. Một chính-sách về các dân-tộc được đề ra nhằm tôn-trọng quyền tự-quyết và tự-do liên-hiệp, đề cao văn-hóa địa-phương bảo-vệ vốn cũ, ngôn-ngữ dân-tộc, cổ-võ lòng yêu nước và phục-hồi truyền-thống Nga.

Cuộc cách-mạng vô-sản dần dần cũng mặc một khuôn mặt Quốc-gia Nga. Trên bình-diện Quốc-tế, một cách chính-thức, Liên-sô và Staline vẫn là nước, người lãnh-đạo cách-mạng Quốc-tế Cộng-Sản do giai-cấp vô-sản đảm-nhiệm, nhưng trong thực-tế, Staline chỉ là một lãnh-tụ Quốc-gia (nationatiste) thuần-túy, nghĩa là một người đặt quyền-lợi nước mình lên trên hết và buộc các đảng Cộng-Sản khác, phải hoạt-động theo đường-lối có lợi không phải cho Quốc-tế Cộng-sản, nhưng cho Quốc-gia Nga do Staline đứng đầu.

Như thế người ta mới hiểu tại sao Staline chẳng những không lo đẩy mạnh phong-trào Cộng-sản quốc-tế mà còn ngăn-cản, kìm hãm nó lại khi sự bành-trướng Cộng-sản có thể làm hại cho quyền-lợi nước Nga. Và cũng chỉ vì thế người ta mới hiểu tại sao Staline đã thỏa-hiệp với các nước tư-bản đế-quốc và bỏ rơi các đảng Cộng sản đang chiến-đấu trong các nước tư-bản đế-quốc đó như trường-hợp Staline thỏa-hiệp với Tưởng-giới-Thạch và bỏ rơi Mao-trạch-Đông.

Trên lý-thuyết, Staline vẫn nói Quốc-gia chỉ là một huyền-thoại, một phạm-trù lịch-sử do tư-bản trong thời-kỳ quá độ qui-định và thực-chất của nó là trưởng-giả (1) nhưng trong thực-tế cách-mạng Nga, tình-tự Quốc gia chẳng những không bị tiêu-diệt

(1) Staline. Le Marxisme et la question nationale. Ed. Sociales. « Về thực-chất cuộc tranh-đấu quốc-gia bao giờ cũng có tính cách trưởng-giả và chỉ lợi ích cho giai-cấp trưởng-giả ».

cùng với giai-cấp trưởng-giả, mà còn là một phạm trù chủ-yếu trong chế-độ xã-hội chủ-nghĩa. Trước cuộc xâm-lăng của Đức Quốc-Xã, Staline đã kêu gọi lòng ái-quốc của người Nga và chính lòng yêu nước của Nga đã làm cho dân Nga ủng-hộ Staline đánh-đuổi xâm-lăng dù họ thù ghét Staline.

Do đó, trên thực-tế, các đảng Cộng-sản đều muốn chủ-trương một chính-sách Quốc-Gia ; sau thời-kỳ Staline, khuynh-hướng trên càng rõ-rệt, nhất là với những nước mà đảng Cộng-sản thành hình, lớn mạnh bằng cuộc chiến-đấu giải - phóng dân-tộc và cướp được chính-quyền tự sức mình như những đảng Cộng - sản Nam-Tư, Trung - Quốc, Việt - Nam, chứ không phải nhờ sự chiếm đóng của quân-đội Liên xô như trường - hợp các nước Cộng - sản Đông Âu. Đặc biệt là trường-hợp Trung-Cộng, có thể nói việc đảng Cộng-sản Trung-hoa cướp được chính - quyền không những không được Nga giúp đỡ mà còn chống lại với ý-định của Staline (1).

Nói như vậy, không có ý phủ nhận thực tại giai-cấp tranh-đấu, nhưng chỉ có ý chứng - minh Quốc - Gia cũng là một thực tại trường-tồn và tình-tự dân - tộc là một động-lực chủ - yếu mà Cộng-sản chẳng những không gạt bỏ mà còn xử dụng triệt để trong việc thực-hiện những đường lối chính - trị của họ. Sự chia rẽ và nứt rạn trong nội-bộ Cộng-sản như trường hợp Nam-Tư, cuộc khởi-nghĩa Hungari hồi 1956, và cuộc tranh chấp Liên-xô Trung-Cộng ngày nay, bề ngoài được trình-bày như một bất-đồng-ý về hệ tư-tưởng (idéologique) nhưng phải chăng nguyên-nhân sâu-xa của nó cũng chỉ là do ý muốn thực-hiện một chính-sách độc-lập chính-trị, một thứ Cộng-sản Quốc-gia, biểu-lộ sự khước từ quyền lãnh-đạo của Liên-xô ?

---

(1)Trong cuộc chiến-tranh Việt-Pháp vừa qua, phải chăng đảng Cộng-sản Pháp cũng đặt quyền-lợi nước Pháp lên trên quyền-lợi quốc-tế Cộng-sản như André Marty, một cựu đảng-viên có chân trong bộ chính-trị của đảng Cộng-sản Pháp đã tố-cáo trong cuốn « Affaire Marty. Paris 1955. (chương: Indochine sang et profit). Domenach cũng nhắc tới những thất-vọng của Hồ-chí-Minh trong sự tin-tưởng vào đảng Cộng-sản hồi 1946. «Tạp chí Esprit. Décembre 1962. trg. 1041. »

Tuy nhiên, chính-sách Quốc gia của đệ tam quốc-tế lại bị Cộng-sản đệ tứ quốc-tế coi như một phản-bội lý-thuyết Mác chính-thống. Theo đệ tứ, đệ tam phản-bội vì đã bỏ quên hay hoãn lại vô hạn định cuộc cách-mạng giai-cấp, cuộc cách-mạng thường-xuyên (révolution permanente) là yếu-tính của phong-trào Cộng-sản để làm những cuộc cách-mạng quốc-gia, dân-tộc.

Những người Cộng-sản Đệ-tứ Việt-Nam đã trách những người Cộng-sản đệ tam Việt-Nam là « *hy-sinh giai-cấp đấu-tranh trên bàn thờ tổ-quốc* » (1) khi tuyên-bố giải-tán đảng Cộng-sản hồi tháng 11-1945 để thực-hiện đoàn-kết Quốc-gia.

« *Ở Đông-dương, viện cớ giai-cấp vô-sản còn yếu, viện cớ một đoàn-kết Quốc-Gia giả-dối vì dựa vào sự cộng-tác các giai-cấp, ban chỉ-đạo Staline đã tìm cách thỏa-hiệp với đế-quốc Pháp và tiêu-diệt những phần tử Cộng-sản tiến-bộ. Những lãnh-tụ trôs-kit Tạ-thu-Thâu Trần-văn-Thạch và nhiều người khác đã bị giết hồi tháng 2-1946 để mở đường cho thỏa-hiệp mùng 6 tháng 3* » (2).

Thực ra không phải đệ tam từ bỏ làm cách-mạng giai-cấp khi chủ-trương làm cách-mạng dân-tộc trước đã. Cho nên sự tranh chấp giữa đệ tam và đệ tứ Cộng-sản chỉ ở trên bình-diện chiến-thuật. (Vấn-đề giai-đoạn và ai lãnh-đạo cách-mạng). Đệ tam thì cho rằng không thể làm ngay cách-mạng giai-cấp và đàng khác chính đảng Cộng-sản phải lãnh-đạo cuộc cách-mạng dân-tộc mới bảo-đảm được việc làm cách-mạng giai-cấp sau này. Đệ tứ thì cho rằng Cộng-sản chỉ làm cách-mạng giai-cấp và do đó không thể lãnh-đạo một cách-mạng thuần-túy quốc-gia vì như thế là phản-bội chủ-nghĩa Mác.

Những người Cộng-sản đệ tứ là những người trí-thức hiểu theo nghĩa trí-thức là người lý-tưởng, hành-động theo lý-luận nhiều hơn là theo điều-kiện thực-tế. Cho nên xét về hiệu-nghiệm

---

(1) Anh-văn et Jacqueline Roussel. Mouvements nationaux et lutte de classes au Vietnam. Paris 1947. Publication de la IVè Internationale trg. 54.

(2) Sách trích-dẫn trên. trg. 82.

chính-trị, Cộng-sản đệ tam đã thành-công ở những điểm mà đệ tứ thất-bại.

Vậy căn-cứ vào đường-lối thực-tiễn của Cộng-sản, người ta thấy Cộng-sản cũng phải làm cách-mạng dân-tộc để làm cách-mạng giai-cấp và xử-dụng tình-tự quốc-gia như một động-lực chủ-yếu trong việc thực-hiện những cuộc cách-mạng trên. Điều đó có nghĩa là sức mạnh của phong-trào Cộng-sản không hoàn-toàn do thực-chất của mình là Cộng-sản, mà chính là còn ở tại phong-trào Cộng-sản xuất-hiện như một phong-trào quốc-gia.

Trước một sự-kiện như thế, nếu người Pháp hồi 1946 và nhất là khi còn giữ chủ-quyền ở Đông-dương, đã sáng-suốt nhìn thấy vấn-đề giải-thực thế nào cũng phải được giải-quyết như một tất-yếu lịch-sử, đồng-thời nhận-định được *« chỗ yếu »* của phong-trào Cộng-sản, do đó đi tới một chủ-trương điều-đình và hơn nữa, nâng-đỡ các phong-trào Quốc-gia thì chắc gì đảng Cộng-sản Đông-dương đã được cái may mắn độc-quyền lãnh-đạo công cuộc giải-phóng đất nước ? Một cách cụ-thể, nếu người Pháp đừng tiêu-diệt Việt-Nam Quốc-dân-đảng và không tìm cách đàn-áp các nhà cách-mạng được toàn dân kính chuộng như Phan-bội-Châu, Phan-chu-Trinh, Huỳnh-thúc-Kháng v.v... thì chắc gì những lãnh-tụ Cộng-sản đã xuất-hiện như là những người còn lại độc nhất để lãnh-đạo công cuộc đoàn-kết Quốc-gia, tranh-đấu chống thực-dân, giải-phóng dân-tộc ? Trong viễn-ảnh một chính-sách nhìn xa trông rộng trên của người Pháp, người ta có thể mường-tượng nước Việt-Nam sẽ có một chính-phủ Quốc-gia trong đó đảng Cộng-sản chỉ là một đảng giữa các đảng-phái khác. Sự có mặt của đảng Cộng-sản trong trường chính-trị Quốc-gia là một điều cần và hay vì nó bó buộc các đảng-phái Quốc-gia phải đặt vấn-đề cách-mạng xã-hội. Chỗ mạnh của các phong-trào Quốc-gia là dựa vào tình-tự dân-tộc để dành lại độc-lập Quốc-gia, nhưng chỗ yếu của phong-trào này là sự thiếu sót một hệ-tư-tưởng, một lý-thuyết xã-hội như Domenach đã viết : *« Chủ-nghĩa Quốc-gia, là đáng kể khi một dân-tộc bị áp-bức : lúc đó nó tập họp được tất cả những lực-lượng xã-hội khác nhau, đều bị đàn-áp và mong muốn được giải-thoát ; nhưng khi dân-tộc đó đã được giải-phóng, và bây giờ phải giải-quyết những vấn-đề*

nội-bộ, chủ-nghĩa quốc-gia không còn cung-cấp những giải-đáp thích-ứng cho những vấn-đề thiết-thực, ngoại-trừ những kích-thích vô-ích và những mâu-thuẫn vô-định. Nó còn có thể trở nên một chỗ ẩn-náu của những kẻ ưu-đãi dựa vào huyền-thoại « toàn-thể Quốc-gia » để che đậy những bất-bình-đẳng thực-sự và người ta thấy mối nguy-hiểm của một chủ-nghĩa quốc-gia thoát-thai từ áp-bức ngoại-bang về sau có thể biến thành một mưu-chước lừa bịp để trốn tránh những nhiệm-vụ xây-dựng kinh-tế và bình-đẳng xã-hội... (1)

Nói cách khác, công-cuộc giải-phóng dân-tộc, dành lại độc-lập chính-trị thực-sự sẽ chẳng giải-quyết được gì nếu nó không kèm theo một cuộc cách-mạng xã-hội. Người ta có thể không đồng ý với Cộng-sản về cách thực-hiện cuộc cách-mạng xã-hội, nhưng không thể từ chối không đặt vấn-đề cách-mạng xã-hội là nhiệm-vụ chủ-yếu của công-trình giải-thực (décolonisation).

Không thể không làm cách-mạng xã-hội, đó cũng là một tất-yếu lịch-sử trong phong-trào giải-phóng các dân-tộc thuộc-địa ; chỉ có những cách làm khác nhau và tương-lai là ở trong tay những lực-lượng có cách làm hiệu-nghiệm, thực-hiện được cuộc cách-mạng xã-hội đó.

Nhưng hy-vọng về một chính-quyền Quốc-gia có nội-dung xã-hội chủ-nghĩa cởi mở (socialisme ouvert) trong đó các quan niệm cách-mạng xã-hội khác nhau được tự-do thi-thố và tiêu-chuẩn để tranh được quyền lãnh-đạo sẽ chỉ là sự hiệu-nghiệm chính-trị đã không thể có được, vì người Pháp trong thời-kỳ còn nắm chủ-quyền cũng như hồi 1946 đã theo đuổi một chính-sách muốn duy-trì chế-độ thực-dân với bất-cứ giá nào và khi không thể duy-trì dưới hình-thức cai-trị trực-tiếp thì lại chỉ muốn trao độc-lập cho bọn quan lại, thượng-lưu trí-thức làm tay sai bù nhìn của họ. Do đó, đối với các phong-trào Quốc-gia, người Pháp thẳng tay đàn-áp và tiêu-diệt. Cho nên vì kém về tổ-chức, những phong-trào

(1) J.M. Domenach. Le nationalisme et le dépassement des nations. Tạp-chí Esprit, Mars. 1955, trg. 348.

này bị tan vỡ. Chỉ còn lại những cá-nhân có chí-khí, nhưng không có quần-chúng, cơ-sở tổ-chức cách-mạng hẳn-hòi và thường cũng không có đường lối rõ-rệt.

Bị ném vào một cái thế không có **đất đứng** cả ở trong nước lẫn ở ngoài nước, các nhà cách-mạng Quốc-gia không thể tạo được một con đường tranh-đấu riêng và bó buộc phải chọn, hoặc là theo thực-dân, trùm chăn hay theo Cộng-sản để thực-hiện nhiệm-vụ giải-phóng dân-tộc trước ý-chí cố-chấp duy-trì thuộc-địa của người Pháp.

Do đó, có thể nói, người Pháp đã giúp cho đảng Cộng-sản Việt-Nam có may mắn được lãnh-đạo công cuộc giải-phóng dân-tộc và tạo điều-kiện cho họ lớn mạnh trưởng-thành trong kháng chiến bằng cách ngăn chận mọi đường lối khác.

Trong việc tranh dật quyền lãnh-đạo để thực-hiện công cuộc giải-phóng dân-tộc theo quan-điểm của mình, đảng Cộng-sản bất đắc-dĩ bó buộc phải tiêu-diệt những thế-lực có thể cản-trở hay đe-dọa quyền lãnh-đạo đó.

Trước hết, Cộng-sản đệ-tam phải tiêu-diệt những người anh em thù-địch của mình là Cộng-sản đệ tứ. Do đường-lối làm cách-mạng dân-tộc trước, cách-mạng giai-cấp sau, Cộng-sản đệ tam phải chủ-trương đoàn-kết quốc-gia, nghĩa là thỏa-hiệp giai-cấp, nhưng làm như thế sẽ bị Cộng-sản đệ-tứ tố-cáo là phản-bội chủ-nghĩa Cộng-sản và do đó mất tín-nhiệm của giai-cấp công-nhân là lực-lượng chủ-yếu của cách-mạng. Trước mắt người lao-động, chỉ Cộng-sản đệ-tứ mới là lãnh-tụ đích-thực của họ. Người ta thấy rõ điều đó trong việc liên-kết và chia-rẽ giữa đệ-tam và đệ-tứ hồi mặt trận bình-dân.

« ... Ngày 14-6-1937, có một buổi họp cuối cùng giữa đệ-tam và đệ-tứ. Tạ-thu-Thâu đã soạn-thảo một quyết-nghị đặt những người Staliniens (chỉ đệ-tam) vào chân tường nếu họ từ chối bỏ phiếu thuận, chúng ta sẽ dùng bằng-cớ đó để minh-chứng trước đông-đảo quần-chúng, những người Sta-li-niêng (Staliniens) cần-thiết phải bám vào hạng trưởng-giả, bọn bóc-lột, bọn đế-quốc, nghĩa là họ cần-thiết phải tách rời khỏi chúng ta và do đó làm suy-yếu mặt trận

chống-đối thực-tiễn ». (1) Sau khi tan vỡ, uy-tín của nhóm troskit lên rất cao trong giới lao-động. Bằng cớ là kỳ ứng-cử vào hội-đồng thuộc-địa Nam-kỳ ngày 30-4-1939 Tạ-thu-Thâu và Trần-văn-Thạch đã được 80% số phiếu, còn phe chính-phủ và đệ-tam chia nhau 20%. Như thế, người ta hiểu Cộng sản đệ tam không thể để cho Cộng-sản đệ tứ «*bôi-nhọ*» mình trước giai-cấp công-nhân và do đó làm cản-trở đường-lối cách-mạng của mình.

Cộng-sản đệ tam cũng không thể để yên những lãnh-tụ các phong-trào quốc-gia, nhất là Việt-Nam quốc-dân đảng. Muốn hiểu tại sao Cộng-sản đệ tam Việt-Nam không thể cộng-tác với Việt-Nam quốc-dân đảng, có lẽ phải tìm hiểu trong hoàn-cảnh nào đảng Cộng-sản đã được thành-lập ở bên Tàu, hồi 1925-1927.

Một điểm không ai chối cãi là sự song hàng về tình-thế, các phong-trào tư-tưởng các đảng-phái cách-mạng của Trung-hoa và Việt-Nam, Việt-Nam quốc-dân đảng chẳng khác gì quốc-dân đảng Tàu về đường-lối chủ-trương. Tôn-dật-Tiên, người sáng lập đảng quốc-dân, cũng chủ-trương một cuộc cách-mạng dân-tộc có nội-dung xã-hội chủ-nghĩa. Do đó ông rất gần với quan-điểm của Cộng-sản. Sự cộng-tác quốc-cộng đặt trên sự nhất-trí về chủ-trương cách-mạng. Mùa hè 1923 Tôn sai Tưởng-giới-Thạch sang Mạc-tư-khoa học quân-sự và một năm sau trở về làm giám-đốc Trường võ-bị Hoàng-Phố. Mặt khác, Mạc-tư-khoa cũng sai Borodine sang làm cố-vấn về cách-mạng cho đảng quốc-dân. Những đảng viên Cộng-sản có quyền gia nhập Quốc-dân đảng và do đó, ngày cướp chánh-quyền đảng Cộng-sản đương-nhiên sẽ được tham-dự chính-quyền.

Cuộc khởi-nghĩa bùng nổ, quốc-Cộng đi từ chiến thắng này đến chiến thắng khác. Nhưng Tôn-dật-Tiên không được thấy sự toàn thắng của phong-trào. Ông mất năm 1925. Năm 1928, toàn thể nước Tàu thống-nhất dưới sự lãnh-đạo của Quốc-dân đảng. Nhưng cuộc cách-mạng dân-tộc trước khi hoàn thành đã chặn đứng những cửa ngõ đưa nó tới cách-mạng xã-hội như Tôn-dật-Tiên mong muốn.

---

(1) Anh-văn et J. Roussel, Mouvements nationaux trg. 57

Ngày 3-4-1927, Tưởng-giới-Thạch đột nhiên trở mặt, sai quân đội đến chiếm đóng các trụ-sở của đảng Cộng-sản, bắt hết các lãnh-tụ và thủ-tiêu họ trong những điều-kiện cực-kỳ dã-man. Rồi đảng Cộng-sản bị loại khỏi chính-quyền trung-ương, và cuộc khủng-bố Cộng-sản tiếp-diễn cho đến ngày chế-độ Tưởng-giới-Thạch sụp đổ. Lúc xảy ra chiến-tranh Trung-Nhật, Tưởng nhận sự cộng-tác của Cộng-sản rồi lại trở mặt đàn-áp ngay sau đó. Tưởng lo tiêu-diệt Cộng-sản hơn là chống xâm-lăng.

Jean Jacques Brieux, trong khi tìm hiểu tại sao Quốc-dân đảng đã đưa đến Cộng-sản, đã viết: « *Khi Tôn-dật-Tiên lập Quốc-dân đảng, thì đó là một đảng cách-mạng, nhằm mục-đích đuổi ngoại-quốc, đánh đổ vua chúa phong-kiến, thiết-lập nền dân-chủ bằng Tự-do bầu-cử, xóa bỏ nạn đói và lầm-than xã-hội bằng cách đảm-bảo mực sống tối-thiểu cho dân-chúng. Hai mươi năm sau, đảng này còn ở chính-quyền chỉ là nhờ ở sự ủng-hộ của Mỹ, các Chúa phong-kiến và bọn công-chức của nó, không một cuộc bầu-cử nào được tổ-chức, một trong những nạn đói khủng-khiếp nhất tàn-sát cả tỉnh Hồ-Nam, và từ thời-kỳ Mông-cổ xâm-lăng, không bao giờ dân-quê bị khổ cực đến thế* ». (1).

Do đó, chỉ quyền-lợi giai-cấp mới giải-thích nổi tại sao Tưởng-giới-Thạch phản-bội cách-mạng của Tôn-dật-Tiên khi tìm cách tiêu-diệt không những đảng Cộng-sản mà cả những phần-tử quốc-dân đảng cấp-tiến.

Khi mục-tiêu là đánh đuổi ngoại-quốc, thì tư-bản, trưởng-giả, địa-chủ vì quyền-lợi bị ngoại-quốc chèn-ép nên dễ-dàng tham-dự công-cuộc giải-phóng dân-tộc, nhưng khi họ thấy cuộc cách-mạng đó sẽ đưa đến cải-cách ruộng đất, quốc-hữu-hóa nhà máy, đồn-điền v.v... họ hiểu rằng dân cày, lao-động còn đe-dọa quyền-lợi của họ hơn đế-quốc ngoại-bang, chính vì thế mà vì quyền-lợi họ phải chống lại cách-mạng xã-hội và để thực-hiện việc đảm-bảo

(1) La Chine, du Nationalisme au Communisme. Ed. Seuil 1953. trg 222.

quyền-lợi giai-cấp, họ cũng không ngần-ngại thỏa-hiệp với ngoại-bang (1).

Do đó, có lẽ phải đặt việc thành-lập đảng Cộng-sản Việt-nam vào hoàn-cảnh lúc Quốc-dân đảng do Tưởng-giới-Thạch lãnh-đạo phản-bội, đàn-áp đảng Cộng-sản Trung-quốc và kết-quả là cả một số đảng viên Cộng-sản Việt-nam cũng bị bắt, trụ-sở phải rời sang Hồng-Kông, mới hiểu được tại sao đảng Cộng-sản Việt-nam không chịu cộng-tác với Việt-nam quốc-dân đảng như Louis Marty cũng đã chú-thích điều đó : « *Nhưng khôn-ngoan hơn Borodine, ông (chỉ Nguyễn-ái-Quốc) không hề nghĩ đến việc thực-hiện với quốc-dân đảng một liên-kết nguy-hiểm như liên-kết giữa Quốc-dân đảng Trung-hoa và đảng Cộng-sản Trung-quốc* » (2).

Bài học về sự cộng-tác quốc-cộng Trung-hoa là đảng Cộng-sản Việt-nam cho rằng mình phải tự đảm-nhiệm lấy việc lãnh-đạo cách-mạng quốc-gia mới có thể đảm-bảo được cuộc cách-mạng xã-hội sẽ làm sau này ; nếu để cho Quốc-dân đảng làm cách-mạng quốc-gia thì có thể chẳng những không làm được cách-mạng xã-hội mà còn làm hỏng cả cách-mạng dân-tộc. Những người sáng lập Việt-nam quốc-dân đảng cũng như Tôn-dật-Tiên đều chủ-trương cách-mạng xã-hội và cả cách-mạng thế-giới. Nhưng có gì đảm-bảo ở Việt-nam sẽ không có một Tưởng-giới-Thạch lái Việt-nam Quốc-dân đảng vào con đường phản cách-mạng ? « *Vậy phải chăng để tránh một cuộc chạy dài một trường chinh* » (longue marche) cực

---

(1) Trường hợp Tưởng-giới-Thạch thỏa hiệp với các tòa lãnh-sự ngoại quốc để đàn áp cộng-sản, yêu cầu ngoại-quốc giúp khí giới, cho quân-đội chính-phủ qua các tô-giới (Brieux trg. 94) và nhất là trường-hợp Tưởng tiêu-diệt đạo-binh thứ 5 (5ème armée) gồm nhiều phần-tử Cộng-sản) vì cho là nguy-hiểm. Tưởng ra lệnh cho đạo-binh này rút lui vì thà để cho quân đội Nhật chiếm-đóng còn hơn để cho đạo-binh này giác-ngộ chính-trị dân chúng trong khi vẫn tiếp tục kháng-chiến. Khi đạo-quân này rút lui, Tưởng lại sai quân tập kích tiêu-diệt và giải-tán số quân còn lại (xem Brieux trg. 116-118).

(2) Contribution . . . Tome IV. trg. 15.

kỳ gian khổ như đảng Cộng-sản Trung-quốc đã chịu mà đảng Cộng-sản Việt-nam gác bỏ mọi ý-định cộng-tác thực-sự với các đảng Quốc-gia nói chung và với Việt-nam Quốc-dân đảng nói riêng ?

Dù sao, người ta cũng nhận thấy điều này : những người cách-mạng quốc-gia Việt-nam đã không bao giờ có một đất đứng, nghĩa là có những hoàn-cảnh thuận-tiện ở trong và ngoài nước để thử đi một con đường cách-mạng dân-tộc có nội-dung xã-hội chủ-nghĩa mà không phải Cộng-sản như con đường của một Ben Bella chẳng hạn.

Trong nước thì một mặt bị Cộng-sản chèn ép, một mặt khác bị thực-dân đàn-áp hay bỏ rơi không thèm đếm-xỉa tới (1); còn ngoài nước thì không có một dư-luận thế-giới nào ủng-hộ như trường-hợp Algérie hay nhiều nước Á-Phi mới dành được độc-lập gần đây.

Những nước này có điều-kiện thuận-lợi là tranh-đấu dành độc-lập ở một giai-đoạn mà chủ-nghĩa thực-dân đã gần cáo chung đồng-thời với sự hình thành một lực-lượng thứ ba không phải đế-quốc thực-dân cũng không phải Cộng-sản. Do đó mà có thể quan-niệm được một cuộc cách-mạng quốc-gia có nội-dung xã-hội chủ-nghĩa không phải Cộng-sản mà vẫn phản-đế bài-phong.

---

(1) Thực ra người Pháp cũng có tiếp-xúc với các đảng Quốc-gia. Trong cuốn Histoire d'une paix manquée, Sainteny nhắc tới người đầu tiên ông tiếp-xúc ở Côn-Minh là Nguyễn-tường-Tam, một lãnh-tụ Việt-Nam quốc-dân đảng trước khi tiếp-xúc với Việt-Minh. Về sau ở Hanoi, ông cũng tiếp xúc với Nguyễn-hải-Thần, nhưng như ông nói: «Tất cả những gặp-gỡ đó không đưa đến kết-quả gì, Nguyễn-hải-Thần chẳng bao lâu tỏ ra một nhân vật tầm-thường, không có thực-lực và cũng không có phương-tiện gì » (trg. 54 và 164). Tuy-nhiên Sainteny không phải là người tiêu-biểu cho đường lối chính trị thực-sự của thực-dân Pháp, chứng-cớ là chính-sách điều-đình của ông đã bị phe thực-dân đánh bại. Hơn nữa, đến lúc đó mới tiếp-xúc với các nhà cách-mạng quốc-gia thì cũng đã muộn.

Trái lại phong-trào cách-mạng quốc-gia Việt-nam đã bùng nổ sớm quá, lúc thế-giới chỉ có hai phe đế-quốc thực-dân và cộng-sản cho nên cuộc tranh-đấu dành độc-lập là một tranh-chấp giữa thực-dân cấu-kết với tay sai quan lại phong-kiến và các lực-lượng cách-mạng quốc-gia do Cộng-sản lãnh-đạo. Những người cách-mạng quốc-gia không có đất đứng riêng, bó buộc phải đầu hàng thực-dân hoặc theo Cộng-sản mà thôi. Trước thế cờ chỉ hai người được đánh, những người cách-mệnh quốc-gia là những cá-nhân có lòng yêu nước đôi khi thiết-tha với công-bằng xã-hội nhưng đơn lẻ, chia rẽ nhau, không biết làm gì, làm thế nào và làm với ai để thực-hiện những mục-tiêu trên. Đó là số-phận đáng buồn của những người cách-mạng quốc-gia chân-chính, số-phận bị gạt ra khỏi lịch-sử tranh đấu dân-tộc. Đó cũng là số phận của nước Việt-nam phải chịu đứng vào thế cờ độc nhất là cuộc tranh-chấp giữa thực-dân phong kiến và cộng-sản, tuy cả hai đều dùng danh nghĩa Quốc-gia. Quan lại phong-kiến càng lệ-thuộc vào thực-dân, đế-quốc càng ném Cộng sản vào lệ-thuộc quốc-tế cộng-sản. Viễn-tượng độc-lập quốc-gia càng trở thành ảo-ảnh. Giả sử có một lực-lượng quốc-gia thực-sự và tiến-bộ thì không những kéo được những người quốc-gia miễn cưỡng theo cộng-sản vì không còn đảng nào khác để chống thực-dân phong-kiến, mà còn tạo điều-kiện cho khuynh-hướng Cộng-sản quốc-gia trong đảng Cộng-sản thắng thế khuynh-hướng Sta-li-niêng (lệ thuộc một cách nô-lệ lãnh-đạo quốc-tế cộng-sản). .

Dân-tộc Việt-nam là một dân-tộc bước vào công-cuộc giải-phóng quốc-gia sớm nhất và cũng là dân-tộc hy-sinh nhiều nhất cho công-cuộc đó, để rút cục vẫn còn nằm trong những tình-cảnh khó khăn, éo-le, gian khổ. Phải chăng một phần cũng tại chính-sách thiển cận cố chấp của người Pháp trước đây với các phong-trào cách-mạng quốc-gia Việt-nam ?

CHƯƠNG IV

NHỮNG MÂU-THUẪN GIỮA THỰC-CHẤT VÀ HUYỀN-THOẠI

NHƯ đã nhận-định trong những chương trên, chế-độ thực-dân tự bản-chất bó-buộc phải tạo ra những huyền-thoại để huyễn-diệu người ta và để che dấu thực-chất của nó. Vậy nó là một chế-độ đặt nền-tảng trên sự lừa dối, tuy không phải là một lừa dối hoàn-toàn, vì những huyền-thoại dựa vào một phần sự-thực để xuyên-tạc sự-thực.

Nhưng chính sự-kiện phải dựa vào một phần sự-thực để xuyên-tạc sự-thực lại càng làm cho người ta thấy sự-thực đồng-thời cũng càng tố-cáo ý-định xuyên-tạc.

Sở-dĩ, chế-độ thực-dân sợ sự thực và phải xuyên-tạc sự-thực là vì nó không có chính-nghĩa. Đó là nhược điểm căn-bản của nó. Để che dấu nhược điểm đó, nó tạo ra huyền-thoại. Nhưng nó càng phải nói đến những lý-tưởng, những luân-lý, để biện-chính, càng để lộ chân-tướng và tự thú không có những lý-tưởng, những luân-lý vì chỉ những chế-độ thực-sự không có lý-tưởng, chính-nghĩa mới lúc nào cũng phải phân bua để tự bào-chữa. Thực-dân chỉ phân bua bằng lời nói mà thôi, chứ không thể bằng cách thực-hiện những lời phân bua. Do đó, thực-dân tự tạo cho mình những mâu-thuẫn nội tại giữa thực-chất và huyền-thoại, giữa lời nói với việc làm và những mâu-thuẫn đó sẽ dần-dần đưa nó đến một sụp-đổ không thể tránh được.

Thực-chất của chế-độ thực-dân là bóc-lột, áp-bức, ngu-dân, nhưng huyền-thoại là hiệp-tác, khai-hóa. Muốn có huyền-thoại, phải thực-hiện một chút theo huyền-thoại, vì nếu không thực-hiện gì cả, không thể có huyền-thoại. Nếu nói khai-hóa mà không mở một vài trường học thì làm sao cho người ta tin và do đó có thể huyễn-diệu được. Nhưng đồng-thời cũng không thể thực-hiện thật-sự những lời nói, vì nếu thực-hiện đúng như huyền-thoại cũng không còn huyền-thoại. Nếu nói khai-hóa mà lại khai-hóa thực-sự tức là tiêu-diệt thực-chất của chế-độ thực-dân về văn-hóa là chính-sách ngu-dân. Vậy huyền-thoại đòi-hỏi phải thực-hiện một

chút để có thể lừa-dối được người ta. Nhưng cái một chút được thực-hiện này cũng sẽ tạo điều-kiện chống lại huyền-thoại và tiêu-diệt thực-chất của huyền-thoại.

Trước hết, tuy huyền-thoại là lời nói huyễn-diệu, nhưng nó vẫn làm cho người nghe ý-thức được nội-dung đích-thực của những giá-trị mà huyền-thoại dựa vào đó để huyễn-diệu. Đã đành, trong ý-định huyễn-diệu, người nói đến Tự-do dân-chủ, đề-cao hiệp-tác, đề-huề không phải để thực-hiện mà là nhằm che dấu áp-bức, đè-nén ; nhưng lời nói huyễn-diệu vẫn phải nói lên Tự-do, hiệp-tác là gì, nghĩa là trình-bày nội-dung đích-thực của những danh-từ trên. Do đó, làm cho những người nghe *biết* được thế nào là tự-do, dân-chủ thực-sự. Huyền-thoại gây sự thức-tỉnh, giác-ngộ về những giá-trị tinh-thần, những quyền sống gắn liền với phẩm-giá con người.

Nhưng chỉ nói mà không làm thực-sự, chỉ cho biết thế nào là tự-do, dân-chủ mà lại không cho người biết được thực-sự sống tự-do dân-chủ, thì rõ-ràng là càng nguy-hiểm hơn là không cho biết.

Nếu thực dân cứ áp-bức, đè-nén, ngu-dân và tuyệt-nhiên không nói gì đến khai-hóa, mở trường dạy học thì trên một phương diện nào đó, thực-dân dễ duy-trì áp-bức, đè-nén.

Ngược lại, nếu vẫn áp-bức, đè-nén thực-sự đồng-thời lại nói đến tự-do, quyền sống thì chẳng khác nào dạy cho người bị áp-bức **biết** mình bị áp-bức và biết **ai** áp-bức mình ; do đó cũng làm cho người bị áp-bức thèm khát tự-do độc-lập và căm thù người cho họ biết thế nào là tự-do mà lại áp-bức họ.

Nhưng thực-dân không thể tuyệt-đối duy-trì chính-sách ngu-dân hoàn-toàn. Đến một lúc nào đó, những áp-lực của tình thế bó buộc họ phải tạo ra huyền-thoại khai-hóa và thực-hiện một phần nào huyền-thoại đó, hơn nữa chính quyền-lợi của thực-dân đòi-hỏi họ phải mở một số trường, đưa ra một vài sinh-hoạt văn-hóa để đào-tạo một số người bản-xứ giúp-đỡ họ trong việc khai-thác, quản-lý thuộc-địa và tuyên-truyền đường lối của họ.

Như A. Sarraut đã nói, vấn-đề thuộc-địa là vấn-đề khai-thác. Muốn khai-thác cần nhân-công. Nhân-công càng giỏi, càng làm tăng năng-xuất. Nhưng làm sao có nhân-công giỏi nếu họ không có ăn học, được huấn-luyện về nghề-nghiệp ?

Cho nên bó-buộc thực-dân phải khai-hóa một chút dù ý-thức được những nguy-hiểm đe-dọa chế-độ thực-dân do sự bó-buộc tất-yếu đó.

Mối nguy-hiểm ở chỗ không phải mọi người bản - xứ được học ở nhà trường thực-dân mở đều sẽ làm tay sai tất-cả cho Pháp hay sẽ ngoan-ngoãn tin nghe những lời nói đường mật huyễn-diệu của họ. Trái lại người bản-xứ chỉ lợi dụng phương-tiện thực-dân cung-cấp cho để hiểu thực-dân và tìm thấy đường-lối chống thực-dân. Dù không có ý-định chống thực-dân đi nữa, nhưng chỉ nguyên sự kiện nhận thức được thực-chất của chế-độ thực-dân vì được ăn học cũng đã là một điểm không lợi cho thực-dân rồi.

Vậy thực-dân bó-buộc, phải đi vào một vòng lẩn-quẩn sau đây :

Nếu để lộ thực-chất rõ-rệt quá, làm cho tình thế căng-thẳng vì áp-bức đè-nén bóc-lột trắng-trợn, thì có thể nguy-hiểm cho chế-độ, nên phải « *tháo bớt nút* », nới rộng một chút ; thực-dân đưa ra huyền-thoại và thực-hiện một phần nào theo huyền - thoại. Đó là giai-đoạn thi-hành chính-sách rộng rãi (libérale) mềm dẻo.

Nhưng nếu cứ tiếp tục chính-sách rộng rãi, lại có thể nguy-hiểm cho thực-chất. Vì thế đến một giới-hạn nào đó, một giới-hạn không thể vượt qua mà không đe-dọa tiêu-diệt thực - chất, Thực-dân phải « *vặn nút lại* », chấm dứt chính-sách rộng rãi để bảo-vệ thực-chất. Đó là giai-đoạn thi-hành chính-sách cứng rắn, chặt-chẽ. Tuy nhiên, cũng không thể kéo dài mãi-mãi chính-sách cứng rắn, chặt-chẽ. Đến một mực độ tối đa, nó có thể đe-dọa thực-chất. Thực dân lại buộc phải thi-hành chính-sách mềm-dẻo, rộng rãi. Cứ như thế trong cái vòng lẩn-quẩn cho đến khi bị sụp đổ.

Có thể nói tất cả đường-lối chính-trị cao-cấp của chính-phủ Pháp ở Đông-dương phản ảnh đúng quá trình tan rã trên của chế-độ thực-dân.

Thời gian cai-trị của một toàn quyền thường rất ngắn. Cứ người này sang thi-hành chính-sách cứng rắn, chặt-chẽ thì một hai năm sau, lại phải thay đổi, cử người khác sang thi-hành chính-sách mềm dẻo, rộng-rãi.

Chẳng hạn, Paul Bert thì cứng rắn. Đến Lanessan mềm dẻo, Paul Doumer lại chặt-chẽ, hạn chế những quyền Lanessan đã nới rộng. Paul Bert thay thế Doumer trở lại chính-sách rộng rãi. Nhân những vụ khởi-nghĩa Trung-kỳ hồi 1908 Klobukosky sang thay Paul Bert lại cứng rắn, đóng cửa trường Đại-học, giảm bớt số người bản-xứ vào các ngạch hành-chính.

Hai năm sau (1911), Albert Sarraut sang thi-hành chính-sách rộng-rãi, mở thêm trường, thành-lập những hội-đồng tư-vấn... Tháng ba 1913, vì vụ âm-mưu ở Saigon Sarraut phải về Pháp, Van Vollenhoven (1914-1915), rồi Roume (1915-1917) sang thay thế để « *thắt nút* » chặt hơn. Trong thời-kỳ nước Pháp chiến-tranh với Đức, 1917, tình-thế nguy-ngập, Pháp có thể thua trận ; Ở Đông-Dương những âm-mưu khởi-nghĩa tuy thất-bại nhưng cũng là dấu hiệu có nhiều bất-mãn, khó thở. Sarraut lại được cử sang, thi-hành chính-sách rộng-rãi để giữ vững tình-thế v.v...

Chính-phủ thuộc-địa không thể có đường lối nào khác ngoài hai chính-sách tạo thành cái vòng lẩn-quẩn trên. Tự bản-chất, chế-độ thuộc-địa bó buộc phải đi theo cái vòng chính-trị lẩn-quẩn mà ngõ ra là chỗ nó sẽ bị tiêu-diệt. Sở-dĩ thực-dân không thể có một đường lối chính-trị đứng-đắn, vững bền vì nó không có chính-nghĩa, không có chính-nghĩa nên cứ phải nói dối quanh để che dấu sự-thật. Nhưng càng nói dối quanh, càng bày tỏ sự gian dối.

Thực-dân nói khai-hóa, làm vài việc cho « *có vẻ* » khai-hóa, rồi dẹp chuyện khai-hóa đi ; ít lâu lại nói khai-hóa, rồi lại dẹp đi... cứ như thế. Vậy rõ-ràng là thực-dân không thực-sự muốn khai-hóa và không ai còn tin vào lời nói hay đẹp của họ chỉ là huyền-thoại. Toàn-quyền này vừa sang tuyên-bố cải-cách, nới rộng quyền cho người bản-xứ, hứa hẹn, rồi cũng thực-hiện đôi chút như sửa đổi một vài luật-lệ. Toàn-quyền khác sang thay thế lại hủy bỏ những luật-lệ cải-cách của toàn-quyền trước.

Cho nên, đứng trước những lời tuyên-bố cao-thượng, đại-lượng của quan toàn-quyền sẽ thi-hành chính-sách rộng-rãi, người bản-xứ biết chắc đó chỉ là những mánh-khóe lừa bịp vì không bao giờ những lời hứa hẹn được thực-sự đem ra thi-hành.

Những người Việt viết báo bằng tiếng Pháp ở Nam-kỳ đã tố-cáo thái-độ lừa dối của chính-phủ thuộc-địa và nói thẳng người bản-xứ không thể tin-tưởng vào người Pháp được.

« Người ta nhớ lại những lời hứa hẹn cải-cách của ông Albert Sarraut rất tài về ảo-thuật để trấn-an dư-luận bất-mãn của người Annam trong cuộc chiến-tranh vừa qua 1914 - 1918 ở Âu-châu. Người ta biết số-phận của những hứa hẹn đó là thế nào ? Khi chiến-tranh chấm-dứt, những hứa hẹn của ông Sarraut chỉ còn là những điều-khoản dự-thảo cho một tương-lai vô-định ». (1)

Những cây bút ái-quốc này cũng không sợ tố-cáo thực-chất của chế-độ thực-dân.

« Thật là chỉ nói mồm. Biết bao câu hay đẹp ca-tụng nào là những ý-nghĩ hào-hiệp của những dân-tộc thống-trị, nào là sứ-mạng khai-hóa của những kẻ đi chinh-phục, nào là những lý-do nhân-đạo vân vân và vân vân... sự-thực, những lời nói đó chẳng ăn nhằm gì với những tôn-chỉ của một tên thuộc-địa chính-cống : lấy võ-lực mà đàn-áp, cai-trị, đời sống ăn chơi, dễ dãi và làm giàu mau chóng ». (2)

Đi sâu vào cái vòng lẩn-quẩn trong chính-sách cai-trị thuộc-địa của người Pháp ở Đông-dương, người ta càng thấy tính-chất « *lưu-manh* » xảo-trá một cách tinh-vi của lý-luận lường-gạt bằng huyền-thoại.

Người Pháp thường dựa vào tình-trạng thấp kém của nước ta để biện-chính cho chính-sách bảo-hộ. Họ bảo nước Annam còn lạc-hậu, chưa phải là một quốc-gia tân-tiến, nên không thể tự-trị

---

(1) Paul Monet. Entre les deux feux. trg. 170. Câu Dương-văn-Lợi trả lời Paul Monet trong báo Echo annamite. 5-8 Juillet 1926.

(2) Entre les deux feux. trg. 257

được và nếu nước Pháp bỏ ra đi thì nước ta sẽ bị rối loạn ngay. Sự thực thì người Pháp muốn duy-trì mãi-mãi tình-trạng thấp kém của nước ta để có lý-do ở lại « *khai-hóa* » Đông-dương.

Một giáo-dục chân-chính bao giờ cũng nhằm đi tới chỗ xóa bỏ giáo-dục. Cha mẹ nuôi-nấng con cái là để cho chúng một ngày kia có thể tự lập. Nhà trường dạy dỗ học sinh cũng là để đưa học sinh đến chỗ trưởng-thành, không cần phải dạy dỗ nữa.

Nhưng thực-dân không thể khai-hóa thực-sự, vì khai-hóa thực sự là đi tới chỗ chấm-dứt chế-độ thực-dân. Vậy quyền-lợi của thực-dân buộc thực-dân duy-trì nước bị trị ở tình-trạng thấp kém và thi-hành chính-sách ngu-dân. Tuy-nhiên, Thực-dân một đàng không thể triệt-để thi-hành chính-sách ngu-dân, một đàng khác, không thể thực sự khai-hóa, nên chỉ khai-hóa một chút cho « *có vẻ* » khai-hóa. Nhưng làm một chút cho có vẻ khai-hóa thì bao giờ cũng vẫn còn thiếu-sót. Thực-dân dựa ngay vào tình-trạng thiếu sót đó để chứng-minh nước bị-trị vẫn còn cần đến sự bảo-hộ. Họ lý-luận : người Pháp đã cố-gắng nhiều, nhưng vẫn chưa đáp ứng đủ những đòi hỏi của người bản-xứ vì người bản-xứ ở trình độ thấp kém quá, hay ở tình-cảnh nghèo cực quá, phải mất lâu năm và còn nhiều cố-gắng nữa mới nâng cao trình-độ học-thức và giảm bớt tình-cảnh nghèo cực, cái nghèo kinh-niên truyền kiếp của những miền Á-Đông xấu số như Toàn-quyền Pasquier đã bá cáo với Tổng-trưởng Thuộc-địa :

« *Cảnh nghèo cực (le paupérisme) là một nạn gắn liền với tình-trạng xã-hội xứ Annam. Chúng ta đã thấy cảnh bần cùng đó ở khắp nơi khi chúng ta đến xứ này. Mặc dầu chúng ta đã cố-gắng rất nhiều để nâng cao mực-sống của dân bản-xứ và thực ra thì một số đông người đã có một số-phận tương-đối dễ chịu hơn trước, mặc dầu hằng triệu bạc của tư-bản Pháp đầu-tư ở xứ này, nếu nạn nghèo cực kia vẫn tồn-tại, thì đó là vì lẽ tự-nhiên, vì những qui-luật vật-lý, vì một hiện-tượng có tính-cách xã-hội vượt khỏi quyền hạn của con người* ». (1)

---

(1) Marty. Contribution à l'histoire des Mouvements politiques. Tome IV. Note préliminaire. trg. 8.

Nói cách khác, nếu sự thấp kém, nghèo cực của nước Việt-Nam lệ-thuộc vào một tình cảnh tự - nhiên, không biết bao giờ mới giải quyết xong, thì những khó khăn thiếu xót không phải là vì nước Pháp thiếu thiện-chí, cố-gắng, nhưng là nhiệm-vụ lớn lao quá không thể một chốc lát có thể hoàn thành được. Do đó bao lâu chưa hoàn thành được nhiệm-vụ khai - hóa, nước Việt - Nam vẫn còn cần nước Pháp bảo-hộ. Nhưng đã rõ là nền bảo-hộ đó sẽ không bao giờ chấm dứt vì làm sao con người dù thiện chí, đại lượng đến đâu cũng không thể thanh toán được một chứng bệnh kinh niên, một nạn do thiên-nhiên gây nên như một thiên tại !

NHỮNG MÂU-THUẪN GIỮA THỰC-DÂN VỚI THỰC-DÂN

Thực-dân không có chính-nghĩa, do đó phải đưa ra những huyền-thoại để che đậy sự thiếu xót đó. Nhưng vì thực-chất của chế-độ thuộc-địa chỉ lo khai-thác kinh-tế, làm giàu, bóc-lột, áp-bức nên bó buộc phải nổ ra những mâu-thuẫn ngay giữa thực-dân với nhau. Những phe thực-dân mâu-thuẫn nhau lại dựa vào việc tố-cáo những huyền-thoại làm phương-tiện tranh-thủ dư-luận và đánh đổ đối-phương. Do đó chính thực-dân góp phần vào việc tiêu-diệt những huyền-thoại họ đã tạo ra.

Xét về mâu-thuẫn giữ thực-dân với thực-dân, trước hết, người ta thấy những mâu-thuẫn giữa những tay thực-dân tư-bản với nhau, nghĩa là giữa một thế-lực kinh-tài tư-nhân này với một thế-lực kinh-tài tư-nhân khác. Rồi đến những mâu-thuẫn giữa những thế-lực kinh-tài tư-nhân đó với chính-phủ thuộc-địa. Chính-phủ thuộc-địa thường đại-diện cho chính-phủ Pháp, nên sự mâu-thuẫn cũng là một mâu-thuẫn giữa thuộc-địa và Mẫu-quốc. Về sau, khi thực-dân bước vào giai-đoạn khai-thác thuộc-địa triệt-để, những quyền-lợi kinh-tài của bọn thực-dân ở thuộc-địa đã lớn mạnh và vững chãi, họ dùng thế-lực ép-buộc chính-phủ Pháp cử những viên công-chức đã ở thuộc-địa lâu năm và có quyền-lợi chung với họ làm toàn-quyền Đông-Dương để đường lối chính-trị phủ Toàn-quyền phù-hợp với quyền-lợi đó. Nói cách khác, họ tranh-thủ để có những người lãnh-đạo chính-trị ở Đông-dương là người của họ chứ không phải những người do chính-phủ

Pháp cử sang. Đến đây sự mâu-thuẫn giữa thực-dân với thực-dân biến thành sự mâu-thuẫn giữa chính-phủ Đông-dương đi đôi với kinh-tài tư-nhân và chính-phủ ở Mẫu-quốc.

Đã hẳn tất cả thực-dân, dù là tư-bản, tư-nhân hay chính-phủ đều cùng chung một mục-đích : chấp-nhận chế-độ thuộc-địa, khai-thác thuộc-địa và duy-trì thuộc-địa. Nhưng họ chia rẽ nhau, mâu-thuẫn với nhau về cách khai-thác và đường lối duy-trì thuộc-địa. Bọn thực-dân tư-bản tư-nhân thường là bọn thực-dân thô-bỉ, thiển-cận trắng-trợn, không sợ phơi bày thực-chất của thuộc-địa là bóc-lột, đàn áp, đè nén và do đó cũng chẳng cần nói đến huyền-thoại gì cả. Bọn thực-dân lãnh-đạo chính-trị cao cấp, thường tế-nhị hơn, khôn ngoan hơn. Họ chống lại bọn thực-dân hạ cấp, thiển-cận trắng trợn vì cho rằng làm như thế sẽ đi đến chỗ mất thuộc-địa. Họ chủ-trương chính-sách lẩn-quẩn nói dối quanh, lúc mềm dẻo, lúc cứng rắn, lúc bóp chặt, lúc cởi nới, dùng huyền-thoại để che dấu thực-chất, chia sẻ một chút quyền-lợi cho người bản-xứ để duy-trì thuộc-địa và bảo-vệ lâu dài công-cuộc khai-thác. Họ cho mình là đại-diện của nước Pháp, nên có bổn-phận bảo-vệ quyền-lợi của nước Pháp ở thuộc địa. Vậy sự mâu-thuẫn giữa phủ Toàn-quyền, đại-diện của chính-phủ Pháp với bọn thực-dân ở thuộc-địa là sự mâu-thuẫn giữa quyền-lợi của **những người** Pháp chống lại quyền lợi của **nước** Pháp.

Như trên đã nói, bọn thực-dân hạ cấp này là bọn có thế-lực kinh-tài, có thể gây những áp-lực chính-trị để thay đổi đường lối thuộc-địa và đánh-đổ toàn-quyền. Họ ra báo hay ứng cử nghị-viên các hội-đồng ở thuộc-địa hoặc ứng-cử nghị-sĩ ở các nghị-viên bên Pháp. Chẳng hạn Ernest Outrey, Nghị-viên Nam-kỳ, là chủ-tịch danh-dự của một « *Ủy ban Đông-dương* » (Comité d'Indochine) trụ sở ở Paris, tụ tập các tay chủ, tư-bản, quan cai-trị cao cấp của hầu hết các Công-ty, đồn-điền ở Đông-dương như sở cất rượu Đông-dương, nhà băng Đông-dương, Công-ty Chargeurs Réunis, nhà in Viễn-Đông, Công-ty đồn-điền An-Lộc, Công-ty Rượu, Diêm, thuốc lá, hầm mỏ v.v... (1)

(1) Xem bản kê-khai đầy đủ trong Comment on perd une colonie. Camille de Vilar. Paris 1927 trg. 116.

Vì quyền-lợi riêng, bọn tư-bản thực-dân này có thể mâu-thuẫn, chống đối nhau như việc tranh-chấp giữa bọn thực-dân có đồn điền, quyền-lợi ở Đông-dương và bọn tư-bản có quyền-lợi ở các thuộc-địa khác trong Thái-bình-Dương về vấn-đề di dân và mộ phu. Trường-hợp Monpezat, chủ bút tờ « *Volonté indochinoise* » một tên thực-dân có nhiều đồn-điền ở miền **Nam** lớn tiếng tố cáo đả kích chính-sách di dân Bắc-kỳ sang các đảo Thái-bình-Dương. Nếu để cho bọn thực-dân có quyền-lợi ở Thái-bình-Dương mộ hết phu, thì thực-dân ở Đông-dương không còn nhân-công làm đồn điền hay khai-thác hầm mỏ. Thực-chất cuộc tranh-chấp chỉ là vấn-đề quyền-lợi như Paul Monet đã vạch ra ở trên (1). Nhưng để tranh thủ được dư-luận và đánh đổ được chính-sách di dân sang các đảo Thái-bình-Dương, Monpezat cũng nại ra những lý-do nhân đạo để tố cáo những biện-pháp dã man trong việc mộ phu, chuyên-chở phu ở dưới tàu và những cách đối xử tàn nhẫn với cu-li ở các đảo; nhưng Monpezat lại hoàn toàn im lặng trước những cảnh tàn bạo, dã man ở các đồn-điền Nam-kỳ không kém gì ở các đảo Thái-bình-Dương.

Tuy nhiên, mâu-thuẫn trầm trọng hơn cả là mâu-thuẫn giữa bọn thực-dân với chính-phủ thuộc-địa. Trong cuốn « *Người ta mất một thuộc-địa thế nào* », Camille De Vilar, đã đứng ở quan - điểm chính-trị cao của phủ toàn-quyền để tố cáo bọn thực-dân hạ-cấp thiển-cận qua những mánh khóe gian lận, những thủ-đoạn hèn hạ mà bọn này dùng để chống lại những viên toàn-quyền đại-diện cho chính-phủ Pháp, và nhất là những toàn-quyền được cử sang thi-hành chính-sách có đôi chút rộng rãi như Sarraut, Varenne.

Chiến-thuật đả-kích nhằm đánh đổ toàn-quyền của bọn thực-dân hạ-cấp thường dựa vào mấy thủ-đoạn và mấy lý-luận sau đây:

Vu khống bằng cách bịa đặt hoàn-toàn hay thổi phồng, phóng đại những biến cố, sự kiện nhỏ nhặt xảy ra ở Đông-dương, đôi khi chính họ tạo ra.

---

(1) Xem chương I.

Đổ lỗi cho toàn quyền đã là nguyên - nhân gây ra những vụ rối loạn mất trật-tự, nguy hại cho tương-lai thuộc-địa vì thi-hành những biện pháp, đường-lối chính-trị « *rộng-rãi* » với người bản-xứ, và nhất là tố-cáo sự bất-lực của toàn-quyền trước những rối-loạn, lộn-xộn xảy ra ở thuộc-địa.

Chẳng hạn trường-hợp bọn thực-dân đại - diện cho những thế-lực kinh tài ở Nam-kỳ chống lại Varenne, một đảng-viên xã-hội được cử sang để thi - hành chính-sách rộng rãi. Chiến dịch chống Varenne bắt đầu từ vụ thả Phan-bội-Châu.

Trước khi Varenne sang, bọn thực-dân đã cảnh cáo « *Al. Varenne sẽ phải biết áp-dụng những biện pháp để phòng và đàn-áp, tôi tin chắc như vậy* » (1). Tờ Courrier Colonial cũng viết : « *Phải bịp mồm bọn trí-thức bản-xứ nguy-hiểm* » (muselons cette dangereuse élite intellectuelle) « *Phải cứng rắn, bất nhẫn, nếu không thì ông làm cho chúng ta chết cả* ». Varenne sang, vẫn tha Phan-bội-Châu vì sợ những bất mãn của người Việt-Nam hơn.

Đến vụ đón Bùi-quang-Chiêu ở Pháp về hồi tháng ba 1926. Trước cao-trào đấu-tranh chống Pháp của đồng-bào lúc đó, bọn thực-dân muốn lợi dụng việc dân-chúng ra đón Bùi-quang-Chiêu để đả-kích Toàn-quyền Varenne. Họ định sẽ khiêu-khích đám biểu-tình để gây tai-nạn và do đó tìm được cớ biện-hộ cho luận-điệu tố-cáo vu-khống của họ. Khi tàu Amboise cập bến Sài-gòn, một bọn Tây dẫn đầu là Lachevrotière tiến đến cổng của Messageries Maritimes. Nhưng cửa đóng và có bảng cấm vào theo lệnh của Đô-trưởng Sài-gòn. Lachevrotière nói : «Người ta không thể ngăn cấm được ông chủ-tịch Hội-đồng thuộc-địa» và buộc Arnoux, giám-đốc mật-thám phải cho vào, nhưng bọn Tây vào rồi, cửa bị đóng lại không cho người Việt vào. Khi Bùi-quang-Chiêu xuống bến, bọn Tây bắt đầu la ó, thổi còi xông ra định gây bạo-động. Chính lính sen đầm tây phải giữ trật-tự và ngăn cản bọn nầy trong khi dân chúng vẫn im-lặng đứng có trật-tự ở các vỉa hè.

Ngày hôm sau báo Tây viết : « *Toàn-quyền Varenne đã cho phép một tên quấy-rối, Bùi-quang-Chiêu, thủ-lĩnh đảng lập hiến về*

(1) Comment on perd une colonie, trg.27.

Đông-Dương. Đảng này chủ-trương tách thuộc-địa khỏi nước Pháp. Hơn 20 nghìn người bản-xứ phần lớn gồm bọn Cộng-sản đã biểu-tình đón tiếp hắn khi hắn về đến Saigon bằng tàu Amboise. Một cuộc phản biểu-tình gồm 400 người Âu đã được tổ-chức để la ó tên lãnh-tụ Annam. Những vụ đánh lộn sắp xảy ra đã được cảnh-sát can-thiệp và ngăn cản, vụ lộn-xộn này đã gây nên một náo-động lớn ở thuộc-địa » (Báo Action française). Camille Aymand, viết trong báo Liberté : « *Ngày mai, những vụ nổi dậy có thể nổ ra ở Đông-dương. Và hằng trăm nghìn người Pháp đàn ông, đàn bà, trẻ con sẽ bị ám-sát một cách hèn nhát, dã man. Những người này sẽ bị đầu độc, những người kia sẽ bị hạ sát bằng dao búa. Bọn da vàng Á-đông là những tên dao-phủ ghê-gớm* ».

Trong một bài khác, Aymand vu-khống cho Varenne đã gây nên tất cả những vụ lộn-xộn kia vì thi-hành chính-sách « *rộng-rãi* » những vụ lộn-xộn mà họ cho rằng trước Varenne, không hề xảy ra ở thuộc-địa.

« *Vì Alexandra Varenne là đảng viên xã-hội đến cai-trị xứ này với tư cách một đảng viên xã-hội, một xứ cho đến bây giờ vẫn bình-an và thịnh-vượng, vì ông đưa sang theo ông cả một bọn quấy rối đã bị kết-án và đuổi khỏi Đông-Dương vì những hoạt-động chống Pháp. Và cũng vì Ông Varenne, thuộc đảng xã-hội là đảng chủ-trương liên-kết với đảng Cộng-sản, nên ông bỏ rơi Đông-dương mà không phòng-thủ, phản-ứng gì cả trước sự khuấy-động bon-sơ vít* » (Liderté, 5-Mai-1962).

Sau cùng để tố-cáo Varenne ăn hối-lộ, bọn thực-dân ở Saigon đánh điện-tín về Paris: «*Vợ chồng Varenne đã gởi tàu Amiral Ponty 74 hòm nặng 4910 kilô chiếm 30 thước khối ở hầm tàu, biên-lai số 30, đề ngày 28-4-1926, đựng nhiều đồ mứng của người bản-xứ. Đông-Dương* ».

Trước những tấn công của bọn thực-dân hạ-cấp, Varenne, thực-dân cao-cấp tất nhiên phải chống đỡ bằng cách tố-cáo lại những xuyên-tạc, thổi-phồng, phóng-đại. Trong buổi nói chuyện ở Tòa Đô-Sảnh Saigon, Varenne chứng-minh báo chí Tây đã xuyên-tạc

thổi-phồng những sự việc không đâu như thế nào. Chẳng hạn một cuộc tập-họp không đáng kể ở Saigon, thì báo Tây ở Hà-nội đăng là có máu chảy, người bị thương. Varenne kể chuyện khi ông lên tàu rời Hà-nội đi Saigon thì được mật tin báo ở Huế một giáo-sư Pháp bị học-sinh ám sát. Đến Vinh, hỏi Công-sứ, công-sứ rất ngạc nhiên vì không có gì cả. Đến Huế, thì được biết rõ mật tin trên hoàn toàn bịa đặt.

Nhưng nhất là Varenne phải dựa vào huyền-thoại để chống đỡ; Thành ra người ta có cảm-tưởng Varenne đứng về phía người bản xứ và ủng-hộ bênh-vực những yêu-sách chính-đáng của họ.

Ví dụ, vụ trục-xuất Trương-cao-Đông. Bọn quan lại Nam-kỳ quyết-định kết án Trương-cao-Đông và trục-xuất khỏi Nam-kỳ. Toàn quyền Varenne cương-quyết ra lệnh tha bổng và hủy bỏ lệnh trục-xuất.

Toàn-quyền Varenne cũng lên án những vụ khiêu-khích, kêu gọi giữ trật-tự. Những người bản-xứ cũng dựa vào Varenne để chống lại bọn thực-dân hạ cấp.

Trong một bản hiệu-triệu nhân vụ xử Nguyễn-an-Ninh và Lâm-hiệp-Châu, Bùi-quang-Chiêu, Nguyễn-phan-Long, Nguyễn-văn-Thinh đã kêu gọi dân-chúng bình tĩnh, sáng-suốt, đừng mắc mưu khiêu-khích của thực-dân.

« *Những kẻ thù của chúng ta rình từng cử-chỉ của chúng ta, chúng tìm chống ta bằng cách lợi-dụng một lỗi lầm nhỏ bé, một hành-động thiếu khôn-ngoan của chúng ta để xuyên-tạc lý-tưởng mà chúng ta muốn bảo-vệ* ».

Một tờ báo Pháp do người Việt chủ-trương (Libre cochinchine) đã bình-luận về thái-độ cảnh-giác của dân-chúng trước những âm-mưu khiêu-khích của bọn thực-dân về vụ đón tiếp Bùi-quang-Chiêu.

« *Dân chúng đã trả lời những khiêu-khích, la ó, chửi bới bằng một thái-độ im-lặng đầy khinh-bỉ. Nếu cảnh-sát đã can-thiệp chỉ là để chống lại bọn Tây. Buổi chiều thật đẹp cho người Annam Với bọn khiêu-khích thật là một thất-bại hoàn-toàn* ».

Sự thật bọn thực-dân hạ-cấp không thất-bại hoàn-toàn vì cuối cùng bao giờ họ cũng đánh đổ được toàn-quyền, nghĩa là đánh đổ được chính-sách rộng-rãi, mềm rẻo. Cuộc tranh-chấp giữa chính-phủ thuộc-địa và bọn thực-dân phản-ảnh mâu-thuẫn giữa thực-chất và huyền-thoại của chế-độ thực-dân.

Bọn thực-dân hạ-cấp, trắng-trợn tiêu-biểu cho thực-chất, phủ toàn-quyền đại-diện cho huyền-thoại. Cuối cùng, toàn-quyền bao giờ cũng bị thua và do đó, chế-độ thuộc-địa để lộ thực-chất của nó là bạo-động, bóc-lột, áp-bức và thủ-tiêu những huyền-thoại nó tạo ra để che đậy cái-thực-chất đó.

Tại sao ? Vì sự-thực là không phải những ý-tưởng hào-hiệp những sứ-mệnh khai-hóa quyết-định đường lối cai-trị xứ Đông-dương thuộc-địa, nhưng là những nhóm thế-lực kinh-tài của tư-bản thực-dân. Những thế-lực của bọn này càng ngày càng lớn, và càng lớn càng mâu-thuẫn với quyền-lợi thuộc-địa của nước Pháp. Do những mâu-thuẫn đó, nên nếu xảy ra một biến-cố gì (như chiến-tranh, nước Pháp thua trận v.v...) bọn thực-dân thuộc-địa không ngần-ngại tách khỏi mẫu-quốc để bảo-vệ quyền-lợi của họ.

Có lẽ để dự phòng những trường-hợp đó, thực-dân thuộc-địa cố tranh-đấu cho có toàn-quyền là người của họ, và cho toàn-quyền có nhiều quyền-hạn tiến dần tới một quy-chế tự-trị về hành-chính cũng như về ngân-sách, đồng-thời họ thiết-lập những quan-hệ buôn bán với các đế-quốc ở viễn-đông, và tăng-cường những quan-hệ ngoại-giao thân-thiện với những nước láng-giềng của Đông-dương.

Cũng chẳng khác gì chính-sách của bọn thực-dân ở Algérie chủ-trương một Algérie - Pháp nhưng tách khỏi nước Pháp(1) chính sách của bọn thực-dân ở Đông-dương là nhằm đi tới một Đông-Pháp (Indochine française), nhưng tách khỏi nước Pháp nếu cần phải bảo-vệ quyền-lợi của họ.

Trong cuốn « *Việt-Nam, bi-kịch Đông-dương* », Roubaud, nhà báo Pháp sang điều-tra về tình-hình Đông-dương hồi 1930, có ghi

(1) trong cuộc chiến-tranh Pháp - Algérie vừa qua.

lại những ý-tưởng bày tỏ khuynh-hướng ly-khai của bọn thực-dân thuộc-địa.

« Ông về Pháp hở ! Này, về nói với nước Pháp là hãy để cho chúng tôi yên ! Ông Bộ-Trưởng không biết gì hết tình-thế ở đây, hãy để cho quan toàn-quyền chúng tôi cai-trị. Ông hãy nói với báo chí ở Pháp đừng có dây vào những việc không liên-quan gì đến họ, và nhất là bọn nghị-sĩ hãy cứ nói bậy bạ, nhưng về những vấn-đề khác ».

Và hắn ta nói thêm một cách hãnh-diện :

« Chúng tôi là thuộc-địa độc nhất không làm cho các ông mất một xu nào. Khi đẩy những người như trên vào ngõ-ngách tâm-sự của họ, tôi kinh-ngạc cảm thấy họ nuôi-dưỡng một khuynh-hướng ly-khai. Đông-dương thuộc về 20.000 người da trắng, công-chức hay thực-dân. Vì họ không đòi mẫu-quốc giúp đỡ gì hết, mẫu-quốc đừng dính vào việc của họ...»

«Như thế là họ tạo thành một thứ « nước Đông-dương », chỉ 20.000 công-dân Đông-Pháp mới có quyền bàn-cãi về những vấn-đề liên-quan đến xứ sở của họ, viết và nói những vấn-đề đó. Còn chúng ta, tôi và anh là những người ngoại-quốc ở một xứ khác : nước Pháp.

Tôi tiếp lời hắn ta, một cách rụt-rè :

« Dù sao chúng tôi cũng vẫn có những quan-hệ buôn bán với các ông ở đây ? Hắn phản đối liền : ít lắm. Nước Nhật mua than của chúng tôi, còn Mỹ và Trung-Hoa mua các vật-liệu khác. Các ông chỉ chiếm độ một phần tư tỷ-lệ xuất-cảng của chúng tôi... đúng là 22% ».

Tôi nói vu-vơ thêm :

« Chúng tôi gửi quân lính sang để đảm-bảo an-ninh cho các ông ».

Hắn vặn lại tôi :

« Nhưng chúng tôi trả lương trích ở quỹ của chúng tôi » (1).

HUYỀN-THOẠI CHỐNG LẠI THỰC-CHẤT

Thực-dân Pháp tung ra những huyền-thoại để che dấu thực-chất của chế-độ thực-dân, rút cục chính những huyền-thoại đó lại tố-cáo thực-chất và tạo điều kiện tâm-lý đánh đổ thực-chất.

Qua hai huyền thoại chính : Khai-hóa và Pháp-Việt đề-huề, thực-dân chủ-trương mở trường dạy học, nâng cao dân-trí cho người bản-xứ và tuyên-bố tôn-trọng nền văn-minh cổ-truyền của Việt-Nam với những hệ-tư-tưởng và cơ-cấu xã-hội của nó. Nói cách khác, người Pháp hứa duy-trì chế-độ quân-chủ, quan lại và thôn-xã xưa cũ của xã-hội phong-kiến Việt-Nam.

Nhưng điều trớ-trêu là người Pháp muốn lợi-dụng huyền-thoại thì huyền-thoại lại chống đối và dần-dần tiêu-diệt những chủ-đích lợi-dụng gắn liền với thực-chất của chế-độ thuộc-địa.

a) Vua.

Xét về thực-chất, phải coi vua là bù nhìn mới lợi cho thực-dân, nghĩa là vẫn để vua, nhưng vua không cai-trị hoặc cai-trị theo đường lối của thực-dân. Nhưng nếu dân chúng thấy vua chỉ là bù nhìn rõ-rệt quá, dân lại không tuân-lệnh chính-phủ bảo-hộ, vì dân chỉ vâng phục vua. Sở-dĩ dân vâng phục vua vì coi Vua là Thiên-tử, vì quyền-bính của Vua đặt trên căn-bản tôn-giáo. Vậy thực-dân sẽ có lợi, (nghĩa là dễ bảo dân nghe), nếu lợi-dụng được quyền-bính tôn-giáo đó của Vua. Muốn thế, phải tuyên-bố tôn-trọng quyền Vua.

Nhưng nếu tôn-trọng thực-sự, thì dân sẽ mến vua vì vua có quyền thật. Mà vua có quyền thật, thực-dân lại sợ vua độc-lập, khó bảo, không chịu theo đường lối chính-trị của thực-dân, do đó, đe-dọa thực-chất. Trái lại, nếu không tôn-trọng quyền Vua, thì dân lại không tin, khó cai-trị. Vậy thực-dân phải theo chính-sách nói dối quanh, vừa đưa ra huyền-thoại : tôn-trọng quân-quyền, vừa làm thế nào duy-trì được thực-chất : coi Vua chỉ là bù nhìn.

(1) L. Roubaud. Việt-Nam. trg. 253.

Theo đúng tinh-thần hiệp-ước bảo-hộ 1884, người Pháp phải tôn-trọng quyền vua. Nhưng nếu tôn-trọng thực-sự, thì lại khó cai-trị vì sợ vua quan triều-đình còn là những người yêu nước và nhất-định không thể chiều theo đường lối của chính-phủ thuộc-địa. Do đó, thực-dân phải tìm cách cướp lại quyền vua, hay tiêu-diệt dần-dần quyền đó đi.

Theo Lanessan (1) dụng-ý đó đã có ngay từ hồi ký-kết những hiệp-ước Bảo-hộ.

Nói cách khác, người Pháp khi ký-kết hiệp-ước bảo-hộ vẫn có ý-định chiếm Trung-kỳ, nhất là Bắc-kỳ, biến thành thuộc-địa và thi-hành chính-sách trực-trị như ở Nam-kỳ.

Theo Lanessan, lúc ký hiệp-ước 1884, người Pháp muốn tách Bắc-kỳ ra khỏi Trung-kỳ vì cho rằng hai xứ khác nhau, không ưa nhau, nên xứ Bắc-kỳ dễ-dàng theo Pháp chống lại triều-đình và đòi một quy-chế cai-trị riêng. Xứ Bắc-kỳ sẽ trở thành thuộc-địa như Nam-kỳ, và chỉ còn Trung-kỳ là ở dưới chế-độ bảo-hộ thực sự.

Năm 1883, Jules Ferry chỉ-thị cho Harmand đòi « *Triều-đình Annam phải công-nhận việc Cộng-hòa Pháp chiếm đóng xứ Bắc-kỳ* » vì lúc đó chính-phủ Pháp không nghĩ đến việc lập chế-độ bảo-hộ cho cả Trung-kỳ và Bắc-kỳ và thực sự muốn chiếm Bắc-kỳ làm thuộc-địa.

Theo Lanessan, thuật lại lời Harmand thì ý định đó cũng phù-hợp với thâm ý của triều-đình Huế bấy giờ : thà chịu mất Bắc-kỳ hoàn-toàn, miễn là Trung-kỳ vẫn được Độc-lập và quyền vua vẫn được tôn-trọng ở Trung-kỳ. Đó là đề-nghị của Nguyễn-trọng-Hiệp và giám-Mục Caspar với Harmand. Hai bên đã thảo-luận suốt cả một buổi sáng. Sau cùng, triều-đình Huế bỏ ý-định trên vì nghĩ rằng xứ Trung-kỳ cứ tương-đối được tự-trị cũng đủ rồi. Vậy nếu theo đúng tinh-thần hiệp-ước 1884 thì Trung-kỳ hầu như ở ngoài hẳn quyền kiểm-soát của Pháp, vì thâm ý của Pháp

(1) Principes de colonisation. Chương Coup D'œil sur l'histoire de la France en Annam et en Tonkin. trg. 112.

là muốn tách Bắc-kỳ ra khỏi Trung-kỳ, và biến Bắc-kỳ thành thuộc-địa. Còn đối với triều-đình Huế, lúc đó thì cho rằng điều cốt-yếu là phải giữ Trung-kỳ được tự-do, để làm cứ-điểm chống lại Pháp sau này. Đó là ý-nghĩa âm-mưu khởi-nghĩa thất bại của Hàm-Nghi (5-7-1885). Vua và Tôn-thất-Thuyết đi trốn. Người Pháp đặt Đồng-Khánh lên kế vị và ký một hiệp-ước khác. Hiệp ước này đặt Bắc-kỳ và trung kỳ dưới chế-độ Bảo-hộ thực-sự. Theo Lanessan người vẫn chủ-trương chính-sách Bảo-hộ cho cả Trung-kỳ và Bắc-kỳ, thì người Pháp khi ký hiệp-ước 1885 là sửa lại lỗi-lầm đã phạm khi ký những hiệp-ước 1883 và 1884. Nhưng ở Paris, chính-phủ Pháp vẫn duy - trì quan-điểm tách Bắc-kỳ ra khỏi Trung-kỳ để đặt Trung-kỳ dưới chế-độ bảo-hộ và Bắc-kỳ dưới chế-độ trực-trị vì tin rằng Bắc-kỳ vẫn muốn thoát khỏi sự lãnh-đạo của triều-đình Huế. Cho nên chính-phủ Paris tỏ vẻ không bằng lòng thỏa-hiệp do De Courcy và de Champeaux ký và chỉ thị phải tìm cách trở lại hiệp-ước 1884.

Paul Bert sang thay thế De Courcy, trở lại những ý-tưởng của Harmand và chính-phủ Paris chủ-trương tách Bắc-kỳ khỏi Trung-kỳ, do đó ông buộc triều-đình phải đặt chức kinh-lược ở Bắc-kỳ với nhiều quyền-hạn. Triều-đình phản-đối, cho là vi-phạm Hiệp-ước 1884, những yêu sách đòi cho kinh-lược quyền đặt Tổng-Đốc, Tuần-phủ, Bố-chánh, Án sát v v . . . là quyền của Vua trước kia và chỉ phải báo cho triều-đình mà thôi.

Paul Bert còn có dự-định tách Bình-Thuận, Khánh-Hòa sát-nhập vào Nam-kỳ và tách Thanh-Hóa, Nghệ-an sát-nhập vào Bắc-kỳ. Rõ-ràng là thực-dân muốn tách Bắc-kỳ ra khỏi Trung-kỳ, phủ-nhận quyền vua ở Bắc-kỳ và còn muốn cho xứ Trung-kỳ tự-trị chỉ là một cái sườn núi nghèo (1).

Đến thời Doumer, âm-mưu biến Bắc-kỳ thành thuộc-địa càng rõ-rệt, khi bắt nhà Vua đặt chức kinh-lược, tức là đã đề-cao

---

(1) Phải chăng chủ-trương trực-trị ở Bắc-kỳ của Nguyễn-văn-Vĩnh và chủ-trương quân-chủ lập hiến của Phạm-Quỳnh sau này cũng vẫn chỉ là hai mặt của cùng một con bài của thực-dân ?

quyền của Thống-sứ Bắc-kỳ. Năm 1897, Doumer lại đòi triều-đình rút kinh-lược về, lúc đó là Hoàng-cao-Khải và buộc nhà Vua ra dụ ngày 26-7-1897 xóa-bỏ hẳn chức kinh-lược và trao lại quyền cho Thống-sứ.

Trong dụ có đoạn-kết như sau :

« *Cần phải xét xem có nên thi hành lại một cách nghiêm-chỉnh những luật-lệ cũ hay nên chấp-thuận những biện-pháp mới nhằm đảm-bảo sự điều-hòa trong việc cai-trị dân-chúng và đề-phòng mọi lối giải-thích tai hại, mọi phiền-toái do dân chúng gây ra* ».

Khi bàn về những biện-pháp lấn-át quyền của Vua, Đại-tá Diguet đã nói đó là một ép-buộc triều-đình bỏ rơi xứ Bắc-kỳ (1).

Dưới thời Doumer, Vua còn phải ký một dụ 15-8-1898 giao cho ngân-sách Trung-kỳ và Đông-dương những lợi-tức mà triều-đình vẫn thu từ trước đến nay. Với biện-pháp này, chính-phủ thực-dân xâm-lấn cả vào quyền Vua ở Trung-kỳ.

Những biện-pháp xâm lấn này cứ dần dần giảm bớt và hạn-chế quyền vua cho đến năm 1925 khi Khải-Định phải ký thỏa-hiệp mùng 6-11-1925 thì nhà Vua mất hết quyền cai-trị cả ở Bắc-kỳ lẫn Trung-kỳ, và chỉ còn giữ quyền về nghi-lễ, tế-tự, phong tước v.v... mà thôi.

Những biện-pháp xâm lấn quyền vua bày tỏ thực-chất của đường-lối chính-trị thực-dân : phải coi vua là bù-nhìn mới dễ cai-trị.

Nhưng như trên đã nói, dân chỉ nhận quyền binh của Vua và vâng phục một mình Vua vì coi vua là « *Phụ-Mẫu* » của dân, là Thiên-Tử. Trước mặt dân, chính-phủ thuộc-địa không phải là « *phụ-mẫu* » và do đó không có quyền cai-trị dân.

Cho nên « *những lệnh của thống sứ mất hết ý-nghĩa tượng-trưng linh-thiêng và không làm cho người dân kính-nể như họ, kính nể những lệnh của Vua. Sự tòng-phục Thống-sứ không còn dựa trên một ý-tưởng tôn-giáo, mà trên một ý-tưởng về những trừng phạt đời.*

---

(1) Colonel Diguet, Annam et Indochine française trg. 74.

Chỉ để cho Vua quyền tôn-giáo, và trao lại cho các thống-sứ quyền đời mà nhà Vua ở Huế vẫn nắm giữ, người ta đã làm cho quyền bính ở xứ này mất hết uy tín » (1).

Vậy phải phục hồi uy-tín của quyền vua và nhà nước bảo-hộ sẽ dựa vào quyền bính đó mà cai-trị người bản-xứ.

Đó đã là đường-lối của Jules Ferry hồi Pháp mới chiếm đóng Bắc-kỳ, Jules Ferry viết

« *Những chỉ thị của ông gửi cho quan cai-trị bản xứ sẽ được tôn trọng bao nhiêu là tùy ở như chúng có vẻ được chính vua quan bản xứ tuyên bố theo sáng kiến của họ* »:

Varet cũng viết :

« *Chúng ta chỉ có lợi khi theo một chính sách như được Vua Annam truyền ra suy tưởng và lý-luận như dân của họ, vua sẽ gán cho những quyết-định của chúng ta, những quyết-định có tính-cách cá-nhân quá rõ rệt, một cái vẻ « tộc trưởng » (note patriarcale) mà nếu không như thế thì những quyết-định trên sẽ làm cho dân Annam coi là chướng lắm. Dân sẽ không còn tố-cáo ta là bóc-lột vì những luật-pháp cai-trị họ được chính vua soạn-thảo do một liên-hệ chặt-chẽ giữa Vua và thần-linh là những Vị ban cho Vua sự khôn-ngoan và sáng-suốt. Một người Tây-Phương sẽ không bao giờ làm vua mà được coi là «Phụ-Mẫu» của dân nhất là «Thiên-Tử». Cho nên đừng mong cho Vua mất những quyền thiêng-liêng đó, trước mắt dân chúng của Ngài. Bị truất-phế từ Ngai vị siêu-nhiên mà lòng tin-tưởng lâu đời của quần-chúng đã đặt Vua trên đó, Vua sẽ chỉ còn là một người như mọi người* ». (2)

A. Doutre, Luật-sư trong một hội-nghị về vấn-đề thực-dân, đã chỉ-trích chính-sách, đồng-hóa, tiêu-diệt quyền-bính của Vua quan địa-phương là một chính-sách vừa không có lợi, vừa không hiệu-nghiệm trong việc cai-trị người bản-xứ.

---

(1) Varet. Des dieux qui meurent 1931. trg. 189.

(2) Varet. Des dieux qui meurent. trg. 192.

Sau khi đã thú-nhận « *chính-sách của Pháp ở Đông-dương từ trước đến nay chỉ là xâm-lăng, Doutre cũng chủ-trương phải tôn-trọng quân-quyền và dựa vào quân-quyền mà cai-trị.*

Muốn cai-trị hiệu-nghiệm, « *điều-kiện đầu-tiên là làm cho dân có ảo-tưởng là họ còn có một ông vua. Làm một dụng-cụ ngoan-ngoãn trong tay ta quyền-bính Vua sẽ bao-phủ những hành-động của ta, do đó làm, cho chúng dễ được chấp-nhận mà không gây hiềm thù, đố-kỵ trong lòng dân, quyền-bính đó sẽ là phương-tiện cai-trị mạnh-mẽ và hữu-hiệu nhất ở trong tay ta. Tất cả những gì do Vua mà ra sẽ được chấp-nhận một cách kính-cẩn. Tất cả những gì do chúng ta sẽ chỉ làm cho người ta phải chịu đựng một cách ngờ-vực... Có như thế thì một ngày kia, nếu cần phải chiến-đấu cho ta, họ sẽ chiến-đấu, vì « có ảo-tưởng là để bảo-vệ ông Vua của họ...»*

Đối với quan lại cũng vậy, chúng ta phải tôn-trọng họ để lợi-dụng họ vì họ là đại-diện của Vua. « *Chúng ta chưa làm như vậy, chúng ta đã phá đổ những phẩm trật quan lại bằng cách đem nó cho những người bồi hay tùy phải của chúng ta* ». (trg. 19)

« *Chúng ta đã thi-hành một chính-sách đồng-hóa theo nghĩa chúng ta đã nỗ-lực tiêu-diệt quyền-bính của Vua, làm cho họ mất thế-giá trước mắt dân chúng. Những lề-lối của người mà chúng ta đem đặt vào ngôi Vua Annam đã trả lại cho chúng ta cái quyền bính đó một cách quá dễ dãi.*

Chúng ta đã muốn cai-trị một cách trực-tiếp, không cần sự trợ giúp của quan lại là những người thay mặt Vua.

Trái lại chúng ta cũng núp sau chính sách bảo-hộ, sau cái vẻ tôn-trọng truyền-thống và tính tình dân bị trị để gác bỏ mọi công-trình lập-pháp thực ra rất cần-thiết, để trốn tránh nhiệm-vụ giáo-dục và do đó đặt dân-tộc này ra ngoài-trào lưu tiến-hóa mà trong tương-lai gần đây, sẽ là định-luật chung của các xứ da vàng. Sở dĩ chúng ta làm như vậy, là vì chúng ta luôn luôn chỉ nghĩ đến những gì ta coi là lợi cho ta và với một thái-độ khinh-bỉ dân bị chinh-phục, với một thái-độ như thế, tất nhiên bó buộc chúng ta luôn luôn phải dùng tới võ-lực ». (trg. 14)

b) Quan lại

Theo hiệp-ước 1884, các tỉnh Trung-kỳ sẽ do quan lại cai-trị như trước. Còn ở Bắc-kỳ, các quan cũng có những quyền hạn tương tự các quan ở Trung, nhưng « *được* » sự kiểm-soát của một viên công-sứ người Pháp.

Dần dần những điều-ước đó cũng bị xóa bỏ như những điều ước về quyền Vua. Nhất là ở Bắc-kỳ, các quan lần hồi bị gạt ra ngoài và chỉ còn là bù-nhìn tuân theo lệnh của công-sứ. Dân chúng đều thấy rõ công-sứ mới là người cai-trị thực sự, còn tổng-đốc, tuần-phủ, chỉ là những phụ-tá, hay viên-chức thừa-hành.

Vì sự vi-phạm quá trắng-trợn và tàn-bạo, nên năm 1929, thực-dân phải rêu-rao « *cải-cách quan-trường* » để trả lại cho quan lại một số quyền-bính về hành-chính và tư-pháp theo đúng tinh-thần hiệp-ước 1884. « *Trong nghị-định ngày 20-2-1929 có nhắc đến điều đó* ».

« *Để tuyên-ngôn lại về nguyên-tắc Bảo-hộ, thường hay bị sao nhãng, có đến hai chỗ trong hiệp-ước chỉ-định việc quản-trị đất đai là thuộc-quyền các quan tỉnh dưới sự kiểm-soát của các công-sứ đầu tỉnh* ».

Nhưng trong thực-tế, những cải-cách đó chỉ có tính-cách hình-thức. Công sứ vẫn nắm quyền-hành trong tỉnh hoặc có để cho quan lại cai-trị thì họ lại lựa chọn những người dễ sai bảo, nịnh-hót cho làm quan. Rút cục, quan lại vẫn chỉ là bù-nhìn mà thôi.

Tuy nhiên, thực-dân cũng nhận thấy nếu duy-trì được cái vẻ bề ngoài là quan Annam cai-trị, thì có lợi cho họ hơn là chính họ cai-trị dân một cách trực-tiếp. Nói cách khác, nếu để cho dân vẫn tin-tưởng quan lại thì họ dễ phục-tòng hơn, vì cho rằng quan lại là « *cha mẹ* » họ.

Đó là chính-sách của Lanessan. Trong một thông-tư gửi cho các thống-sứ, Lanessan viết :

« Các ngài không được thay thế hay sa thải những công-chức bản-xứ và các Ngài cũng không được làm gì có thể giảm uy tín của họ trước mặt dân-chúng. Làm như vậy là tiêu-diệt quyền thế của họ mà không tăng thêm quyền thế của các Ngài và do đó làm suy nhược lợi-khí hoạt-động rất cần-thiết trong xứ này, còn ở trong tay các ngài. Trái lại nên củng cố uy tín của các công-chức bản-xứ, các Ngài có thể làm cho họ, dưới quyền điều-khiển của các ngài, quyền mà họ sẽ tôn-trọng vì nó nhân-tử, đảm-bảo được việc duy-trì công-lý, việc thu thuế và gia-tăng của cải ích-lợi chung ».

Lanessan cũng giao trả lại cho quan-quyền cai-quản các đội lính cơ và ông viết :

« Những biện pháp đó rất đẹp lòng tự ái của quan lại. Họ coi những biện-pháp đó là một bằng chứng lòng thành thật của chính sách cai-trị vừa đem thi-hành. Họ được nắm giữ những quyền-binh thật sự vì họ có lực-lượng trong tay, là dấu-hiệu không thể chối cãi được của quyền-binh đó ».

Nhưng sở-dĩ các toàn-quyền kế tiếp Lanessan không làm theo Lanessan và vì chính-sách của Lanessan rất nguy-hiểm. Cho nên thực-dân bị mắc kẹt vào một vòng lẩn quẩn : cai-trị trực tiếp thì để lộ thực-chất, dân không tín-nhiệm và không chịu tòng-phục, tôn-trọng quan lại và trao quyền cho họ thực-sự, thì dân tòng-phục, nhưng lại khó thi-hành đường-lối thuộc-địa. Nếu quan lại, theo đúng lối ca-tụng của thực-dân, phải xuất thân từ bọn « *thượng lưu trí-thức* » thì việc cắt cử quan lại phải căn-cứ vào khả-năng học-vấn và tác-phong đạo-đức. Đó là hai tiêu-chuẩn của triều-đình ngày trước trong việc cắt cử quan lại. Như thế quan lại mới có uy-tín được dân coi là « *cha mẹ* » và vâng phục. Những quan lại xuất thân từ đám sĩ-phu, nho gia cũng thường có đầu óc cách-mạng có chí-khí. Phong-trào Văn-Thân Cần-Vương lúc người Pháp mới sang là do tầng lớp quan lại sĩ-phu cầm đầu chống Pháp. Cho nên muốn dễ cai-trị dân, phải cắt cử những sĩ-phu có tài đức thật. Nhưng những người này lại là kẻ thù của thực-dân, làm sao họ có thể ngoan-ngoãn đầu hàng thừa-hành đường lối của chính-phủ bảo-hộ.

Người ta nhận rõ thái-độ lẩn-quẩn, bế-tắc, khó nghĩ của thực-dân qua cuộc đàm-thoại giữa Lanessan và Giám-Mục Puginier về vấn-đề sĩ-phu :

« Lanessan hỏi : khi làm quan, họ có còn được dân kính trọng không ? Giám-Mục rất am-hiểu dân Annam trả lời không chút lưỡng lự. Các sĩ-phu vẫn được kính-trọng lắm. De Lanessan mới nói rằng: như thế thì phế bỏ họ đi vừa là một việc khó, vừa là một việc nguy hiểm vì sẽ làm mất lòng dân. Giám-Mục trả lời : tuy thế vẫn phải phế bỏ họ đi vì sĩ-phu rất có ảnh-hưởng, có uy-tín và được tôn kính khi họ ra làm quan, cho nên cần phải phế bỏ họ đi. Ngày nào còn sĩ-phu, ta còn lo sợ vì họ là người yêu nước; làm sao có thể chấp nhận sự đô hộ của ta. Sau nữa không bao giờ một sĩ-phu lại trở lại đạo công-giáo. Họ bám vào thái-độ ngoại-giáo của họ đến nỗi không có cách gì làm cho họ rời ra được » (1).

Ý-kiến của Giám-Mục Puginier phản-ảnh lập-trường của những quan cai-trị Pháp vì muốn tránh mối lo ngại trên, nên chủ-trương tước quyền của quan lại người bản-xứ. Nhưng thực-sự xóa bỏ quyền của quan lại, cũng bất-lợi.

Do đó, đường-lối là làm sao vẫn thực-sự xóa bỏ mà vẫn duy-trì được « *cái vẻ bên ngoài* » tôn-trọng quyền-bính của quan lại.

Tất cả chính-sách và ý-nghĩa những « *cải-cách* » quan-trường của Pháp đều chỉ là lúng-túng trong cái vòng lẩn-quẩn đó. Hễ thực-chất lộ-liễu quá họ phải cải-cách để có vẻ « *trả lại* » cho quan-trường một số quyền-hạn, nhưng trả lại mà có thể nguy-hiểm, họ lại tu-sửa những luật-lệ cải-cách để trở về thực-chất là coi quan lại chỉ là bù-nhìn.

c) Thôn xã.

Về việc cai-trị ở thôn xã, thực-dân cũng vấp phải những mâu-thuẫn tương-tự. Người Pháp một mặt ca-tụng những tổ-chức hương-thôn cũ ở Việt-Nam, một mặt khác họ thấy rằng nếu cứ duy-trì quyền-bính của các kỳ-mục, tiên-chỉ, thứ chỉ, là những quyền-

(1) De Lanessan. Les Missions et Leur Protectorat. trg. 40.

bính được dân-chúng tôn-trọng vâng phục, vì những người ra làm kỳ-mục là do dân bầu, thì rất khó cai-trị theo đường-lối của chính-phủ thuộc-địa. Do đó, họ cần phải đánh đổ quyền-bính đó đi. Ở Bắc-kỳ, những biện-pháp sửa đổi hương-thôn bắt đầu được thi-hành vào khoảng 1921. Do một nghị-định của Thống-sứ Bắc-kỳ (26-8-1921) hội-đồng kỳ-mục cũ nay được thay thế bằng một hội-đồng tộc-biểu. Thống sứ nêu lên lý-do sự thay đổi đó.

« *Vì thiếu sự kiểm-soát, Hội-đồng hương-xã không còn phải là một hội-đồng quản-trị đích thực nữa mà chỉ là một nhóm tư-nhân không có sự ủy-nhiệm hợp-pháp và đã giải-quyết những công việc thôn-xã mà dân chúng không được trình-bày ý-kiến của mình* ».

Nghị-định này ấn-định những điều-lệ bầu-cử tộc-biểu và những người được bầu phải được các cơ-quan huyện tỉnh chấp-thuận. Rõ ràng là nghị-định nhằm phá đổ quyền-bính của các kỳ-hào vẫn được dân tín-nhiệm, nhưng không được chính-phủ bảo-hộ tín-nhiệm.

Tuy nhiên, việc cải-cách này không đưa đến những kết quả mong muốn vì dân-chúng không phục những người được quan lại đề-cử vào hội-đồng hàng xã và nhất là nghị-định cải-cách trở thành nguồn-gốc những thối-nát như hối-lộ, đút lót để được bầu-cử, hay những lạm-dụng, tham-nhũng. Cho nên sau sáu năm, chính-phủ bảo-hộ bó buộc phải sửa đổi lại nghị-định 1921 nhằm phục-hồi lại một phần nào vai-trò của các tiên-chỉ, thứ-chỉ.

Trong thông-tư của thống-sứ Bắc-kỳ ngày 25-2-1927, có đoạn nhận-định như sau :

« *Sau khi đã nghiên-cứu cẩn thận chế-độ hiện-hành, tôi nghĩ rằng qui-chế các hội-đồng xã đã ấn-định năm 1921 cần phải thay đổi. Vì một nhận xét mà các vị đầu tỉnh thường đưa ra là những kỳ-hào cũ phần đông đứng ra ngoài qui-chế cải-cách... Do đó, những hội-đồng được bầu-cử lên hay bị những tiên-chỉ, thứ-chỉ cũ phản kháng và những người này ngầm chống lại hay công-khai chống lại việc cải-cách, làm hại cho việc phát-triển điều-hòa và vì thế mục-đích đề ra không đạt được* ».

Nhưng nghị-định 1927 cũng chỉ có tính-cách hình-thức. Hội-đồng kỳ-mục được tái lập để thu-phục các kỳ hào cũ. Nhưng chỉ là tư-vấn thôi, còn hội-đồng tộc-biểu vẫn giữ quyền quyết-định.

Do đó, các kỳ hào cũ vẫn bất-mãn và chống đối.

Năm 1930, thực-dân đưa ra một nghị-định cải-cách hương-thôn khác, để chấm dứt những lộn xộn, tranh-chấp ở hương-thôn.

Theo nghị-định này, từ nay các lý-trưởng, chánh tổng sẽ do quan đề cử và công-sứ duyệt-y. Nghị-định trên không những không giải-quyết gì được những tranh-chấp mà còn làm tăng thêm, vì tính cách nới rộng hơn nữa quyền của quan lại, công-xứ và xóa bỏ hẳn tập-tục quyền bầu-cử của dân ngày trước. Đến thời kỳ này, quan lại thối nát lắm rồi, vì chỉ là bọn tay chân của người Pháp, nên nghị-định cải-cách càng làm cho họ tham-nhũng hối-lộ hơn nữa như hội-đồng dân-biểu Bắc-kỳ đã phàn-nàn :

« *Nghị-định cải cách chỉ làm cho quan lại ở tỉnh lạm dụng và tham nhũng hơn nữa* ».

Khi người Pháp sang xâm-lăng nước ta, chế-độ quân-chủ tuy đã suy nhược, nhưng vẫn còn giữ được uy-tín và lòng kính phục của dân một phần nào. Vì muốn tiện lợi, dễ dàng trong việc cai-trị theo đường lối của mình, thực-dân xóa bỏ nốt cái phần uy-tín còn lại của vua quan bằng cách coi những người họ xếp đặt chỉ là bù-nhìn, tay sai.

Nhưng cũng vì có lợi cho họ, thực-dân đồng thời đề cao văn-hóa xã-hội Annam xưa cũ và tuyên-ngôn tôn trọng quân-quyền.

Chính-sách của Pháp cứ lẩn quẩn trong cái vòng bế-tắc đó ; Càng đề cao, tuyên-bố tôn-trọng quân-quyền, càng làm cho người bản-xứ thấy rõ thực-chất xấu xa của chế-độ quân-chủ. Thành ra, có thể nói, chính người Pháp đánh đổ chế-độ quân chủ phong-kiến ở Việt-nam, vì nhờ những chính-sách lạm-dụng vua quan mà người Việt-nam, chán ghét chế độ quân-chủ, mất hết tín-nhiệm vào một hệ-tư-tưởng vẫn ngự-trị hằng nghìn năm trên đất nước.

Người Pháp ca-tụng phong-kiến quân-chủ, mà thực ra là bài-phong và góp phần vào việc thay đổi hệ-tư-tưởng, hướng về lý-tưởng dân-chủ của dân-tộc Việt-nam.

Cho nên các quan toàn-quyền càng ca-tụng nền quân-chủ, cảm-khái văn-minh Annam khi đi xem lăng-tẩm (1) và tay sai càng hô hào bảo-vệ quân-chủ tôn-trọng quân-quyền vì Vua là biểu-hiệu của nòi giống, là cái hình-ảnh của quốc-hồn. «*Người nào trong bụng có các tư-tưởng khác là người không yêu nước vậy* » (2), hay : «*Nước phải có quốc hồn, mà Vua chính là quốc hồn của ta đấy. Ai nấy cũng đều lấy quốc hồn làm trọng. Từ đấy thì vì bụng tôn Vua mà yêu nước, vì yêu nước mà liên lạc lòng dân trong nước... Thế cho nên, chúng ta thiết-tưởng rằng, muốn liên lạc xứ Đông-dương, trước hết phải liên-lạc nước Việt-Nam, muốn liên-lạc nước Việt-Nam trước hết quốc-dân ta phải khuynh-hướng về cái chủ-nghĩa « tôn-quân ». Vì là tôn quân thì liên-lạc nước Việt-Nam được, mà liên-lạc nước Việt-Nam được, tức là liên-lạc xứ Đông-dương mà liên-lạc xứ Đông-dương tức là tỏ lòng trung thành với nhà nước Đại-Pháp vậy* », (3) dân chúng càng mất tin-tưởng vào chế-độ quân-chủ.

Ngay từ hồi 1922-1925, Phan-châu-Trinh đã lớn tiếng tố-cáo và đả-kích quân quyền mà không hề bị dư-luận phản-đối, trái lại còn được coi như một người yêu nước, đủ tỏ dân tình đã chán ngán chế-độ vua quan lắm rồi.

Trong thư gửi cho Khải-Định, Phan-châu-Trinh đã kể lại với một giọng mắng chửi và cảnh-cáo Khải Định về 7 điều « *tôn-bậy quân-quyền, lạm hành thưởng phạt, thích chuộng những sự quỷ lạy, xa xỉ quá độ, ăn bận không phải lối, chơi bời vô-độ, chuyến này đi Tây có một sự ám-muội* » (4) mà có bị kết-án là « *hỗn xược* » bất

(1) Nam-Phong số 2 một bài diễn thuyết của quan toàn-quyền Sarraut.

(2) Nam-Phong số 6. Lời giới-thiệu của Phạm-Quỳnh bài « thế-lực Nhật-Bản ở Tàu ».

(3) Nam-Phong số 10. Nguyễn-bá-Trác. Cái quan-niệm dân ta đối với chủ-nghĩa Đông-dương thống-nhất.

(4) Thế-Nguyên. Phan-chu-Trinh trg. 45.

kính đâu. Trước những đợt đả-kích quân-quyền của Phan-châu-Trinh mấy năm, có xảy ra một cuộc bút chiến giữa nhóm Nam-Phong và một độc-giả ở Nam-kỳ ký tên tắt là Ng. H. V. (tức là ông Nguyễn-háo-Vĩnh) một cựu du-học sinh trong phong-trào Đông-du (1). Thực ra không phải là một bút chiến vì ông Vĩnh im lặng trước những loạt bài đả-kích của Nam-Phong.

Ông Vĩnh chỉ-trích Nam-phong sính dùng chữ nho, đọc rất khó hiểu và sau khi đưa ra những lý-do về ngữ học để giải-thích ông nói sỏ thêm : sở dĩ các Ngài thích dùng chữ Nho là để làm đẹp lòng Vua Khải-Định vì vua này khi viếng trường Đại-học Hanoi đã diễn từ bằng chữ Nho rồi mới dịch ra tiếng Annam. Nam-phong liền tố-cáo « *tên* » độc-giả Nam-kỳ là vô phép, hư-hại nhân-tâm, luật bất kính đã rõ-ràng, và đề-nghị tòa-án Nam-kỳ đem ra xử : « *Vua mà đến nỗi ra rứa, tưởng Nam-kỳ là một xứ lòng trung khí nghĩa, cũng nên nghĩ phạt cho nghiêm* » (2). Nhưng rồi cũng chẳng thấy Tòa án xứ Nam-kỳ truy-tố Nguyễn-háo-Vĩnh và đem ra xử.

Đến khi những tờ Phong-Hóa Ngày Nay ra đời, thì việc đả-kích chế-độ quân-chủ, quan-trường, gia-đình phong-kiến đã trở thành một phong-trào và hầu như công-khai. Những nhà văn như Khái-Hưng, Thạch-Lam và nhất là Hoàng-Đạo đã dám chĩa mũi-dùi đả-kích vào thẳng triều-đình, vào từng ông quan, và đặc biệt vào Phạm-Quỳnh mà họ coi là tượng-trưng cho tất-cả những gì là sa-đọa tinh-thần, là lạc-hậu phản-động của chế-độ phong-kiến đầu-hàng thực-dân. Hầu như không có một số Phong-Hóa, Ngày Nay nào lại không có một bức hí-họa, một câu châm-ngôn hay một bài luận-thuyết châm-biếm chế riễu hay đả-kích quan-trường.

Chẳng hạn trong mục tin, Tứ Ly viết :

« *Ở trong Trung, không có gì lạ. Huế vẫn sống êm đềm cạnh con sông Hương lặng lờ chảy. Các cụ thượng vẫn ăn ngon ngủ yên. Ông Phạm-Quỳnh vẫn nghĩ đến việc nước và thỉnh-thoảng vẫn đau bụng, người thì bảo là vì ăn nhiều, những đồ ăn khó tiêu, người thì*

---

(1) Phong-trào Đại Đông-Du, Phương-Hữu Saigon, trg. 13.

(2) Nam-Phong số 16, 17, 18, 20 . . .

bảo là làm việc quá độ. Ông Nguyễn-tiến-Lãng thì luôn luôn đi theo hầu Hoàng-Hậu, không có lúc nào rỗi. Các vị quan lớn, quan bé, quan thật, quan hàm thì ngày ngày đeo thẻ bài cho Vua : Còn dân thì có cái lạc thú thỉnh-thoảng được đi làm xâu và thỉnh thoảng nghe ông Trần-bá-Vinh bàn về trở lại luật hình đời xưa tra khảo người ta » (Tứ-Ly Ngày Nay số 104).

Hay trong một mục lập-trường, dưới đầu-đề : *« Dạy nghề làm quan »*. Hoàng-Đạo mỉa mai :

« Nghề làm quan xưa nay người ta cho là dễ dàng quá. Vụt một cái là có thể lấy áo chủng thay áo cộc, làm như nghề làm quan không khó gì hơn nghề nấu bếp. Vụt một cái là có thể từ nghề gì cũng vậy, nhảy vào hoạn-trường như nhái nhảy xuống ao. Vụt một cái là có thể bỏ ngòi bút làm bảo leo lên nóc quan-trường, chễm chệ trên ghế Thượng-thư, không thể như thế được. Nghề làm quan cũng lắm công-phu, xin đừng tưởng chỉ có việc ngồi ruồi mà ăn, các ông huyện non nên nhớ cho kỹ. Không phải chỉ có việc chúi mũi vào mọi sách, học như quốc kêu hè, đọc thuộc như cháo quyển luật Gia-Long và mấy pho Nam-Phong là có thể khép nép ngồi hầu tổ tôm cụ Thượng bà, cung kính đem đầu làm lễ cụ Công sứ hống hách ra oai với lũ dân đen.

« Riêng đầu đề của bài luận thứ I của Phạm-Quỳnh văn-sĩ kiêm thượng-thư bộ Giáo-dục Nam-triều đọc ở điện Di-Luận tuần này để dạy lũ quan mới cũng đủ cho ta thấy sự công-phu của cái nghề khó-khăn ấy : « chức-trách và bổn-phận của các quan tri-huyện và giá-trị của một vị quan tốt ».

« Ông Phạm-Quỳnh ngày xưa, cái ngày ông đã quên vì nó xa lắc trong dĩ-vãng, động chạm đến quan-trường có thốt ra một câu xâu sắc... còn như các quan thời nay, thì ta bất-nhẫn nói.

« Nhưng bây giờ ông muốn vạch một con đường rộng đầy hoa, đầy quả, để các ông huyện non cứ theo đó mà đi, ngắt hoa ngửi hương, ngắt quả mà ăn, để giữ mình được trong sạch như hoa đèn. Chức-trách bổn-phận của các các quan tri-huyện thật là nặng-nề như mang cối đá... Cho nên quan cần phải là cha mẹ dân, ai bảo quan chỉ là « công bộc » của dân theo báo Nam-Phong độ nào, chỉ là một anh chàng nói láo mà thôi.

Trong tưởng-tượng, tôi nghe thấy giọng-gỉa tiếng ông Phạm-Quỳnh thống-thiết diễn-giải những ý-tứ kể trên, lời lẽ lâm-ly hùng-hồn, nét mặt đăm đăm nhìn về tương-lai, khuyên-bảo, thúc-giục các ông huyện mới noi gương sáng của cổ-nhân và của các cụ thượng. Và tôi nom thấy các vị huyện non, ngồi ngây ra mà nghe, như uống những lời vàng ngọc, như tâm-tâm niệm-niệm những điều khuyên nhủ.

Và tôi cố đăm chiêu về tương-lai, theo rõi các vị thượng-lưu đó trong hành-trình của họ, chốn công đường, ở nhà tư, nhìn vào tư-tưởng của họ, hành-vi của họ... Nhưng tôi không thấy gì, không thấy gì cả, tôi chỉ nhếch mép như muốn cười. (Ngày nay số 119).

Làm sao những lời « *phạm thượng* » như trên có thể được dân chúng đón nhận và lấy làm thích-thú nghe nếu dân chúng còn tin-tưởng ở quân quyền và không chán ghét quan lại ? Vậy sở-dĩ dư-luận đã chống lại quân quyền và muốn hướng về chủ-nghĩa dân-trị là *nhờ* thực-dân đã làm cho họ khinh-bỉ và chán ghét chế-độ quân chủ.

Sau thời kỳ mặt trận Bình-dân, (1936) có thể nói, những luận điệu ca tụng văn-hóa cổ, tôn trọng quân quyền v.v... không có tác-dụng gì nữa vì không còn lừa bịp được ai. Những huyền-thoại thực-dân bày ra cũng không còn hợp thời nữa trước sự giác ngộ của đông đảo quần chúng và trước một cảnh sinh-hoạt văn-hóa, văn-học sôi nổi, tiến-bộ mà trọng tâm không còn nhằm đả kích quan lại, quân chủ cho bằng nghĩ tới xây-dựng xã-hội mới.

Những người bản-xứ đảm-nhiệm việc gây thức-tỉnh, giác-ngộ quần-chúng là những người tân học xuất thân từ các trường của Pháp lập ra. Đó là một kết quả chống lại với chủ-đích thực-sự của người Pháp khi mở trường khai-hóa.

Bất cứ cái gì người Pháp chủ-trương tất nhiên họ cho rằng phải lợi cho họ, nhưng đồng thời cũng có hại cho họ.

Khi người Pháp nói khai-hóa và chủ-trương lấy tiếng Pháp làm tiếng dạy học ở nhà trường giao-thiệp buôn bán, thì thực-sự họ muốn nhắm đạt tới một tác-dụng thâm-độc : đồng-hóa người

Việt, làm cho họ mất gốc, không gì có thể làm cho chế-độ thuộc-địa được bảo-đảm bằng cách đồng-hóa người bản-xứ, vì những liên-hệ văn-hóa tiếng nói là những sợi giây buộc chặt hơn cả thuộc-địa với mẫu-quốc. Đó là một chính-sách thâm-độc và đến bây giờ người ta cũng vẫn còn thấy tác-dụng sâu-xa của nó : sự nô-lệ tinh-thần, sự vong-bản tri-thức ở một số người, sau khi nước nhà đã được độc-lập chính-trị...

Bắt học chữ Pháp, không những chỉ nhằm làm mất rễ về tinh thần mà còn nhằm tạo một lớp người bản-xứ cấu kết với thực-dân về quyền-lợi. Chữ Pháp là con đường cử nghiệp, tiến-thủ. Ngay từ khi người Pháp mới sang, họ đã triệt-để cho dạy tiếng Pháp từ Tiểu-học. Họ tưởng rằng với hai tác-dụng trên, chẳng mấy chốc mà người bản-xứ sẽ bị mất gốc và hết tinh-thần dân-tộc, lòng ái-quốc vì tất cả chỉ là vấn-đề kiếm ăn, kế sinh nhai.

Tuy-nhiên, không phải tất cả mọi người Việt học chữ Pháp được sang Pháp học đều mất gốc và chỉ nghĩ đến kế sinh nhai, lập nghiệp và danh vị cá-nhân.

Trái lại họ coi những phương-tiện thực-dân cung-cấp cho làm kế cứu quốc : Tiếng Pháp làm cho họ tiếp-xúc và am hiểu những ý-tưởng nhân-bản, lý-thuyết cách-mạng của truyền-thống văn-hóa Pháp đích-thực, và càng có dịp đi sâu vào truyền-thống đó, nhất là khi được sang Pháp, càng làm cho họ căm thù thực-dân.

Trong thời-kỳ chiến-tranh Việt Pháp vừa qua, người Pháp đã chẳng thường phàn-nàn rằng, những người làm cách-mạng chống họ đều do nhà trường của họ « *đào-tạo* » mà ra đó sao ?

Họ tưởng rằng cho bọn học-sinh Annam sang du-học bên Pháp càng làm cho họ mất gốc triệt-để hơn, một số người thực sự đã như thế, nhưng một số khác càng được dịp thấy rõ nước Pháp văn-minh thật sự với nước Pháp đi thực-dân. Họ xây nhà Đông-Dương ở khu cư-xá Đại-học Paris để cho sinh-viên Việt-nam trú-ngụ. Ngày khai-mạc, mới chỉ có 7 người đến xin ở. Hội Sinh viên tố-cáo dã tâm lừa bịp của thực-dân : «*Các bạn đừng bị*

quáng mắt vì sự lộng lẫy của nhà Đông-dương», phải coi chừng đừng bị sự giả-vờ nhân-nghĩa thực-dân lừa-phỉnh. Các bạn đừng nhận bất cứ cái gì do những kẻ bóc lột chúng ta ban cho... Hãy tố-cáo những thân-hữu giả-trá. Hãy chống lại tất cả những âm-mưu làm cho chúng ta sa-đọa. Hãy chấp-nhận khẩu-hiệu « *Tây chay nhà Đông-dương* ». Hôm khánh-thành trước mặt Tổng-Thống Pháp, Hoàng-Đế Bảo-Đại, chỉ thấy hô những khẩu-hiệu : « *Hãy thả những chính-trị phạm Yên-Bái* » (1).

Những Việt Kiều ở Pháp, những nhà trí-thức ở Nam-kỳ, lợi-dụng qui-chế tương-đối tự-do của mẫu-quốc và thuộc-địa, lại đứng lên chống đối thực-dân sớm hơn hết và hăng hơn cả.

Thực-dân thấy mối nguy-hiểm của chính-sách đồng-hóa triệt-để, phải hãm bớt lại việc bắt-buộc học tiếng Pháp.

Thực-dân lại đề-cao chữ quốc-ngữ, văn-hóa cổ-truyền. Chủ-đích thực-sự là muốn giảm bớt số người được ăn học, nhất là ở bậc Đại-Học. Merlin đưa ra chương-trình giáo-dục theo hệ-thống hàng ngang, viện cớ phải tôn-trọng quốc-ngữ, và phải chú-trọng vào bậc tiểu-học để khỏi có sự chênh-lệch giữa ba bậc học. Thực-sự thì số người được học ở Đại-học, Trung-học thời Pháp thuộc rất ít, cả nước mới có mấy trường Trung-học, làm sao có thể nói là nhiều học sinh quá được. Toàn-quyền Merlin hạn-chế việc học bằng cách bắt-buộc bậc tiểu-học học tiếng Việt.

Học quốc-ngữ ở Tiểu-học, tức là khó lên bậc Trung-học, đại học vì ở hai ngành này vẫn còn dạy bằng tiếng Pháp.

Merlin lại lập ra cái tú-tài bản-xứ để hạn-chế phong-trào du học bên Pháp. Người Sinh-viên có tú-tài bản-xứ chỉ được vào trường Đại-học Hanoi, không thể vào được các trường Đại-học Pháp. Muốn vào đại-học Pháp, phải có tú-tài tây. « *Nay phủ toàn-quyền có tư về bên Bộ nói rằng Annam dù là Bắc-kỳ, Trung-kỳ hay Nam-kỳ, không thể coi là người ngoại-quốc được, vì ở Đông-dương, đã có trường Trung-học tổ-chức như bên Pháp, vậy các học sinh như Annam muốn vào học các Trường Đại-học bên Pháp cần phải*

(1) Roubaud. le Vietnam trg. 11.

có bằng Tú-Tài Pháp như học sinh Pháp mới được. Bộ Thuộc-địa đồng ý, tư sang Bộ Học. Bộ Học ngày 8-6-1923 ra thông tư như trên » (1).

Merlin còn muốn bãi-bỏ trường Đại-học bằng cách hạ thấp chương-trình học để nhà trường chỉ đào-tạo một số công-chức trung-cấp hay chuyên-viên thường.

Chẳng hạn nghị-định bãi-bỏ trường luật và lập trường « *Đông Pháp Cao-Đẳng học-viện* » (Ecole de hautes études indochinoises). Người xuất thân ở trường này không thể là Chánh-Án hay Luật-sư vì trình-độ luật chỉ đủ làm mõ tòa, lục-sự, tri-huyện, tham-tá hành-chánh v.v...

Mục-đích trường là đào-tạo nhân-viên « *Hành-chánh* » nhưng chương-trình học gồm hai phần thì phần quan-trọng lại dạy về văn-chương, triết-lý sử địa (2).

1.— **Học Pháp-luật** : Tổng quát về hình luật, dân luật, thương mại, tố tụng...

2.— **Học Phổ-thông** : Văn-chương Pháp, so-sánh các triết-lý và luân-lý, lịch-sử các nền văn-minh lớn của Tây-phương và Á-đông Địa-dư. Sử-ký các nước lớn Á-Đông.

Học về Hán Việt văn-chương và khảo cổ, các ngôn-ngữ văn tự ở Đông-dương ngoài tiếng An-nam.

Thật là kỳ quặc, quái gở.

Chính vì chủ-đích ngu-dân của thực-dân mà Phan-chu-Trinh chống lại việc học chữ Quốc-Ngữ ở Tiểu-học (3). Học chữ Quốc-ngữ làm gì trong khi chỉ chữ Tây mới được trọng dụng và nhất là chỉ biết tiếng Pháp mới tranh-đấu hiệu-nghiệm chống thực-dân.

---

(1) Nam-Phong số 93.

(2) Phạm-Quỳnh Phụ-trách giảng phần Việt-Hán.

(3) Nam-Phong số 95. Mục thời đàm. Ông Phan-chu-Trinh đối với chữ Quốc-Ngữ.

Cho nên bất cứ một chủ-trương nào của thực - dân, rút cục cũng đưa đến những hậu-quả chống lại họ.

Nhưng thực - dân không thể tránh được việc tạo ra những điều kiện chống lại họ trong những chủ-trương văn-hóa, giáo-dục mà họ tưởng rằng sẽ hoàn - toàn chỉ có lợi cho họ. Hễ không có chính-nghĩa và chân-lý, thì thế nào sau cùng những chủ-trương lừa bịp dù tinh-vi thâm độc đến đâu cũng sẽ làm cho chính-nghĩa sáng tỏ, lớn mạnh và những kẻ lừa bịp bị thất bại.

Đề cao tiếng Pháp, bắt học chữ Pháp, thực-sự là nhằm đồng hóa, tiêu-diệt tận gốc tình-tự dân-tộc, rút cục lại chỉ giác-ngộ ý-thức dân-tộc thúc đẩy người trí-thức vào con đường đấu tranh cách-mạng chống Pháp.

Đề cao Quốc-ngữ, chủ-đích là nhằm ngu-dân, nhưng rút cục là tạo phương-tiện rất thuận-lợi để phổ-biến học-thức cho đông đảo quần-chúng.

Theo Lanessan, các giáo-sĩ khi lập ra chữ Quốc-ngữ, là cốt để giáo dân không thể tiếp-xúc với nho-học, là tư-tưởng ngoại giáo và do đó làm cho người Công-giáo Việt-Nam cô-lập với cộng đồng dân-tộc trên bình-diện văn-hóa. Nhưng thực ra, chữ Quốc-ngữ đã chẳng cô-lập người Công-giáo mà còn biến thành một ngôn-ngữ của toàn-thể dân-tộc.

« Tôi còn giữ trong tay một thư của Giám-Mục Puginier trong đó Ngài trình-bày mục-đích việc phiên-âm La-mã một cách thật rõ-rệt. Ngài nói khi thay thế chữ Nho bằng chữ quốc-ngữ, Hội thừa sai nhằm mục-đích cô-lập các giáo-hữu. Những người này sẽ không còn thể đọc được những tác-phẩm dễ đọc nhất của Trung-hoa và không thể thư từ gì được với bất cứ một sĩ-phu Tàu hay Ta nào. Được giáo-dục như thế, các thày người bản-xứ sẽ chỉ có thể đọc

một số hiếm những sách do các thừa-sai viết bằng quốc-ngữ cho họ dùng và trong đó chỉ bàn đến những vấn-đề thuần-túy tôn-giáo » (1)

Bất cứ bằng chủ-trương nào, thực-dân cũng vấp phải những mâu-thuẫn không thể xóa bỏ được vì chúng phát-xuất từ bản-chất của nó là một dự-phóng phi-luân và bất nhân.

Chế-độ thực-dân là một chế-độ không có chính-nghĩa, và không hợp lẽ phải. Không thể dùng điều hay, hợp-lý, phục-vụ cho một mục-đích không hợp lẽ phải, không có chính-nghĩa. Nếu một mục-đích không có chính-nghĩa, không hợp lẽ phải bó buộc phải dùng đến điều hay, thì chính điều hay đó sẽ chống lại cái mục-đích không hợp lẽ phải, chủ-đích văn-hóa của thực-dân không lẽ phải nhưng mở trường, dạy tiếng Pháp tự nó là điều hay, để phục-vụ chủ-đích xấu thì phương-tiện tốt rút cục sẽ chống lại với chủ-đích xấu đó.

Chế-độ của thực-dân Pháp phải đi đến chỗ sụp đổ vì những mâu-thuẫn giữa chủ-đích và phương-tiện. Nếu chủ-đích là xấu (bóc lột) thì phương-tiện xấu (đàn áp, ngu dân) hay phương-tiện tốt (khai-hóa, mở trường, cứu tế v.v...) cũng đều bế tắc và nguy hại cả. Vấn-đề là phải thay đổi chủ-đích nền-tảng. Nhưng không thể thay đổi chủ-đích nền-tảng mà không thay đổi bản-chất. Mà

---

(1) De Lanessan. Les missions et leur Protectorat trg. 52. Rất có thể, hội thừa-sai Ba-lê có chủ-đích ngu-dân này. Sự thực dưới thời Pháp-thuộc các cổ tây cầm các tu-sĩ học cả tiếng Pháp nữa. Vì sợ nếu họ giỏi tiếng Pháp thì có thể viết thư sang Tòa Thánh, hay cho Khâm sứ Tòa Thánh tố-cáo thừa sai chăng ? Có chủng viện có luật bắt được ai học tiếng Pháp thì phải loại ra khỏi « Nhà Đức-Chúa. Lời ». Nhưng chắc-chắn những thừa sai sáng lập ra chữ quốc-ngữ không có ý-định đó. Tuy-nhiên, họ cũng không có ý-định làm giàu văn-hóa dân-tộc. Việc phiên âm, đối với các vị thừa sai này chỉ có mục-đích thực-tiễn để giảng đạo cho dân quê. Qua ví-dụ trên thiết tưởng phải phân-biệt lịch-sử truyền giáo ở Việt-Nam làm 2 thời-kỳ. Thời-kỳ trước khi có hiện-tượng thực-dân và thời-kỳ đồng lõa với thực-dân để thấy những khác biệt về quan-niệm truyền-giáo và những hậu-quả tai-hại về tôn-giáo, chính-trị của một quan-niệm truyền-giáo bắt đầu từ thời-kỳ nào . . .

thay đổi bản chất là tự phủ-nhận ; thực-dân không thể thay đổi chủ-đích nền tảng, cũng không thể không dùng những phương-tiện sẽ chống lại mình. Đàng nào cũng đưa nó đến chỗ chết...

SỰ SỤP ĐỔ CỦA NHỮNG HUYỀN-THOẠI

Có thể nói sau thời kỳ mặt trận bình-dân, dân-trí, nhất là ở thành-thị, đã giác-ngộ, không còn bị những luận-điệu tuyên-truyền lừa bịp. Những huyền-thoại trở nên vô ích. Thực-dân cũng biết rõ điều đó mà chỉ còn thấy một phương-pháp để duy-trì chế-độ thực-dân là đàn-áp mà thôi.

« Chính-quyền thuộc-địa biết rõ sự chống đối toàn-diện đó. Một nhân-vật vì địa-vị cao-cấp không thể cho biết tên thật, đã bày-tỏ những lo-lắng của mình bằng những đe-dọa trong một tờ báo Bắc-kỳ :

Người ta mất giờ và mất lời vô-ích khi muốn che dấu không cho người bản-xứ biết sự-thực, là chúng ta đến đây bằng sức-mạnh và sẽ ở lại đây bằng sức-mạnh. **Diễn-thuyết làm gì nếu chẳng đánh lừa được ai ?** *Nếu tôi có thể hành-động theo điều tôi nghĩ, tôi sẽ nói với bọn chống Pháp : « các anh cứ đọc những gì các anh muốn đọc, cứ đi lại với những người các anh muốn giao-thiệp và cứ việc nhồi sọ các anh bằng những lý-thuyết các anh muốn ».*

Nếu kết-quả là các anh tưởng rằng có thể đi đến chỗ liều mạng với một vài trăm, hay vài nghìn người thì một ngày nào đó ở ngoài phố, chúng tôi sẽ đứng đợi sẵn với mọi sự cần-thiết ở những chỗ thích-hợp. Chúng tôi sẽ bảo các anh : «Đến số Ba, các anh phải giải-tán » và chúng tôi đếm một, hai, ba. « Nếu hết số ba các anh còn đứng đó thì một số trong các anh sẽ ngã gục hẳn, còn những người khác sẽ vội-vã chạy về nhà và sẽ không trở lại đây nữa » (1).

---

1) Chesnaux. Contribution. trg. 220. trích lại câu đó trong La Tribune, républicaine, Juillet 1937.

Vậy trên phạm-vi tư-tưởng những mâu-thuẫn thực-chất huyền-thoại của chế-độ thực-dân đã tạo những điều-kiện tâm-lý cho một cuộc nổi dậy lật-đổ chế-độ thực-dân là sự thức tỉnh, giác-ngộ của dư-luận bản-xứ. Chỉ còn chờ-đợi những điều-kiện khách-quan thuận-tiện là có thể phát-động phong-trào cách-mạng chống thực-dân cướp chính-quyền dành độc-lập.

Thế-giới đại-chiến lần thứ hai đã đem đến cho các dân-tộc bị-trị những điều-kiện khách-quan thuận-tiện, đặc-biệt là cho nước Việt-Nam.

Nước Pháp bị nước Đức đánh bại ngay từ năm đầu chiến-tranh. Đông-dương ngả theo đường-lối của Pétain và đầu hàng Nhật. Nhật chiếm-đóng Đông-dương. Để bảo-vệ Danh-dự, Decoux cho rằng nước Pháp vẫn giữ được chủ-quyền (la souveraineté française) ở Đông-dương trong thời-kỳ Nhật chiếm đóng Đông-dương. Nhưng sự-thực là Nhật thi-hành một chính-sách bảo-hộ như Pierre de Fondettes đã nói

« Thật là mỉa mai, chính-sách của Nhật ở Đông-dương phỏng theo những nguyên-tắc đã làm cho Lyauteg thành công ở Maroc và người Anh ở Ấn-độ. Tránh trực-trị, không bãi bỏ nhân-viên bản-xứ nhưng dùng họ, củng-cố những thế-lực đang cai-trị, cai-trị qua trung gian những tầng-lớp có của.

Ở Đông-dương, dưới thời Nhật thuộc, cơ cấu chính-trị đích-thực của xứ này là một chế-độ bảo-hộ hai tầng. Trong 60 năm, các vua Annam, Lào, Cao-mên đã chỉ là những « con đẻ » của toàn-quyền. Dưới thời Nhật chiếm đóng, toàn-quyền cũng lại trở thành một đồ chơi của Nhật, một ông vua được Đế-quốc Nhật che chở. Những công-chức và thực-dân người Pháp, tưởng rằng sắp phải đi vào những trại tập-trung Nhật bản thì trái hẳn với những điều mong muốn, họ lại được củng cố trong chức-vụ và quyền-lợi của họ và họ vâng theo đường lối chính-trị mới, lương-tâm an-ổn nhờ sự ưng-thuận của thống chế Pétain. Rõ ràng họ là những ông quan của nền bảo-hộ Nhật ở xứ Đông-Pháp. Như thế, quân-đội Nhật có thể hạn-chế việc chiếm-đóng ở những nơi trọng yếu và dốc toàn-lực vào chiến-tranh... Đó là số-phận mỉa mai của cái mà Đô-Đốc

Decoux gọi là « chủ-quyền của nước Pháp » vẫn nguyên-vẹn ở Đông-dương ». (1).

Trong thực-tế, chính-sách của Decoux là cố cứu vãn cái gì có thể còn cứu vãn được. Nhưng có một cái quan-trọng nhất phải cố giữ cho bằng được là lòng người bản-xứ. Trước sự lôi-cuốn của Nhật làm sao kéo được người bản-xứ về phe mình. Một loạt những biện-pháp được thi-hành để chiều đãi người bản-xứ : lập liên-bang Đông-dương, đề cao vai-trò các Vua, xúc-tiến việc truyền-bá chữ quốc-ngữ, mở thêm nhiều trường và nhất là cải-tổ ngạch hành-chính để nhận nhiều người bản-xứ và theo nguyên-tắc bình-đẳng. Decoux hiểu sự bất-mãn của những người được ăn học ở các trường người Pháp mở mà không được tuyển-mộ hay được tuyển mộ thì bị đối-xử kém người Pháp. Vì vậy số công-chức bản-xứ từ 1940-1944 tăng gấp đôi.

Nhưng chiến-thuật đặc-biệt mà Decoux phải áp-dụng, dù biết rất nguy-hiểm, là cho phép người bản-xứ đề cao lòng ái-quốc và biểu-lộ công-khai tình-tự đó.

Ngay từ những ngày mới chiếm đóng, Nhật đã đặt một *« Văn-phòng Thông-tin »* trong phái-bộ ngoại-giao Nhật-Bản ở Hanoi, nhằm điều-khiển, và cổ-võ chính-sách « *Đại-Đông-Á* » bằng những triển-lãm chớp bóng, sách báo. Rồi Nhật cũng nâng đỡ cho một số báo-chí bằng Việt-ngữ để phổ-biến đường-lối của Nhật và bảo-trợ một số đảng-phái thân Nhật chống Pháp.

Nhật không ngại tố-cáo chế-độ thực-dân, đế-quốc và tuyên-bố ủng-hộ những cuộc khởi-nghĩa chống đế-quốc. Năm 1943, đại-tướng Matsui khi qua Saigon đã nói trước mặt các ký-giả Việt-Nam : *«nước Nhật sẽ giải-phóng các xứ Á-đông bất-chấp ý-định của Mỹ, Anh hay Pháp »* (2).

Trước thái-độ « *ủng-hộ* » những phong-trào cách-mệnh Việt-Nam của Nhật, Pháp không thể không làm ra vẻ cũng đề cao lòng ái-quốc của người Việt.

---

(1) Pierre de Fondettes. Solution pour l'Indochine Julliard. 1952.

(2) P. Devillers. Histoire du Vietnam trg. 98.

« Điều mới mẻ, có một tầm quan-trọng lớn lao, là Toàn-quyền đã chấp thuận và còn cổ võ tình tự quốc-gia cũng như kêu gọi lòng trung thành với nước Pháp » (1).

Decoux cũng lập một *« văn-phòng thông-tin, tuyên-truyền báo-chí »* mục-đích nhằm : *« chống lại tuyên-truyền xảo-quyệt của Nhật-bản, và giữ dân Đông-dương trung-thành với nước Pháp ».* (2) và lập phong-trào thể-dục thanh-niên do Ducoroy điều-khiển để *« chống lại với bọn Nhật bằng cách làm cho thanh-niên Đông-dương khỏi phải bị Nhật tuyên-truyền, kêu gọi lòng hứng khởi trẻ trung của họ để thực-hiện những công-tác làm cho thân xác, tinh-thần của họ không còn lúc nào rỗi, và để họ có dịp tiếp xúc thân-thiện với các bọn trẻ Pháp »* (3).

Sự thực, người Pháp chỉ muốn cho thanh-niên **quên** chính-trị và khỏi bị lôi kéo vào những tổ-chức do Nhật tổ chức hay giật dây. Cho nên họ tổ-chức liên tiếp những cuộc rước đuốc từ Angkor đến Hanoi, những cuộc đua xe đạp vòng quanh Đông-dương những biểu diễn thể dục, những giải quán quân Đông-dương, những phòng đọc sách, thư viện, quán cơm thanh-niên v.v...

Nhưng không thể tránh được nghi-lễ, và không thể không nói đến mục-đích trong những sinh-hoạt thanh-niên trên. Do đó, thực-dân phải đưa ra khẩu hiệu của Pétain : cần lao, gia-đình, Tổ-quốc.

Chỉ đề cao Tổ quốc Pháp là một điều không thể được, cho nên bó buộc thực-dân phải cho đề-cao cả Tổ-quốc của người bản xứ.

Decoux viết về chính-sách của ông ta :

« Mỗi xứ có quyền, và có bổn-phận tuyên xưng tình-tự ái-quốc của mình, trung thành với tôn-giáo của mình, với lịch-sử của mình, với Vua chúa của mình nếu có, miễn là đừng quên rằng bên cạnh

---

(1) P. Devillers. Histoire du Vietnam trg. 84.

(2) À la barre de l'Indochine. Plon. Decoux. trg. 381.

(3) Ducoroy. Ma trahison en Indochine. trg. 39.

và hơn nữa ở trên Tổ-quốc nhỏ, tư-tưởng của mọi người phải hướng về Tổ-quốc Pháp lớn lao, là người canh giữ, hộ trợ liên bang và người Đông-dương còn có bổn phận phải trung thành hơn nữa với tổ-quốc đó.

Nếu tôi nhận điều đó, nếu tôi đã khuyến-khích những « lòng ái-quốc » riêng biệt nữa, thì tôi vẫn kết án các thứ chủ-nghĩa quốc gia, dưới mọi hình-thức, vì những chủ nghĩa này có tính cách bài ngoại chống Pháp và nhận chỉ thị của ngoại quốc » (1).

Đó là lối giải-thích gượng ép để tự bào chữa của Decoux mà thôi. Ông thừa hiểu rằng khi người thanh-niên Việt đã lay-động về tình-tự yêu nước, thì chỉ có thể là chống lại thực-dân, chứ không thể yêu nước Pháp hơn được.

Nhưng Decoux không thể không tạo điều-kiện và giúp cho tình-tự yêu nước của người Việt-nam bùng nổ, lan tràn trong giới thanh-niên thời đó.

Hai đế-quốc tranh nhau và cả hai đều muốn kéo người bản xứ về phe mình. Kết quả là cả hai đều góp sức gây-dựng lòng ái-quốc của người Việt-nam bị đè-nén dưới cả hai chế-độ và thúc đẩy nhanh chóng sự chín mùi của phong-trào cách-mạng trước khi cả hai chế-độ sụp đổ.

Những mâu-thuẫn giữa Pháp và Nhật rút cục chỉ làm lợi cho người Việt-Nam.

a) Kích-động lòng yêu nước : Ai đã là thanh-thiếu-niên thời Decoux chắc hẳn đều nhớ những rung động của lòng mình về tình-tự dân-tộc qua những bài hát lịch-sử của những Văn-Cao, Lưu-Hữu-Phước, Hoàng-Quý như Bạch-đằng-Giang, Hoa-Lư, Thăng-Long-Thành v.v... Tiếng gọi Sinh-viên..., đã thấy đâu là con đường phải đi trước tiếng gọi non sông và gương anh hùng lịch-sử.

b) Chuyên-viên và các tổ-chức thanh-niên Người Pháp, ngoài việc sửa-soạn tâm-lý cho cuộc cách-mạng 1945, còn sửa-soạn về chuyên-viên và đoàn-thể thanh-niên cho chính-quyền cách-mạng

(1) A la barre... trg. 389.

lúc đó. Nhờ số công-chức bản-xứ được tăng cường rất đông thời Decoux, vừa vì chính-sách ve vãn của toàn-quyền, vừa vì những chỗ của người Pháp về hưu không có ai thay thế, nên khi nắm chính-quyền, chính-phủ lúc đó không vấp phải một khó khăn lớn như những thuộc-địa khác là thiếu nhân-viên công-chức. Hơn nữa, những tổ-chức thanh-niên thời Decoux đã là hạt nhân của những đoàn-thể thanh-niên lúc cách-mạng bùng nổ. Và như người ta thấy, những đoàn-thể trên đã giữ một vai trò quan-trọng thế nào trong dịp chuyển biến lịch-sử lớn lao đó của dân-tộc.

Nhưng, những biến cố 1945 chưa làm cho thực-dân đầu hàng.

« *Thực dân hay giải-thực chỉ là một vấn-đề tương-quan lực-lượng... Chế-độ thực-dân là bạo-động từ trong bản-chất và chỉ chịu thua trước một bạo động lớn hơn* » (1).

Ngay từ 1944, De Gaulle đã xác-định ý-chí chiếm lại Đông-dương khi chiến-tranh thế-giới kết-liễu. Trong bản tuyên-ngôn ngày 24-3-1945, một dự-thảo về quy-chế Đông-dương tương-lai, vẫn thấy toàn-quyền đứng đầu một liên-hiệp Đông-dương gồm 5 xứ.

Phê-bình bản dự-thảo trên của De Gaulle, Philippe Devillers cho rằng nó không hơn gì dự-án của Daladier hồi 1930 và còn thua cả những thực-hiện của Decoux. Sau những biến-cố 1945, mà còn muốn áp-dụng quy-chế đó, thì thật « *không phải là lạc-hậu vài tuần mà là 15 năm* » (2).

Sau khi Nhật đầu hàng, những người « *kháng-chiến* » cũ của Pháp tìm cách trở lại Việt-nam với ý-định đặt lại nền thống-trị cũ và sẽ dùng võ-lực để thực-hiện ý-định đó nếu cần như De Gaulle đã nói với Paul Mus

« *Chúng ta sẽ trở lại Đông-dương vì chúng ta mạnh hơn*». (3) Khi đến Ceylan, Leclerc, viên tướng của De Gaulle có nhiệm-

---

(1) Fanon, les damnés de la terre. trg. 47.

(2) Devillers. Hist. du Vietnam trg. 145.

(3) P. Mus. Mission auprès du Vietminh - Tuần-báo Observateur d'aujourd'hui 24. Déc. 1963.

vụ sang giải-phóng Đông-dương cũng quả quyết ý-định nước Pháp muốn bảo-vệ quyền-lợi của mình ở Đông-dương và *« nếu cần, sẽ dùng võ-lực »*. (1)

Còn đâu những lời hứa, những sứ-mệnh cao cả ! 1946, người Pháp trở lại Đông-dương như hồi sang xâm-lăng Việt-nam bất-chấp nhân-đạo, nhân-nghĩa và lần này còn bất-chấp hơn nữa, vì *« Đông-dương yêu quý của chúng ta, đất Pháp ở Viễn-Đông »* đã là một sự-kiện hiển-nhiên đối với những người Pháp 1946.

De Gaulle đã giải-phóng nước Pháp thì lẽ dĩ-nhiên cũng sẽ phải giải-phóng nốt phần *« đất Pháp »* ở Viễn-đông. Cho nên đối với những người kháng-chiến Pháp, Hanoi là thành phố giải-phóng sau cùng.

« Dân chúng Pháp hưng khởi vô cùng. Vị cứu tinh được dân chúng hoan hô nhiệt-liệt đã phải ra đứng ngoài hiên bàn giấy của tôi và tuyên bố : Hanoi, chặng đường giải phóng cuối cùng !

Hết sức cảm động, chúng tôi ôm lấy nhau.

Những chiến xa trở lại căn-cứ băng qua đường phố đen nghịt người và rừng cờ. Đó là bầu không khí của những ngày đại sự.

Kiều bào lên xe, hôn binh sĩ. Niềm vui tràn ngập khắp nơi. Chúng tôi rời khỏi Cao-ủy-phủ Pháp. Leclerc cầm lái xe díp, bảo tôi ngồi bên cạnh và thật khó lòng đi được giữa một đám đông hoan hỉ. . . » (2)

Những Sainteny, Leclerc được lệnh giải-phóng Đông-dương, nhưng họ khá sáng-suốt nhận-định không thể dùng võ-lực đặt lại chế-độ nô-lệ như trước sau khi đã tiếp-xúc với thực-tế Việt-nam và chủ-trương điều-đình :

« Tôi thành thực tin rằng, phong-trào sâu rộng quá, và những hoàn cảnh rất thuận tiện cho một cuộc đảo lộn, do đó việc chỉ-đạo tình thế không còn phải là một vấn-đề người » (3).

---

(1) Sainteny. Histoire d'une paix manquée. trg. 92.

(2) Sainteny. Histoire d'une paix manquée. trg. 190.

(3) « « « 122.

Nhưng những nhân-vật chính-trị khác không nhìn thấy sức mạnh của một trào-lưu không gì ngăn cản được, hơn nữa còn bị bọn thực-dân làm áp-lực, đã chỉ nghĩ đến việc tái-lập Đông-dương.

Với D'Argenlieu, người trách-nhiệm phá mọi biện-pháp điều đình và chỉ tìm cách đặt lại nền thống-trị cũ, vấn-đề quan-trọng là : « *Lập lại mau chóng chủ-quyền nước Pháp, làm sao cho Anh và Trung-hoa công-nhận một cách rõ ràng và củng-cố một căn cứ quân sự vững chãi để làm điểm tựa tiến quân sau này* » (1).

Khi vừa sang Đông-dương, D'argenlieu nói với tướng Valluy, hai ngày sau thỏa hiệp 6-3-1946, ám chỉ thái-độ đầu hàng của Leclerc : « *Tôi rất lấy làm ngạc nhiên, thật vậy, tôi rất ngạc nhiên khi thấy nước Pháp có một đạo quân viễn chinh hùng hậu như vậy mà các tướng lãnh của nó lại muốn điều đình hơn là đánh nhau*» (2).

Phải mất 9 năm trời chiến-tranh, hàng trăm nghìn người chết, và sau cùng phải có Điện-biên-phủ mới làm cho thực-dân chịu nhận ra một chân-lý rất đơn-giản hiển-nhiên đối với người Việt-nam nhưng không phải là chân-lý đối với thực-dân : nước Nam không phải là đất Pháp.

Nhưng từng ấy hy-sinh, từng ấy người chết, từng ấy năm trời không thể chỉ đưa đến chỗ thừa-nhận một chân-lý : tôn-trọng quyền sống người khác ; nó còn phải đưa đến những hậu-quả lớn hơn nữa, vượt khỏi biên-giới Việt-nam để tác-dụng vào ngay giữa lòng nước Pháp.

Chiến-tranh Đông-dương, một chiến-tranh thuộc-địa, một « *chiến-tranh nhơ-bẩn* ». Lúc khởi sự, chỉ là một tái-chiếm để lập lại chế-độ thuộc-địa. Mấy năm đầu chiến-tranh, người ta gọi là những chiến-dịch cảnh-sát để tiễu-trừ bọn phiến-loạn. Sau đó chiến-dịch tiễu-trừ phiến-loạn trở thành Thánh-chiến, bảo-vệ văn-minh Thiên Chúa-Giáo, thế-giới tự-do ? Nhưng lúc không thể bảo-

(1) Philippe Devillers. Histoire du VN. trg. 169

(2) Tạp chí Temps Modernes. Số đặc biệt về Việtnam. Aout Sept. 1963. Les hommes de la guerre. Claude Bourdet trg. 404.

vệ được nữa quyền-lợi thực-dân, những hiệp-sĩ bỏ luôn cả Thánh-chiến.

« Một Giám-Mục Bắc-kỳ đến Bộ Tham-mưu của một đại tá chỉ huy khu : Thưa ngài, tôi đã đến đây hồi 1952. Lúc đó, Ngài chưa ở đây, nhưng một vị đại tá khác ngồi ở chỗ Ngài bây giờ. Tôi đã nói với ông ta : Ông có hứa với chúng tôi là sẽ không bỏ rơi chúng tôi không ? Viên sĩ quan đó trả lời ; Thưa Đức Cha, không bao giờ chúng tôi sẽ bỏ rơi ».

Ngài đại diện cho quân đội Pháp. Ngài làm mất danh dự của quân đội đó » (1).

Làm mất danh-dự quân-đội Pháp ! Thật trầm-trọng ! Ai thực sự làm mất danh-dự quân đội Pháp ? Đó là câu hỏi của tất cả binh lính và sĩ quan trong quân đội Viễn-chinh Pháp sau ngày đình-chiến, câu hỏi đưa đến một giác-ngộ chính-trị là nguồn gốc những cuộc khủng khoảng nghiêm trọng mà nước Pháp đã trải qua trong mấy năm vừa rồi.

Chiến-tranh Đông-dương không những chỉ làm cho thực-dân mất Đông-dương mà còn mất cả Bắc-phi và nhất là làm cho quân đội mất niềm tin vào chính-trị.

Những binh-sĩ Bắc-phi bị ép buộc sang đánh nhau bên Đông-dương đã có dịp nhận-thức được thế nào là chiến-tranh thực-dân và chiến-tranh giải-phóng dân-tộc trong những ngày bị bắt giữ làm tù binh. Sau ngày đình-chiến, họ trở lại quê-hương để gây *« đám cháy ở Bắc-phi »* theo một kiểu nói của Tournoux, một nhà báo rất am-hiểu những bí-mật của chính-trị Pháp trong những năm gần đây và đã công-bố những bí-mật đó trong cuốn *« Bí-mật Quốc-gia »* của ông.

« An-ninh quân-đội tra hỏi những binh-lính Bắc-phi. Các sĩ quan người Algêri và Ma-rốc đều chứng-minh : « Bọn Việt đã thay đổi người bộ-binh. Tất cả đều nhận chỉ thị : đứng bộc lộ tâm tình

---

(3) J. Tournoux. Secrets d'état. Plon. 1960.

gì cả, hãy làm ra vẻ vẫn giữ kỷ-luật, trở lại quê hương và tổ-chức cuộc tranh-đấu giải-phóng Bắc-phi » (1).

Ngày 11-5-1954, Christian Fouchet, tuyên-bố ở Quốc-hội Pháp:

« Các Ông có biết trong các hộp thư ở Casablanca, một vài người Pháp đã tìm thấy những bưu-thư (carte postale) có những hàng chữ : Casablanca sẽ là Điện biên phủ của người Pháp ».

Các ông có biết là, ở miền Nam Tunisie, có cả một tổ-chức ly-khai mà chúng ta phải đương đầu không ? » (2).

Chiến-tranh Đông-dương, rồi chiến-tranh Bắc-phi còn gây những hậu-quả trầm-trọng ngay ở đất Pháp. Quân đội, sĩ-quan đã chiến đấu cảm thấy mình bị lường gạt, bị nhục-nhã vì thất bại, mà không phải chỉ tại những nguyên-nhân quân sự. Vậy ai đã lường gạt họ ? Bọn người làm chính-trị, bọn lãnh-đạo chính-quyền. Họ trở nên căm thù và mất tín-nhiệm vào chính-trị.

Từ xưa đến nay, quân sự tách biệt với chính-trị, quan uọi vâng-phục chính-trị. Đó là luân-lý nền-tảng, cổ-điển của quân đội. Nhưng bây giờ không còn thể tín-nhiệm ở chính-trị nữa. Người lính sau những kinh-nghiệm Đông-dương, muốn biết tại sao mình cầm súng và đánh nhau cho ai, để làm gì. Chiến-tranh Đông-dương đã góp phần làm sụp đổ luân-lý cổ điển của quân đội và đem vào trong quân đội, nhất là trong giới sĩ-quan cao cấp, một ý-thức về sự cần-thiết quân đội phải đảm-nhiệm lấy lãnh-đạo chính-trị.

Đó là nguồn gốc những vụ mà người ta gọi là *« nổi-loạn của các tướng-tá »* hay những vụ án *« các tướng lãnh »* ở Pháp vừa qua. Hầu hết những tướng-tá liên-hệ trong các vụ đó đều đã chỉ huy ở Đông-dương hay ở Bắc-phi.

Họ đã *« giác-ngộ »* trên chiến-trường Đông-dương và nhất là trong những ngày làm tù-binh ở rừng núi Việt-Bắc.

Trong *«Những bí-mật Quốc-Gia »* Tournoux có tả những cảnh sĩ-quan bị *« nhồi sọ »*, bị *« kiểm-thảo »* và giáo-dục lại ở các trại

---

(1) Tournoux. Secrets d'état. trg. 92.

(2) » » » 86.

giam như thế nào và họ đã học được những gì cần-thiết để xây-dựng một lý-thuyết cách-mạng làm nền-tảng cho cái mà sau này ở Algérie, ở Pháp họ gọi là « *Hoạt-động tâm-lý* » (Action psychologique) và chiến-tranh khuynh-đảo (guerre subversive).

Trên con đường đến trại giam sau Điện-biên-phủ :

« *Lamouliatte cố-gắng nâng tinh-thần của các bạn. Những tiếng la ó giận-dữ nổi lên ở các hàng ngũ : 8 năm đánh nhau để đi tới chỗ này ! À, Paris xét ch... gì. Bọn thối nát, chúng đùa với cái chết của chúng ta* »...

« *Lamouliatte không sao quên được kỷ-niệm đó. Chúng ta sẽ thấy lại viên sĩ-quan này tháng 5-1958, nhảy dù xuống Pau với trung-tá Vitasse, từ Alger sang để đặt một trạm liên-lạc bí-mật đầu tiên với mẫu-quốc* » (1).

« *Đại-úy Lamouliatte đã chiến-đấu đến cùng. Ông đếm số quân còn lại của tiểu-đoàn 8 xung-phong : 895 dù đã nhảy ở Điện-Biên mùa thu năm 1953, 200 sẽ trở về Pháp. Lamouliatte mang theo những lời nói cuối cùng của người cán-bộ : « Mendès-France đã ký hiệp-ước hòa-bình. Các bạn sắp được tha và các bạn sẽ trở về Bắc-phi chiến-đấu để bảo-vệ những đất đai của bọn thực-dân ở đó* ».

« *Người chiến-binh viễn-chinh trở về quê nhà lòng đầy uất-hận. Chết ở chiến-trường 2.005 sĩ-quan, 41.070 hạ-sĩ-quan, lính Pháp, Lê-dương, Bắc-phi. 96.217 Việt-nam, Lào, Cao-mên... Họ chết vô ích. Đó là lỗi tại chế-độ. Những lời thề đầu tiên của quân đội là : sự hy-sinh của họ không thể vô-ích, không bao giờ, không bao giờ chúng ta sẽ chấp nhận một xỉ-nhục thứ hai như thế nữa : Trên con đường bại trận về quân sự, ý-nghĩa chính-trị của Điện-biên-phủ dần dần bộc-lộ một cách rõ-rệt. Điện-biên-phủ không phải là một trận Compiègne của quân đội, nhưng là Sedan của Đệ-tứ Cộng-hòa* ».

Tướng Navarre cũng tuyên-bố : chính ở Genève, không phải ở Điện-biên-phủ là ngày đánh dấu sự suy bại nước Pháp. Nước Pháp

---

(1) Tournoux. trg. 61.

phải hỏi tội bọn người làm chính-trị, không phải quân đội, vì sự suy-bại đó » (1).

✱

Sự đổ vỡ tinh - thần, sự khủng-khoảng về tâm - trí của quân đội Pháp, và rộng hơn nữa của cả dư-luận Pháp ở tại những huyền-thoại. Nếu thực-dân đi chiếm hay chiếm lại thuộc-địa, cứ làm việc đó một cách trắng trợn, thì khi thất bại không làm tổn thương đến luân-lý, tín-ngưỡng của con người. Đàng này thực-dân đã lợi dụng những giá-trị luân-lý, những lý-tưởng tôn-giáo để biện hộ cho hành-động của họ. Đó là lý do gây nên những khủng-khoảng về luân-lý, tinh - thần sau khi thất bại. Sau trận Điện-biên-phủ, cả Âu-châu xúc động vì coi đó là một thất-bại của văn-minh âu-châu của giống người da trắng. Nếu thực-dân Pháp đừng tuyên-truyền chiến-tranh Đông-dương là để bảo-vệ văn-minh tây-phương thì Điện-biên-phủ có lẽ đã không gây nên những phản-ứng sâu rộng và mãnh-lực khắp Âu-châu như vậy.

Những Sarraut, Pasquier, khi tạo ra những huyền-thoại khai-hóa Pháp-Việt đề-huề, có lẽ lúc đầu dân chưa tin những điều mình tạo ra. Tuy nhiên nói mãi, lâu ngày có thể họ cũng tin là thật. Nhưng một điều chắc-chắn là có nhiều người khác tin những huyền-thoại đó, nhất là huyền-thoại lớn gắn liền với dự-phóng thực - dân, thì mọi người thực - dân đều tin, kể cả những Sarraut, Pasquier. Nếu họ không tin, không thể hiểu được tại sao họ dám bám víu vào Đông-dương và cố chấp một cách mù quáng như thế. Đối với hầu hết người Pháp và nhất là những người Pháp thực - dân, Đông-dương *là* Pháp cũng như xứ Bretagne là nước Pháp. Đó là một chân-lý hiển nhiên, theo lẽ tự nhiên. Nói đến Đông-dương thì nghĩ ngay đến Pháp như một phản-ứng điều-kiện. Không thể có Đông-dương mà lại không phải là Đông-Pháp. Niềm tin đó càng chắc chắn hiển-nhiên khi chính những người thượng-lưu trí-thức, bản-xứ là tinh hoa dân-tộc cũng công nhận như vậy, và sang tận bên Pháp để chứng-minh những điều đó với những thượng-lưu trí thức Pháp.

« *Toàn thể giới thượng-lưu Annam tín-nhiệm ở nước Pháp và hơn nữa còn giao-phó hoàn-toàn việc giáo-dục học-vấn cho nước*

(1) Tournoux trg. 93-94.

Pháp coi sóc. Thật là cảm-động và có lẽ là độc nhất trong lịch-sử nhân-loại, cử-chỉ của cả một dân-tộc phó thác số phận của mình trong tay một dân-tộc khác » (1),

Nhưng những bậc thượng-lưu trí-thức bản-xứ này không tin những lời mình nói. Họ biết đó chỉ là huyền-thoại. Nhưng họ vẫn nói và do đó đã lừa dối không những người bản-xứ mà còn cả người Pháp. Cho nên trách-nhiệm của họ còn nặng hơn những « *nhân vật chính-trị* » thực-dân vì với những người này, hiện tượng thực-dân không phải là huyền-thoại mà là sự-thực. Họ tin rằng Đông-dương là của Pháp và không bao giờ có thể khác được. Nhưng niềm tin đó tất có ngày bị sụp đổ vì nó xây trên phi nghĩa, vô-luân và bất nhân.

Không có gì đi ngược với lẽ phải, sự thật có thể tồn tại lâu dài. Không có chế - độ nào chống lại con người, chà đạp quyền sống quyền làm người có thể vĩnh-viễn được. Rồi chân-lý sẽ thắng và công-lý sẽ được phục hồi.

Đó là niềm tin của người làm cách-mạng giải-phóng dân-tộc. Dù những lúc đen tối nhất, những lúc bị thất bại nặng nề và thấy địch còn hùng mạnh như thể không bao giờ đánh đổ được, người cách-mạng vẫn tin-tưởng chế-độ thực dân không phải là một định-mệnh, hiệp-ước bảo-hộ không phải là cái bùa linh-thiêng bất-khả xâm-phạm, và Đông-dương không thể là Pháp mãi-mãi như một lẽ tự-nhiên không bao giờ thay đổi được.

Cho nên những nhà cách-mạng chân chính là người không thể bị sa ngã, bị huyễn-diệu. Họ mỉm cười, khinh-bỉ trước những huyền-thoại. Vì giả-sử một người cách-mạng mà lại tin rằng không thể đánh đuổi Pháp, và coi chế-độ thực-dân như một cái kiếp đáng phải chịu, thì làm sao có thể làm cách-mạng được ?

Chúng ta đã không tin những chính-sách mỵ dân, đã coi thường những khẩu-hiệu người Pháp tung ra khai-hóa, Pháp-Việt đề-huề, Hiệp-tác... và chính vì thế ngày nay chúng ta cũng thấy chẳng cần phải xét đến những mánh-khóe lừa bịp đó, vì đối với chúng ta, **đương-nhiên và hiển-nhiên những huyền-thoại trên là lừa bịp, giả-dối rồi** ; còn gì mà phải tìm hiểu.

Thật đúng vậy. Nhưng sự coi thường đó có một ý-nghĩa sâu-sắc và một tầm thước rất quan-trọng. Nó là điều-kiện tinh-thần và cũng là điều-kiện cốt-yếu của công cuộc giải-phóng dân-tộc và chấm dứt chế-độ thực-dân trên đất nước chúng ta đó.

---

(1) P. Quỳnh. Essai franco-annamites. Un Problème d'éducation des races. Conférence à l'académie des Sciences morales. Juillet. 1922.

LỜI KẾT-LUẬN :

Tôi còn nhớ hồi 1950, ở Hanoi, tôi và mấy người bạn học-sinh cùng lớp đi chơi phố tạt vào phòng thông-tin để xem hình-ảnh chiến sự. Vì mải xem, tôi đứng sát vào một viên Trung-úy Pháp mà không biết. Hắn quay lại về phía tôi và đẩy tôi ngã té. Tôi đứng dậy, nhục nhã và căm thù nhưng đành chịu im-lặng bỏ đi.

Sang năm sau, tôi được sang Pháp du học. Lần đầu tiên xuống xe điện ngầm, tôi đụng vào chân một người Pháp khác. Tôi chưa kịp xin lỗi thì chính ông quay lại xin lỗi tôi trước và nhường bước cho tôi.

Hai người Pháp, hai thái-độ !

Một thái-độ đưa đến đố-kỵ, oán-thù, một thái-độ đưa tới tương-giao thân-thiện. Hai kỷ-niệm trên dần dần làm cho tôi hiểu thế nào là vấn-đề chế-độ. Chính chế-độ thực-dân đã làm hỏng người Pháp sang Việt-nam đồng thời cũng làm hư cả người Việt-nam. Đó là sự thua thiệt cho con người, một mất mát tính người ở cả kẻ thống-trị lẫn kẻ bị-trị.

Cho nên cuộc tranh-đấu chống thực-dân không phải chỉ xuất-phát từ một tình-tự quốc-gia hay dân-tộc hạn hẹp, mà bắt nguồn từ một ý-tưởng nhân-bản, một niềm yêu qúy con người, làm nền-tảng cho tình-tự dân-tộc và biện-chính cho chủ-nghĩa quốc-gia. Không có lòng yêu nước nào chính đáng mà chống lại con người. Không có chủ-nghĩa quốc-gia chân-thực nào không xây-dựng trên căn-bản nhân-đạo.

Do đó, chống thực-dân, trong ý-nghĩa sâu-xa nhất của nó, là một công cuộc phục-hồi con người đã bị « *vong-thân* » trong chế-độ thực-dân là một chế-độ bất-nhân để thiết-lập những tương-giao nhân-loại giữa các dân-tộc, những tương-giao làm khởi-điểm cho những liên-lạc, trao-đổi và thông-cảm văn-hóa đích-thực.

★

Roubaud có kể một câu chuyện thường xảy ra hằng ngày dưới thời Pháp thuộc trong cuốn phóng sự về Việt-nam của ông :

Trong một nhà bưu-điện ở một thành-phố lớn, « *ghi-xê* » điện-tín đầy người. Người đứng ở đầu hàng là một người da vàng. Anh ta có vẻ sốt ruột chờ đến phiên mình. Anh sắp đưa cho nhân viên bưu-điện bản-văn điện-tín thì anh bị kéo lại và đẩy mạnh ra xa « *ghi-xê* ».

— Tao vội lắm

Đó là một người Pháp trẻ tuổi vừa mới đến. Chuyện đó thường lắm, chả còn làm cho mấy người để ý. Người bản-xứ chỉ việc đứng xếp hàng lại và đợi dịp sau để gửi điện-tín.

Nhưng lần nầy, mọi người kinh-ngạc thấy anh chàng da vàng nhỏ bé, trở lại chỗ người Pháp kéo áo đẩy người nầy ra khỏi hàng và dơ trước mặt một tấm các :

MATSUOKO

Đại-úy của quân đội Hoàng-gia

Đông-kinh (Nhật-Bản)

Đây là một vấn-đề đanh-dự, nhưng đến chiều những nhân-chứng của người đồng-bào chúng ta đến xin lỗi với những nhân-chứng của ông Matsuoko và nói tiếp :

« *Thật đáng tiếc, anh bạn chúng tôi đã tưởng ông là một người Annam* » (1).

Cuộc tranh-đấu chống thực-dân chẳng qua chỉ là để cho anh thanh-niên Pháp kia phải đứng vào hàng và gọi chúng ta là Việt-nam, là để cho mọi người Pháp kinh nể chúng ta như người Nhật, nghĩa là cư-xử với chúng ta như người với người trong tinh-thần bình-đẳng và tôn-trọng lẫn nhau, làm nền tảng cho những quan-hệ thân-thiện đích-thực giữa hai dân-tộc.

(1) Le Việt-nam. 250.

CHÚ - THÍCH :

Chọn đứng ở một quan-điểm, tất-nhiên phải nhận những hạn-chế của nó.

1.— Nhìn và phê-phán chế-độ thực-dân với một thái-độ tranh-đấu chúng ta không thể không kết-án nó là một chế-độ phi-luân và bất nhân vì xây trên bạo-động. Do đó, sự tranh-đấu chống chế-độ thực-dân có một ý-nghĩa nhân-bản : chúng ta nhân danh quyền sống và phẩm-giá con người mà tranh-đấu.

Nhưng sau khi chấm dứt được chế-độ thực-dân, nhìn lại thời-kỳ lệ-thuộc ngoại-bang như một giai-đoạn lịch-sử đã qua với thái-độ lịch-sử, chúng ta có thể vượt bỏ thái-độ tranh-đấu, kết-án luân-lý và đặt câu hỏi : dù sao, chế-độ thực-dân phải chăng cũng là một chặng trên đường tiến-bộ của lịch-sử nhân-loại ? Đã đành chủ-đích của nó là vị-kỷ và hành-động của nó là bạo-động, nhưng chính trong khi nỗ-lực thực-hiện chủ-đích trên, thực-dân lại tạo ra những điều-kiện đưa nó đến chỗ suy-sụp. Do đó, những điều-kiện này có thể được coi là yếu-tố tiến-bộ của lịch-sử nhân-loại. Việc khai-thác kinh-tế của thực-dân ít nhiều phá vỡ những cơ-sở sản-xuất lạc-hậu và đặt những nước bị trị vào hệ-thống những phương-thức sản-xuất cơ-khí hiện-đại, dù là dưới hình-thức tư-bản. Việc khai-hóa được thực-dân coi như một phương-tiện phục-vụ khai-thác kinh-tế cuối cùng cũng gây sự thức tỉnh Quốc-gia ở nơi người bản-xứ, đồng thời tạo điều-kiện tinh-thần cho họ có thể chống lại chế-độ thực-dân. Cho nên, nhìn trong viễn-tượng diễn-tiến lịch-sử nhân-loại, chế-độ thực-dân có thể là một cái xấu cần-thiết.

Những nhận-xét trên còn đưa người ta tới những thắc-mắc vượt quá sự phê phán chế-độ thực-dân vì đụng-chạm tới những vấn-đề có tính-cách nền-tảng, bao quát : Phải chăng lịch-sử từ xưa đến nay vẫn chỉ là bạo-động ? bạo-động có phải là một động-lực của đà tiến lịch-sử và do đó là một sự xấu cần-thiết ? Nhân-loại có thể thoát khỏi được bạo-động hay bạo-động gắn liền với thân-phận tự-nhiên của con người ở đời ?

2.— Luận-văn này cũng đã dựa trên một quan-niệm về huyền-thoại hiểu theo nghĩa tiêu-cực hư-ngụy. Nhưng huyền-thoại cũng còn

có thể có nghĩa tích-cực. Khi nói tới tương-quan giữa xã-hội và huyền-thoại, (1) tôi đã nhận-định rằng chỉ những tầng lớp thống-trị mới tạo ra huyền-thoại và đây là những huyền-thoại theo nghĩa tiêu-cực có tính-chất bảo-thủ, phản-động nhằm biện-hộ và duy-trì sự thống-trị, còn những tầng lớp bị trị không thể tạo ra huyền-thoại.

Nhưng nói cho đúng, có lẽ những lý-tưởng được đề ra làm mục tiêu tranh-đấu cũng là huyền-thoại ; và đây là huyền-thoại theo nghĩa tích-cực có tính-chất cách-mạng, tiến-bộ, gọi là huyền-thoại vì tính-chất không-tưởng của những lý-tưởng đề ra, và tác-dụng huyễn-diệu của nó (huyễn-diệu hiểu theo nghĩa vô-tư có ý tốt (bonne foi). Đã hẳn khi tranh-đấu, không biết những lý-tưởng là huyền-thoại vì biết sẽ không thể tranh-đấu được. Nhưng về sau mới biết và lúc đó, thường thường huyền-thoại cũng đã mất nghĩa tiến-bộ tích-cực và trở thành tiêu-cực bảo thủ khi những lý-tưởng được đề ra trước đây như mục-tiêu tranh-đấu, hành-động bây giờ chỉ còn là thứ ngôn-ngữ *nói để mà nói*, và hơn nữa, nói để mà *che dấu* một mục-tiêu khác...

Những nhận xét trên cũng đưa tới một tra hỏi khác có tính-cách nền-tảng bao-quát : Dù là huyền-thoại có nghĩa tiêu-cực hay tích-cực, thì một điều chắc-chắn là Nhân-loại vẫn sống bằng huyền-thoại. Nói cách khác, giai-đoạn thần-thoại không chấm dứt ở thời-kỳ tiền-sử. Chính vì thế mà có khuynh-hướng phục-hồi vai-trò của thần-thoại trong tư-tưởng hiện-đại.

Vậy vấn-đề căn-bản là con người có thể thoát khỏi huyền-thoại, có thể sống không có huyền-thoại không ? Nhìn về lịch-sử, người bây giờ thấy những niềm tin của Cha ông chỉ là huyền-thoại, nhưng người hôm nay có biết rằng mình cũng đang ngụp lặn trong những niềm tin sẽ là huyền-thoại với con cháu sau này.

Cho nên phải chăng sống bằng huyền-thoại cũng là một tình-cảnh tự-nhiên của thân phận làm người ở đời vì không bao giờ ta thực sự được sống trong tình-trạng chân-lý ; và khi ta tưởng sống trong tình-trạng chân-thực thì phải chăng chính niềm tin đó cũng là một huyền-thoại ?

---

(1) Phần đầu chương II

Do đó vấn-đề phải chăng không còn là làm sao thoát được huyền-thoại, nhưng là làm sao tiêu-diệt những huyền-thoại phản-động, đả-phá những huyền-thoại bảo-thủ, hư-ngụy và hướng tới những huyền-thoại cách-mạng tiến-bộ.

3.— Chủ-đích của tập biên-khảo này là nhằm tố-cáo những dụng-ý chính-trị bao-hàm trong những đường-lối, những nhận-định về văn-hóa Việt-nam của người Pháp trước đây. Có thể những nhận-định này đúng, nhưng vì nó bị lợi-dụng để biện-hộ cho một chủ-đích chính-trị thực-dân, do đó cần phải tố-cáo những chủ-đích ấy.

Chẳng hạn khi người Pháp nhận-xét về tính-tình, phong-tục người Việt-nam về những điểm tiêu-cực, hèn kém, điều đó có thể đúng và chúng ta không nên có một mặc cảm tự-ti hay một tự-ái quốc-gia hão-huyền phủ-nhận những sự thực đó. Những điều chúng ta muốn tố-cáo là chủ-đích lợi-dụng những sự thực trên. Đứng ở quan-điểm thực-dân nhận-xét sự hèn kém của ta để biện-hộ cho thái-độ khinh-bỉ ta và cho sứ-mệnh khai-hóa của họ. Đứng ở quan-điểm chúng ta, nhận-xét sự hèn kém của ta để cho ta đau khổ và tìm cách xóa bỏ sự hèn kém.

Cũng trong một viễn-tượng đó, khi người Pháp nhận-xét về sự giống nhau giữa xã-hội cũ Việt-nam và xã-hội xưa Hy-lạp thì điều đó cũng có thể đúng, vì các nền văn-minh tiền-tư-bản đều giống nhau ở những điểm căn-bản về cơ-cấu chính-trị, xã-hội, kinh-tế, hệ-tư-tưởng. Điều chúng ta tố-cáo là ý-hướng nghiên-cứu lệ-thuộc một chủ-đích chính-trị của thực-dân. Khi đưa ra những nhận-định về văn-hóa cũ Việt-nam, Hy-lạp người Pháp đã không làm văn-hóa với một tinh-thần nghiên-cứu khoa-học nghiêm túc và vô-tư nhưng nhằm đặt một nền-tảng văn-hóa cho một chính-sách chính-trị thực-dân của họ và đó là điều mà chúng ta muốn tố-cáo, đả-phá.

SÁCH ĐỌC VÀ TRÍCH DẪN

P. AVESNE	*En face du soleil levant. Paris 1909*
JEAN BABY	*Principes fondamentaux d'économie potitique. Ed. sociales Paris.*
ROLAND BARTHES	*Mythologies. Ed. du Seuil. Paris 1955.*
ROGER BASTIDE	*Mythe et Utopie. Cahiers internationaux de sociologie. Volume XXVIII 1960.*
LOUIS BONNAFOND	*Trente ans. de Tonkin. Paris 1924.*
C. BRIFFAUT.	*La cité annamite 3 tomes, Paris 1913.*
H. BRUNSCHWICZ	*La colonisation française. Paris.*
J.J. BRIEUX	*La chine, du Nationalisme au Communisme. Ed. du Seuil. 1950.*
HENRI CHAMBRE	*Le marxisme en Union soviétique. Ed. du Seuil. 1955.*
PHAN BỘI CHÂU	*Tự-phán. Anh-Minh xuất-bản — Huế*
ROGER CAILLOIS	*Le mythe et l'homme. Paris.*
JEAN CHESNAUX	*Contribution à l'histoire de la nation vietnamienne. Ed. sociales. Paris 1955.*
AIMÉ CÉSAIRE	*Discours sur le colonialisme. Présence africaine. Paris 1952.*
RENÉ CRAYSSAC	*Kim-vân-Kiều, le célèbre poème annamite de Nguyễn-Du. Lê-văn-Tân — Hà-nội 1926.*
—	*La plume et le pinceau, conférence à Khai-Trí Tiến-Đức 1923. Nam-Phong số 78.*
HUBERT. DES-CHAMPS	*Méthodes et Doctrines coloniales de la France A. Colin. Paris 1953.*
DELOUSTAL	*La justice dans l'ancien Annam. Bulletin de EFEO. 1910.*
J. M. DOMENACH	*Les nationalismes èt le dépassement des nattons. Tạp chí Esprit. Mai 1957.*
J. M. DOMENACH, P. RONDOT. G. HOURDIN, ANDRÉ PIETTRE	*Nationalisme et Communisme trong La Conscience chrétienne et les Nationalismes. Semaine des intellectuels catholiques. Paris 1958.*
ROLAND DORGELÈS	*Sur la route mandarine. Paris 1925.*
PHILIPPE DEVILLERS	*Histoire du Vietnam de 1940 à 1952. Ed. Seuil. Paris 1952.*

J. DECOUX — *À la barre de l'Indochine. Plon. Paris 1952.*

COL. DUCOROY — *Ma trahison en Indochine. Ed. Intern. 1949.*

RENÉ DUMONT — *Révolution dans les campagnes chinoises. Ed. du Seuil 1957.*

G. GAUTHEROT — *Le bolchevisme aux colonies et l'impérialisme rouge. Paris 1930.*

GOUVERNEMENT GÉNERAL DE L'INDOCHINE. DIRECTION DES AFFAIRES POLITIQUES ET DE LA SURETÉ GÉNÉRALE.

Contribution à l'histoire des mouvements politiques de l'Indochine française. Documents 1933.

Vol. I. Le Tân Việt cách mệnh đảng.

Vol. II. Le Vietnam Quốc dân đảng.

Vol. III. Parti national des Annamites émigrés en Chine.

Vol. IV. Le Đông dương cộng sản đảng.

Vol. V. La Terreur rouge en Indochine 1930-1931.

G. GUSDORF — *Mythe et Métaphysique. Flammarion. 1953.*

FRANTZ FANON — *Les damnés de la Terre. préface de J. P. Sartre. Ed. François Maspéro. 1961.*

PIERRE DE FONDETTES — *Solution pour l'Indochine Julliard. 1952.*

M. ELIADE — *Images et symboles. Gallimard 1952.*

LANESSAN — *L'Expansion coloniale de la France. Etude économique, politique et géographique sur les établissements français d'outre-mer. Paris 1886.*

— *L'Indochine française (étude politique, économique et administrative sur la Cochinchine, le Cambodge, l'Annam et le Tonkin. Alcan. Paris 1889.*

— *Principes de colonisation. Alcan. Paris 1897.*

— *Les missions et leur protectorat.*

LÉNINE — *L'Impérialisme, stade suprême du capitalisme. Ed. Sociales Paris.*

— *Que faire trong Œuvres choisies tome, I Édition en langue étrangère. Moscou 1953.*

NGUYỄN HIẾN LÊ — *Đông kinh nghĩa thục — Saigon.*

PIERRE LOTI — *Propos d'exil (journal) Paris. Calmann-Lévy.*

— *Figures et choses qui pàssaient. Paris 1898.*

— *La Turquie agonisante. Paris Ed. Calmann Lévy.*

LYAUTEY — *Lettres du Tonkin et de Madagascar (1894—1899) Paris 2ème ed. 1921.*

KARL MARX — *Critique de la philosophie du droit de Hegel. Œuvres philosophiques tome I. Trad. par. J. Molitor. Paris 1953.*

MERLEAU-PONTY — *Phénoménologie de la perception. Gallimard 1945.*

— *Signes. Gallimard 1960.*

LOUIS MALLERET — *L'Exotisme indochinois dans la littérature française depuis 1860. Publication de la Société des Etudes indochinoises. Paris 1934.*

MAÎTRE — *Etude sur les biens culturels familiaux en pays d'Annam.*
Hương hỏa Bulletin de L'EFEO 1909.

E. MARQUIS — *Pierre Pasquier. Saigon 1934.*

— *Moscoutaires muselés 1930—1931. Saigon 1931.*

JEAN MARQUET — *De la rizière à la montagne. Moeurs annamites. Paris 1920.*

A. MEMMI — *Portrait du colonisé. Tạp chí Esprit, số Mai 1957.*

PAUL MONET — *Les jauniers. Paris 1931.*

— *Entre les deux feux. Paris. 1927.*

— *Français et Annamites. P.U.F. 1925.*

PAUL MUS. — *Le Vietnam chez lui. Hartmann 1946.*

— *Vietnam, sociologie d'une guerre. Seuil 1952.*

— *Les destins de l'union française. Seuil 1954.*

— *Ma mission auprès du Việt minh trong tuần báo Observateur d'aujourd'hui. 24 Déc. 1953.*

MARCEL NER.	*Centenaire de Fustel de Coulanges. La cité antique et l'Annam d'autrefois. Cahier de la géographie de Hanoi 1930.*
PIERRE PASQUIER	*l'Annam d'autrefois, Paris 1907 (essai sur la constitution de l'Annam avant l'intervention française).*
EUG. PUJARNISCLE	*Philoxène ou de la littérature coloniale. Paris 1931.*
PHƯƠNG HỮU	*Phong trào Đại Đông du. Nam-việt Saigon.*
LÊ THÀNH KHÔI	*Le Vietnam, Histoire et Civilisation. Ed. de Minuit. Paris 1935.*
PHẠM QUỲNH	*Essais franco - annamites. Ed. Bùi-huy-Tín Huế 1937.*
—	*Nouveaux essais franco-annamites. Ed. Bùi-huy-Tín Huế 1937.*
PAUL RICŒUR	*Finitude et culpabilité. 2 tomes. Aubier. Paris 1961.*
ANH VĂN et JACQUELINE ROUSSEL	*Mouvements nationaux et luttes de classes au Vietnam. Publication de la 4ème intern, Paris 1947.*
LOUIS ROUBAUD	*Vietnam. La Tragédie indochinoise. Librairie Valois. Paris 1931.*
N. SARBAN	*Pierre Loti, sa vie et son oeuvre. Paris 1924.*
A. SARRAUT	*Un regard sur le monde. Conférence à l'Université des Annales. Nam-Phong số 93.*
—	*La doctrine coloniale de la France. Conf. à Bruxelles. Supplément français Nam-Phong số 75.*
—	*Bài diễn thuyết ở Văn-Miếu. (bản dịch tiếng Việt) Nam-Phong số 22.*
—	*Grandeur et Servitude coloniale. Ed. du Sagittaire 1931.*
—	*La Mise en valeur des colonies françaises. Payot. Paris 1923.*
J. P. SARTRE	*Le colonialisme est un système. Tạp chí Les Temps Modernes. Mars, Avril 1958.*

JEAN SAINTENY	*Histoire d'une paix manquée. Amiot-Dumont 1953. (Indochine 1945 — 1947).*
STALINE	*Le marxisme et la question nationale. Ed. sociales. Paris.*
CLAUDE LÉVY STRAUSS	*Le polémisme aujourd'hui. P.U.F. Paris 1962.*
—	*La pensée sauvage. Plon. Paris 1962.*
EMILE TAVERNIER	*Compte-rendu critique de « Les dieux qui meurent ». Saigon 1933.*
THOMAZI	*La conquête de l'Indochine. Payot. Paris 1934.*
THÈ NGUYÊN	*Phan-chu-Trinh Tân-Việt Saigon.*
—	*Phan-bội-Châu — —*
THIỀU SƠN	*Vị-trí trong quốc-sử của cụ Phan-chu-Trinh. Tạp chí Phổ-thông số 76.*
—	*Đông-kinh Nghĩa-thục. Phổ thông số 86.*
TRẦN ĐỨC THẢO	*Les fondements du conflit franco-Vietnamien. Tạp-chí les Temps modernes. Février 1949.*
NG. VĂN TRUNG	*Người vong-bản Trí-thức. Nhận định tập III 1963.*
J. R. TOURNOUX	*Secrets d'Etats. Plon. 1960.*
RENÉ VANLANDE	*L'Indochine sous la menace communiste. Paris 1930.*
PIERRE VARET	*Au pays d'Annam. Les Dieux qui meurent. Paris 1932.*
ANDREÉ VIOLLIS	*Indochine S.O.S. les éditeurs frs réunis 1949.*
CAMILLE DE VILAR	*Comment on perd une colonie. Paris 1927.*
LE VIETNAM	*Số đặc biệt về Việt-nam. Tạp chí les Temps Modernes. Aout - Sept. 1953.*
BÁO NAM PHONG PHONG HÓA NGÀY NAY	*Toàn bộ.*

ĐÍNH CHÍNH

TRANG	GIÒNG	BẢN IN SAI	XIN ĐỌC LÀ
10	4	chúng ta **đã**	chúng đã
28	22	**phục** chính	phụ chính
32	17	các tù **tội**	các tù tôi
51	24	**buôn** bán	muốn bán
52	25	**nhà** thương chính	nha thương chính
60	34	Paris 1963	Paris 1933
67	13	do cái **người** thông tin	do cái nguồn...
68	7	cởi mở **gián** tiếp	cởi mở đón tiếp
88	32	**thì** được dùng	thường được dùng
102	30	nhưng thiếu **nếu** gì	nhưng thiếu gì
103	5	con đường **trăn**	con đường tròn
105	2	**mức** sức	một sức
108	12	**tư** chỉ vui	ta chỉ vui
122	15	tham dự **và** cuộc	tham dự vào cuộc
132	1	những làn **sống**	những làn sóng
146	3	đào **tại**	đào tạo
225	28	tất cả **mọi** lý thuyết	tất cả một lý thuyết
232	16	**dề** rơi	dễ rơi
233	11	**dề** làm cho	dễ làm cho
243	5	đó **tà**	đó là
244	11	**ài** bọn	là bọn
249	4	nước **của** nga	nước Nga
280	17	tùy **phải**	tùy phái

CHỦ-NGHĨA THỰC-DÂN
PHÁP Ở VIỆT-NAM
TẬP I — VĂN-HÓA VÀ CHÍNH-TRỊ
CỦA NGUYỄN-VĂN-TRUNG IN
XONG NGÀY 28-11-1963 TẠI NHÀ IN
NAM-SƠN 36, NGUYỄN-AN-NINH
SAIGON. NGOÀI NHỮNG BẢN
THƯỜNG CÒN IN 50 BẢN
ĐẶC BIỆT DÀNH CHO TÁC
GIẢ VÀ NHÀ XUẤT-BẢN

Giấy phép số 241-HĐKD — HUẾ ngày 13-9-1963